

Nikolai Axanop

Vòng cung lửa



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Nikolai Axanop

Vòng cung lửa

Phần thứ nhất

Chương 1

Điều kiện chủ yếu của trận đánh...

Ngày 16-1, sau cuộc tấn công quyết liệt chuyển sang những trận đánh dữ dội trên đường phố, quân ta đã chiếm được thành phố Khắc-cốp..."

Tổng cục thông tin Liên Xô

16-1-1943 Vào giữa tháng hai, thiếu tá Tô-lu-be-ép bất ngờ được gọi lên hội đồng quân y...

Trong những ngày này, các thương binh đang sống một cuộc sống đầy xúc động và náo nức. Các bác sỹ kinh ngạc nhận thấy nhiều bệnh nhân tưởng như hết hy vọng, bỗng bắt đầu khỏe lên, quan tâm đến mọi sự kiện trên chiến trường và thế giới. Những bệnh nhân nằm liệt giường đòi nạng và lại tập đi. Còn những anh hôm qua được coi là khó tính, hôm nay đã xin ra viện. Nhưng các thầy thuốc biết rõ rằng những điều kỳ diệu ấy không bắt nguồn từ y học và cũng không phải do thuốc men. Đó là sự kỳ diệu của một cao trào chung đang bao trùm cả đất nước.

Mới cách đây hai tuần, bản thông báo nổi tiếng của Tổng cục thông tin Liên Xô phát vào mục "Tin cuối ngày", bắt đầu bằng những hàng chữ: "QUÂN TA ĐÃ HOÀN THÀNH VIỆC TIÊU DIỆT QUÂN ĐỘI PHÁT XÍT ĐỨC BỊ BAO VÂY Ở KHU VỰC XTA-LIN-GRÁT", đã trở thành di sản lịch sử. Tuy Tổng cục thông tin Liên Xô đã cho ra chương trình mới "Tin cuối cùng"

và luôn thông báo những tin vui chiến thắng trên các mặt trận khác nhau, nhưng phải là người lính mới thấu hiểu được tất cả tầm vóc của trận chiến thắng ở Stalingrad. Và từ ngày mùng hai tháng hai, những ca khỏi bệnh “thần kỳ” ngày càng nhiều lên, ở dưới các loa phòng thanh, người ta không ngừng bàn cãi: hôm nay, mặt trận nào sẽ được nêu tên? Các nhà chiến lược cây nhà lá vườn xác định người nơi nào sẽ bắt đầu cuộc tấn công mới và tự nhiên, điều đó thúc đẩy việc nâng cao tinh thần, mà đến các thầy thuốc hay hoài nghi nhất cũng phải để ý đến trong khi đề ra cách chữa bệnh cho các thương binh.

Không có thương binh mới vào viện: ở đây chỉ chữa tiếp những người bị thương nặng trong năm 1942, trong những ngày chiến đấu nặng nề để bảo vệ Lê-nin-grát trước cuộc chiến tranh của quân Đức, và sau đó là cuộc phá vây không thành công ở Xi-nhia-vin trong các trận chiến đấu dai dẳng ở De-men-skơ, chung quanh Vôn-khốp.

Những chiến sĩ này, mà những cuộc chiến đấu của họ không mang lại thắng lợi rõ rệt, cần được thấy rõ hơn bất kỳ ai khác là những chiến công, thậm chí những đau khổ của họ, đã giúp cho các chiến sĩ khác giành được thắng lợi thực sự.

Cả thiếu tá Tô-lu-be-ép cũng hiểu rằng, mặc cho bọn Đức cuối cùng đã phá hủy cả đại đội xe tăng hạng nhẹ do anh chỉ huy ở gần Vôn-khốp, những trận chiến đấu ấy, thậm chí cả sự thất bại của đội quân nhỏ bé của anh, sự hy sinh anh dũng của người và xe, bằng cách này hay cách khác, đã góp phần vào việc làm nghiêng lệnh rõ ràng cán cân của tất cả đội quân phát xít Đức hùng mạnh. Nhưng anh còn yếu lắm, khó mà mong trở về sớm với các chiến sĩ của mình.

Chính điều đó làm cho anh cảm thấy việc mình được gọi ra hội đồng quân y là bất ngờ.

Vết đạn bắn vào bụng mới đây còn được coi là tử vong, và giờ đây Tô-lu-be-ép cảm thấy mình hết sức may mắn. Anh được chăm sóc, chữa chạy đến gần bình phục, tuy ba lần mổ liên tiếp đã làm anh kiệt sức. Ra hội đồng quân y, anh hoàn toàn tin chắc rằng các bác sỹ sẽ chẳng nói được điều gì vui mừng với anh...

Tại hội đồng quân y có mặt đông đủ các đại diện làm cho Tô-lu-be-ép phải ngạc nhiên: mấy bác sỹ quân y, hai thủ trưởng cấp cao ngành y và một đại tá ít nói, mắt sắc, luôn chăm chăm nhìn Tô-lu-be-ép.

Lúc đầu Tô-lu-be-ép không chú ý đến người này. Anh ngạc nhiên vì quân hàm mới nguyên của các sĩ quan: những lon vai mạ bạc của ngành y, mạ vàng của đại diện quân đội và viên đại tá mắt sắc nọ. Bấy nay Tô-lu-be-ép và các bệnh nhân đi lại được mới chỉ thấy các sĩ quan và binh lính đeo quân hàm mới điều trên đường phố. Và đôi khi ngắm nhìn những phù hiệu phân biệt cấp bậc khác nhau trên vai những người đó, họ lại thầm ước thử trên vai mình. Quân hàm vừa mới được ban bố và nó đã làm thay đổi cả bộ mặt của quân đội...

Viên đại tá mắt sắc chỉ làm Tô-lu-be-ép thích thú vì phù hiệu quân hàm đẹp có những ngôi sao vàng to. Nhưng thiếu tá chợt bắt gặp cái nhìn dò xét thận trọng của đại tá, và anh bỗng cảm thấy mình đã nhìn thấy ở đâu khuôn mặt gầy gò có vầng trán cao này, với đôi mắt nheo nheo anh ta như đang nghiên cứu con người anh, hay ít ra, như người họa sĩ chân dung, cố ghi nhớ lấy những đường nét của nguyên mẫu.

Và bất ngờ Tô-lu-be-ép nhớ ra: một tháng trước đây, trong lần phẫu thuật cuối cùng, khi đã bắt đầu thiếp đi vì thuốc mê, gắng gượng chống lại sự yếu nhược và buồn nôn, anh bỗng nghe thấy những tiếng chân bước nhanh-nó vang lên trong bộ óc mệt mỏi của anh như những tiếng trống-ai đó đang lại gần bàn mổ và đứng ở chỗ chân Tô-lu-be-ép, vừa chăm chăm nhìn, vừa thì

thầm hỏi nhanh:

-Thế nào?

-Chúng tôi hy vọng, -bác sỹ ngoại khoa quân y khô khan trả lời. Tô-lu-be-ép còn kịp nhận ra giọng nói của ông, rồi bắt đầu mê đi.

-Xin nhớ cho là chúng tôi rất cần đồng chí ấy! -Người lạ mặt nói cương quyết và dường như tan biến mất. Thuốc mê đã đưa anh vào cơn mê sâu.

“A, giá ta được nghe giọng nói của anh chàng này! -Tô-lu-be-ép không thích thú nghĩ: -Nếu đúng là anh ta đã đến lúc mình kề bên cái chết, thì mình cũng muốn được hỏi một điều: “Anh có quyền gì mà không cho tôi chết?”.

Lúc này thiếu tá không ở trong vòng tay thần chết mà đang đứng trước một tiểu ban có thẩm quyền, và anh cảm thấy khó chịu. Anh đã cởi quần áo, chỉ còn mặc chiếc quần đùi, đứng trước cái bàn mà sau đó mấy người kia đang ngồi, còn người có đôi mắt sắc vẫn chăm chú nhìn, như một nhà thôi miên, không hỏi han, không nấn người anh-việc đó do viên bác sỹ quân y làm, những người khác chỉ đứng ngoài nhìn. Mà, Tô-lu-be-ép nghĩ, có cái gì để nhìn lắm. Cả mặt, cả cái bụng như hóp vào trong đầy những vết sẹo: và Tô-lu-be-ép tưởng chừng như khí nấn bụng anh, người bác sỹ quân y sờ thấy cả những đốt xương sống dưới làn da xanh mướt-cái bụng lép kẹp và anh gầy đến thế. Ngay lúc đó anh nghe thấy tiếng nói của nhà thôi miên mất sắc.

-Thế nào?

“Chính anh ta! Đúng là anh ta!” -Tô-lu-be-ép kinh ngạc.

Viên bác sỹ quân y ngoại khoa sờ nắn xong, thốt ra vẻ không hài lòng.

-Chả có gì tốt cả. Cần phải nghỉ ngơi lâu dài mới hồi phục được.

Người hỏi im lặng, dăm dăm nhìn lên mặt bàn. Và lúc đó Tô-lu-be-ép nhận ra bản hồ sơ lý lịch của anh ở trước mặt anh ta. Anh cảm thấy bút rút. Hóa ra đây không phải là người thường! Người ta chỉ quan tâm đến lý lịch trong hai trường hợp: một là anh phạm sai lầm-dù là anh không biết sai lầm gì, tự họ

sẽ biết hết!-hai là thuyền chuyển cán bộ. Mà cả hai điều đó Tô-lu-be-ép đều không muốn: trong đời, có lần anh đã mắc sai lầm nặng mà từ đó anh cố gắng không tái phạm. Còn thuyền chuyển đi đâu anh cũng chẳng thích. Anh biết rằng đại đội anh đã nhận được xe tăng mới thay cho những chiếc bị bọn Đức bắn hỏng, anh biết những con người đã chiến đấu cùng anh ngày 21-6-1941 đang đợi anh-không phải ai cũng bị bọn Đức giết chết trong trận chiến đấu cuối cùng! Và anh muốn được tiếp tục chiến đấu với họ, với những con người mà lòng dũng cảm và ý chí quyết thắng anh đã được thấy rõ.

Vào phút đó trong óc anh nảy ra một mối ngờ vực, có phải khi con người có đôi mắt sắc này đang ngồi ở bên mép bàn, thì một vị cấp cao nào đó cũng đang xem xét cái “lỗi lầm” cũ của Tô-lu-be-ép, dọa sẽ trừng phạt anh đủ điều vì sai lầm ấy và hứa hẹn sẽ làm hỏng, nếu không phải là cả cuộc đời, thì cũng là toàn bộ bước đường “công danh” của anh? Nhưng sao có thể có điều đó được?

Câu chuyện đó bắt đầu từ lần trước chiến tranh. Và Tô-lu-be-ép bức bối nghĩ rằng chính cái bóng ma ấy nay lại hiện ra. Rõ ràng là anh không ưa thích con người gầy gầy, mặt nhọn, mắt sắc này: anh ta, vì lý do nào đó không rõ đang quan tâm đến lý lịch của anh, một sĩ quan xe tăng bình thường đang điều trị sau vết thương nặng nề tại một quân y viện bình thường dành cho sĩ quan ở Mát-xcơ-va.

-Thiếu tá mặc quần áo vào!-Viên bác sỹ ngoại khoa khô khan nói, và yêu cầu cô y tá mời các sĩ quan khác vào phòng khám tiếp.

Sang sáng ngày hôm sau, cũng viên bác sỹ ngoại khoa ấy, vẻ rụt rè và như có lỗi, nói với Tô-lu-be-ép trong khi đi thăm bệnh nhân:

-Vla-đi-mia A-léc-xan-đrô-vích, chúng tôi đề đồng chí ra viện. Giấy tờ đã làm xong rồi, và có sẵn cả quần phục mùa đông nữa. Tôi khuyên đồng chí hãy đi ăn trưa cái đã...

“Thế đó. Như thế có nghĩa là thế nào? Đầu tiên cứ thấy một điều hắt hủi đã: cho một thương binh chưa khỏi ra viện-có nghĩa là buộc anh ta lại phải vào chữa sớm ở một bệnh viện khác, nhưng chắc là tồi hơn, gần mặt trận hơn. Thế rồi lại bộ quân phục mùa đông và bữa ăn trưa theo chế độ nữa. Tất nhiên anh đến đây vào mùa thu, quân phục mùa đông bây giờ là cần thiết rồi. Thế còn bữa ăn trưa?... Ai mà chẳng biết trong các nhà ăn dự bị bây giờ ăn uống ra sao... Hay có thể người ta đưa mình ra ga ngay?”.

Tất cả thật lạ lùng. Tất cả đều không đúng lệ bình thường.

Anh không đợi đến giờ ăn trưa. Thôi thì đã định đón nhận lấy số mệnh thì cứ để mọi điều tự nó đến cho nhanh.

Không phải chỉ có quân hàm, mà cả áo măng tô, mũ lông, ủng da-tất cả đều mới tinh vừa may xong. Mặc quần áo xong, Tô-lu-be-ép ngắm nghía mình trong gương, sờ nắn cầu vai quân hàm cứng cứng trên vai với hai gạch vàng và ngôi sao ở giữa-nom cũng có dáng nhưng không oai nghiêm như viên đại tá hôm qua. Nhưng nghĩ đến đại tá, anh lại thấy chán ngán, bỏ đi lấy giấy tờ. Một hạ sỹ trong số những người đã bình phục, kính cẩn chào anh và báo cáo: -Thưa đồng chí thiếu tá, đồng chí có thư hẹn riêng đây ạ.-Tô-lu-be-ép cầm tấm phong bì dày có dấu đóng ở góc.

Anh lập tức xé phong bì. Trong đó có một tờ giấy nhỏ cũng có đóng con dấu như ở ngoài bì và hàng số dài.

“Vla-đi-mia A-léc-xan-đrô-vích kính mến!

Đồng chí hãy gọi điện thoại cho tôi vào mỗi đầu giờ, từ máy nào cũng được. Có thể tới tối, tôi mới làm xong việc. Đồng chí đã được giành sẵn một phòng riêng ở khách sạn “Mát-xcơ-va”. Phiếu ăn đồng chí sẽ nhận được cùng với chìa khóa phòng. Điện thoại của tôi: K...

Thân ái Koc-sma-rep”

Và chỉ có thế. Trừ có một điều, là thiếu tá Tô-lu-be-ép chưa bao giờ quen

biết một ông Koc-sma-rep nào cả.

Hạ sỹ mới lành bệnh tìm chiếc chìa khóa trong chùm chìa khóa mở cửa nhà kho, nơi giữ những hành lý của các bệnh nhân đang điều trị. Anh ta mất hút trong đó chừng một phút, rồi tor ra, đặt dưới chân Tô-lu-be-ép chiếc va-ly da láng có chìa khóa buộc sẵn ở tay cầm.

-Thế này là thế nào?-Tô-lu-be-ép hoang mang hỏi.

-Của hồi môn của đồng chí đấy. Tôi được lệnh giao cho đồng chí khi ra viện,-Hạ sỹ báo cáo và nhìn Tô-lu-be-ép với vẻ cung kính mà các đồ vật và các sự kiện khó hiểu thường gây ra. Chắc Tô-lu-be-ép cũng nhìn cung kính người khác như vậy, nếu với anh cũng xảy ra một chuyện tương tự.

Đột nhiên nghĩ đến phong thư hẹn vẫn đang nằm trong tay, anh bước lại gần máy điện thoại. Chiếc máy phát ra những tiếng “tút, tut” dài, nhưng không có ai cầm ống nghe.

Tô-lu-be-ép nhắc thử chiếc valy. Quý quái, nặng quá. Nhưng hạ sỹ tinh ý, đã bảo anh:

-Thiếu tá đừng ngại-xe riêng của giám đốc bệnh viện thuộc quyền đồng chí sử dụng tới mười hai giờ-Rồi anh ta gọi ra cửa:-Uc-chin-nốp, ra phục vụ đồng chí thiếu tá!

Tức khắc người lái xe đánh nhanh nhẹn, xuất hiện, cầm lấy chiếc va ly, xách ra cửa. Tô-lu-be-ép không còn biết làm gì hơn là cúi chào anh hạ sỹ đang giương mắt kính cẩn nhìn anh, và đi ra cửa.

Cánh cửa bệnh viện đóng sập lại như cắt đứt anh với tất cả những gì đã có từ trước tới nay. Nhưng còn chuyện gì sẽ tới? Tô-lu-be-ép nhìn Mát-xơ-va mùa đông, cố không nghĩ đến điều đó, nhưng bả vai anh thấy râm ran như có kiến đốt.

Tin giờ chót

“Ngày 17-2, tại U-crai-na, sau những trận đánh kiên cường, quân ta đã

chiếm thành phố và múi đường sắt Xla-ven-xơ, đồng thời chiếm các thành phố Cô-den-xki, Xvéc-lốp-xơ, Bô-gô-đu-khốp, Đmi-ép.

Ở khu vực Cuốc-xơ, quân ta tiếp tục tấn công và đã chiếm thành phố Grai-vô-rôn”

Tổng cục thông tin Liên Xô

17-2-1943

Cái ông Koc-sma-rep mà Tô-lu-be-ép không quen biết ấy mãi lúc 20 giờ ba phút mới lên tiếng.

Suốt thời gian đó, Tô-lu-be-ép ở trong khách sạn, không dám rời máy điện thoại-sợ có điện thoại bất ngờ. Những chiếc máy điện thoại được sinh ra để gọi vào những lúc bất ngờ nhất.

Quả thực, anh có xuống quán để ăn trưa và anh ngạc nhiên một cách thú vị rằng đây là một quán ăn, thực sự với những người phục vụ khéo léo, tuy tuổi đã cao. Ngồi quanh các bàn đa số là các quân nhân, nhưng xét theo những bộ quân phục hết sức sạch sẽ, thì đây là những người ở hậu phương.

Nghe thấy tiếng trò chuyện bằng nhiều giọng nói, Tô-lu-be-ép hiểu rằng những người ăn ở đây là các phóng viên, nhà văn, các sĩ quan tham mưu từ tiền tuyến về và từ hậu phương xa xôi ra đây công tác, nhưng trong số họ, theo suy xét của Tô-lu-be-ép, có người chỉ ở Mát-xcơ-va đôi ba ngày hay vài giờ, và anh hiểu sự khao khát của họ được tới cái góc nhỏ của “cuộc sống hòa bình đã bị lãng quên” này. Có nhiều phụ nữ, đi cùng đàn ông hoặc đi một mình-những vợ góa của các quân nhân đã thấy buồn bã vì cuộc sống cô đơn,-hay đơn thuần là những bà đi tìm chuyện lạ, mà cũng có thể có cả những người chuyên đi nghe ngóng các quân nhân chuyện trò để “sưu tầm” tin tức. Anh nghe thấy cả tiếng ngoại quốc. Tô-lu-be-ép hiểu rằng ở đây còn có cả các nhà báo nước ngoài. Họ luôn nhắc đến từ Nga “Bản tin” và “Tổng cục thông tin Liên Xô”. Cảm thấy rõ là đã qua rồi cái thời mà các nhà báo

phán đoán liệu người Nga chịu đựng được cuộc tấn công của bọn phát xít mấy tuần hay mấy tháng nữa. Đang là năm 1943, thống chế Pao-lu-xơ vừa đầu hàng và ngọn cờ đỏ lại phấp phới trên thành phố Xta-lin-grát; Cuốc-xơ và Vô-rô-nhe-dơ đã được giải phóng, vòng vây Lê-nin-grát đã bị chọc thủng, và mặc dầu tình hình trên các mặt trận đã có vẻ ổn định, bản tin của Tổng cục thông tin Liên Xô vẫn nở rộ tên những thành phố và địa điểm dân cư mới được giải phóng. Chính vì thế mà các phóng viên, các nhà báo, xét theo những mẩu chuyện của họ, bên tách cà phê đậm đặc, đang đoán thử tương lai của bọn phát xít liệu Hitler còn giữ được bao lâu trước các đòn tấn công toàn diện trên khắp các mặt trận của người Nga? Không phải ngẫu nhiên họ còn hay nhắc đến cái chữ Nga “vạc dầu”. Nhưng Tô-lu-be-ép để mặc những câu chuyện tán gẫu này cho lương tâm của các nhà báo, anh quan tâm nhiều hơn đến bữa ăn.

Hóa ra Koc-sma-rep không quen biết đã lo trước mọi chuyện: chế độ ăn kiêng, thậm chí lại có cả một chai rượu vang. Và muộn hơn, lúc hai mươi giờ, khi Tô-lu-be-ép xuống ăn tối, lại có một chai khác đợi sẵn. Nếu cứ tiếp tục như vậy thì cũng chẳng cần vội vã làm gì. Nhưng Koc-sma-rep đa vớ phải một người nóng nảy. Cứ mỗi đầu giờ, anh lại đều đặn gọi số điện thoại bí ẩn.

Mới tới hai mươi giờ năm phút, chiếc máy điện thoại mới phát ra tiếng người:

- Tôi nghe đây!-Giọng nói có vẻ mệt mỏi và không niềm nở.
- Tôi cần gặp đồng chí Koc-sma-rep!-Cổ sức nén xúc động. Tô-lu-be-ép nói.
- Xin chờ một phút.-Im lặng-Ai cần gặp đây ạ?
- Thiếu tá yol.

Mấy mời không rõ nói ở bên cạnh máy điện thoại. Sau đó một giọng nói to vang, hồ hởi:

-Vla-đi-mia A-léc-xan-đrô-vích! Rất vui sướng nghe đồng chí. Tôi, Koc-sma-rep đây. Đồng chí thế nào, khỏe không?

-Tôi muốn được báo cáo lúc gặp mặt.

-Tôi hiểu, tôi hiểu. Xin đợi cho một phút!-Tô-lu-be-ép nghĩ thầm: quý tha ma bắt cái một phút ấy đi. Anh nôn nóng đợi nghe từng lời.-Đồng chí cứ đợi bên ông nghe nhé-Sau một lúc trao đổi với một người nào đó ở trong phòng, giọng nói lại vang lên với Tô-lu-be-ép:-Thế này nhé, nửa giờ nữa sẽ có xe đến chỗ đồng chí. Lái xe sẽ gọi điện lên phòng riêng, nên nếu chưa có chuông, đồng chí chờ xuống nhà vội. Hôm nay trời khá lạnh, và lái xe cũng chưa biết mặt đồng chí. Hơn nữa lại đang giờ quân luật...

-Cảm ơn...-Tô-lu-be-ép, cảm thấy nhẹ nhõm hẳn. Thôi thì mọi bí mật rút cục sẽ rõ ra, và càng sớm càng tốt.

Anh xem lại các đồ đạc trong chiếc va ly. Ban ngày, anh đã xem bộ com-lê thường phục, mấy chiếc sơ-mi rất tốt, cra-vát, khuy bấm, kim băng, hộp dao cạo chạy điện “Phi-lip” và dao cạo thường. Tất cả những cái đó gợi ra nhiều suy nghĩ. Nhưng đoán mà tạm thời là nguy hiểm. Vì thế anh lấy hộp dao cạo “Phi-lip” ra cạo râu lần nữa, lấy nước hoa trong một cái lọ nào đó ra xoa mặt và cảm thấy có vẻ dễ chịu hơn. Chuông điện thoại reo lên. Tất nhiên là người lái xe. Anh ta nói số xe.

Tô-lu-be-ép xuống phòng khách.

Dưới phòng khách có mấy người, cả đàn ông, đàn bà, có lẽ đã vi phạm giờ quân luật. Họ đang bị kiểm tra giấy tờ. Tuy nhiên, Tô-lu-be-ép được đi ra mà không bị hỏi han gì. Anh dường như có thoáng thấy một người nào đó đang ra hiệu cho những người kiểm soát, nhưng anh vội quá nên không nhìn kỹ. Và mãi đến lúc tới chiếc xe có biển số được báo trước, anh mới nhận ra người lái xe đi sau. Có lẽ người này đã biết mặt anh và giúp anh ra đi không bị cản trở.

Quả nhiên, người lái xe mở cửa, mời anh ngồi xuống bên cạnh và chiếc xe phóng đi trên các đường phố vắng vẻ.

Họ cùng vào một phòng thường trực nào đó. Tô-lu-be-ép chìa bức thư hẹn ra, người trực ban xoay xoay tờ giấy và nói:

-Người lái xe sẽ đưa đồng chí lên.

Chiếc thang máy đưa họ lên tầng bảy-“Hành lang nói hành lang. Các cánh cửa dọc hai bên!”-Tô-lu-be-ép bỗng nhớ lại. Người lái xe lễ phép gõ vào một cánh cửa, dẫn Tô-lu-be-ép vào, còn mình thì đứng ngoài cửa.

Đằng sau hai chiếc bàn đặt đối diện nhau có hai người đang ngồi. Tô-lu-be-ép nhận ra ngay một người: mặt dài, gầy, đôi mắt sáng quả quyết nhìn như thôi miên. Người thứ hai, Tô-lu-be-ép thấy giản dị và dễ mến hơn. Người hơi béo, tóc ngả bạc, vàng trán đã cao sấn lại hói thêm. Cả hai người đều mặc thường phục, mặc dầu khung cảnh chung quanh nghiêm ngặt như nơi làm việc của quân đội, và cả chính tòa nhà cũng có vẻ như một cơ quan tham mưu.

-Thiếu tá Tô-lu-be-ép đã đến theo thư hẹn của đồng chí Koc-sma-rep!-anh nói chính xác và nghiêm nghị, đôi mắt nhìn từ người này sang người nọ. Người hơi béo tóc ngả bạc đứng lên, tiến về phía anh, chìa tay ra.

-Chào Vla-đi-mia A-léc-xan-đrô-vích!-Rồi ông chỉ người kia, giới thiệu:

-Đại tá Krit-xchi-an.

Krit-xchi-an cũng chìa bàn tay cứng rắn ra.

Tô-lu-be-ép nghĩ: chắc là nhà thể thao. Phải là tay đua thuyền hay chơi quần vợt. Có vẻ là người E-xtô-ni.

-Chúng tôi mời đồng chí tới...-Koc-sma-rep bắt đầu, nhưng nhìn Krit-xchi-an và kết thúc bằng một giọng khác:-dự một cuộc họp nhỏ.

Cả hai cùng tiến lại phía cửa, và Tô-lu-be-ép như đi giữa hai người áp tải: đằng trước là Koc-sma-rep thấp béo, khép lại ở đằng sau là Krit-xchi-an

chân dài. Họ đi như vậy theo dọc hành lang dài, hai bên là những cánh cửa im lặng và yên tĩnh.

Chiếc hành lang nối vào một hành lang nữa, và ở đó cả một cánh cửa mở sẵn vào một phòng khách lớn. Một đại úy có vẻ thuộc quân cận vệ, đứng bật dậy, để giày đánh vào nhau. Phòng khách có cửa mở sang hai bên, cánh cửa bọc da. Koc-sma-rep bước vào cửa phía bên phải, ở trong đấy chừng một phút, từ đó không nghe một âm thanh nào lọt ra, rồi ông mở cửa và nói bằng một giọng có vẻ trịnh trọng:

-Vla-đi-mia A-léc-xan-đrô-vích, mời đồng chí vào.

Krit-xchi-an khép kín cuộc điều hành, đóng cả cửa ra vào ra và cửa vào phòng.

Trong gian phòng làm việc mờ mờ tối: một chiếc đèn nhỏ: đặt trên mặt bàn trống trải, một chiếc bàn nửa mặt ngang kê sát chiếc thứ nhất, chiếc đèn để cao đặt trong một góc sát với chiếc bàn tròn, chung quanh kê sẵn mấy ghế dựa. Sau chiếc bàn chính có một người đứng tuổi, mặc thường phục đang ngồi, còn ba người nữa đứng quây quanh chiếc đèn để, uống cà phê, dường như không có một chút liên quan nào với người đang ngồi ở sau bàn và ba người vừa bước vào. Người ngồi sau bàn đứng dậy, Tô-lu-be-ép nhận thấy dáng điệu ông rất mệt mỏi. Ông chìa tay, khẽ nói tên mình và chỉ chiếc ghế dựa trước mặt. Koc-sma-rep bước sang phía bàn tròn, trao đổi vài lời khe khẽ với mấy người đứng đó, rồi trở về chiếc bàn dài, đặt trước mặt Tô-lu-be-ép tách cà phê. Krit-xchi-an ngồi ở cuối bàn, nơi hoàn toàn tối.

Trước mặt người đứng tuổi mệt mỏi đặt một chiếc kẹp tài liệu: đó là bản hồ sơ lý lịch của Tô-lu-be-ép.

Ba người đứng trong góc ngừng chuyện, ngồi vào sau bàn, nhưng chiếc đèn để không chỉ không soi sáng mà lại tỏa bóng tối lên người họ.

-Đồng chí thiếu tá uống cà phê đi!-Người chủ căn phòng bỗng nói bằng một

giọng lạnh lạnh-Có lẽ đồng chí mệt đấy nhỉ? Và ông khuấy lạnh canh chiếc thìa con trong tách của mình.

Chức vị khiêm tốn của Tô-lu-be-ép mặc dầu được nhắc đến lần đầu trong căn phòng này đã gợi ra những ý nghĩ khắc khổ về chiến tranh, và ngoài điều đó ra, nó nhấn mạnh rằng những người khác có mặt ở đây, tất nhiên, có chức vị cao hơn, nhưng người sĩ quan trẻ thấy yên tâm. Có thể vì một lẽ là trong chiến tranh, mọi chuyện đều do mệnh lệnh quyết định, còn ở mọi việc đều tùy thuộc ở thiếu tá: nếu anh àm được, xin anh hãy làm! Tô-lu-be-ép thậm chí khoan khoái uống một ngụm cà phê trong cái tách mà anh thấy là quá khổ.

-Đồng chí là chuyên gia luyện kim phải không, Vla-di-mia A-léc-xan-đrô-vích?-Chủ căn phòng đặt tách xuống, hỏi-Tại sao đồng chí không sử dụng quyền miễn trừ của Bộ Quốc phòng ưu tiên cho đồng chí?

-Về thực chất, ngành tôi có tính chuyên môn hẹp,-Tô-lu-be-ép trả lời, hơi ngỡ ngàng với câu hỏi không hợp với khung cảnh.-Tôi nghiên cứu, chế tạo các kim loại hiếm. Còn khi đã có chiến tranh... Nói tóm lại, cấp trên đã coi trọng lời yêu cầu của tôi...

-Thế đồng chí cho rằng trong chiến tranh, không cần đến các kim loại hiếm hay sao?

-Chiến tranh là do gang, sắt, thép quyết định!-Tô-lu-be-ép trả lời bằng một câu trích trong bản báo cáo đã lâu của mình.

-Thế còn va-na-đi, von-phram, man-gan,-tóm lại những hỗn hợp phụ gia?-một người ngồi trong góc hỏi.

-Năm bốn mươi mốt đòi hỏi mỗi người phải có mặt ở nơi gay go nhất.

-Phải, về tình cảm, có lẽ đồng chí đã nghĩ đúng đấy.-Người chủ căn phòng tự lự nói và Tô-lu-be-ép cảm kích nhìn ông.

-Thế tại sao trong bản tự khai của quân nhân tự nguyện, đồng chí không nói

đến sự tinh thông tiếng nước ngoài?

-Đâu có được gọi là tinh thông!-Tô-lu-be-ép cười khẩy.-Tiến Anh, tiếng Đức: tạm được; tiếng Na Uy thì xoàng. Mà người ta không hỏi quân nhân tình nguyện về khả năng sinh ngữ mà.

-Đồng chí ở Na Uy có lâu không?

-Từ tháng chín năm một nghìn chín trăm ba chín đến tháng bảy năm bốn mươi. Ngay sau khi Hitler tấn công vào Na Uy, đại sứ quán ta đã yêu cầu chúng tôi chấm dứt mọi công việc thương mại và mau chóng về nước. Trong bản tự khai, tôi có kể đoạn sống ở nước ngoài,-anh thận trọng nói thêm.

-Chính vì cái chi tiết ấy mà chúng tôi đã tìm kiếm đồng chí!-Người chủ căn phòng nói thậm chí lại có vẻ mỉm cười nữa.

-Mà tìm kiếm mất bao thời gian cơ chứ!-Krit-xchi-an bực dọc về điều gì đó, nhận xét!

-Tuy nhiên, đã tìm được,-Chủ căn phòng hòa hoãn, ngắt lời Krit-xchi-an.

-Đồng chí còn để lại ở Na Uy nhiều bạn bè phải không?-Koc-sma-rep đã chạm đúng chỗ đau của Tô-lu-be-ép. Anh bất giác nhìn xuống và nói khẽ:

-Vâng.

Từ trong góc, giọng ai đó cất lên, trầm trầm:

-Tôi vẫn nhớ bản báo cáo trước đây của đồng chí về tình trạng nền công nghiệp luyện kim của Na Uy và Thụy Điển, về việc người Đức chiếm lĩnh những thị trường này. Không có những người giúp việc thông minh và năng nổ thì không thể soạn thảo được một bản báo cáo như vậy. Theo anh nghĩ, các bạn anh liệu hiện nay có bị truy nã không?

-Những người Na Uy đã giúp tôi không hề để lộ một điều bí mật nào. Tôi nghĩ rằng bọn Ghê-xta-pô Đức để yên họ. Còn các bạn của tôi ở Thụy Điển thì hoàn toàn vô sự. Bọn Đức chưa chiếm Thụy Điển.

-Thế đồng chí có nối lại được những mối liên hệ ấy không?-Lại Koc-sma-

rep nói. Có lẽ ông hay thích đẩy nhanh các sự kiện.

Nhưng trước hết, Tô-lu-be-ép phải được biết họ muốn điều gì ở anh đã chứ!

Người Pháp vẫn nói: ngay cả cô gái đẹp nhất cũng không thể cho hơn cái cô ta có.

-Đồng chí muốn nói là nói lại từ đây?-Anh thận trọng hỏi.

Người ngồi trong góc bỗng đứng dậy, bước ra chỗ sáng. Ông kéo ghế và ngồi cạnh chủ nhân căn phòng. Mỗi lúc đó Tô-lu-be-ép mới nhận ra, thứ trưởng Bộ Công nghiệp nặng. Ngày xưa, chính ông này đã làm giấy tờ cho anh ra công tác nước ngoài. Vị thứ trưởng nói rần chắc như đang tranh cãi với ai:

-Tôi nghĩ rằng chúng ta phải nói thẳng, nói hết mọi việc.-Rồi ông mỉm cười như muốn làm dịu bớt sự gay gắt đột ngột của mình, và nói thêm:-Người Tuyếc-mê-ni thường nói: “Dù có ngồi nghiêng, ta cũng cứ nói thẳng”.

Chủ nhân căn phòng lễ phép nói:

-Xin đồng chí cứ nói. Chúng tôi nghe.

Thứ trưởng nói khe khẽ, chậm chạp, như muốn từng chữ in vào óc của Tô-lu-be-ép.

-Vla-đi-mia A-léc-xan-đrô-vích, tôi thấy rõ ràng đồng chí đã hiểu là mọi người đang trông chờ ở đồng chí một điều gì hết sức quan trọng. Tôi thì đồng chí biết rồi. Còn đây là các đồng chí phụ trách các phòng tình báo của Bộ Tổng tham mưu. Chủ nhân của chúng ta đây-thiếu trưởng Kô-rô-bốp chuyên trách về các dự trữ nguyên liệu chiến lược đang nằm dưới quyền kiểm soát của đối phương. Chính đồng chí ấy đã cho chúng tôi biết bọn Đức đang sắp xếp lại việc đặt đơn sản xuất nguyên liệu. Và cũng vì sau thất bại ở Xta-lin-grát, các nhà tuyên truyền Đức không còn tìm được cách nào tốt hơn là huênh hoang về một loại vũ khí “siêu đẳng” nào đó, và chúng ta cũng phải chú ý tới sự khoe khoang này của chúng. Trong thủ đoạn tuyên truyền của

bọn Hitler, đôi khi cũng có chút xiu sự thật... Còn bây giờ, đồng chí Krit-xchi-an kính mến, đồng chí hãy trình bày những ý kiến phân tích của đồng chí!

Trong tay Krit-xchi-an bỗng xuất hiện từ đâu ra chiếc cặp da. Ông đứng ở cuối cái bàn hẹp dài và mọi người kéo ghế lại gần ông.

-Những số liệu đầu tiên về sự bố trí lại các đơn vị yêu cầu nhập nguyên liệu của bọn Đức chúng tôi nhận được từ tháng giêng, từ những nguồn tin rất đáng tin cậy. Các nhà công nghiệp Na uy, Thụy Điển thậm chí đã bắt đầu xây dựng những khu mỏ không có lỗi và những nhà máy làm giàu quặng, chở sang Đức theo giá rất cao khối lượng lớn man-gan, von-fram và va-na-di. Cũng vào thời điểm đó, có tin từ Đức cho biết là một số nhà máy của Crúp (Nhà công nghiệp quân sự lớn của nước Đức, kẻ ủng hộ Hitler lên cầm quyền) đã thực hiện một quy chế bảo mật đặc biệt. Đầu tiên, đó chỉ là những nhà máy đúc thép thôi sau đó lan sang cả những nhà máy chế biến kim loại và các xưởng lắp ráp nữa. Nhưng điều đáng tò mò nhất là vinh dự này chỉ giành cho các nhà máy chế tạo xe tăng và pháo tự hành thôi...

-Tóm lại, chúng tôi cho rằng chúng đang chế tạo một loại thép rắn có phẩm chất đặc biệt nào đó,-thứ trưởng tóm tắt lại.

-Vậy tôi phải làm gì?-Tô-lu-be-ép khẽ hỏi.

-Đồng chí chắc còn nhớ Men-đê-lê-ép đã làm ra công thức của thuốc súng không khói nhờ vào các biên lai nhập nguyên liệu chứ?-Thứ trưởng liếc nhanh nhìn Tô-lu-be-ép. Đồng chí phải trở lại Na Uy và làm một việc đại loại như vậy...

-Nhưng tôi đâu phải là Men-đê-lê-ép?-Thiếu tá kêu lên.

-Nhưng đồng chí là một nhà luyện kim nổi tiếng!-Thứ trưởng trả lời gay gắt.

-Nói trở lại Na Uy thì dễ thôi. Nhưng nước này đang bị bọn Đức chiếm đóng!-Tô-lu-be-ép nói và hiểu rằng sự chống chế này đã chứng minh là anh

sẽ chịu thua. Nhưng anh cần thời gian suy ngẫm và cần biết nhiều điều khác: anh sẽ sang bên đó như thế nào, anh phải làm gì, anh phải dựa vào ai ở đó, trong cái vai người tình báo mới mẻ và bất ngờ này.

-Chính đồng chí đã nói rằng không có lý do gì để cảnh sát Na Uy chú ý một cách không có lợi cho anh và các bạn anh trong thời gian ngắn ngủi anh ở nước họ. Có nghĩa là đồng chí có thể tìm ra một vài người nào đó. Còn đồng chí sang bên đó bằng cách nào thì ác đồng chí lãnh đạo mới của anh sẽ quyết định.

Một sự yên lặng kéo dài bắt đầu.

Tô-lu-be-ép nao nao nghĩ rằng cuộc đời anh thăng giáng mới kỳ lạ làm sao. Anh đã tiến nhanh trong nghiệp vụ của mình. Nghề luyện kim phức tạp và những hợp kim nhiều thành phần mới đã tìm thấy chỗ đứng trong kỹ thuật, và người khởi xướng không tên tuổi của những hợp kim ấy bất ngờ lại tỏ ra cần thiết cho cả công việc và cả cấp trên. Chuyển đi công tác sang Na Uy lẽ ra phải trở thành một bước ngoặt trong tiểu sử của anh. Anh nhìn thấy nền khoa học tiên tiến đang chuyển dịch dần dần từ Tây sang Đông. Sau Na Uy, người ta dự định cử anh sang Anh và sau đó, sang Mỹ. Đó không phải là những chuyên công cán ngoại giao. Tô-lu-be-ép vẫn là một chuyên gia luyện kim. Nhưng anh có thể tìm ra nhiều bí mật của các hãng nước ngoài và đem ứng dụng ở nước mình, có thể cải tiến quy trình sản xuất vài hợp kim.

Nhưng một “lỗi lầm” đã làm đổ vỡ tất cả. Cái “lỗi lầm” ấy được cấp thượng vụ quán chỉ rõ cho Tô-lu-be-ép từ đầu tháng tư và đề nghị người thanh niên này về nước ngay. Anh đã sửa soạn đi Bec-gen, để từ đó đáp tàu thủy Liên Xô về nước, thì rạng sáng ngày chín tháng tư, ở vịnh Ô-lô bông vang lên tiếng súng, những khẩu đội pháo binh bờ biển Na Uy đã giáng trả hạm đội Đức.

Bọn Hitler tấn công các nước nhỏ, mưu toan kết thúc chớp nhoáng như cuộc

chiến tranh “lạ lùng” với nước Pháp. Cựu bộ trưởng quốc phòng Na Uy, thiếu tá hồi hưu Kvi-slin-gơ đã tung đội quân thứ năm (bọn nội phản nằm ngâm) ra và phản bội quân đội hoàng gia. Tuy nhiên, quân Đức cũng phải chậm trễ ở đất nước nhỏ bé có ba triệu dân này tới gần ba tháng, trong khi đó đã đánh tan nước Pháp hùng mạnh trong ba tuần lễ.

Rời khỏi đất nước đang có đánh nhau là việc khó khăn và Tô-lu-be-ép mãi tháng bảy mới ra khỏi được nước này.

Nhưng cấp trên ở trong nước vẫn nhớ đến “sai lầm” của anh. Anh phải viết mãi những bản tường trình và không được giao công tác nào đáng kể.

Khi quân Đức tấn công Liên Xô, anh đã xin ra mặt trận, vì anh nghĩ rằng chỉ có trực tiếp tham gia chiến đấu, tinh thần anh mới lấy lại được sự yên tĩnh.

Anh quên khuấy rằng với kẻ thù, có thể chiến đấu bằng trí thức chứ không chỉ bằng gươm dao. Nói chung, thời gian đó thật là gay go, nên chẳng có một ai khuyên can hay ra lệnh cho anh đứng vào một vị trí khác trong cuộc chiến đấu vĩ đại. Và anh trở thành sĩ quan.

Không thể nói được rằng anh đã làm nên nhiều chuyện ở ngoài mặt trận.

Gần một năm anh ở tuyến phòng thủ. Mãi đến mùa thua năm bốn hai, anh mới gặp may: mặt trận của anh tiến lên phá vây Lê-nin-grát... Nhưng ở đây, anh chỉ chiến đấu có mấy ngày, và tinh dậy đã kề bên cái chết, vì anh hiểu rằng mình bị thương rất nặng. Những vết thương loại này bao giờ cũng chết người. Việc anh sống sót chỉ là nhờ phép lạ nào đó.

Mà trong thời gian ấy, người ta đã đi tìm anh trên khắp các mặt trận! Không phải ngẫu nhiên trước cuộc phẫu thuật thứ ba ở trong bệnh viện anh đã thấy bộ mặt gầy, nhọn, này, bộ mặt với đôi mắt thôi miên, bộ mặt của đại tá Krit-xchi-an! Mà đại tá đã nghĩ gì lúc đó, khi nhìn thấy con người này trong vòng tay thần chết?

Và bây giờ, anh nhớ lại đầy tin chắc rằng chính con người có tên gọi là đại

tá Krit-xchi-an này đã tham dự vào cuộc nói chuyện nặng nề ở cấp cao, nơi anh đã được mời tới để tường trình về “lỗi lầm” của anh, ngày anh vừa về nước. Quả thực lúc đó, Krit-xchi-an đã giữ mình trong bóng tối, cũng như bây giờ. Nhưng lúc này, Tô-lu-be-ép đã nhớ ra ông ta...

Tô-lu-be-ép vươn thẳng người trong ghế, anh sợ đứng lên, cảm thấy đôi chân yếu một đi cách khó chịu, và nói, giọng cứng rắn:

-Tôi e rằng đại tá Krit-xchi-an sẽ phản đối việc đề cử tôi... vì rằng...-mọi người im lặng ngạc nhiên nhìn anh. Anh nói thêm đa có phần bình tĩnh hơn. Khi tôi ở Na Uy trở về đại tá Krit-xchi-an đã khẳng định rằng lỗi lầm chủ yếu của tôi trong thời gian công tác ở Na Uy, theo đồng chí ấy, là ở chỗ có quan hệ thân thiết với các công dân của nước này. Đại tá đã quyết định rằng không bao giờ, không vì bất cứ lý do nào, tôi còn được trở lại Na Uy nữa. Quả thực nước Na Uy giờ bị Đức chiếm đóng, và tôi không biết gì về bạn bè của mình.

-Nhưng bây giờ đồng chí ấy cũng khẩn thiết đòi hỏi đồng chí trở lại đất nước ấy-tiếng Kô-rô-bốp khẽ nói-Và chính đồng chí ấy đã đi tìm đồng chí để có được cuộc trò chuyện hôm nay đây.

-Từ hồi xa xôi ấy đã có gì thay đổi?-Tô-lu-be-ép như hỏi chính mình. Và thiếu trưởng điềm đạm trả lời:

-Tất cả. Đại tá Krit-xchi-an đã thừa nhận rằng không có những quan hệ thân thiết với những người dân nước này, người tình báo nào cũng nắm chắc thất bại. Và chính vì đồng chí có những quan hệ như vậy nên đại tá đã đề nghị tìm anh và tự mình tham gia cuộc tìm kiếm.

Krit-xchi-an im lặng, dường như ngại làm người sĩ quan bất bình chỉ vì một giọng nói thôi. Và lúc đó, Tô-lu-be-ép đứng dậy, khẽ nói:

-Tôi xin sẵn sàng...

Và vì rằng anh không nói điều đó theo đúng điều lệ mà có vẻ tự lự, như nhìn

về tương lai, làm mọi người trong phòng nhìn anh với một sự chăm chú đặc biệt. Và họ thấy rõ rằng tinh thần anh bình tĩnh, vững vàng. Mọi người trở nên hoạt bát hẳn lên. Krit-xchi-an đứng dậy mang đến cho Tô-lu-be-ép một tách cà phê nữa, thiếu trưởng kéo ngăn bàn dưới lấy ra chai cô nhắc, rót vào chiếc ly nhỏ, để trước mặt Tô-lu-be-ép, ân cần:

-Đồng chí mới ra viện, uống đi cho lại sức!

-Đã thế tôi còn yêu cầu cho thiếu tá ra viện sớm hơn. Chính tôi cần anh như thế này: gày, ốm, suy nhược. Nhưng các bác sỹ bảo đảm rằng chỉ một tuần hay tuần rưỡi nữa, anh sẽ khỏe hẳn.

-Nhưng tại sao lại cần tôi bị ốm? Tô-lu-be-ép như cố mỉm cười, nhưng thấy thiếu trưởng nghiêm nghị nhìn Krit-xchi-an, anh lại uống cà phê. Krit-xchi-an dường như không nghe thấy câu hỏi của anh.

Vị thứ trưởng bắt đầu chào mọi người, hai người bạn đường im lặng cùng ra đi với ông.

Trong phòng còn lại tướng Kô-rô-bốp, đại tá Krit-xchi-an, Koc-sma-rep và Tô-lu-be-ép. Thiếu trưởng quay về phía Krit-xchi-an:

-Bây giờ thì anh có thể trình bày kế hoạch của anh.

-Thiếu tá phải xuất hiện ở Na Uy như một người trốn chạy khỏi trại tù binh của bọn phát xít ở miền bắc nước này. Kế hoạch này và huyền thoại kèm theo, chúng tôi đã chuẩn bị sẵn. Nếu anh dựa theo huyền thoại này thì sẽ có thể nương náu ở một người bạn cũ nào đó, và đặc biệt còn có thể tìm được việc làm nữa. Đó là điều tốt nhất. Liên lạc với trung tâm chúng ta, thiếu tá sẽ gửi tin qua một người trung gian, địa chỉ và mật khẩu liên lạc anh sẽ nhận được ở đây.

-Na Uy! Nhưng tôi làm sao mà sang bên đó được?

-Chúng tôi sẽ tìm một con đường thuận lợi và yên tĩnh nhất. Nhưng cái hình dáng ốm yếu của anh sẽ biện bạch tốt nhất cho anh. Số tù của người sĩ quan

chạy trốn, anh sẽ nhận được khi lên đường.

Tin giờ chót

“Ngày 23 tháng 2, tại U-crai-na, tiếp tục tấn công, quân ta đã chiếm được Xu-ma, Ac-tu-ra, Lê-bê-đin”

Ở khu vực Cuốc-xcơ, sau những cuộc chiến đấu kiên cường, quân ta đã chiếm thành phố và đầu mối đường sắt Ma-lo-ác-Khan-gen-xcơ...”

Tổng cục thông tin Liên Xô

23-2-1943Chiếc tàu ngầm phải xuất phát từ một căn cứ của hạm đội Biển Bắc vào ban đêm...

Suốt cả ngày cuối cùng đó, Tô-lu-be-ép và Krit-xchi-an ngồi lý trong phòng nghỉ khép kín cửa tư lệnh hạm đội.

Bữa trưa, và sau đó, bữa tối, do người đầu bếp ít nói của tư lệnh mang đến. Anh ta không ở lâu trong phòng, không nhòm ngó khách. Có thể anh ta đã quen với những vị khách bất ngờ.

Krit-xchi-an và Tô-lu-be-ép chuyện trò. Đúng hơn là Krit-xchi-an nói, còn Tô-lu-be-ép ra nhiều câu hỏi.

-Người tình báo, cũng như người công binh gỡ mìn, chỉ sai lầm có một lần thôi!-Krit-xchi-an nói điềm đạm.-Nhưng anh có những điều kiện bổ sung mà chúng tôi hy vọng là sẽ giúp đỡ được anh nhiều hơn. Anh biết rõ đất nước, con người và thành phố, nơi anh sẽ hoạt động. Dù bọn Đức cảm thấy mình là chủ nhân hoàn toàn ở đất nước này, phong trào kháng chiến ở đó mỗi năm một mạnh lên. Và không phải chỉ có nông dân, công nhân tham gia, mà cả trí thức các giới tôn giáo, thậm chí cả các nhà kinh doanh nữa. Ngay trong hang ổ của bọn Kvi-slin-gơ cũng không yên ổn. Cái hy vọng thiết lập nhanh chóng “trật tự mới” trên toàn Âu châu đã tan biến, và nảy sinh ra mối lo là chúng sẽ còn bị đem ra xét xử, vì tội phản bội Tổ quốc. Và nhiều tên trong bọn chúng muốn tìm lối thoát an toàn, chẳng hạn bằng cách nói là chúng

không tàn ác với người này trong chuyện nợ... Hơn nữa, bọn Đức không thể đặt trạm gác trên mỗi cây số suốt hai nghìn cây số biên giới đường biển Na Uy. Lính tráng còn phải đánh nhau với quân đội Liên Xô ở vùng miền bắc, nơi suốt từ đầu chiến tranh, chúng không sao tiến lên được một bước. Và cả Na Uy, chúng cũng cần, cả những hầm mỏ, xưởng sản xuất, đồ quân sự nữa. Nên đôi chỗ, đôi khi, chúng buộc phải có những nhượng bộ với giới kinh doanh. Thí dụ như ngày hai tháng tám năm bốn mốt, chúng tuyên bố tình trạng đặc biệt trên toàn Na Uy, chẳng hạn... Dân Na Uy trả lời bằng cách phá hoại thâm lặng. Ngày 10-9, bọn Đức đặt tình trạng đặc biệt ở Ô-xlô và xử tử một nhóm người yêu nước. Đáp lại, các giám mục nhà thờ giáo phái Lu-te tuyên bố từ bỏ nghĩa vụ của mình, để phản đối các cuộc xử bắn và sự đối xử tàn bạo của quân chiếm đóng với dân chúng địa phương... Năm ngoái, có bạo động ở A-ren-dan-li, Blen-ke-phio, bọn Đức phải đưa quân tới giúp bọn Kvi-slin-gơ; tháng giêng năm nay trong các nhà thờ tuyên đọc bản phản kháng các hành động thú vật của bọn Kvi-slin-gơ và bọn Đức phải bãi bỏ tình trạng đặc biệt mới ban hành trước đó không lâu...

-Không hiểu bạn bè của chúng ta có kiếm được cho tôi các giấy tờ cần thiết không, hay tôi phải sống lén lút?-Tô-lu-be-ép hỏi.

-Giấy tờ cho anh sẽ được chuẩn bị. Nhưng còn việc anh tự do đi lại trong nước ra sao là tùy thuộc ở chỗ anh tìm được những người che chở cho anh như thế nào. Ít ra thì những người bạn cũ của anh vẫn có thể lực mạnh.

-Cũng còn phải đi tìm họ đã...-Tô-lu-be-ép thốt ra tư lự.

Nhưng những câu chuyện của Krit-xchi-an như đưa đất nước ấy lại gần anh. Anh còn chưa nhận ra rõ nước Na Uy của mình, quê hương của những người đánh cá, những người thợ mỏ, những người đi biển, các bác tiêu phu. Mà cũng không sao xóa đi được làn khói chiến tranh để nhìn rõ hơn bộ mặt của nó, và bộ mặt ấy có thể đã bị biến đổi vì những đau khổ đến nỗi không nhận

ra được nữa.

-Thế còn người đón tôi sẽ ra biển bằng cách nào?-anh hỏi.

-Bọn Đức buộc phải cho ngư dân làm nghề, không lấy gì nuôi sống ba triệu dân, và lại chính chúng cũng cần cá. Nhưng chúng bắt dân chúng phải liên đới chịu trách nhiệm, và coi tất cả dân làng là con tin nếu có một con tàu nào rời khỏi đất nước. Chính bọn cảnh sát của Kvi-slin-gơ theo dõi những người đánh cá. Tuy nhiên, vẫn còn có đôi chút tự do đi lại trong vùng ven biển. Sẽ có người chủ một chiếc tàu đánh cá nhỏ, tên là Ap-gu-xơ Ran-son đón anh. Ông ta có giấy phép đánh cá ven bờ biển.

Buổi tối, Krit-xchi-an tiễn người sĩ quan trẻ tuổi ra cảng. Anh báo trước là tàu ngầm sẽ chỉ di chuyển về ban đêm, và đường đi về sẽ mất ba ngày ba đêm. Tô-lu-be-ép phải học tiếng và nghiêm ngặt cái “huyền thoại” về việc ở trong trại tù binh của bọn Đức và tấm bản có vẽ con đường của anh đi từ trại tù binh tới làng chài An-gen trên bờ vịnh Bô-khu-xơ. Krit-xchi-an một mực nhấn mạnh phải thuộc kỹ tên những người đánh cá, sinh hoạt của họ. Theo huyền thoại, tù binh thiếu tá Tô-lu-be-ép đã sống ở nhà người đánh cá I-véc-xen mấy ngày...

Trong những giấy tờ đại tá Krit-xchi-an trao cho Tô-lu-be-ép, có mô tả chi tiết làng chài, địa hình I-véc-xen, chiếc thuyền người ngư dân chở Tô-lu-be-ép, và thiếu tá thậm nghĩ rằng người đánh cá này phải là một con người thật dũng cảm. Vì “huyền thoại” phải dựa vào người thực, việc thực. Thế nếu bọn Ghê-xta-pô bắt được người tù trốn và “mời” được hết những sự thật này ra thì sao? Mà bọn Kvi-slin-gơ đã hợp tác với bọn Đức từ lâu. Chỉ cần bọn Đức biết tên, người đánh cá lập tức sẽ bị xử bắn. Krit-xchi-an nói rằng người Na Uy thường giúp đỡ các tù binh Liên Xô vượt ngục, điều đó như con dao cứa vào họng bọn Đức. Chúng giết những người tham gia kháng chiến bị bắt, cũng đơn giản như giết những người tù trốn.

Và Tô-lu-be-ép tự nhủ sẽ chỉ sử dụng huyền thoại trong quan hệ với bạn bè. Nếu cảnh sát ngục hay bọn Đức quan tâm đến anh, thì anh chỉ đưa ra nửa trên của huyền thoại-đoạn ở trại tù binh, và không bao giờ nói ra tên của những người kháng chiến mà anh sẽ gặp ở đây.

Dù sao, sau những cuộc trò chuyện này, anh đã cảm thấy được không khí của đất nước, lại cảm thấy mình là một người bạn của dân tộc nhỏ bé này, bao gồm những người đi biển, những người khai phá, mà tổ tiên của họ, trước Cô-lông-bô tới năm trăm, đã tìm ra châu Mỹ và gọi đó là “xứ sở trống nho”...

Ban ngày, chiếc tàu ngầm nằm im dưới đáy biển. Dù phải thở bằng không khí bị đốt nóng rất khó chịu, Tô-lu-be-ép vẫn chăm chú học tiếng Na Uy, và nhắm mắt nằm trên giường người thợ máy, ôn lại “huyền thoại”. Một điều thuận lợi là người ta không đổi tên và các sự kiện trong tiểu sử của anh. Anh phải tiếp xúc với các bạn bè cũ, vẫn nguyên là kỹ sư Tô-lu-be-ép đã từng sống, từng làm việc với họ và bị chiến tranh ly gián.

Lúc trời đổ tối, con tàu nổi lên. Trợ lý chỉ huy tàu tới mời anh lên trên. Chắc là Krit-xchi-an đã báo trước là người hành khách mới ở bệnh viện ra, các việc di chuyển đối với anh ta là khó khăn. Tô-lu-be-ép khoác chiếc áo măng tô da nặng, áo ca-pốt, mũ che tai, lập cập trèo lên cầu thang hẹp ở khoang đầu tàu lên boong. Biển yên tĩnh đến lạ lùng và có thể đứng hàng giờ để thở không khí tươi mát. Có lúc anh ngạc nhiên nghe người trợ lý chỉ huy nói:

-Đại tá chọn thời tiết giỏi thật. Quả là khéo lo trước.

Tô-lu-be-ép ngạc nhiên, hỏi:

-Chọn thời tiết là thế nào?

-Suốt cả tuần, đồng chí ấy cứ hỏi các nhà dự báo, bao giờ sẽ có thời tiết khả dĩ? và đã đợi đến nơi, đến chốn. Ngày mai, chúng ta sẽ đi qua vùng Xô-ga-vác để vào vịnh Bô-khu-sơ tới nơi hẹn. Nếu có gió thì nguy hiểm lắm!

Đêm cuối cùng, con tàu chạy dưới kính tiềm vọng. Tô-lu-be-ép vì tò mò, xin vào buồng chỉ huy và ngạc nhiên nhìn những ngọn lửa xa xăm trên bờ. Một con người như anh trong những năm chiến tranh, không quen nhìn thấy ánh sáng ban đêm, đã phải kinh ngạc khi nhìn thấy cảnh này. Nhưng lúc đó trợ lý chỉ huy tàu, là người coi sóc anh, yêu cầu anh chuẩn bị đồ bộ. Tô-lu-be-ép trở lại phòng mình.

Anh thay quần áo theo đúng chỉ dẫn: hai chiếc sơ-mi vải len, quần vải bạt, áo len thô, áo blu-dông chống mưa bão, mũ nồi len đan. Trong chiếc sắc bằng vải bạt anh mang theo còn có bộ quần áo Mát-xcơ-va, quần áo lót và sơ-mi, những thứ đó đều may ở Na Uy và có dấu của thợ may Na Uy. Anh cũng bỏ luôn vào đó hai hộp dao cạo. Những giấy tờ và sách học, anh cho vào một cái túi cao su đã chuẩn bị trước và giao cho người trợ lý chỉ huy tàu giữ. Người này nhìn anh thật kỹ, đưa anh lại gần chiếc gương.

-Cái nước da tái xanh này được đấy. Cả thân hình tiêu tụy nữa. Thấy ngay là anh mới ở trại tù binh ra...

Nghe thấy tiếng bơm khí vào các thùng chứa, con tàu ngoi lên. Người trợ lý chỉ huy ôm chặt Tô-lu-be-ép, hôn anh, và không hiểu vì sao, nói thầm thì:

-Anh đi đến nơi, về đến chốn nhé...

-Đến quỷ cũng phải chữa tôi ra...-Tô-lu-be-ép cảm động lâu bàu.

Một cái gì xô mạnh vào tàu, sau đó nghe rõ tiếng xột xoạt nhẹ nhẹ. Người trợ lý chỉ huy nói:

-Đã đến giờ rồi!

Tô-lu-be-ép trèo ra khỏi tàu. Trong bóng tối nguy hiểm, chỉ có những ánh sao nhỏ lấp lánh, rõ nhất là sao Bắc đẩu và chòm Đại hùng tinh. Vẫn nghe tiếng xột xoạt của gỗ cọ vào sàn thép. Người ta đón Tô-lu-be-ép và dẫn đến chiếc thang treo bên bằng thừng. Ngay bên dưới mình, anh nhìn thấy, thậm chí cảm thấy, mặt boong của chiếc tàu đánh cá nhỏ đang cọ những thớt đệm

bằng ô-tô vào mạn tàu kim loại.

Từ phía dưới, những bàn tay khác chìa ra đón anh, anh phó thác mình cho họ.

Người ta thận trọng đặt anh lên mặt boong bông bênh. Nghĩ thấy tiếng va chạm của đầu chiếc gậy sắt và chiếc tàu đánh cá nhỏ từ từ tách khỏi mạn tàu bằng thép. Và lập tức tiếng máy nổ của con tàu rộ lên. Thế là tất cả xuống biển, bóng của chiếc tàu ngằm với các bộ phận của nó, -bắt đầu xa dần và nhanh chóng tan biến hết. Trong lúc đó, người ta thận trọng đẩy anh về phía trước, cánh cửa phòng tàu bật ra, một luồng ánh sáng chói rục chiếu vào mặt, và anh đã ở trong một buồng nhỏ với những chiếc giường treo và chiếc bàn. Người đứng trước mặt anh chìa bàn tay ra và lần đầu tiên sau ba năm, anh nghe thấy Na Uy.

-Tôi là Rôn I-véc-xen, thuyền trưởng tàu đánh cá “Mác-grid”.

Tô-lu-be-ép loạng choạng, không phải chỉ vì con tàu lắc lư, mà vì bất ngờ nhiều hơn. “Huyền thoại” anh đã thuộc lòng, nhưng không bao giờ tưởng tượng được là có lúc huyền thoại lại trở thành sự thực hiển nhiên như vậy.

-Tôi vui sướng được gặp anh, -anh đáp bằng tiếng Na Uy.

Rôn I-vec-xen nghi hoặc nhìn anh:

-Anh đợi một người khác ra đón phải không?

Bộ mặt tôi xám, dạn dày xương gió và muối mặn trở nên căng thẳng, bàn tay khô khốc nắm lấy thành giường treo, như muốn dứt đứt nó.

Tô-lu-be-ép thận trọng nói:

-Người ta có nói với tôi tên anh, nhưng nói rằng sẽ gặp anh ở trên nước Na Uy, vùng An-gen-cơ.

-À! -Người đánh cá hít vào lồng ngực, im lặng-Lẽ ra Ap-gu-xơ Ran-sơ phải đón anh, nhưng ba ngày trước, tàu của bác ấy bị tàu tuần tra của Đức bắn.

Hiện giờ Ran-sơ nằm ở bệnh viện. Điện báo viên của chúng tôi đã nhận

được tin không may ấy. Nhưng con đường bí mật phải tồn tại, dù những người dẫn đường đôi khi bị giết chết, nếu không, bọn Đức sẽ làm chủ nước Na Uy!

-Con đường bí mật ư?

-Trong phong trào kháng chiến của chúng tôi, người ta gọi con đường đưa các chiến sĩ bị tình nghi và các tù binh người Anh, người Liên Xô sang các nước trung lập như vậy. Vì thế mà tôi ở đây.

Ông nhìn người hành khách đang vịn tay vào tường và nói bằng giọng khác:

-Mời anh ngồi xuống. Tôi thấy anh mệt lắm.

Tô-lu-be-ép lần theo bức tường rung rinh, bước lên chiếc hòm, thở mạnh và nhìn chung quanh. Trong gian phòng thấp này khá ấm áp. Trên chiếc bàn xếp, có chai rượu đã mở sẵn và hai cốc để trong giá đựng bằng gỗ. Mấy chiếc đĩa cá xê dịch và kê lạnh canh: một miếng bơ to và chiếc bánh mì trắng, mịn màng mà ngoài Na Uy, Tô-lu-be-ép chưa được ăn ở đâu cả.

Rôn I-vec-xen giúp anh cởi chiếc áo khoác vải bạt, vô tình chạm vào vai anh, áy náy nói:

-Anh đúng là vừa ở trại tù ra. Tôi đã từng gặp nhiều người như anh chạy trốn. Con đường bí mật ở trạm chúng tôi không bao giờ bị gián đoạn. Chúng tôi đã chuyển nhiều người sang Thụy Điển và Ai Len. Quả thực ở Thụy Điển người ta cầm giữ họ, nhưng hầu như không trao cho bọn Đức. Còn giờ đây, sau trận Xta-lin-grát người Thụy Điển nói chung buộc phải xem xét lại chính sách của họ. Họ hơi kính cẩn quá với bọn Đức đấy!

-Có nghĩa là sau trận Xta-lin-grát?-Tô-lu-be-ép không kìm được. Muốn nói thế nào thì nói, chứ ánh sáng của chiến thắng này cũng đã rọi lên người anh.

-Đúng thế!-Ran-sơn nói chắc nịch-Thế anh cũng đã ở Xta-lin-grát ư?

-Đáng tiếc rằng không. Tôi bị thương ở Lê-nin-grát.

-Ồ, đây cũng là một thành phố sắt thép đấy-I-vec-xen thán phục nói.-Nếu

không có bọn Kvi-slin-gơ thì tháng tư năm bốn mươi chúng tôi đã có thể chứng minh rằng người Na Uy chúng tôi không phải là hèn nhát.

-Các bạn đã chứng thực điều đó rồi!-Tô-lu-be-ép nói chắc nịch. Anh hiểu rõ thế nào là tham gia phong trào kháng chiến ở một nước bị chiếm đóng.

-Cám ơn!-Ran-sơn I-vec-xen cảm động đáp. Anh suy nhược thể này mà lại hay đấy!-Ông mỉm cười. Giờ đây, thậm chí các cô gái cũng khao khát chiến công. Họ sẽ vỗ béo anh ngay thôi mà!

Mặc dù câu đùa này hơi thô, Tô-lu-be-ép cũng vui vẻ chấp nhận. Nó hứa hẹn sự thành công. Mà anh lại đang cần phải thành công.

Ở đuôi tàu, máy vẫn nổ ròn. Tàu đã bót chòng chành. I-vec-xen lắng nghe tiếng sóng đập ở mạn sườn bên trái và hài lòng nói:

-Tàu đang vào vịnh. Mời anh vào bàn ăn.

Tô-lu-be-ép uống cạn nửa cốc rượu mạnh, giống như rượu tự cất lấy, nhắm đĩa cá đầy ắp và ăn bữa tối có vẻ bữa điểm tâm nhiều hơn. Trên chiếc đồng hồ của anh lấy theo thời gian Âu châu từ hôm qua, kim chỉ ba giờ.

I-vec-xen cũng uống một ngậm rượu lớn, rồi đi ra. Ông đứng lại bên cửa, bảo:

-Tôi thay người giúp việc, để nó cùng ăn với anh. Nó mới đi chuyến này là chuyến đầu tiên. Cần phải để nó nhìn thấy anh. Đừng sợ, con giai tôi đấy mà. Tên nó là Ô-le

Ngay lúc đó, người giúp việc tụt xuống phòng khách. Cậu bé giỏi lắm mới lên mười sáu. Tô-lu-be-ép ngạc nhiên vì sự trẻ trung của cậu, nhưng liền nhớ lại ngay là trong các đội du kích Liên Xô, hiện có hàng nghìn thiếu niên như vậy đang chiến đấu, và trong lòng cảm thấy nhẹ nhõm ngay.

O-le rụt rè chào. Tô-lu-be-ép trả lời bằng tiếng Na Uy. Cậu bé bỗng hớn hờ. Hai người cùng vui vẻ, thân thiện nhìn nhau. Ô-le không động đến rượu, nhưng ăn ngon lành. Cậu giải thích:

-Không biết bao giờ mới về đến nhà, bao giờ mới đưa anh vào được bờ. Bố em bảo phải ăn cho no đến sáng mai.

-Cho ngay hôm nay chứ?-Tô-lu-be-ép chữa lại, chỉ vào đồng hồ.

-Ăn cho cả hôm nay, cho cả ngày mai,-cậu bé điềm đạm trả lời.-Bọn Đức ban ngày vẫn đi bắt những người đánh cá. Chúng ta phải ẩn ở những đảo ngầm. Không một ngọn lửa, không một tiếng động, giống như một chiếc thuyền chết. Có thể bị là bị trôi dạt đến.

-Tàu trôi dạt ư? Thế còn hai bố con?

-Ấy là đại khái như vậy.-Chú bé mỉm cười-Hơi chìm một chút. Bố con em nấp vào đá. Ở đó có hang. Còn chiếc tàu cứ để đấy, như chiếc thuyền chết trôi ấy mà.

-Thế còn anh cũng chết trôi hả?-Tô-lu-be-ép đùa vui.

-Không, sao lại thế. Anh đã có người chờ sẵn ở trên bờ rồi. Bố con em ẩn nấp tránh bọn Đức, đêm mai sẽ trở về.

Tô-lu-be-ép nhìn bộ mặt hồng hào gần như còn trẻ con của cậu bé, đôi vai rộng, và nghĩ thầm rằng anh không có quyền không làm tròn điều người ta mong đợi ở anh. Các đồng chí ở xa bên nước nhà và ở đây trên con tàu này đang đợi anh, và chắc chắn cả những người sắp đón anh cũng mong chờ anh như vậy.

Vòng cung lửa

Phần thứ nhất

Chương 2

Cầu chúa giúp đỡ anh

Tin buổi tối 1-3

“Gần đây, tại mặt trận Tây Bắc, quân ta đã chuyển sang tấn công tập đoàn quân địch ở De-men-xơ. Trong tám ngày, quân ta đã giải phóng 302 địa điểm cư dân, trong đó có thành phố Lư-xcô-vô, Da-li-uc-xe”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

1-3-1943

Vào khoảng bốn giờ sáng, Rôn I-vec-xen gọi Tô-lu-be-ép lên boong và chỉ cho anh những tia sáng yếu chiếu ra từ sau các mỏm đá. Chính ông cầm tay lái, nhẹ nhàng điều khiển con tàu. Và đây, con tàu đã chập vào luồng ánh sáng và đứng lại. Trong giây lát, ánh lửa yếu ớt lóe lên truyền tín hiệu đã tắt ngấm.

Một chiếc thuyền nhỏ dùng để dạo chơi ghé vào mạn tàu I-vec-xen trao vào tay một người nào đó cái xác của Tô-lu-be-ép, ném chiếc thang dây xuống thuyền, ôm lấy vai Tô-lu-be-ép. Giọng ông bỗng trở nên khàn khàn, khe khẽ: -Chúc anh thành công. Cầu Chúa giúp đỡ anh.

-Và nhân dân nữa!-Tô-lu-be-ép cứng cáp đáp, và tụt xuống con thuyền đang chòng chành. Chiếc thuyền lướt vào bờ êm ru, còn con tàu đã tan biến trong bóng tối. Tới lúc đó, Tô-lu-be-ép mới sực nhớ ra là không chia tay với Ô-le, con trai của bác thuyền trưởng.

“Không sao, sẽ còn có những cuộc gặp khác trong tương lai! Hôm nay ta tự hứa với mình, và với những con người tốt bụng này, là sẽ làm mọi việc đến nơi, đến chốn! Mà nếu ta làm trong, ta sẽ còn gặp lại mọi người trong một thời gian tốt lành và sáng sủa hơn”.

Con thuyền trôi nhẹ êm và Tô-lu-be-ép chỉ nhìn thấy bóng những người chèo thuyền trước mắt, ngoảnh lại đằng sau là đuôi thuyền uốn cong. Nhưng đây, đây thuyền đã cọ vào mặt cát, những người chèo thuyền nhảy xuống nước lạnh băng. Một người không nói, không rằng men theo mạn thuyền đến chỗ Tô-lu-be-ép, nhắc bổng anh lên, người kia đỡ lấy cái xác.

Người bế Tô-lu-be-ép ngạc nhiên nói:

-Ồ, sao anh ta nhẹ thế này!

Người cầm túi xách của Tô-lu-be-ép khô khan nhận xét:

-Thế cậu nghĩ bọn Đức vỗ béo tù binh như bác Giô-mét vỗ lợn trước ngày

Giáng sinh hay sao? Trước hết, chúng hành hạ chán rồi mới giết chứ!
Nước không còn lồm bồm dưới chân, và hai người mang vác đã đi trên cát.
Nhưng người to lớn bỗng Tô-lu-be-ép không bỏ anh xuống. “Họ sợ để lại thêm dấu vết!”-Tô-lu-be-ép nghĩ. Anh muốn nói là anh biết tiếng họ. Nhưng những người kia yên lặng. Con đường dẫn lên núi.

Họ đi qua mấy ngôi nhà. Tô-lu-be-ép nhìn thấy chiếc xe hơi đậu sẵn ở đó. Trong xe có lẽ đã nghe tiếng chân người, vì đèn chột bật sáng, chiếc cửa sau mở ra. Người cao lớn bế Tô-lu-be-ép đưa anh vào xe, đầu vào trước, một bàn tay trong xe đỡ anh ngồi xuống. Sau đó, chiếc túi rơi xuống chân và hai người khuôn vác cùng nói:

-Chúc may mắn!

Người đã bế Tô-lu-be-ép khẽ nói:

-Anh ấy suy nhược nặng!

Người lái xe lặng lẽ nổ máy, tắt đèn trong xe. Thoạt đầu, chiếc xe lướt nhẹ trên đá rậm, sau đó chạy ra đường nhựa, phóng về phía Đông, về phía chân trời đang hừng dần. “Nếu ta tin ở điềm lành,-Tô-lu-be-ép nghĩ.-thì mọi điều đều báo hiệu thành công. Nhưng dù không mê tín, có nghĩ là ta phải tự tạo ra thành công”. Anh bình tĩnh ngồi ở góc xe, đôi khi ở chỗ ngoặt hay đường vòng, cảm thấy vai của người ngồi bên. Nhưng vì cả người lái xe lẫn người ngồi bên đều im lặng, nên anh không thể gọi chuyện được.

Con đường nhựa vắng vẻ, mà cả vùng đất này cũng vắng lặng. Tô-lu-be-ép cố hình dung ra bản đồ nước Na Uy. Phải, vùng bờ biển ven vịnh này chỉ nhận nhịp vào mùa nghỉ mà thôi. Có nghĩa là người ta đưa anh ra xa bờ biển, vào vùng trung du. Tất nhiên là xa Ô-xlô, nơi anh phải làm việc, nhưng có lẽ để cho anh hồi sức đã. Đối với họ, anh là người tù binh chạy trốn mà, còn sau đó sẽ liệu.

Họ đi non một giờ. Trời đã sáng khi chiếc xe rẽ ngoặt khỏi đường nhựa chạy qua quãng đường rải xỉ, giữa hai hàng cây đỗ tùng, vào cánh cổng mở sẵn sau đó cổng đóng sập lại khi xe chạy tới một tòa nhà và tắt máy.

Người lái xe quay lại, hỏi Tô-lu-be-ép bằng tiếng Anh:

-Ông có thể đi một mình, hay cần người giúp đỡ.

-Tôi đi được, xin cảm ơn!-Tô-lu-be-ép trả lời và mở cửa xe. Nhưng người lái xe, trả tuổi đã bước ra giúp anh. Người đó lấy tay anh và dẫn vào gần cầu thang.

Anh bước vào một tòa nhà biệt thự nhỏ có vẻ như bị bỏ hoang. Rõ ràng về mùa đông không có người tới ở đây. Dù lửa trong lò sưởi cháy nóng ấm, hơi người thờ ra vẫn thấy rõ. Nhưng ở phòng tiếp sau, nơi anh được đưa vào qua phòng khách, có một lò sưởi to chạy vòng tròn và ở đây thậm chí thấy nóng nực nữa. Qua chiếc cửa lò nhỏ mở ngỏ nhìn thấy những tảng than đá lớn cháy lên ánh lửa màu xanh. Ở đây có kê một chiếc giường nhỏ theo tập quán

địa phương trên phủ một tấm đệm lông, một chiếc bàn viết nhỏ trên đặt một xếp báo bằng tiếng Na Uy và tiếng Đức, một giá mắc áo mà người thứ hai đưa Tô-lu-be-ép đã treo tất cả những thứ để trong túi xách của Tô-lu-be-ép lên, hai chiếc ghế tựa và chiếc bàn con trên còn có để những thuốc men gì đó.

Người thứ hai sắp xếp các đồ ở trong túi xách ra cũng nói bằng tiếng Anh ngắn gọn:

-Anh thay quần áo đi.

Người lái xe đi ra ngoài. Người thứ hai đã có tuổi, rất khỏe mạnh, gân guốc, cúi xuống chiếc lò và đẩy vào đáy bằng hết chiếc túi xách. Tô-lu-be-ép ngoan ngoãn bỏ chiếc áo khoác vải lại, mặc quần thường và áo vét-tông.

Người thứ hai đi cùng nhìn anh vẻ tán thưởng, cầm lấy bộ quần áo ngư dân của Tô-lu-be-ép và cũng đút vào lò sưởi. Khi quần áo đã cháy, ông còn chú ý xáo trộn chỗ tàn than. Tô-lu-be-ép nhận thấy người đó đã cắt những chiếc khay và khóa sắt ra trước.

“Không thể chê vào đâu được, họ đã có nhiều kinh nghiệm”-Anh kính trọng nghĩ thầm, nhìn ngọn lửa lại bùng lên trong cửa lò mở ngỏ.

-Bây giờ anh sẽ được ăn.-Người thứ hai lại nói bằng tiếng Anh. Người thứ nhất, lái xe, có lẽ đang bận xem lại xe. Ngoài cửa sổ nghe tiếng máy nổ được sưởi nóng.

Họ không hỏi anh có nói được tiếng Na Uy không, dường như muốn tránh câu hỏi đó. Nói chung, như thế thì hơn, vì khi cần, họ sẽ nói rằng người mà họ đã gặp nói tiếng Anh. Như thế có thể nói đây là một phi công người Anh. Người Anh hiện nay đang ném bom luôn xuống các nhà máy bí mật và các căn cứ hải quân trên bờ biển miền bắc Na Uy, và điều tự nhiên là đôi khi có máy bay rơi, còn phi công sau khi bắt buộc phải hạ cánh, mưu tìm đường chạy sang nước Thụy Điển trung lập. Giúp đỡ các phi công Anh, không phải là điều nguy hiểm lắm.

Người thứ hai đảo lại than trong lò, gác chiếc gập cời than vào một góc, đứng dậy, cúi chào và nói ngắn gọn:

-Chúng ta còn gặp nhau!-Rồi ông bước ra.

Tô-lu-be-ép cảm kích nhìn theo ông, nhớ mãi đôi vai rộng, những bắp tay nổi lên trong ống tay chiếc áo blu-dông mỏng, đôi chân dài, khỏe khắn, mớ tóc bạc,-con người ấy dễ đã gần năm mươi tuổi, tuy nhiên ông vẫn liều mình. Người thứ hai tuổi trẻ hơn, mạo hiểm dễ hơn.

Tiếng ô-tô chạy tắt dần ở đằng xa.

Nghe tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ, Tô-lu-be-ép trả lời:

-Mời vào!

Một cô phục vụ, đội khăn thêu, khoác chiếc tạp dề nhỏ, chân đi giày vải trong nhà, bước vào, tay bê chiếc khay nhỏ. Trong phòng lập tức tỏa ra mùi

thịt rán, mùi cà phê mới pha. Chị lại gần chiếc bàn con kê bên giường, thận trọng lấy một tay đẩy những lọ thuốc sang bên, đặt chiếc khay xuống.

-Xin mời ông!-Chị mời khê, quay lại người khách, cúi đầu chào. Bỗng nhiên, chị run lên, xuýt đánh rơi cái khay, thốt ra tiếng thì thào:

-Không thể nào được! Anh đấy ư? Anh Vô-li-ô-đi-a!-Chỉ cần nghe tiếng gọi tên kéo dài đáng yêu không đúng kiểu Nga, Tô-lu-be-ép đã nhận ra Vi-ta. Còn tất cả các thứ khác, chị giống như một cô đầu bếp trẻ tuổi quen việc ở bất kỳ một biệt thự quý tộc nào. Nhưng lúc này, khi chị đang đứng không vững trên đôi chân, nom Vi-ta hết như cái ngày cuối cùng ở Ô-xlô ấy, khi đã hoàn toàn rõ như ban ngày là anh sắp sửa biến hẳn khỏi cuộc đời chị...

Và chị vẫn thăm thì, thăm thì: “Ôi lạy cháu! Lạy chúa!” cùng sẽ sẽ và rung động như tiếng “Vô-li-ô-đi-a! Vô-li-ô-đi-a”, cho đến khi cuối cùng, anh cố vượt lên sự yếu nhược và tiến lên hai bước tới cái hạnh phúc bị mất của mình, cho tới khi anh cảm thấy trên môi mình những giọt nước mắt cay đắng của chị... Và mãi lúc đó chị mới tin trước mắt mình là anh, con người đã biến mất từ lâu, không thể mơ ước, bất ngờ và hoàn toàn không thể có được, bởi vì trong thế giới ghê sợ này, không còn có thể tin ở điều gì khác, ngoài những cuộc chia ly.

Bởi vì cả thế giới đang phân chia, cả thế giới đang đau khổ, cả thế giới đang vật lộn...

Và, rồi chị ra trong giây lát, anh cũng thăm thì say mê cái tên của chị, mà anh đã mang theo, đã trải qua bao đau khổ, dày vò: “Vi-ta! Vi-ta! Vi-ta!”, giống như anh có thể nói: “Cuộc sống! Cuộc sống! Cuộc sống!”. Dù cho cái khoảnh khắc này có ngắn hơn một nhịp thở. Mà phải, họ có tương lai gì không? Nếu hồi đó, giữa lúc tình yêu dội lên đầu họ như một tiếng sét của thần linh, đối với Vi-ta, anh lại là một con người bị loại trừ, đang phải trốn tránh, bị săn đuổi, giữa bao mối lo sợ và lòng căm thù sôi sục... Và quả thực chị như nhớ ra điều đó và tay chị bỗng ôm lấy đầu anh, áp vào ngực, như muốn che chở anh khỏi cái thế giới thù địch, cứu anh thoát khỏi mọi bất hạnh đang rình đợi, dù cho sức lực của chị có yếu đuối đến chừng nào.

Họ ngồi xuống bên nhau, trên mặt giường, bởi vì chẳng còn nơi nào có thể ngồi mà ôm nhau, cảm thấy cả hai hòa làm một. Và chỉ lúc đó, chị mới hỏi:

-Hóa ra là anh! Em thật sung sướng quá!

-Thế là em cũng tham gia kháng chiến ư?

-Như anh thấy đấy!-Chị bật cười, và thoát khỏi tay anh, đi ra khỏi phòng.

-Kìa, em đi đây vậy?-Anh kêu là và chị dừng lại ở cửa, nói thầm, nhưng đủ để anh nghe thấy:

-Bỏ mọi quy cách bí mật đi thôi! Em phải đi thay quần áo. Hôm nay là ngày hội của em!

Anh lúng túng nhìn quanh. Lửa reo to trong lò sưởi. Sau rèm cửa xanh lơ,

bình minh đã hiện lên rõ ràng.

Mọi đồ vật trong nhà vẫn đứng yên tại chỗ, không có cái gì giống như ảo ảnh trong giấc mơ bất ngờ này. Nhưng anh vẫn chưa tin ở cảm giác của mình, vẫn sợ hãi là anh sẽ tỉnh lại bây giờ, và thấy mình trong bệnh viện như trước, thân thể bị buộc vào giường lúc ban đêm để anh khỏi lật mình xuống bụng-chỉ có lúc đó, trong những đêm gay go mới có thể mơ thấy những giấc mơ lạ lùng như thế này... Mắt anh nhận ra chiếc khay Vi-ta mang tới, trên đó đặt chiếc bình bạc và chiếc cốc bốn cạnh. Tay anh run run rút chất lỏng màu sẫm vào cốc, đưa lên mặt; anh ngửi thấy mùi cô-nhắc.

Vi-ta ở đây ư? Nàng cũng tham gia phong trào kháng chiến ư? Thật hạnh phúc biết chừng nào anh được gặp ngay chính Vi-ta ở đây. Anh khẽ nấc lên, và không biết đó là tiếng cười hay tiếng khóc, vì anh gần cả hai điều đó. Anh đứng dậy, lại gần chiếc giường để nhìn mình bằng đôi mắt của Vi-ta.

Một bộ mặt gầy guộc, hốc hác nhìn anh. Gò má gầy, xanh nhạt, hơi vàng vọt. Thái dương hóp vào vớ tóc lò xo đã bạc. Ủ, Tô-lu-be-ép anh bao nhiêu tuổi? Sao Vi-ta có thể nhận ra anh nhỉ? Chẳng có lẽ chỉ vì đôi mắt? Người ta nói là mắt không bao giờ thay đổi? Nhưng anh thì anh biết rằng vào những năm đầu gặp Vi-ta, đôi mắt anh giống như đôi mắt chú bé non, hoan hỉ, chăm chăm nhìn vào một điểm-gương mặt của chị. Còn bây giờ, đôi mắt anh là mắt của một người đã bị nỗi đau dày vò, thậm chí có sáng suốt hơn, nhưng có thể chỉ là đôi mắt đau khổ hay đang chờ một cơn đau mới.

Vậy mà Vi-ta đã nhận ra anh!

Anh còn đang kinh ngạc và sự nhận mặt kỳ diệu này thì cánh cửa mở ra, và Vi-ta bước vào.

Lúc này đúng là chị thật, đúng hệt như thời ấy.

-Em thay đổi nhiều lắm, phải không anh?-Chị lo lắng hỏi.

-Còn anh?

Chị bắt gặp vẻ đau khổ trên mặt anh, nhanh nhẹn bước lại gần, đặt hai tay lên vai anh, hơi ngả người ra để nhìn rõ mặt anh. Chị nói khe khẽ:

-Anh thì đã đành. Chiến tranh mà! Em chỉ có thể hình dung ra những điều anh đã phải chịu đựng, nhưng không sao hiểu hết thực sự được. Anh có quyền già trước tuổi, nhưng em phải trẻ mãi, nếu không anh không yêu em nữa.

Anh mỉm cười. Điều chị nói còn trẻ con quá, nhưng nàng mới vên vẹn có hai mươi ba tuổi! Còn anh, nếu tính mỗi năm chiến tranh là ba năm, mà như thế thực tế vẫn là ít, thì anh đã già đi tới năm, bảy tuổi.

-Em lấy đâu ra quần áo diện thế này?-Anh vừa nói vừa nhìn chị.

-Ngày mai em phải về thành phố. Có thể nào em về đó như một con sen được?

-Sao? Ngày mai ngày mai ư?-Anh không dấu được sự buồn phiền.

Chị vui sướng, cười;

-Bây giờ thì em thấy là anh vẫn nhớ em đây! Chị tránh dùng chữ “yêu”, chỉ ghé mắt vào mắt anh, như muốn nhìn vào chiều sâu lòng anh.

-Anh yêu em! Anh yêu em! Anh sẵn sàng xác nhận.

-Vậy sao anh không hôn em?-Nàng ngượng ngập nói.

-Nhưng “ngày mai ấy” vẫn chưa bắt đầu với chúng ta. Em còn ở đây với anh chứ?

-Vâng, vâng! Anh hỏi đi. Em thấy là anh phải hỏi nhiều điều.

-Biệt thự này của ai?

-Của một trong những bạn bè của chúng ta.

-Những người đã giúp anh và đưa anh lại đây là ai?

-Là bạn của chúng ta.

-Cảnh sát địa phương có quan tâm đến biệt thự này không?

-Ở cảnh sát địa phương có bạn bè của chúng ta.

-Bạn bè của em có giúp anh về được Ô-xlô không?

-Tạm thời anh chưa nên làm điều đó. Tất cả những gì anh cần, em sẽ tự mang đến.

-Thế nếu anh cần gặp một người nào đó?

Chị ngẫm nghĩ.

-Đề rồi em xem đã, khi anh cần điều đó.

-Anh hiểu em và bạn bè của em. Mọi người đã mạo hiểm để giúp đỡ anh, một tù binh Liên Xô. Nhưng anh là người lính, và không ai tước bỏ được lời thề chiến đấu của anh. Nếu anh đã được tự do, anh phải chiến đấu.

-Anh lại quần lựu đạn quanh mình rồi lao vào xe tăng Đức?

-Chiến đấu có nhiều cách.-Anh nói đắm chiêu.-Vì vậy anh muốn cảm ơn các bạn của em và phải biến đi thật mau.

-Anh vừa mới gặp em và đã muốn đi ngay? Chị thốt lên ai oán.

-Vi-ta, sao em nói vậy!-Anh xiết chặt chị với sức mạnh mà từ lâu anh không cảm thấy trong mình.-Anh chỉ không muốn mang lại những điều không hay cho bạn bè em thôi. Nhưng nếu anh về Ô-xlô, chúng ta chẳng gần nhau hơn sao? Em đâu có xa lâu được bố và anh?

-Bố biết em ở đâu.-Chị kêu hãnh nói.

Tô-lu-be-ép nhớ đến nhà công nghiệp bệ vệ, có quan hệ bạn bè với các bộ trưởng, các thượng nghị sĩ, con người mà cả nhà vua cũng vui lòng tiếp đón, và hơi mỉm cười. Bây giờ anh phải thân thiện với các bạn bè mới của Vi-ta. Cuộc đời làm thay đổi những con người đến lạ!

-Hồi thế đủ rồi!-Anh nói cương quyết.-Em đã làm anh vững tin. Anh phục tùng em và bạn bè em. Chịu sự giúp đỡ của họ và của em.

Bất ngờ nàng kêu lên vẻ tuyệt vọng:

-Ôi, bữa tối của anh! Thức ăn nguội ngắt đi rồi. Lại còn phải tắm nữa. Phải

tắm nữa.-Chị chạy ra ngoài phòng và trở lại với cái bếp còn. Lấy bao diêm trên bàn châm vào bếp và đặt thức ăn lên hâm lại. Trong phòng bốc lên mùi thức ăn ngon lành. Anh bước lại gần bàn.

Tin giờ chót:

“Mấy ngày trước, quân ta bắt đầu cuộc tấn công quyết liệt thành phố Rô-giép. Bọn Đức từ lâu đã biến thành phố và vùng chung quanh thành một khu vực bố phòng mạnh. Hôm nay, sau những trận đánh dữ dội, kéo dài, quân ta đã chiếm Rô-giép”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

3-3-1943

Khi anh tỉnh dậy, Vi-ta không có ở trong phòng. Nhưng trên bàn, đĩa bánh mì rán và tách cà phê còn bốc khói. Bên cạnh một mẫu giấy nhỏ: “Anh cứ ăn sáng một mình. Em đi đến nhà bạn”.

“Vi-ta đi rồi,-anh nghĩ,-có nghĩa là bạn bè cũng ở đâu đó gần đây”.

Anh ngạc nhiên với những ý nghĩ của mình. Anh không suy nghĩ như một người đang yêu nghĩ đến người mình yêu mới được gặp lại sau cuộc chia ly kéo dài, mà như một chiến sĩ tình báo. Và anh nghĩ hết như hôm qua đã nghĩ về Vi-ta. “Cuộc đời làm người ta thay đổi đến vậy!”. Anh bật cười với những ý nghĩ của mình.

Phải anh là một chiến sĩ tình báo, và đó là cái chủ yếu trong cuộc đời anh.

Còn những cái khác tạm thời-thì chỉ là những niềm vui trôi qua hay những nỗi buồn trôi qua. Và anh phải nghĩ tới nhiệm vụ đã được giao cho anh.

Mặc quần áo xong, uống hết cà phê, anh lững thững đi từ phòng nọ sang phòng kia. Các cửa sổ đều được rèm vải dây che kín, điều đó gợi ra cái ý nghĩ là chủ nhân biệt thự này không phải vô cớ đã thận trọng một cách như vậy. Rất có thể trong phút này, một người nào đó đang chiếu ống nhòm vào sân và vào nhà, xem có gì động tĩnh ở đằng sau các rèm cửa không.

Nhưng tính tò mò đã lấn át cả sự thận trọng. Đi hết các phòng ở tầng dưới,

Tô-lu-be-ép đi lên tầng trên. Và ngay từ trên cầu thang phòng khách dẫn lên tầng trên, anh đã thấy không phải là ánh sáng, mà cả một vùng hào quang.

Trước mắt anh là bình nguyên tuyết phủ, bao bọc bởi những dãy núi thấp chạy dài lên mãi phía bắc, xa tới đến nỗi không đủ nhân lực và tầm cao để nhìn thấy giới hạn của chúng. Chỉ mãi tận chân trời mới thấy một vệt gì đen đen như nước. Tô-lu-be-ép đứng lùi lại khỏi cửa sổ, cứ nhìn ngắm mãi vùng ánh sáng chói chang ấy cho đến khi một ý nghĩ nảy ra: “Ta biết nơi này rồi! Đây là hồ Tre-u-gen”. Giờ đây, anh như đã định hình trong không gian: anh đang ở vùng giữa của bán đảo nam Na Uy, cách thành phố Tre-u-gen không xa bên bờ hồ có biệt thự của ngài Ma-sơn, cha Vi-ta.

Hồi xa xưa, ngài Ma-sơn đã có lần tiếp các đại diện thương vụ Liên Xô nhân việc ký kết bản giao kèo đặt mua chất quặng rất có lời, đã cho xem bức ảnh

cái hồ này với những mỏm đá dốc đứng như những cái trán cừ. Giờ đây, gió đã cuốn hết tuyết trên các đỉnh núi và những mỏm đá non giống như những cái trán cừ thực. Trong những bức ảnh ấy, có cả ảnh biệt thự này, với bãi tắm và những người đang tắm. Anh chú ý đến những bức ảnh này vì trên đó có Vi-ta. Ngoài ra, còn có bức ảnh những biệt thự và nhà nghỉ khác được quét vôi màu rực rỡ với những cửa sổ rộng: đó là khu nghỉ mát của các nhân vật quyền quý...

Anh ngồi vào cái ghế bành thấp bên tường và nhìn quanh. Phòng khách có cửa sổ rộng ở ba phía. Từ chỗ quan sát của mình, Tô-lu-be-ép nhìn thấy qua cửa sổ giữa cả mặt hồ trải dài suốt từ bắc xuống nam và vòng cung bờ biển gầy khúc-thoạt đầu, qua cửa sổ giữa, sau đó qua cửa sổ mở về hướng tây. Trên bờ biển, rải rác cách nhau rất thưa, những biệt thự cũng tương tự như vậy, vây quanh bên ngoài bởi các vườn trồng đỗ tùng và cây com đen. Tất nhiên rồi, gia đình Vi-ta còn có thể nghỉ ngơi ở nơi nào khác? Chỉ có thể là nơi nghỉ ngơi của các thành viên nghị viện, chính phủ, giới công nghiệp và các gia đình quý tộc danh giá của cả nước. Có lẽ ở đây, nếu có bọn gián điệp, thì chúng chả náu mình trong những khu vườn phủ tuyết sát ngay đó làm gì; chúng tới dự những buổi tiếp tân, tiệc trà, hội hè và chúng làm những công việc của mình ở đó, hơn nữa là nhiều người trong các vị quyền quý này lại trung thành cả phần hồn lẫn phần xác với bọn Đức quốc xã và, tất nhiên, đang nhắm nhe chia xẻ cái thế giới mà bọn phát xít sẽ chiếm được. Về cái điều là bọn phát xít có bị đập tan, họ còn chưa tin, hoặc chỉ sẽ tin khi quân đội đồng minh tiến vào nước Đức. Nhưng bao giờ điều đó mới đến? Vẫn chưa có mặt trận thứ hai, những mảnh đất tốt nhất của nước Nga vẫn nằm dưới gót giày bọn phát xít. Có việc gì mà bọn chúng, bọn tay sai và gián điệp của Hitler phải lo ngại!

Anh còn nhìn thấy bằng một nhỡn quan thứ hai: Vi-ta, nàng đang trượt tuyết ven rừng bạch dương giống như những thửa ruộng quen thuộc ở ngoại ô Mát-xcơ-va, dáng nhanh nhẹn, nhẹ nhõm. Mặc dù ở khoảng cách xa, khó nhận ra nét mặt, dáng đi, và đây có thể là bất kỳ người phụ nữ nào khác trong số hàng triệu phụ nữ ở nước này, anh cũng biết: Vi-ta đang đi! Anh chờ chị lại gần với một tình cảm tha thiết như cầu khẩn mà ngày hôm qua anh đã thấy khi gặp chị.

Anh đã đi xuống trước, khi nghe tiếng thanh và gậy trượt tuyết gác vào trong tường, tiếng chôi quét ửng, và anh mở cửa.

Từ người chị toát ra mùi tuyết mới và giá lạnh. Bộ mặt hồng hào ửng lên vui sướng, tưởng như trước đó chị đã lo là không còn thấy anh trong nhà nữa.

Nhưng giờ đây, khi anh đứng sát chị, chị nhẹ nhàng gỡ vòng tay của anh ra.

-Em phải thay quần áo và sửa soạn ăn sáng đã!

-Em có khách à?

-Nhưng anh cũng là khách, mà vị khách được mong đợi biết bao.

-Em đi đâu về thế?

-Em vừa đến nhà bạn bè. Em phải bàn về nơi đầu anh. Ngày mai, em phải đi làm rồi.

-Em cũng đi làm ư?-Trong giọng anh có vẻ ngạc nhiên đến nỗi chị bật cười. Chị trả lời hóm hỉnh!

-Những người phụ nữ Na Uy trung thực phải giúp đỡ nước Đức láng giềng vĩ đại...

-Giúp đỡ về mặt quân sự chứ?

-À, cái đó thì em còn chưa với tới, chẳng qua là bố em sắp xếp em làm thư ký cho một ban thuộc công ty cổ phần của bố em. Anh cũng biết rồi đấy, bố em là ủy viên hội đồng quản trị.

-Phải, phải,-anh máy móc xác nhận. Ngay từ hồi năm ba tám, em đã đọc cho anh nghe cả một bài giảng là khoảng năm mươi ủy viên ban quản lý các nhà băng chính ở Na Uy chiếm tới gần ba trăm chức vụ quan trọng nhất trong các công ty cổ phần có thể lực và các hãng sản xuất kinh doanh.

-Anh đáng được điểm cao nhất về kinh tế học! Anh là một học sinh có tài đấy!

Nhưng vì anh vẫn chưa muốn buông rời chị, chị rút từ túi ngực áo trượt tuyết ra một chiếc ví nhỏ và trao cho anh:

-Các bạn em nhờ em chuyển cho anh đây!

Anh mở chiếc ví và thấy trong bọc giấy ni lông một tờ chứng chỉ có ảnh chụp của anh. Phải, giấy chứng chỉ này là của anh: cả tên họ, cái tên hơi lai một chút: Von-de-mac Tô-lu-be-ép, sinh năm 1913 ở Nac-vich, bố là người Nga làm nghề hàng hải, chủ một chiếc tàu buôn, mẹ là người công xã Nac-vich, con gái một chủ nhà máy cá hộp. Cả bố và mẹ đều đã chết. Khó mà không hoa mắt vì sự hóa thân của chính mình. Anh hỏi:

-Nhưng sai lại là người Nga?

-Cần phải thanh minh thế nào đó cho giọng nói của anh chứ?-Vi-ta mỉm cười-Mà ở Nac-vich, ở Stan-vac-giê bao giờ cũng có người Na Uy gốc Nga sinh sống. Họ được gọi đúng như vậy. Và đó không phải là những người ngoại kiều sống với hộ chiếu của Nan-son, mà là những người di cư lâu đời. Bây giờ bọn Đức trục xuất những người Nga này ra đảo Lô-phơ-ten, nhưng họ không bị cầm cố hay tập trung. Với giấy chứng chỉ này, anh hoàn toàn có thể sống ở Ô-xlô... Mặc dù em không hiểu rõ lắm tại sao anh cứ muốn vào cái hang rắn ấy làm gì!-chị nói thêm về than vãn.-Và những người bạn của bạn em, những người nhờ chuyển giấy tờ này, cũng chẳng nói gì.

-Anh đã nói với em rồi là anh phải tiếp tục cuộc chiến đấu.-anh nhẹ nhàng nhắc.

-Thôi được,-chị buồn rầu đồng ý.-Tạm thời anh hãy đọc mấy tờ báo này.-Chị

xếp thành dải quạt những tờ báo lên mặt bàn.-Đây không chỉ có báo Nga mà cả báo Thụy Điển, Pháp, Đức, quả thực toàn là những thứ xuất bản trong vùng chiếm đóng cả. Báo Na Uy cũng có, nhưng là của bọn nguy Kvi-slin-gơ. Giữ các báo Na Uy khác là nguy hiểm.

-Na Uy cũng có báo ư?

-Không ít hơn ba trăm tờ và nửa số đó ra ở Ô-xlô!-Chị nghiêm nghị trả lời.- Có thứ chỉ là một nửa trang, hay một phần tư trang, in bằng máy in tay, hay chép tay, in tại các nhà in thực sự hay ở sau bàn ăn. Và càng ngày càng nhiều. Bọn em đang tiếp tục chiến đấu đây chứ!-Về mặt chị đầy tự hào.-Hãy dìu dắt nhân dân Na Uy vùng dậy! Anh bây giờ nói không sôi hơn người Lap-lan (Một dân tộc sống trên đảo Phần Lan) chút nào.-Chị khoát tay rồi biến mất.

Còn anh cứ ngắm nghía mãi tờ giấy chứng nhận hộ khẩu. Phải, những người bạn được giao nhiệm vụ săn sóc anh đã lo liệu đủ mọi việc. Anh còn ngạc nhiên hơn nữa là trong ví còn có cả một xếp tiền cu-ron-anh hiệu là của hồi môn cho những ngày đầu của cuộc sống mới.

Chỉ sau khi đã nhớ tất cả những ngày, tháng ghi trong chứng chỉ, những dấu, chữ số và chữ ký, anh mới chuyển sang đọc báo.

Tờ “Dac-bla-det” của Na Uy hóa ra số trang ít hơn trước đây. Tin tức về mặt trận Xô-Đức đã quá mất ba ngày. Trong đó nổi bật hàng chữ đậm tin tức về cuộc tấn công của quân Đức ở Khắc-cốp. Nhưng về việc Đe-men-xơ được giải phóng, việc tiêu diệt bàn đạp Đe-men-xơ nguy hiểm, nơi bọn Đức đã giữ suốt một năm liền thì không có lấy một chữ nào. Về cuộc tấn công của quân đội Liên Xô ở Cu-băng và U-crai-na cũng vậy. Nhưng đáng ghê tởm hơn cả là bản tin giả dối của bọn Đức phát ngày 23 tháng hai nói là trong hai mươi tháng chiến tranh, dường như nước Nga đã mất mười tám triệu binh lính và sĩ quan, bốn mươi tám nghìn khẩu pháo và ba mươi tư nghìn xe tăng. Điều giả dối đó được công bố không có một chú thích nào! Nếu thế ai là người đang truy đuổi quân Đức? Ai đã đập tan quân đội của chúng ở gần Mát-xcơ-va và ở Xta-lin-grát? Ai đã quét chúng ra khỏi mười bốn khu (Khu là đơn vị hành chính gồm nhiều tỉnh)? Có lẽ bọn Kvi-slin-gơ không hiểu là đã bắt đầu một bước ngoặt trong chiến tranh?

Anh cúi gằm nhìn tờ báo sang bên, không nhìn ngó gì đến Tây Nguyên tức về châu Phi và châu Á nữa. Bất giác phải suy nghĩ một điều: sự thật về chiến tranh lọt qua sự kiểm duyệt của bọn Kvi-slin-gơ khó đến thế đấy!

Các báo Thụy Điển không thay đổi, vẫn dày cộp như trước. Nước trung lập sẵn có nhiều xe-lu-lô, và người ta cảm thấy trong nước này không khí làm ăn phần chần. Người ta mua, bán những trang trại, công xưởng, nhà máy, cần nhiều công chức và công nhân. Các thủy thủ tàu buôn được hứa trước những món tiền thưởng lớn về việc chuyên chở hàng đúng kỳ hạn. Xuất hiện hàng

loạt những hãng liên doanh Đức-Thụy Điển: vận tải biển, thương mại, công nghiệp. Hitler không tiếc đồng mác và vàng. Thụy Điển trở thành hậu cứ thực sự của nó. Ở đây bom không rơi, công nghiệp và thương nghiệp phát triển ồ ạt.

Tô-lu-be-ép cố suy luận, đồng thời ngẫm nghĩ phải hành động như thế nào. Vi-ta nói là “bạn bè của chúng ta”. Nhưng “bạn bè của chúng ta” gíp đây chỉ là vì tình nhân loại, vì lòng căm ghét bọn xâm lược. Còn tiếp tục như thế nào? Trở về Ô-xlô? Thành phố này trở thành cơ sở trung chuyển chủ yếu về Đức. Hay nên tới Phíc-mac gần Xec-van-gec? Đây là trung tâm khai thác quặng sắt chính. Nhưng con đường đó dài hàng nghìn kilômét, ở đó nhiều quân Đức, và chắc chắn bọn chúng để ý tới tất cả mọi người tới đây. Bọn cai quản thành phố và cảnh sát toàn vùng rõ là nằm trong tay chúng rồi. Người nói tiếng Na Uy như người Lap-lan tất sẽ gây ra sự nghi ngờ nguy hiểm, dù cho có giấy tờ đến thế nào.

Có cái để mà suy nghĩ.

Còn Vi-ta đang hý hoáy làm gì đó ở dưới bếp. Đó, nàng đang động đến xoong. Nàng đang bát. Chị ngừng rồi lại hát. Có lẽ bữa ăn sáng đã sửa soạn xong. Và đúng thế, Vi-ta mở cửa cúi chào và nói giọng như hát:

-Mời ngài Vô-lô-đi-a dùng bữa điểm tâm!

Phải, không nên làm nàng buồn nhiều. Hãy để cho dù chỉ một ngày thuộc về nàng! Anh trịnh trọng dặt tay chị đi sang nhà ăn.

Thật là một bữa ăn sáng đế vương: cá hương, cà phê với kem sữa, những chiếc cốc và một bình thon đựng cô-nhắc.

Đáp lại tiếng kêu ngạc nhiên của Tô-lu-be-ép, Vi-ta trả lời giọng nghiêm chỉnh:

-Ngài Vô-lô-đi-a quý mến đừng ngạc nhiên. Đây là hàng đầu cơ thời chiến cả. Bọn Đức chở cô-nhắc từ Pa-ri tới và bán ra chợ đen...

Tin giờ chót

1. Từ ngày mùng một đến ngày bốn tháng ba, quân ta tiếp tục mở rộng cuộc tấn công ở phía tây Rô-giép, đã chiếm được thành phố và ga xe lửa Ô-le-nhi-nô và nhà ga lớn Che-tô-bi-nô. Quãng đường sắt Mat-xcơ-va-Rô-giép-Ve-li-kle-lu-ki đã được quét sạch quân địch.

2. Tại khu Ốc-lốp, sau trận chiến đấu kiên cường, quân ta đã chiếm thành phố Xép-xcơ.

3. Ở vùng Cuốc-xcơ, sau khi chiến đấu quyết liệt, quân ta đã chiếm ga Xut-gia.

Tổng cục thông tin Liên Xô

4-3-1943

Sau bữa điểm tâm, họ đi dạo một lát. Vi-ta bắt anh phải đi trượt tuyết. Trong nhà chiến sĩ nhiều thanh trượt, giày và quần áo trượt tuyết. Có nghĩa là chủ

nhà đến biệt thự cả vào mùa đông, mặc dầu không người làm. Vi-ta tự đốt lấy chiếc lò sưởi than ở tầng hầm của ngôi nhà. Trước lò sưởi và các lò than trong khắp các phòng đều có sẵn củi đốt.

Tô-lu-be-ép hỏi về người làm.

-Trong nhà có người thợ đốt lò và vợ ông ta. Nhưng họ được nghỉ đến thứ ba. Đã tính trước là người khách được đưa tới đây ngại sẽ có thêm nhiều người biết đến không cần thiết...-Tất cả những điều đó, chị vẫn tiếp tục nói bằng một giọng bông đùa, nhưng đến đây, bỗng nhiên thốt lên như một lời cầu nguyện:-Nhưng, lạy Chúa, thực kỳ diệu làm sao, anh đã từ cõi hư vô trở về!-Và chị khóc, nhưng không phải vì sung sướng, mà cay đắng...

Mãi lúc đó, anh mới thấy rõ biết bao tình cảm đã dấu kín trong những câu đùa thường xuyên của chị mà chị vẫn thường dùng để trêu anh “con gấu Nga”, ngay từ cuộc gặp gỡ đầu tiên cho tới phút chia ly bi đát, khi anh đã phải vừa nói thật lẫn nói dối để chị tin, buộc chị phải hiểu rằng anh không thể mang chị đi theo được!

Giờ đây, khi đã nếm mùi chiến tranh ở Liên Xô, đã trải qua cái đói, cái rét và hàng nghìn cái chết, có lẽ anh sẽ tìm được nhiều lời lẽ thuyết phục hơn.

Nhưng hồi đó anh buộc phải nói dối nhiều hơn nói thật!

Những hồi ức này thật khó chịu đựng nổi, đến nỗi vừa đi chơi về, chưa kịp quét sạch tuyết ở giày, mà mới chỉ duỗi chân ra trước lò sưởi đang cháy, anh đã hỏi:

-Tối nay, bạn em có thể đem anh về Ô-xlô không?

-Cần gấp thế, anh?-Chị buồn rầu hỏi.

-Anh không có quyền gây nguy hiểm cho em.

-Cũng như em không có quyền gây ra cho anh mỗi nguy hiểm ngày ấy!-

Nàng nói, giọng trầm xuống. Nhìn thấy mặt anh rung động, chị thương hại và nói chậm rãi, như đang nhắc lại một bài học đã khắc sâu.

-Em hiểu là hồi ấy anh đã đến đây từ một đất nước gian khổ đang chuẩn bị cuộc vật lộn một mất, một còn. Em hiểu rằng nhiều người ở nước anh vẫn coi những người như em sống trong thế giới an nhàn, no đủ gần như là kẻ thù của mình. Nhưng chẳng lẽ anh không thuyết phục được họ là anh yêu em ư? Mà anh cũng biết là tình yêu không thể đi đến chỗ phản bội được!

Đầu nàng cúi xuống thấp hơn và nàng chỉ nhìn ngọn lửa. Có thể nàng sợ nhìn thấy anh đau khổ. Anh thận trọng nâng cằm nàng và nhìn vào mắt.

Phải, chị đã trả giá đắt cho cuộc chia ly ấy. Như tia hồ quang hắt ra từ ánh lửa, nỗi đau phản chiếu trong đôi mắt chứa đựng bao nỗi niềm day dứt trong tâm hồn sống động của chị. Anh thận trọng áp má vào môi chị.

-Thế anh định thu xếp ở Ô-xlô như thế nào?-Chị hỏi, đã bình tĩnh hơn.

-Có thể các bạn em sẽ giúp anh điều đó?

-Bạn bè của chúng ta sẽ làm điều đó hết sức mình, chị nhấn mạnh-Nhưng họ

cũng phải biết anh định làm gì chứ?

-Ồ, được thôi. Anh sẵn sàng chia xẻ điều đó với em và các bạn em, mặc dù anh cũng chưa hình dung được rõ tương lai sẽ ra sao. Anh còn nhớ là người Na Uy rất bảo thủ, họ không thích thay đổi chỗ ở, thường chỉ sống trong tổ ấm của mình. Ít khi rời ra khỏi đó để bay nhảy. Dù rằng chiến tranh đã đến nước em sớm hơn nước anh, nhưng có thể hy vọng là nhiều người anh quen vẫn làm việc ở chỗ cũ và vẫn sống trong những căn hộ trước đây. Anh muốn tìm bác thợ cả An-đây-en ở nhà máy làm ổ vòng bi, bác ấy sống ở bờ bên phải sông A-kec-en-vơ, ở E-xcan-tê.

Cái con sông nhỏ này cắt ngang Ô-xlô hầu như là một đường ranh giới ngăn giữa thành phố của những người giàu-ở phía tây và thành phố của những lao động-ở phía đông.

-Nhưng khu ấy thì kinh chết!-Với tất cả vẻ hồn nhiên của một người có cuộc sống êm ấm, Vi-ta thốt lên.

-Thế tù binh vượt ngục còn tìm nơi ẩn nấp ở đâu nữa? Ở khu phố có những hàng cây, ở Ve-xcan-tê nơi có dinh thự của bố em ấy ư? Chắc chắn là người ta chả cho anh một phòng ở đâu... Còn bác thợ cả An-đây-en không chỉ đã từng làm việc ở văn phòng “Công ty xuất nhập khẩu Liên Xô”, mà về chí hướng cũng gần gũi với những người cộng sản. Anh nghĩ là bác ấy sẽ giúp anh tìm được việc làm.

-Việc làm?

-Thì chính em cũng đi làm đấy thôi!-Anh cười khẩy-Chúng ta cùng giúp đỡ nước Đức láng giềng vĩ đại...

-Nhưng bác thợ cả có thể giúp anh tìm được việc gì? Anh là một kỹ sư cơ mà!

-Rất khó tin là ai lại giao việc của một kỹ sư cho anh,-anh nghiêm khắc nói, cố đưa chị ra khỏi những khái niệm trước. Nhưng ngoài điều đó ra, anh còn là một nhà luyện kim, cơ học và còn được coi là một tay khá nữa-chính dựa vào điều đó mà anh sẽ bắt đầu cuộc sống mới.

-Và em không còn được gặp anh nữa ư? Nàng hỏi buồn rầu.

-Sao lại thế? Bao giờ anh kiếm được tiền, anh sẽ mời em đi nhảy. Ở bên phải Ac-vec En-vơ ấy có những quán nhảy kha khá cho nam nữ công nhân, không hiểu bọn Đức có đóng cửa không?

-Anh thôi đi! Nàng kêu lên và bất ngờ khóc, đầu úp vào lòng bàn tay. Những giọt nước mắt nhỏ chảy qua kẽ những ngón tay thon nhỏ. Điều đó thì anh không thể chịu nổi. Ghì đầu chị vào ngực mình, hôn lên đôi mắt đầm lệ, anh khẽ:

-Anh sẽ luôn luôn ở bên em! Em chỉ cần khẽ huýt sáo miệng một cái là anh đến ngay thôi.

Và anh đã đạt được ý muốn: chị lại mỉm cười. Bây giờ chia ly hầu như có

vẻ không đáng sợ hẳn.

-Nhưng hôm nay và ngày mai, anh dành cho em cả chứ?

Chị yêu cầu như vậy mà tự mình vỗ về:

-Còn đến tối mai, các bạn sẽ chở anh tới Ve-xcan-tê, và anh sẽ có số điện thoại ở nhà riêng, ở nơi làm việc của em và của các bạn nữa.

-Thật tuyệt!-Anh vui vẻ reo lên-Ít ra thì anh cũng không đến nỗi thất nghiệp. Bác An-đrây-en cũng có điện thoại và suốt ngày anh sẽ ngồi bên máy.

-Anh đừng đùa tàn nhẫn thế!-Chị cầu xin.

Và chính anh hoảng sợ nhìn thấy chị giống như ngày cuối cùng ở Ô-xlô, khi đã rõ ràng rành là anh sắp vĩnh viễn biến khỏi cuộc đời chị, dù hoàn toàn không rõ là anh có về đất nước hay không. Quân Đức bắt chấp những hiệp ước thương mại với nước Nga, rất thù địch đối với những người Nga sống ở Na Uy hồi ấy.

Trong những ngày cuối cùng đó, Vi-ta cũng ngẩn ngơ như vậy. Không sao biết được bọn Đức có cho các tàu thủy Liên Xô chở quặng và máy móc cùng các nhân viên thương vụ và các phái bộ thương mại ra đi hay không-các biên giới bị đóng chặt, thế giới bị phân chia bởi các đội quân đang đánh nhau.

Thế mà giờ đây chị lại thấy anh là một người lính chứ không phải là một người tình, và điều đó lại làm cho chị bắt đầu tin là hạnh phúc đã trở lại, phải bàng hoàng.

Anh phải thề rằng sẽ không làm chị buồn. Và hai ngày anh đã giữ được lời thề ấy.

Đến thứ hai, lúc vừa hoàng hôn, các vị khách kéo đến.

Tô-lu-be-ép quan sát từ cửa sổ, nhận ra ngay cả người và xe. Đó là những người đã đón anh ở ven biển.

Vi-ta tái nhợt, nghe tiếng xe hơi chạy lại gần, nhưng lúc này chị không thấy sợ mà chỉ hình dung ra một cuộc chia ly nữa.

Người ít tuổi đã từng dìu Tô-lu-be-ép khỏi xe hôm trước, lúc này mặc một bộ quần áo may tuyệt đẹp, đi giày mùa đông thật êm, có thể là một nhà thể thao chuyên nghiệp, cũng có thể là một chính khách chuyên nghiệp hay một luật sư. Người nhiều tuổi hơn, vai rộng, to lớn, cầm nặng nề, giống như một võ sĩ quyền Anh.

-Ồ nom ngài đã khá hẳn!-Người trẻ tuổi reo lên bằng tiếng Anh.

-Tôi vui sướng được cảm ơn sự giúp đỡ của các bạn!-Tô-lu-be-ép chào mừng họ bằng tiếng Na Uy.

-Ngài lại biết cả tiếng của chúng tôi nữa?-Người đứng tuổi bối rối hỏi.

-Ngài Tô-lu-be-ép đã từng ở nước ta hai năm, làm đại diện thương mại xuất nhập khẩu. Ngài là một kỹ sư Nga nổi tiếng, chuyên gia về quặng đen và kim loại. Vi-ta giải thích. Họ đã thỏa thuận về sự giới thiệu này.

-Xn chào bạn đồng nghiệp!-Người nhiều tuổi thốt lên, và vội tự giới thiệu:-

Xven-son, kỹ sư luyện kim. Hiện giờ tôi lãnh đạo một phân xưởng thí nghiệm nhỏ. Tôi làm việc cho bọn Đức. Nói chung, chắc ngài biết những nhà máy luyện ở vòng bị chứ?

-Tất nhiên có.-Tô-lu-be-ép vừa đáp vừa bắt bàn tay chìa ra.-Năm bốn mươi, tôi đã đặt mua khá nhiều sản phẩm hảo hạng của các ngài.

-Bọn Đức sau khi chiếm Ô-xlô một ngày, đã đòi những người lãnh đạo tổ hợp phải hủy bỏ ngay hợp đồng đó!-Xven-son cau có nói.

Người trẻ tuổi vẫn chăm chăm nhìn Tô-lu-be-ép như nhìn một con ngựa biết nói. Mãi tới khi Tô-lu-be-ép cũng đã bắt chặt cả tay anh, anh mới lúng túng nói:

-Xe-vet Xven-son, cử nhân văn khoa.

-Con trai tôi đấy.-Người nhiều tuổi tự hào giải thích.

-Chúng tôi vừa về đây nghỉ thì nhận được lệnh của Phong trào kháng chiến đi đón ngài.-Chàng thanh niên trả lời.

-Chúng tôi không có được một nhóm đông lắm đâu.-Xven-son bở mím cười.-Những lực lượng chủ yếu của phong trào ở trên núi.

Tô-lu-be-ép hiểu rằng người ta đợi ở anh một sự tin cậy đáp lại. Vi-ta mời các vị khách ngồi vào bàn và Tô-lu-be-ép tận tình kể lại những điều mà người tù binh vượt trại phải kể. Anh cũng không quên kể là người đánh cá Rôn I-véc-xen đã đón anh.

Theo sự chú ý linh hoạt của khác, theo nụ cười của họ trao đổi với nhau, Tô-lu-be-ép hiểu rằng họ chờ sẵn câu chuyện đúng như vậy.

-Thế ngài định làm gì trong thời gian tới?-Xven-son bở nói.

Tô-lu-be-ép kể về kế hoạch của mình: đi tìm bác An-đrây-en quen cũ, thợ cả của nhà máy làm ở vòng bi và nhờ bác sắp xếp cho việc làm và nơi ăn chốn ở.

-Tôi muốn khuyên ngài nên tiếp tục nghỉ ngơi-Xven-son bồng nghiêm khắc nói. Dù hai ngày qua đã giúp ngài lấy lại sức, nhưng nhà máy ở vòng bi không phải là nơi an dưỡng đâu...

-Tôi phải phục hồi thật mau chóng. Các bạn đã làm được bao việc, đến chúa cũng không thể làm hơn được nếu muốn cứu thoát tôi. Nhưng giờ thì mặc kệ chúa với công việc của mình. Ở đây lâu e có phần nguy hiểm, đặc biệt là bọn Ghê-xta-pô. Với sự giúp đỡ của bác An-đrây-en, tôi có thể mau chóng được nhận là một người Na Uy gốc Nga.

-Có thể vậy... Người nhiều tuổi tự lự nói.

Họ ra đi lúc trời đã khuya. Bố con Xven-son ngồi đằng trước, Vi-ta và Tô-lu-be-ép ngồi đằng sau. Xven-son bở tự lái xe lấy. Ông báo trước là đường có vài đồn cảnh sát. Dù bọn cảnh sát đã quen chiếc xe này nhưng tổ hơn là ngài Tô-lu-be-ép nên làm ra vẻ đang trò chuyện với tiểu thư Vi-ta.

Vòng cung lửa

Phần thứ nhất

Chương 3

Còn có những người dũng cảm trên Trái đất

Tin giờ chót

“Ngày 12-3, quân đội mặt trận phía Tây, dưới sự chỉ huy của thượng tướng V.I.Xô-cô-lốp-xki đã chiếm được thành phố và đầu mối đường sắt Via-dơ-ma”

Tổng cục thông tin Liên Xô

12-3-1943

Tất cả đã diễn ra tốt đẹp hơn cả điều Tô-lu-be-ép có thể hy vọng. Xven-son bỏ cho biết là đã có thời quen cụ An-đây-en, nhưng đã lâu không gặp cụ.

Ông nói điều đó một cách khô khan:

-Kỹ sư và thợ cả là hai tầng lớp hoàn toàn khác nhau trong xã hội-Nhưng không để Tô-lu-be-ép tò mò gì thêm:-Kỹ sư có thể đến gặp thợ cả, nhưng thợ cả không thể tự nhiên đến gặp kỹ sư mà không được mời...

Tô-lu-be-ép mỉm cười về sự giải thích này, nhưng anh không tranh cãi.

Không khéo mọi hy vọng về cụ An-đây-en có thể trở thành xôi hỏng bỏng không mất.

Xven-son bỏ để chiếc xe ở trong ngõ gần nhà bác An-đây-en rồi đi. Sau nửa giờ nói chuyện chậm rãi với bác An-đây-en, ông nhắc đến tên họ kỹ sư Nga, người quen cũ của bác. Rồi mười phút sau, ông bảo rằng Tô-lu-be-ép vừa chạy khỏi trại tù binh và đang ngồi trong xe, cần được sự giúp đỡ. Sau đó, vác thợ cả già chạy bỏ ra khỏi nhà, bỏ mặc Xven-son ngơ ngác ngồi bên tách cà phê; và sau một phút nữa, không để cho Tô-lu-be-ép chia tay với những người bạn đường, dắt anh vào căn nhà nhỏ của mình.

Và thế là anh bắt đầu sống với bác An-đây-en.

Suốt một tuần, anh không gọi điện cho Vi-ta.

Anh biết rằng những ngày đầu tiên trên mảnh đất xa lạ sẽ khó khăn nhất, và không muốn có những sự bất trắc ngẫu nhiên liên quan tới Vi-ta. Mà những công việc của anh thực hiện quả là nguy hiểm.

Trước hết phải bắt liên lạc với nhà, để báo tin anh đã tới nơi thuận lợi. Đại tá Kri-xchi-an đã trao cho anh khóa mật mã đơn giản nhất: vào bất kỳ thư viện công cộng nào, lấy cuốn “Xa-ga” (Một tác phẩm thơ sử thi rất phổ biến của Na Uy) bằng tiếng Na Uy, xuất bản năm 1912, lật trang bảy, mười bảy và hai mươi bảy. Ở trang bảy, anh sẽ thấy tên người phải tìm-trang mười bảy, tên phố-trang hai mươi bảy-số nhà. Lúc đó, Tô-lu-be-ép đã phải ngạc nhiên

tại sao lại cần phải rắc rối như vậy, sao không cho anh nhớ tên và địa chỉ luôn, nhưng đại tá Kri-xchi-an khô khan trả lời: cái mà anh dễ nhớ thì cũng dễ quên, dễ nói buột ra. Hơn nữa, “Xa-ga” thậm chí không được mua đi, bán lại. Cứ việc vào thư viện, cứ việc đọc rồi trả, miễn là không để lại một dấu vết nào.

Và anh đã ngồi trong một thư viện công cộng gần nhà bác An-đrây-en, lật giở từng trang trong cuốn sách này.

Ngay ở trang đầu đã định sẵn, với linh cảm sắc bén, anh đã tìm thấy câu chuyện trong đó có nhắc tới người khổng lồ tóc hung, đời sông chuyển núi, tên là... Ran-son!

Tô-lu-be-ép lắng người đi trước trang sách. Anh đã giả định là có thể tên người sẽ quen thuộc. Phong trào kháng chiến tập hợp dưới ngọn cờ của mình những người ưu tú nhất. Nhưng Ran-son bây giờ đang nằm trong bệnh viện của ngư dân với vết thương chưa lành và tất nhiên ông bị cảnh sát nghi ngờ. Nhưng có thể ông ta chỉ là một người trùng tên với người mà Tô-lu-be-ép đang đi tìm? Mặc dù trong tổ chức nhỏ bé như phong trào kháng chiến, khó có thể sự trùng hợp kỳ lạ như vậy được.

Anh chăm chú xem kỹ trang mười bảy, hai mươi bảy. Trang mười bảy nói về chiếc cối xay gió có phép lạ. Có lẽ tên phố là phố Xay Bột, trang hai mươi bảy, ngoài số trang, không có con số nào khác, có nghĩa là số nhà hai bảy.

Lại gần tám bản đồ Ô-xlô treo ngay trên tường cạnh đó, Tô-lu-be-ép tìm thấy khá dễ dàng phố Xay Bột ở một trong những ngõ hẻm trên bờ sông A-kec-en-vơ chia đôi thành phố. Vẫn chính là khu phố đông người nghèo ấy, khu của những người đánh cá, thủy thủ, phu khuân vác, công nhân, cách nhà bác An-đrây-en không bao xa. Phải tới đó.

Ở nhà 27 phố Xay Bột, một phụ nữ đứng tuổi mở cửa cho Tô-lu-be-ép. Mặt bà ta lộ vẻ đau khổ, đôi mắt như đã khóc nhiều. Nghe thấy giọng dân Lap-lan, bà ta toan xông vào anh với hai nắm đấm. Cũng may là không ai thấy cơn thịnh nộ của bà ta, chỉ có hai người đứng ở bậc cầu thang trên tầng hai.

-Chính vì anh, vì các anh, những tên ngoại quốc đê tiện, mà chồng tôi bị bắn vào sườn-bà ta vừa kêu vừa xô người khách xuống bậc thang.

Tô-lu-be-ép chụp sâu chiếc mũ xuống đầu, lùi bước.

Ở nhà, khi cụ An-đrây-en đi tắm về lên gác xép gọi anh xuống ăn tối, Tô-lu-be-ép thận trọng hỏi người đánh cá Ran-son.

-Đánh cá gì ông ta!-Bác An-đrây-en nhạo báng nói-Đó chỉ là một gã ba hoa, thế thôi. Ông ta cũng làm ở nhà máy ở vòng bi, còn chuyện đánh cá chỉ là để kiếm thêm. Nhưng ông ta chẳng bao giờ làm nên chuyện cả. Lần vừa rồi, ông ta không kịp đốt lửa hiệu đúng lúc máy chết, tàu trôi ra Ska-ghe-rac, lúc đó thật không may, tàu tuần tra của bọn Đức đã xả súng máy vào người ông.

Bọn Đức không cần theo phép lịch sự. Quả thực sau đó chúng có lời Ran-son lên bờ, nhưng ông đã bị mấy viên đạn vào bụng. May một điều là người chánh kỹ sư không ưa gì bọn Đức, đã ghi vào sổ là Ran-son nghỉ ốm, nếu không có thể bị đuổi khỏi nhà máy chứ chả chơi.

Tô-lu-be-ép buồn rầu nghĩ Ran-son đã ra biển để đến nơi hẹn gặp với chiếc tàu ngầm. Có nghĩa là trong điều bất hạnh này, chính anh có lỗi!

-Vậy mà cháu lại nghĩ ông ta là một người can đảm đấy!-Anh dè dặt nói.-Và nếu bác định đi thăm Ran-son ở bệnh viện thì cháu rất vui lòng được đi theo, bác An-đrây-en ạ.

-Có khi anh nghĩ đúng cũng nên,-Bác thợ cả tư lự nói, liếc nhìn vị khách với một vẻ láu lỉnh-Thôi được, ngày mai thứ tư là ngày thăm bệnh nhân, ta có thể đi thăm được.

Hai người không nói gì thêm về chuyện ấy nữa, nhưng sáng thứ tư, Tô-lu-be-ép chuẩn bị sẵn hai bao thuốc lá ngon và một chai rượu rôm nhỏ. Anh cũng đã từng nằm ở bệnh viện, nên hiểu rõ cái khổ nhất ở bệnh viện là không được hút thuốc và uống rượu. Bản thân anh không được dùng những thứ này, nhưng nếu vết thương nhẹ thì không có loại thuốc men nào hay hơn!

Bác thợ cả về nhà sớm hơn, và vào lúc bốn giờ, hai người đã tới bệnh viện của những người đánh cá. Tòa nhà nom ảm đạm, già nua như nhà dưỡng lão, nhưng ở ngoài sân có nhiều nhà mới xây, trong đó có khoa ngoại. Bác thợ cả An-đrây-en một mực đòi hỏi, nên hai người đã nhanh chóng được vào.

Ran-son quả là một người to lớn, tóc hung. Tuy nhiên lúc này, ông không thể chuyển sông, dời núi, mà nằm dài trên giường bệnh, nhưng thấy khách là linh hoạt hẳn lên. Trong phòng còn có hai người nữa, nhưng có lẽ Ran-son được vị nể-hai người kia rời khỏi giường, đi ra ngoài. Tô-lu-be-ép lặng lẽ đặt quả lên mặt chiếc bàn con. An-đrây-en mĩa mai trêu bạn:

-Thế nào, anh đánh cá,được mẻ khá chứ?

-Thế nào cũng sẽ được!-Ran-son ảm đạm đáp, liếc nhìn người khách thứ hai đang im lặng.

-Anh định bắt cá gì ở Ska-ge-rac thế?

-Thôi đi, bác An-đrây-en, bọn Đức đã hỏi lục vấn tôi mãi đến phát chán rồi. Chúng lục tung cả các mớ lưới lên.

-Thế chúng tìm gì ở dân đánh cá mình?-Bác An-đrây-en không vui hỏi.

-Từ lâu đối với chúng, chúng ta không phải là người nữa!-Ran-son ngắt lời.-Sao, anh bạn của bác không biết nói à?

-Biết nói, nhưng tôi thôi. Đây là người Na Uy gốc Nga, ngài Tô-lu-be-ép. Ông ấy sẽ làm ở nhà máy chúng ta. Nghe nói là anh bị bọn Đức cù, ông ấy cho anh là anh hùng! Cứ một mực đòi theo tôi.

-Người Nga à?-Ran-son toan nhồm dậy, nhưng kêu lên rồi đầu lại đổ ngay

xuống gối.-Thế ngài làm gì ở đây, ngài người Nga?-Ông cứ thế nhìn chăm chăm vào bộ mặt gầy của Tô-lu-be-ép.

-Tạm thời tôi học tiếng,-Tô-lu-be-ép trả lời-Tôi vừa đọc “Xa-ga” trang bảy, mười bảy, hai mươi bảy.

-À,-Ran-sơn kéo dài.-Quyển ấy văn hay lắm. Nhất là trang hai mươi bảy.

-Ở đó có một người phụ nữ buồn, lúc nào cũng nhớ chồng.

-Anh vừa nói tên anh là gì nhỉ?

-Vla-đi-mia Tô-lu-be-ép.

-Cảm ơn anh đã đến thăm. Tôi nghĩ là bác An-đrây-en sẽ thu xếp mọi việc cho anh.

-Tôi đã ở chỗ cụ rồi. Ngày mai lần đầu tôi sẽ đến nhà máy. Nói chung, tôi có nhiều bạn bè.

-Ran-sơn quay lại cụ An-đrây-en.

-Xin lỗi bác, tôi thấy mệt thế nào ấy. Lại còn phải viết thư cho công ty bảo hiểm để họ chuyển tiền cho bà xã nhà tôi. Đến thăm tôi nữa nhé!-Tay ông bỗng yếu đi, trĩu xuống.

Tô-lu-be-ép nắm lấy bàn tay bỗng trở nên mềm nhũn ấy và nghĩ thầm: “Bác ấy quá xúc động! Mà có thể nào khác được! Bác ấy đã nghĩ là vì cuộc chạm trán xuân gốc với bọn Đức mà cả chiến dịch đã đổ vỡ!”. Nhưng đôi mắt của Ran-sơn mỉm cười.

Khi họ ra khỏi bệnh viện, cụ An-đrây-en bảo:

-Sao bạn chỉ toàn nói về “Xa-ga”? Phải nói về mình nữa chứ. Anh ấy thích những con người dũng cảm.

Tin buổi sáng

“Ở Trôn-khây-me, những người yêu nước Na Uy đã đánh bom một chiếc tàu thủy Đức, làm nhiều tên chết và bị thương. Ở Sta-van-gie, một nhóm người Na Uy có vũ trang đã tấn công một nhà kho quân sự. Sau khi diệt bọn bảo vệ, những người Na Uy đã đốt kho, thiêu hủy nhiều quân trang, quân dụng của bọn xâm lược Đức”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

11-3-1943

Bác thợ cả An-đrây-en thu xếp cho Tô-lu-be-ép vào làm công nhân luyện nhiệt.

Ở nhà máy có nhiều dân tị nạn làm việc.

Đó là những người Lát-vi, E-xtô-ni chạy tới đây khi chính quyền Xôviết được thành lập ở nước họ năm 1940. Sự xuất hiện thêm một “dân tị nạn” chẳng làm ai chú ý. Không ai đòi hỏi giấy tờ, chỉ cần một bác thợ cả đứng ra bảo lãnh.

Đối với việc giải quyết vấn đề mà Tô-lu-be-ép quan tâm thì nhà máy này không mang lại gì nhiều lắm. Nhưng giấy chứng nhận làm việc ở nhà máy

cho phép được sống ở thủ đô, và lại tất cả sản phẩm của nhà máy đều xuất cảng sang Đức, nên khi có dịp có thể tìm hiểu được bọn Đức cần loại thép gì.

Còn tạm thời chuyên gia nhiệt luyện Tô-lu-be-ép phảo tôi luyện những vòng ổ bi các cỡ khác nhau mà vẫn hy vọng rằng không phải tất cả những thứ đó sẽ được gắn vào một hệ thống trọng pháo hay xe tăng nào đó mà bọn Đức sẽ đem dùng trong những trận chiến đấu tới.

Một tuần sau, anh gọi điện cho Vi-ta.

Anh gọi điện từ một buồng máy tự động giữa giờ làm việc, và Vi-ta cầm ống nghe.

-Phòng vận chuyển đây!-Chị nói bằng một giọng sáng khoái thích hợp với một cô thư ký.

-Vi-ta, anh đây,-anh nói.

-Trời đất, anh Vô-lô-đia!-Chị vui sướng, kinh hãi thốt ra. Có lẽ trong phòng có người cho nên chị chuyển sang nói tiếng Nga.-Anh nói ngay bao giờ em gặp anh và ở đâu?

-Sáu giờ chiều, gần công viên, bên bờ vịnh!-Anh nói vội câu đã chuẩn bị sẵn từ lâu.

-Được rồi!-Chị trả lời cũng vội vã như vậy, và đây nói đã bị cắt.

Sáu giờ kém mười lăm, anh sửa soạn tới công viên bên vịnh. Anh bao giờ cũng ưa thích công viên bên vịnh biển này với những bức tượng của nhà điêu khắc Vi-ghe-lan đặt ngay từ cổng vào và hầu khắp cả công viên. Ngày ẩm áp, tuyết tan trên các bức tượng và lối đi, nhỏ giọt từ trên cây xuống. Các ghế ngồi khô ráo. Những con chim sẻ bù xù và những con bồ câu béo nục mổ những mẩu bánh vụn từ lòng bàn tay của các bà già mặc măng tô ẩm áp, cổ lông, đi găng tay đen hay thu đôi tay xơ cứng trong ống sườn tay. Một con sóc nhảy từ trên cây xuống, chạy qua đường, đớp nhanh miếng bánh trên tay một bà già, rồi lại chạy vọt trở lại cây thông oằn mình vì gió biển, nhanh như một tia chớp anh. Tô-lu-be-ép tìm thấy một chiếc ghế trống, ngồi xuống và nhìn quanh.

Dưới chân, vịnh biển màu xanh biếc và hẹp trải dài, hầu như cả thành phố từ trên các dãy núi đá cao đều dồn xuống đây. Sau bờ vịnh, những dãy núi cao dốc, rất gần, hiện lên đen ngòm. Trên đường phố, những chiếc xe quân sự Đức, dáng cục mịch qua lại, đây đó lính và sỹ quan Đức đi thành từng nhóm hai ba người. Chúng không đi phố một mình, thậm chí cả ban ngày, có lẽ làm theo lệnh của cấp chỉ huy: trong những năm này, đã có nhiều vụ lính và sỹ quan mất tích bí ẩn-mặt nước sâu và đen ngòm của vịnh biển không hé mở những bí mật của mình. Cũng có cả những tên cảnh sát tuần tra, mặc quân phục Na Uy, nhưng thái độ chúng khá hiền lành.

Chung quanh không có gì nguy hiểm. Chỉ có mấy đôi ngòi ghé sát vào nhau

ở những chỗ vắng, sưởi ấm cho bạn bằng hơi ấm của mình, hay cầm tay bạn gái trong tay mình, vì thời tiết lúc này chưa phải để cho những kẻ yêu nhau. Nhưng Tô-lu-be-ép ghen tị với họ và sự yên tĩnh dù là tạm thời của họ. Nhưng không, đâu phải yên tĩnh! Đây, một chú bé ôm xấp báo buổi chiều chạy qua, và cả các bà cụ, cả các cặp yêu nhau, đều nhất loạt thò tay vào túi, vào ví, tìm những đồng 3 xu, 5 xu mờ xám và mọi người đã có tờ báo loạt xoạt trong tay, mặc dù không khí đã thấm lạnh, đến lúc phải ra về. Tô-lu-be-ép cũng mua một tờ “Da-bla-det” mà mỗi người công dân đáng kính, có thể là đảng viên Đảng Xã hội Dân chủ hay một người có cổ phần đều phải đọc.

Anh chúi mũi vào tờ báo, qua tin tức của bọn chỉ huy Đức, cố nắm tình hình trên các mặt trận. Bọn Đức tiếp tục viết về cuộc tấn công theo hướng Khắc-cốp. Tập đoàn quân “Trung tâm” miền Bắc đã cải tiến được “tuyến phòng thủ co dãn” của mình. Từ này mới xuất hiện trong các bản tin của Đức gần đây và bao giờ cũng có nghĩa là một cuộc rút lui trước sức ép của quân đội Liên Xô. Nhưng nghe chúng vẫn có vẻ lạc quan. Mãi đọc những dòng dài đặc và huênh hoang trên mặt báo, Tô-lu-be-ép không nghe tiếng chân đến gần. Anh sực tỉnh vì giọng nói thân yêu.

-Ngài Vô-lô-đia, ngài đón người yêu như vậy sao? Thế hoa đâu?

Anh nhồm dậy, đánh rơi tờ báo. Nhưng chị đã áp mình vào anh, đặt tay lên vai anh, kiễng chân lên hôn vào môi anh. Anh nhẹ nhàng đỡ chị ngồi xuống.

-Anh tệ lắm, tại sao mãi không gọi điện cho em?-Chị hỏi, vẫn cố tiếp tục trò chơi bông đùa, nhưng giọng nói đứt quãng, thiếu tự tin. Anh bắt giác tự trách mình vì đã mang lại cho chị bao điều lo ngại.

-Tiểu thư Vi-ta, người bạn trung thành của cô đang vừa qua một cuộc thi sát hạch!-Anh cố đùa giọng theo chị.

-Anh thi lấy bằng tú tài hả?

-Không, thì làm chuyên gia nhiệt luyện ở nhà máy vòng bi.

-Hừ, anh đùa gì ác thế!

Chị giận dữ như một đứa trẻ và anh lặng lẽ cầm tay chị trong tay mình. Chị phải quen với cái việc anh không phải là một kỹ sư tài hoa từ nước Nga xa xôi tới, người mà chị cùng những người bạn nhiều tuổi hơn từng vồ vập, còn những người ít tuổi hơn thì tôn trọng nghe từng lời nói một. Khi đó, anh là đại diện của một Nhà nước, hôm nay, anh đại diện cho ai? Ít ra, anh phải là một người chỉ của riêng chị thôi.

Chị rùng mình vì một cơn gió lạnh và Tô-lu-be-ép vội đứng dậy.

-Vi-ta, ta vào tiệm cà phê đi! Anh phải uống một chút gì đó,

-Cả em nữa, cà phê chẳng hạn.

Anh trịnh trọng xóc những đồng cu-ron bạc trong túi.

-Em có nghe thấy tiếng nhạc này không? Tiền lương lần đầu của anh đấy.

Chị xót xa nhìn bộ mặt gầy gò của anh, và thân hình lùn thùn trong chiếc áo măng tô mới mua như một chiếc mắc áo.

-Anh phải lấy ít tiền của em và phải nghỉ ngơi ít ra một tháng đã!-Chị nói trách móc.-Không hiểu sao họ có thể lấy anh vào làm việc được! Nom anh chỉ còn có da bọc xương thôi!

-Có xương rồi sẽ có da thịt!-Anh nói vô tư.

-Thế nào? Thế nào?

-Ồ, đó là một câu thành ngữ Nga,-anh giải thích.

-Anh nói những thành ngữ cứ như lời cầu nguyện ấy,-chị phản nản.-Anh cũng biết là em không hiểu được những câu đặc ngữ!

-Anh sẽ thôi!

Anh đưa chị đến một quán ăn mà anh đã để ý khi đi đến chỗ hẹn. Quán ăn ở trong một cái ngõ, rẽ vào đó anh còn quay lại nhìn đằng sau. Anh tưởng chừng có một người ăn mặc sang trọng muốn đi theo hai người, nhưng sau đó nghĩ lại, quay trở ra. Và anh cũng đã quên ngay người đó.

Họ ngồi trong sự cô đơn huyền hoặc. Dọc hai bên bàn đều có bình phong Trung Quốc vẽ con rồng màu hồng. Rồi họ khiêu vũ một lát-hai người chỉ nhảy những điệu trình trọng, chậm rãi như bô-xtôn và tăng-gô,-và lại uống cà phê một lúc lâu. Ngoài cửa sổ đang cuộn lên một cơn bão xuân ngấn ngủi và ẩm ướt, và họ lại cảm thấy mình như trong những ngày mới yêu nhau-những con người bơ vơ, cô độc, không tổ ấm, trên mảnh đất hoàn sơ chưa thích nghi được với mọi niềm vui.

Rồi đến lúc chia tay ở bên nhà chị, một tòa nhà đá cẩm thạch, được tạo dựng nên cho các cuộc giao tiếp chính thức nhiều hơn là cho hạnh phúc gia đình, những phòng ở được dẫu kín, khéo léo đến thế trong chiều sâu căn nhà, ở phần nối liền với một mảnh vườn nhỏ bên trong, anh bỗng cảm thấy trên đôi môi mình đôi môi của chị và tiếng thì thầm nồng nàn:

-Mai lại là thứ bảy! Chúng mình ra biệt thự! Em sẽ đón anh lúc một giờ.

Nhưng anh cho biết ở đâu?

-Anh sẽ ở gần công viên,-anh chỉ nói được có vậy.

Tin buổi tối:

“Ngày 15-3, quân ta, sau nhiều ngày chiến đấu dữ dội, đã di tán thành phố Khark-cóp theo mệnh lệnh của cấp trên.

Ở Xmô-len-xcơ, tiếp tục tấn công, quân ta đã chiếm được thành phố Khôi-mơ ôi-rơ-cóp-xcơ.

Trên các mặt trận khác, quân ta tiếp tục tấn công theo các hướng trước”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

15-3-1943

Tám giờ sáng, anh ở nơi làm việc của mình.

Ngày làm việc ngắn ngủi, hôm đó những người lãnh đạo phân xưởng đường

như đã phát điên lên và cố tăng nhanh sản phẩm đến mức tưởng chừng họ muốn cho ra trong bốn giờ đồng hồ số ổ vòng bi bằng của cả một ngày thường. Lò luyện nhiệt, nơi Tô-lu-be-ép đang trực, làm việc quá định mức, và anh đã báo điều đó cho kỹ sư trực ban.

Viên kỹ sư xem các bảng đọc, các thông số, khoát tay:

-Không sao!

Không sao thì không sao! Có lẽ viên kỹ sư hy vọng rằng những người kiểm tra cũng muốn rời xưởng cho sớm. Còn Tô-lu-be-ép thì ngày nào cũng mong tất cả sản phẩm anh luyện nhiệt đều biến thành phế phẩm. Và mặc dầu anh biết rằng không có quyền liêu lĩnh, nhưng sao lại không liêu khi người kỹ sư cho phép?

Vào chín giờ sáng, bác thợ cả An-đrây-en xúc động đến gặp anh. Ca-ma-rat Vla-di-mia, người ta gọi anh tới kỹ sư trực ca.

Tô-lu-be-ép cởi bỏ bộ quần áo bảo hộ loang lổ a-xít, mặc chiếc áo vét để ở trong tủ phòng trực, đi theo bác thợ cả. Tuy vẻ ngoài anh có vẻ bình tĩnh, nhưng tim đập dồn dập và nhẹ bẫng.

Bác An-đrây-en đưa anh đến phòng kỹ sư trực ca, để anh lại đó rồi biến sau những cỗ máy: “Bác ấy sẽ đứng yên chờ sự cố thứ hai, xem mình bị giải đi hay sẽ trở về nơi làm việc”.

Trong phòng không có ai ngoài kỹ sư mà Tô-lu-be-ép vừa trò chuyện hồi nãy. Kỹ sư gạt đầu về phía ống nghe đã nhắc ra.

-Ông Tô-lu-be-ép, ông có người cần nói chuyện!-Và ông ta nhìn người công nhân đầy vẻ sững sờ như nhìn một điều kỳ diệu đang hiện ra trước mắt. Ít ra là chưa bao giờ một người công nhân nào được mời tới phòng này.

-Tôi nghe...-Tô-lu-be-ép nói chậm rãi và bình tĩnh. Nói chung, cái ý muốn nói tiếng Na uy thật thạo, thật hay đã làm cho anh trở nên bình tĩnh.

-Ngài Tô-lu-be-ép?-Giọng nói phụ nữ nhẹ nhàng, chắc là của cô thư ký.-

Ngài Ac-vit Ma-sơn nói chuyện với ngài.

Anh xuýt đánh rơi ống nghe. Cha Vi-ta!

-Ông Tô-lu-be-ép?-Bao giờ anh cũng nhận ra giọng nói trầm, hầu như đặc sánh vì béo mỡ, giọng nói của một người có quyền thế, không bao giờ phải hoài nghi vì một điều gì.

-Vâng-anh trả lời tự nhiên, hết sức bình tĩnh.

-Mời ông tới văn phòng tôi sau nửa giờ.

-Xin lỗi ngài Ma-sơn, tôi sợ không được phép bỏ việc để đi.

-Tôi đã nói chuyện với người phụ trách phân xưởng. Xe của tôi đợi ông ở cổng nhà máy đây.

-Xin cảm ơn. Tôi sẽ lại.

Anh đặt ống nghe. Viên kỹ sư trực ban vẫn nhìn anh như nhìn một con la suốt đời kêu ngô nghê bỗng nói bằng tiếng người.

-Thật là ngài Ac-vit Ma-son nói chuyện với ông à? Ông ta hỏi.

-Chắc ngài đã nói chuyện với ngài Ma-son?

-Không phải tôi mà phụ trách ca. Tôi chỉ được lệnh tìm anh và gọi tới máy điện thoại ở văn phòng.

-Vâng, ngài Ac-vit Ma-son-Tô-lu-be-ép mệt mỏi đáp. Không có những câu hỏi tò mò này, anh cũng đã mệt lắm rồi. Để thoát ra, anh nói cụt ngắn:-Chà là tôi có một phát minh nhỏ muốn trình bày cùng ngài Ma-son...

Ồ! Trong mắt viên kỹ sư ánh lên vẻ trầm trồ thần phục.

-Tôi có thể rời chỗ làm việc được không?-Tô-lu-be-ép hỏi thẳng vào việc, cố gắng làm giảm bớt vẻ trầm trồ thần phục trong đôi mắt viên kỹ sư.

-Tất nhiên! Tất nhiên rồi! Ông được nghỉ suốt buổi hôm nay! Ông ta vội trả lời.

Bên cửa văn phòng, bác An-đây-en lặn từ sau các cỗ máy ra. Bác cầm tay và kéo anh ra xa.

-Có chuyện gì xảy ra thế?

-Không có gì, bác An-đây-en thân mến! Chỉ có một cô gái xin cho tôi được nghỉ buổi làm việc hôm nay thôi.

-Chà, anh chàng số đào hoa nhi!-Bác An-đây-en reo lên, thần phục.-Chú mày định lừa con cá mập già này bằng món mồi này ư? Thôi được, lão sẽ im miệng, sẽ im! Miễn là mọi chuyện đều êm đẹp!

Tô-lu-be-ép rời ông lão, vội đi đến tủ làm việc của mình. Bên lò luyện, đã có một người công nhân khác. Tô-lu-be-ép mặc măng-tô rồi chạy ra cửa.

Ở cửa ra đã có người đón sẵn: người bảo vệ đánh dấu giờ nghỉ rồi trả giấy ra vào cho anh. Người thứ hai ở cửa là tài xế của Ma-son. Tô-lu-be-ép khoái trí như một đứa trẻ vì anh đã mặc bộ quần áo lễ nghi duy nhất để đi dự cuộc tiếp kiến. Muốn gì thì gì, nhưng đi gặp ngài Ma-son phải ăn vận cho đúng mốt.

Người lái xe lặng thinh. Anh ta phóng xe theo những phố vắng, tốc độ không kém trăm cây số giờ.

Một cô thư ký trẻ đón anh với cái nhìn đầy thần phục. Trước kia ở đây là một người đàn bà khác, nghiêm nghị, không biết mỉm cười.

-Ngài Tô-lu-be-ép? Ngài Ma-son đang chờ ngài!

Anh bước vào phòng làm việc đã quen thuộc. Ac-vit Ma-son, vẫn đường hoàng, đĩnh đạc như mọi lúc, chỉ có tóc bạc hơn, đứng dậy sau chiếc bàn, chìa tay ra cho anh:

-Chào ông Tô-lu-be-ép.

Toàn thân Tô-lu-be-ép cảm thấy cái nhìn đánh giá của ông ta. Không biết Ma-son hình dung người khách đặt hàng ngày trước nay ra sao, nhưng cái nhìn của ông ta điềm tĩnh hơn. Tô-lu-be-ép chỉ thay đổi về thể xác nhưng ăn mặc chỉnh tề, cư xử tự tin như hồi vẫn ký với Ma-son những hợp đồng hàng

triệu bạc, đặt mua thép chất lượng cao.

-Ông làm thế nào mà lại lọt vào được Ô-xlô thế?-Ma-sơn hỏi.

-Tôi trốn khỏi trại tù binh Đức ở miền Bắc Na Uy.

-Vậy ra ông không thể chọn được nước nào khác?-Ma-sơn hỏi chằm chọc.

-Nước Phần Lan cũng có bọn Đức ở đó rồi.

-Có thể sang Ai-len chẳng hạn? Dân ở đó cũng mến khách lắm.

-Tôi thích nước Na Uy hơn.

-Thú thực, tôi bao giờ cũng sợ là ông sẽ lại hiện ra trên con đường của tôi.

Những người bôn-sê-vích bao giờ cũng bắt ngờ.

-Ngài hãy cảm ơn Hit-le. Nếu không có hắn thì tôi đã yên ổn làm ăn ở U-ran nước chúng tôi rồi và chẳng quấy rầy ngài. Nhưng làm sao ngài đã tìm ra tôi?

-Rất đơn giản! Đây!-Ma-sơn đặt lên bàn mấy tấm ảnh. Đó là những tấm ảnh chụp anh và Vi-ta, một chiếc găng công viên, chiếc kia đi chơi phố, chiếc thứ ba ở tiệm ăn.

-Mật thám của ngài làm việc rất khá!

-Làm thế nào được? Vi-ta là một trong những cô dâu giàu có nhất ở nước chúng tôi. Nhờ đâu bỗng nhiên không phải ông mà là một tên bất hảo nào đó? Ông thì tôi còn biết rõ và biết rằng ông không có quyền lấy người nước ngoài...

-Vậy chính ngài đã kiện tôi với quan chức ở sứ quán chúng tôi?

-Đáng tiếc là như vậy?

-Vậy bây giờ ngài còn hối tiếc điều gì nữa?

-Lẽ ra chỉ cần chờ vài ngày là chiến tranh sẽ xóa ông khỏi chân trời thôi. Thế mà bây giờ tôi lại buộc phải quan tâm đến ông. Ông dùng cà phê nhé? Cô-nhắc?-Ông ta bấm bụng và nói với cô thư ký hiện ra ở cửa:-Cà phê và cô-nhắc.-Khi cô thư ký đi ra, ông ta nói thêm:-Nom bẻ ngoài ông yêu lắm! Tôi đã không tin là ở trại tù binh Đức tôi tệ đến thế. Nhưng từ nay tôi sẽ thận trọng hơn với những kết luận của mình.

Hai người im lặng uống cà phê và cô nhắc. Tô-lu-be-ép hiểu là con người khổng lồ này đang có điều phải suy nghĩ. Mẹ Vi-ta mới mất cách đây mấy năm và ông ta không lấy vợ nữa. Có vẻ như ông giành cho Vi-ta tất cả tình cảm của mình. Và không phải ngẫu nhiên ông nhắc tới sự việc xa xưa ở sứ quán. Ông cũng có thể thân nhiên như vậy gửi nhận xét không thuận lợi về người Nga này cho cảnh sát, và nếu thế còn ít-cho Ghê-xta-pô. Với Ac-vit Ma-sơn phải hết sức cẩn thận.

-Ông Tô-lu-be-ép, ông định làm gì?

-Đáng tiếc là tôi không thể về Nga được. Đành phải chờ đợi chiến thắng của chúng tôi thôi.

-Chiến thắng ư?-Ngài Ma-sơn tỏ vẻ vô cùng ngạc nhiên-Vậy ông có biết là

người Đức đã chiếm lại Khác-cốp chưa? Nói chung, ông có biết gì về tình hình trên các mặt trận không?-Ông ta ra khỏi bàn, đi đến mảnh tường nhỏ phủ lụa xanh, kéo sợi dây và trước mắt Tô-lu-be-ép hiện ra tám bản đồ thế giới với vô số các màu cờ: Anh, Mỹ, Nhật, Đức, Nga...

Tô-lu-be-ép lại gần bản đồ. Không thể chê gì được, nhà công nghiệp Ac-vit Ma-sơn hẳn phải cảm thấy mình ít nhất là người đứng đầu Bộ Tổng tham mưu. Thế giới đang đánh nhau nhận được sự đánh giá của ông ngày hai lần theo đúng bản tin buổi sáng và buổi chiều.

-Có thể bọn Đức đã lấn được chúng tôi chút ít ở miền Nam thật.-Tô-lu-be-ép lạnh lùng nói. Nhưng chúng tôi đã đuổi chúng thật xa khỏi Mat-xcơ-va và Xta-lin-grat, từ Mai-khốp đến Grô-dơ-nui, đến nỗi bất kỳ cuộc tấn công nào sắp tới của chúng cũng đều sẽ trở thành chiến bại.

Ac-vit Ma-sơn chau mặt nhìn Tô-lu-be-ép, kéo miếng vải che bản đồ. Quay lại bàn, ông ta nói, giọng khô khan và cứng rắn:

-Đúng ra phải đưa ông về trại tù binh mới phải. Nhưng ông đã từng là một chàng trai tuyệt vời từ cái hồi xa xưa, khi mọi người còn được tự do buôn bán với nhau. Ông ở lại nhà máy thì nguy hiểm: ở đó có nhiều dân di tản từ Lat-via, E-xtô-ni tới. Mà họ đối với người Nga cuồn cuộn đầy hận thù như người Đức. Tôi cho rằng ông vẫn còn là một kỹ sư chứ? Và có lẽ ông đặc biệt quan tâm đến ngành xuất khẩu của chúng tôi? Tôi để ông làm kỹ sư cố vấn về xuất khẩu quặng ở văn phòng của tôi. Nhưng Vi-ta thì ngày mai tôi sẽ mang sang Đức...

Ông vừa giảng đôn vừa liếc nhìn Tô-lu-be-ép. Anh nhìn xuống. Ngài Ma-sơn đợi một lát, rồi gọi cô thư ký.

-Ngài Tô-lu-be-ép sẽ làm việc ở đây. Chị đưa chìa khóa phòng số sáu cho ông ấy. Chị hãy chuẩn bị và bàn giao cho ngài Tô-lu-be-ép các quyết toán về xuất khẩu quặng của năm ngoái và từng tháng của năm nay. Ngài Tô-lu-be-ép trực tiếp thuộc quyền tôi. Tôi sẽ tự chuyển lệnh cho kế toán trưởng.

Cô thư ký ghi các chỉ thị của Ma-sơn vào sổ rồi đi ra.

Ma-sơn nói tiếp:

-Ông hãy đặc biệt chú ý tới việc trao đổi thư tín của chúng ta với Công ty cổ phần "Tra-phích" của Thụy Điển. Chúng tôi buộc phải làm ăn với họ để bọn Đức khỏi nghĩ đến chuyện tịch thu cả vùng mỏ của chúng tôi. Mà người Thụy Điển lại trao cho chúng tôi những tin tức rất giá trị!-Ông ta yên lặng và nói sang chuyện khác.-Tôi nghĩ rằng ông cứ sống ở nhà bạn bè thì tốt hơn. Dọn tới khách sạn sẽ thêm nhiều điều phiền phức. Hôm nay ông hãy cố thu xếp mọi việc của ông ở nhà máy. Còn bắt đầu từ sáng thứ hai, ông sẽ bắt tay vào công việc mới. Tôi sẽ gặp lại ông sau một tuần.

Khi chia tay ông ta có vẻ đăm chiêu, đã lại nghĩ về một chuyện gì khác...

Mãi ra đến ngoài phố, Tô-lu-be-ép mới sức tỉnh. Anh không hiểu là ngài

Ma-son giữ anh bên cạnh mình để bảo đảm sự yên lành cho cái tổ ấm của mình hay ai đã khuyên ông chăm lo cho kẻ lẩn trốn tội nghiệp? Nhưng ai? Vi-ta? Những người của Kri-xchi-an? Hay Xven-son?

Từ trong buồng điện thoại gần nhất, anh gọi điện cho Vi-ta.

-Anh cần gặp em và càng mau càng hay.-Anh nói khẽ.

-Chúng ta sẽ gặp nhau ở biệt thự mà!-Nàng cãi lại và nói thêm:-Thực tình chúng mình chỉ ở đó tới sáng mai thôi. Trưa 12 giờ, bố em đã đợi em rồi. Em đến anh vào một giờ trưa...

Anh còn kịp đến nhà máy và thanh toán công việc. Bác thợ cả An-đrây-en có vẻ lo lắng ra mặt khi nhận được tin anh lại trở thành kỹ sư.

Tin buổi sáng:

“Đêm 16-3, quân ta tiếp tục tấn công theo các hướng trước”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

16-3-1943

Vi-ta đầy vui vẻ, phấn chấn.

Để Tô-lu-be-ép ngồi xuống bên cạnh chị hỏi:

-Anh vừa gặp bố em?

Anh chăm chú nhìn chị. Chị thận trọng lái chiếc xe trong dòng xe của những người giàu có đang vượt ra ngoại ô. Những người ít tiền hơn đang đứng đợi ở các ga xe buýt, tay cầm thanh trượt tuyết, sau lưng mang túi thức ăn, có khi là cả một cái lều gấp như một chiếc dù. Cả thành phố đi tới nơi trượt tuyết.

Ngày êm dịu, sáng sủa. Các cửa hiệu đóng cửa để lại mở cửa vào sáng thứ hai, các cô gái mặc quần và áo len trượt tuyết từng tốp chạy ra khỏi nhà.

Điều đó đã thành tập quán lâu đời: chiều thứ bảy và cả ngày chủ nhật dành cho thể thao, các cuộc đi chơi ở ngoại thành. Việc bọn Đức chiếm đóng nước này dường như không thay đổi tập quán đó.

Vi-ta nhìn thấy mặt Tô-lu-be-ép trong gương, giảng giải:

-Buổi sáng, em nhìn thấy ảnh bọn mình ở trên bàn bố em. Có lẽ em đã lộ ra điều gì đó, nếu không ông đã chỉ cho người theo dõi bọn mình. Lúc đó em liền bảo ông là cần phải giúp đỡ anh.

-Thế em có biết mai ông sẽ đem em sang Đức không?

-Ồ, chỉ có một tuần thôi! Bao giờ em cũng đi với ông mà!

-Em có biết chương trình của chuyến đi này không?

-Bố em được mời tới dự một buổi lễ long trọng nào đó ở chỗ ngài Crúp. Thế sao hở anh?-Chị rời mắt khỏi con đường, nhìn sang Tô-lu-be-ép.

-Ôi, em cần thận một chút,-anh kêu lên. Trong hai năm nay, anh đã hoàn toàn không quan với giao thông ồn ào của đô thị và luôn luôn tưởng như các chiếc xe ngược chiều sẽ lao vào chiếc “BMW” nhỏ bé Vi-ta đang lái. Vào thành phố toàn là các xe tải: chúng chở rau quả và thực phẩm cho tuần tới.

Vi-ta lại nhìn về phía trước, nhưng một nếp nhăn nhỏ hiện lên chỗ giữa đôi lông mày. Có điều gì đó đang làm chị băn khoăn.

Luồng xe đã tản ra theo nhiều hướng và dễ đi hơn.

-Vô-lô-đi-a! Bố em nói là...-chị nói khê-anh sẽ sắp biến khỏi đây. Có thực thế không?

-Anh đã nói, anh là người lính và anh trung thành với lời thề của anh. Anh phải chiến đấu với nhân dân nước anh.

-Thế còn em?

-Sau chiến tranh, nhất định sẽ đến với em.

Anh nghĩ thầm: “Nếu đại tá Kri-xchi-an không cản trở...”.

-Em biết rằng ở nước anh rất khó ra nước ngoài.-Chị buồn bã nói. Nhưng chị lại tươi tỉnh lại ngay. Nhưng em đã đến tuổi trưởng thành rồi, và tự em có thể sang thăm anh được...

Anh nghĩ đến đất nước lúc kết thúc chiến tranh, cái cô bé được nuông chiều này sẽ khó khăn đến thế nào giữa hoang tàn và đổ nát. Nhưng anh không tranh cãi. Có thể là chị sẽ liều. Và anh trở về cũng sẽ không còn khù khờ như trước, để đến nỗi một người nào đó sẽ quyết định cuộc đời riêng tư của anh. Anh yêu, và điều đó đủ để anh có quyền được hạnh phúc và chứng minh lẽ phải của mình.

-Chúng ta sẽ ở bên nhau!-Anh nói cứng rắn.

-Anh, người lính Xô Viết, anh cần gì ở đây vậy?-Chị nghiêm nghị hỏi.-Em thấy anh luôn có điều gì lo lắng mà.

-Anh muốn giúp Tổ quốc anh chiến thắng!

-Cái đó gọi là gián điệp phải không?-Chị hỏi.

-Không cái đó gọi là tình báo.

-Chống lại nước Na Uy nhỏ bé đã bị đánh bại ư?

-Không, chống lại “nước láng giềng vĩ đại” mà em đang giúp đỡ đầy hiệu lực đây.

-Đất nước nhỏ bé của bọn em có thể làm được gì?

-Bạn bè chả chiến đấu đó thôi?

-Thế mà cũng là chiến đấu ư? Chỉ là trò chơi Hồng thập tự thôi. Có những người đang bỏ cát vào thuốc súng hoặc cài các kíp nổ rỗng vào bom, thế mới là chiến đấu chứ.

-Em cũng biết những người như vậy à?

-Báo chí gọi họ là những kẻ phá hoại, tòa án của Kvi-slin-gơ kết án xử bắn họ.

Nàng cắn môi, tăng tốc độ, dường như sợ hãi những lời lẽ của chính mình và muốn xua đuổi chúng đi. Tô-lu-be-ép yên lặng.

Con đường vượt qua những thửa rừng tới bờ hồ. Đám đông những người trượt tuyết đang lướt trên mặt băng ven bờ hồ phủ lớp tuyết mềm hằn lên chi

chít dầu vết thanh trượt tuyết. Những dinh thự, biệt thự, những tiệm ăn nhỏ, quán cà phê hiện ra. Bên cửa vào những nơi ấy, những thanh trượt tuyết gác bên nhau hàng chục đôi và những gậy chống sơn màu xếp thành hàng dài. Cổng tòa biệt thự quen thuộc đột nhiên hiện ra. Những cánh cửa mền khách mở rộng.

Vi-ta để xe bên tam cấp và Tô-lu-be-ép giúp nàng mang ra những túi xách, làn và va-ly. Vi-ta mở cửa ga-ra, đưa xe vào.

Không ai ra đón họ, nhưng ngôi nhà được sưởi ấm, trong nhà ăn, trên bàn đã bày sẵn hai bộ đồ ăn, nhiều chai rượu vang, rượu uýt-ki, nước ngọt, hoa quả, trên bếp hơi còn leo lét ánh lửa đặt những nồi xoong thơm ngon.

Tâm trạng Vi-ta lại thay đổi, chị linh hoạt hẳn lên, hát “Ăn thôi, ăn thôi, ăn thôi!”-rồi chạy đi rửa mặt và khi trở lại, Tô-lu-be-ép thán phục nhìn chị trong bộ quần áo ngày lễ.

-Hôm nay là ngày hội của chúng ta-Nàng reo lên và hồi tiếc:-Vô-lô-đi-a, tại sao anh không mặc bộ x-mô-king? Mặc dầu em nhớ là người Liên Xô không có quần áo ngày lễ. Tại sao vậy?

-Chẳng qua bên anh người ta không quen như vậy.

-Một sự giản dị khắc khổ phải không? Nàng hỏi đùa.

-Nếu em muốn, thì đúng vậy.-Và anh trích những câu thơ còn nhớ được:

“Chúng tôi đã trải qua trường học gian truân, xây thành phố trong những khu rừng rậm rạp, lái tàu biển trên vùng cực đới, đáp khí cầu bay về hướng mặt trời. Chôn người chết chúng tôi không khóc, trong ngày vui chỉ uống nước suối trong. Chúng tôi đã đứng dậy bên ngưỡng cửa âm u, không cầu xin các ông chủ xót thương. Chúng tôi muốn sống trong no ấm. Hy vọng là bạn của chúng tôi và chúng tôi yêu cầu các cô gái yêu mình-đúng con người thật-trong bộ quần áo lao công”.

-Phải, đúng là một sự giản dị khắc khổ.-chị nhắc lại vẻ suy nghĩ.-Nhưng có khi như thế lại tốt hơn cái thế giới loay hoay tàn nhẫn bọn em đang sống-Chị nhìn Tô-lu-be-ép với vẻ hy vọng.

-Đó là thế giới của anh!-Anh nói,-Và anh không muốn thế giới khác.

-Có nghĩa là em phải tiếp nhận tín ngưỡng của anh?-Nàng nói khẽ.-Như con gái đạo Tin lành yêu người theo đạo Thiên chúa phải chuyển sang nhập đạo của người ấy!

Anh lặng thinh. Chị không hề giống người theo đạo Tin lành, mà cả kiểu cách của ngôi nhà, bữa ăn long trọng, bộ quần áo tuyệt đẹp và có lẽ vô cùng đắt nay, tất cả những cái đó đều trái ngược với lời lẽ của chị, khiến cho chúng chỉ là một câu đùa.

Nhưng chị đã cắt ngang câu chuyện, bắt đầu chăm sóc khoản đãi anh, bắt chước một người vợ đang yêu, lâu ngày mới được gặp chồng và cố làm anh được hài lòng, toại nguyện.

Và anh bắt giắc khuất phục cái trò chơi đáng yêu ấy.

Và cuộc gặp gỡ này đúng là một sự kỳ diệu: với trò chơi trượt tuyết, cuộc tâm sự hồi lâu bên lò sưởi, những lời lẽ âu yếm và bữa ăn tối vui vẻ kéo dài tới tận nửa đêm.

Buổi sáng, anh tỉnh dậy vì chị nhìn anh đầy chăm chú, thậm chí còn có vẻ khắc khổ nữa, trên chiếc ghế thấp đặt bên giường. Chị ăn mặc theo kiểu thành phố. Anh bắt gíc nhìn đồng. Đã mười giờ.

-Sao em nhìn anh chăm chú thế?

-Em muốn hiểu.

Chị cúi xuống, hôn anh rõ lâu, ngồi thẳng lên, đi ra cửa.

-Anh dậy mau, ăn sáng!

Anh nhanh nhẹn cạo râu và đi ra nhà ăn.

Vi-ta đáng đăm chiêu, thoáng vẻ buồn. Anh nghĩ: “Vi-ta bịn rịn vì cuộc chia tay!”

-Anh có thể ở đây cả ngày. Em sẽ gọi điện cho Xven-son để bác ấy đưa anh về bằng xe riêng.

-Không, anh đi luôn với em.

-Cảm ơn anh.

Chị thu dọn bát đĩa, xếp lại các va-ly. Tô-lu-be-ép đôi lúc bấp gặp cái nhìn băn khoăn của chị. Sau đó, chị ngồi xuống bên cái bàn trống, tì tay vào cằm, nhìn vào khoảng trống hồi lâu, rồi hỏi:

-Anh quan tâm đến điều gì ở bên Đức?

-Em muốn là đôi mắt của anh?

-Không, là tâm hồn của anh.-chị trả lời nghiêm túc.

Anh suy nghĩ: mình không còn có thể gửi thác cho ai khác!

Người yêu-đó chính là tâm hồn mình! Ta đã hiểu tâm hồn Vi-ta, thì tại sao không thể tin được là Vi-ta cũng hiểu được những khúc mắc trong tâm hồn ta. Ngài Ac-vit Ma-sơn là bố Vi-ta thì ít mà là đôi thủ của anh nhiều hơn. Và Vi-ta vẫn là chỗ dựa, là sự che chở của anh. Hãy để cho Vi-ta trở thành đôi mắt, trở thành tâm hồn của anh, như thế chị có thể lại dễ sống hơn!

-Sao anh im lặng?-Chị hỏi.

-Anh còn suy nghĩ. Điều anh yêu cầu em là nguy hiểm...

-Thế anh nghĩ tham gia phong trào kháng chiến không nguy hiểm ư? Nhiều khi em giúp mà cũng chẳng biết là giúp ai. Lần trước, đúng vào mùa thu năm ngoái, trạm giao liên trên con đường bí mật đã đón một phi công người Anh rồi đưa sang Ai-len. Một tuần sau, hấn tới Bec-lin và khai ra tất cả những ai đã giúp đỡ hấn. Mỗi người bị án tù hàng chục năm!

-Anh hy vọng là họ sẽ được giải phóng sớm hơn nhiều!

-Anh tin chắc như vậy?-Chị nghiêm khắc hỏi.

-Em thân yêu, sau lưng chúng ta không chỉ là sức mạnh, sự đoàn kết, mà có

cả một lịch sử! Chẳng lẽ em và những người tham gia kháng chiến như em không thấy điều đó sao?

-Em có cảm tưởng là nhiều người trong phong trào kháng chiến hành động theo một nguyên tắc kỳ lạ: họ ủng hộ đội yếu.

-Thế còn em?

-Em vì anh... Nhưng điều đó chỉ càng giúp em thực hiện điều yêu cầu của anh!

-Em tin là anh có yêu cầu đặc biệt à?

-Thì chính anh đã nói anh là người lính không từ bỏ lời thề chiến đấu đó thôi!

-Đúng thế!

-Vậy thì anh nói đi!

-Được.-Anh xấp đặt lại những ý nghĩ và chị sốt ruột nhìn vào mắt anh, như muốn đọc được những ý nghĩ của anh. Anh bèn nói ra như nói với chính mình.

Ở đây không thể còn chuyện úp mở được.

-Anh được biết là bọn Đức đang bố trí lại nền công nghiệp mỏ của nước em. Chúng không chỉ mua quặng sắt, mà cả nhiều nguyên liệu để chế tạo ra các loại thép có tính năng đặc biệt. Điều đó, theo anh nghĩ, có nghĩa là chúng bắt đầu sản xuất loại xe tăng và trọng pháo đặc biệt nguy hiểm cho nước anh. Anh phải biết rõ có đúng như vậy không, cần được mô tả gần đúng loại xe tăng và trọng pháo đó. Cha em chắc được mời tới thăm các nhà máy sản xuất quặng sắt của Na Uy và của hãng “Tra-phích”. Các nhà công nghiệp thường có tác phong như vậy. Còn bọn Đức, sau những thất bại vừa qua, cần phải khoe khoang sức mạnh của mình. Chúng biết là bố em không làm lộ bí mật của chúng. Nhưng nếu em muốn, em sẽ có thể nhìn thấy tất cả mọi điều ấy bằng cặp mắt của anh.

-Chỉ có vậy thôi ư?-Nhưng nàng bỗng thấy xấu hổ vì tiếng reo trẻ con thiếu suy nghĩ của mình, và nói nghiêm nghị hơn:-Em sẽ là mắt anh ở đó.

Điều đó vang lên như một lời thề.

Những lời lẽ khác đều sẽ cảm thấy là hơi hợt, nên chị vội vã ra xe.

Mãi đến lúc xe gần thành phố, chị mới hỏi:

-Chả lẽ điều đó quan trọng với anh đến thế?

-Em thấy không,-Anh thận trọng giải thích.-Bọn Đức vừa bị một thất bại lớn nhất trong suốt cuộc chiến tranh. Giờ đây chúng đang bố trí lại lực lượng. Chúng cho rằng trận chiến đấu quyết định, mà có thể mang lại chiến thắng nữa, sẽ diễn ra vào mùa hè, khi xe tăng có thể cơ động không có gì cản trở. Chúng ta phải đón chúng với vũ khí sắc bén trong tay và phải đánh tan chúng! Có thể trận đánh này còn chưa phải là kết cục của chiến tranh,-chúng đã lọt quá sâu vào nước Nga,-nhưng nó phải trở thành mở đầu của kết cục,

như Xta-lin-grat đã trở thành nắm mồ của chúng.

-Em hiểu rồi, nhưng em vẫn cảm thấy lạ lùng thế nào ấy. Chẳng lẽ em có thể làm một điều gì đó mà sự tiến triển của lịch sử phải phụ thuộc vào nó?

Anh mỉm cười và nói đùa:

-Ồ bên anh người ta nói: tiến trình lịch sử không phụ thuộc vào cá nhân, nhưng mỗi cá nhân đều tham gia vào tiến trình lịch sử ở phía bên này hay bên kia của cuộc chiến đấu.

-Nhưng có những đất nước, những con người và cá nhân trung lập cơ mà?

-Nước Thụy Điển trung lập đã làm nhiều việc cho Hít-le đến nỗi anh thấy phải xét xử sự trung lập của họ!-Anh nói quả quyết.

-Đúng thế, anh nói phải!-Chị buồn rầu đáp.

Chị đỡ xe gần công viên, áp vào người anh giây lát, rồi khẽ đẩy anh ra và bảo:

-Em sẽ làm tất cả những gì có thể làm được.

Vòng cung lửa

Phần thứ nhất

Chương 4

Tiếng súng từ bóng tối

Tin buổi sáng

“Trên các đường xe hỏa của nước Pháp, các vụ phá hoại và đột kích gia tăng đột ngột. Những người Pháp yêu nước, từng ngày một, giáng những đòn nặng nề vào các công trình công cộng mà bọn chiếm đóng Đức đang sử dụng. Ở Mác-xây, trong một tuần lễ, sáu đoàn tàu quân sự đã bị lật nhào. Ở gần Li-ông, công nhân đường sắt đã làm cho một đoàn tàu chở lính đâm vào tàu chở hàng. Ở Pa-ri, chỉ trong tháng hai, đã có 64 đầu tàu bị loại ra khỏi vòng chiến đấu”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

29-3-1945

Tuần lễ mà Vi-ta vắng mặt không trôi qua vô ích. Tô-lu-be-ép nghiền ngẫm những số liệu về xuất khẩu các loại quặng khác nhau của các nhà công nghiệp Na Uy và “Tra-phích” trong suốt cả năm 1942 và ba tháng đầu năm 1943. Muốn nói gì thì nói, vị thứ trưởng công nghiệp nặng đã có lý khi nhắc tới nhà hóa học Nga vĩ đại lúc chia tay với Tô-lu-be-ép. Tô-lu-be-ép mà có được sự tinh tường của Men-đê-le-ép thì có lẽ anh đã hiểu được bọn Đức đang làm điều gì để chống lại quân Nga...

Tô-lu-be-ép vừa nghĩ và nói với mình, vừa tức uất đến phát điên lên vì không phải mọi sự đều có thể hiểu được qua những con số nghèo nàn của bản thống kê. Tuy nhiên, anh cũng hiểu được vài con số và có cái tự nhiên anh đoán ra được. Đến cuối tuần, dựa trên số phần trăm các nguyên liệu phụ gia bọn Đức đặt mua, anh đã tính ra, chẳng hạn như công thức một loại thép “cực dẻo”. Có thể sẽ rất nguy hiểm, nếu bọn Đức sử dụng nó làm vỏ bọc.

Loại đạn đại bác 88 ly bắn vào mặt thép này sẽ xoáy vào đó và mất hết tốc độ. Ngay lúc đó, Tô-lu-be-ép tưởng tượng ra chiếc xe tăng với những đầu đạn đại bác cắm vào lổm chổm như lông nhím, và anh ghi ngay cái công thức đã làm anh kinh ngạc: thép dẻo và “siêu dẻo” nếu không dùng trong chiến tranh cũng có thể ứng dụng tốt trong điều kiện hòa bình.

Anh lập các công thức thép vê-na-di, man-gan, mô-líp-đen, vôn-fram, nhưng đó chỉ là những phỏng đoán không được các thí nghiệm trong phòng thí nghiệm xác nhận. Tuy vậy, từ sáng thứ sáu đến chiều, Tô-lu-be-ép đã ghi tóm tắt các công thức vào vài dòng và cũng như lần trước, anh mang rượu và thuốc lá tới thăm Ran-son, lực sỹ tóc hung.

Anh gặp Ran-son ở phòng khách. Bác đã thay quần áo bệnh nhân, mặc thường phục, riêng tay vẫn buộc băng. Đáp lại câu hỏi của Tô-lu-be-ép sao lại ra viện sớm như vậy. Ran-son cười khẩy, bảo rằng vì công đoàn ngư nghiệp không chịu thanh toán viện phí.

-Họ bảo rằng vết thương ở bụng không phải do tai nạn lao động,-bác giải thích.

-Chẳng lẽ bọn Đức đã can thiệp vào việc này à?

-Trong tổ chức công đoàn cũng có đủ bọn phát xít, nhất là giữa đám quấy phá.

Đây là một khía cạnh mới của vấn đề. Tưởng chừng các nhà tổ chức công đoàn Na Uy phải nhớ tới số phận của các đồng chí ở nước Đức, nơi bọn Đức đã đập tan mọi sự chống đối, đưa đi tập trung tất cả những ai tham gia hoạt động.

-Có những người trong tổ chức công đoàn cho rằng công đoàn phát xít độc đoán hơn nhiều tổ chức công nhân phân tán luôn bắt mắt về đủ mọi chuyện!-Ran-son cười gằn.

Bác không từ chối món quà, còn mẫu giấy Tô-lu-be-ép đưa bác đút vào túi áo và bảo:

-Tốt hơn là không nên đến nhà mình, bà xã cho là mình dính vào một chuyện mờ ám. Thực tình bà ấy nghĩ là mình làm trò buôn lậu, nhưng không vì thế mà bọn mình dễ chịu hơn. Bà ấy tính làm mọi chuyện đến nơi, đến chốn đấy. Tôi sẽ gọi điện cho anh mỗi sáng thứ thứ, từ mười một đến mười hai giờ. Mật khẩu: thanh tra giao thông. Tại sao anh không sửa chiếc thuyền của anh? Dưới cái vẻ nạt nộ như vậy, có thể hẹn gặp mà không lo ngại gì? Bác vẫy bàn tay còn khỏe lúc chia tay và đi thẳng trên phố cảng không ngoái lại. Tô-lu-be-ép nhìn vào cái lưng rộng của bác, bất giác thầm nghĩ: con người ấy không bao giờ làm hại bạn bè.

Ngày thứ bảy trôi qua trong sự chờ đợi đến buồn chán tin tức của Vi-ta. Và chị đã gọi điện, nhưng... từ Béc-lin. Cô Xin-ghe, nữ thư ký của Ma-son vẫn quan sát ông người Nga với vẻ hết sức tò mò, chạy xổ vào phòng số sáu của anh, giục vội:

-Ngài có điện thoại! Từ Béc-lin gọi về!

Giọng nói đáng yêu, đầy thương nhớ xa xăm như từ hoang mạc của Sao Hỏa vọng về:

-Anh Vô-lô-đi-a thân yêu! Em sẽ về chậm. Nhưng em nhớ, em nhớ đấy!

Ở Béc-lin, chị không dám nói tiếng Nga, nhưng anh hiểu chữ “nhớ” của chị không chỉ là tình cảm nhớ thương anh mà chị không lãng quên và muốn thổ lộ, nó còn liên quan tới công việc mà anh đã dẫn dắt chị vào. Với câu hỏi:

“Bao giờ em trở về? chị buồn rầu đáp: “Em không biết, không biết được!”.

Và anh nghĩ thầm là Ac-vit Ma-son sẽ giữ chị ở lại Béc-lin tới già, hay ít ra,

là cũng đến lúc anh vĩnh viễn biến mất. Nhưng khi Tô-lu-be-ép hỏi: “Nhưng em sẽ về chứ?”, anh hết sức vui sướng được nghe tiếng: “Vâng, vâng, vâng!” tha thiết.

Vào một giờ trưa, Xa-vét Xve-son tới chỗ anh, mời anh đến biệt thự chơi. Hóa ra là Vi-ta đã gọi điện cho cả ông và yêu cầu ông quan tâm đến “vị khách”. Tô-lu-be-ép cất giấy tờ rồi vui sướng chiều theo nhiệt tình mến khách của Xven-son.

Xven-son ngồi trong ô tô, không những chỉ nhũn nhặn chào đón anh mà còn ngạc nhiên nữa:

-Ồ, ngài đã hoàn toàn lại người rồi đó!

Chính Tô-lu-be-ép cũng cảm thấy mình hoàn toàn mạnh khỏe. Có lẽ môn thuốc chủ yếu là sự khẩn trương cao độ về tinh thần trong thời gian qua, và điều nữa cũng quan trọng không kém, là sự chăm sóc chu đáo của vợ chồng bác An-đrây-en, cho anh ăn uống đến không còn nhét vào đâu được; còn công việc cần làm, dù cho có phức tạp đến thế nào, như người ta thường nói, cũng không làm cho ai chết được. Nhưng đối với cha con Xven-son, không gặp lại anh từ buổi đáng ghi nhớ ấy, sự thay đổi này là một điều kỳ diệu. Biệt thự nhà Xven-son giống như một cái trại của nông dân. Nhưng Tô-lu-be-ép thấy dễ chịu. Anh đi trượt tuyết rất lâu, chè chén thoải mái và chuyện trò thân ái với những người dù họ không hiểu hết và không tiếp thu được mọi tư tưởng của anh thì cũng thực lòng muốn hiểu. Tối chủ nhật, họ chuyện trò mãi không dứt.

Anh không biết Ran-son đã làm gì với mẫu giấy ghi chép của anh, nhưng hy vọng là nó đã ở trên mặt bàn của Koc-sma-rep, hay có khi ở bàn Thứ trưởng công nghiệp nặng rồi cũng nên. Mà nếu như vậy thì ở bên nhà, ở nước Nga, các chuyên đã xem xét và có thể, trong một phòng thí nghiệm nào đó, đã nấu thử loại thép theo công thức pha chế này. Điều đó trong chừng mực nhất định đã làm cho anh yên tâm...

Nhưng tuần lễ sau trôi qua rất chậm chạp và buồn chán. Một lần, một lần nữa Tô-lu-be-ép kiểm tra lại những kết luận của mình, nhưng trong các tài liệu không tìm được điều gì mới. Anh đã toan đi Nac-vich và Kic-ne-net vùng cực bắc Na Uy để xem những người thợ đào mỏ làm gì, nhưng sự tinh táo đã ngăn lại bước đi khinh suất đó. Từ Kle-ne-net, anh có thể không trở về đây nữa, nhưng anh không có quyền liêu khi chưa kết thúc chiến dịch. Sau này thì tùy thích, còn bây giờ, cuộc sống không thuộc về anh...

Sáng thứ tư, một giọng đàn ông thô bạo hỏi bao giờ thì anh chữa xong chiếc thuyền, cái thuyền anh đã xộc xệch lắm rồi, thanh tra sẽ bắt chủ thuyền nộp phạt đắt hơn số tiền sửa chữa tới mười lần. Tô-lu-be-ép không quen giọng nói nhưng anh vui mừng cả với giọng thô bạo ấy-dù sao cũng có người lo lắng đến anh... Giữa những câu của anh chàng hách dịch, Tô-lu-be-ép trả lời

rằng đang chờ quyền thừa hưởng gia tài theo di chúc của ông bác mới chết ở Béc-lin, sau đó sẽ sửa chữa. Trong ống nghe, viên thanh tra lâu bầu:

-Xem chừng, không được chậm trễ đây, nếu không không kịp đâu. Những lời tường trình của ông, chúng tôi đã gửi lên cấp trên cao nhất rồi.

Tô-lu-be-ép ss nghe cái giọng hách dịch này từ sáng đến chiều. Nhưng giọng nói tắt ngấm. Giờ thì phải tới thứ tư tuần sau mới lại được nghe thấy nó.

Nhưng nó đã cho biết là các công thức của Tô-lu-be-ép đã được chuyển đến nơi cần chuyển...

Vào thứ bảy, anh chỉ chờ Xven-son gọi giây nói: họ chẳng thể để anh buồn chán trong thành phố hoang vắng này. Quả nhiên khoảng mười hai rưỡi, chuông điện thoại reo.

-Ngài Vô-lô-đi-a, có thể cho tiếp kiến tại nhà riêng chúng tôi được không? Lạy chúa! Vi-ta? Anh thốt ra thì thầm gần như không thành tiếng, cổ họng khô lại vì hồi hộp.

-Ngài Vô-lô-đi-a bị cảm lạnh à?-Chị hỏi vẫn bông đùa, nhưng đã xen lẫn vẻ lo lắng.

-Không, không đâu, Vi-ta!-Giờ thì anh đã reo to lên, vui sướng.

-Tôi chờ ở bên công viên, ngài Vô-lô-đi-a!-Nàng vui lên, tiếp tục trò chơi bông đùa.-Vứt hết mọi việc của ngài đi, nếu ngài còn nhớ đến tôi!

Anh đã làm như vậy: quăng cặp hồ sơ giấy tờ vào két sắt-rồi sau hãy hay!-và phóng ngang qua cô Xin-ghe, không nhận ra đôi mắt kinh ngạc của cô. Cho tới nay, anh vẫn tỏ ra một người bình tĩnh mẫu mực trong công việc, vậy mà lúc này anh cảm đầu chạy như có ma đuổi.

Vi-ta mở cửa xe. Anh chưa kịp bắt tay, chị đã cho xe chạy.

-Em có khỏe không? Mọi chuyện của em ổn cả chứ? Sau khi về, em không gọi điện trước?

-Khoan đã, khoan đã!-Phải ra khỏi thành phố trước giờ cao điểm đã!

Chị chỉ nhìn đường, vượt hết xe này đến xe khác, còn anh lại cảm thấy cái cảm giác sợ hãi như lần đầu đi xe với chị.

-Vậy mà anh cứ tưởng là bố em sẽ giữ em ở nước Đức cho tới khi bọn anh phong tỏa Béc-lin.-Anh lâu bầu khi cuối cùng họ đã vượt lên đầu dòng xe chạy ra ngoại thành.

-Thế anh vẫn tin là các anh sẽ phong tỏa Béc-lin à?-Chị hỏi khô khan-Chả lẽ anh chưa đọc bản tin của Bộ chỉ huy Đức về việc đập tan quân đội của nước anh ở giữa miền bắc sông Đông và sông Đơ-ni-ép? Ở đó, chín sư đoàn và sáu lữ đoàn bộ binh bị tiêu diệt, bốn lữ đoàn kỵ binh và bao nhiêu lữ đoàn cơ giới gì đó, cả 25 lữ đoàn xe tăng nữa.-Chị kể những con số ấy ra như chúng đã in sâu vào trí nhớ, rồi thốt ra đau khổ:-Vô-lô-đi-a, như vậy là nhiều lắm, phải không?

-Trên giấy tờ thì nhiều, đúng thế!-Anh nói.-Nhưng sự thật là bọn Đức nói

láo. Chúng lần được quân đội Liên Xô ở hướng Khắc-cốp vùng Cuốc-xơ, chỉ có vậy thôi. Đã lâu lắm chúng chẳng dành được thắng lợi rõ rệt nào, mà chỉ toàn thất bại, cho nên giờ chúng phải chiến đấu bằng giấy mực. Vậy ai đã đánh bại chúng ở Via-dơ-ma, ở Gdat-xơ? Tiếc là anh không có bản đồ, nếu không anh có thể chỉ cho em thấy chúng bị đuổi xa khỏi Mat-xơ-va và Xta-lin-grat như thế nào!

-Trong biệt thự có bản đồ đấy, -chị nói.

Và Tô-lu-be-ép hiểu rằng trước mắt chị vẫn là những con số đáng nguyên rủa ấy, rằng chị không chỉ nhớ chúng, nơi những con số khô khan ấy biến thành những núi xương, sông máu, mà thậm chí cả đến Tan-mec-lan cũng không để lại trên đường tiến quân của mình.

-Vi-ta, em cần hiểu rằng, -anh cố gắng giải thích, -đó là luận điệu tuyên truyền để rửa hận cho cuộc đại bại ở Xta-lin-grat. Ở đây chúng đã mất đi một đạo quân lớn, sau đó cả nước phải để quốc tang. Còn bây giờ chúng lợi dụng một thắng lợi nhỏ, cục bộ, để thuyết phục dân Đức và cả thế giới là chúng vẫn mạnh như mấy tháng đầu chiến tranh. Nhưng đó chỉ là trò chơi bằng con bài đã tã. Tất nhiên, chúng còn gây ra nhiều đau khổ cho đồng bào của anh, còn chống cự và đôi lúc còn giành được những thắng lợi nho nhỏ nữa, nhưng như vậy lại càng phải đánh cho chúng tan tác. Nhưng chúng hiểu là những câu huênh hoang khoác lác ấy cần làm cho đồng minh của Liên Xô chần chừ mở Mặt trận thứ hai về giữ được bọn đồng minh đang lo cuống lên của chúng. Đây chỉ là cuộc chiến tranh cân não thôi.

Chị ngơ ngác, môi mím chặt, đau khổ, mày cau lại. Mãi đến lúc về biệt thự, chị mới như sự tỉnh. Chị vội vàng xếp đặt đồ đạc, bữa ăn trưa, trang phục. Bàn ăn được bày sẵn, như lần trước, không có người hầu và Vi-ta vui sướng đóng vai chủ nhân. Nhưng trước khi ngồi vào bàn, dù sao chị cũng đưa Tô-lu-be-ép vào phòng của bố nơi có treo tấm bản đồ giống như cái mà Tô-lu-be-ép đã nhìn thấy ở phòng làm việc của ông, nhưng không có những cờ hiệu nhỏ. Và Tô-lu-be-ép vừa mới dùng bút chì vẽ lên bản đồ những phân tuyến mặt trận ngày 10 tháng 11 năm 1942 và hiện nay, như anh còn nhớ, tháng 3 năm 1943, thì vì lẽ gì đó, Vi-ta bỗng vui hẳn lên. Có thể và vì chị, người dân của một đất nước nhỏ bé, có thể đi từ bắc xuống nam mất chừng năm ba giờ bằng ô tô, còn ở gần Nac-vich đi bộ chỉ mất non một tiếng, mãi tới giờ mới thấy rõ những quy mô lãnh thổ bao la, nơi diễn ra cuộc chiến đấu quyết liệt của hai đội quân khổng lồ.

-Anh đã thuyết phục được em Vô-lô-đi-a! -Chị reo lên, vẫn xen lẫn chút mỉa mai như chị thường đón nhận cái mà chị vẫn gọi là “tuyên truyền phá hoại”. -Vô-lô-đi-a, anh bao giờ cũng có tài thuyết phục. Có lẽ cuối cùng anh đến biến em thành một người cộng sản và em sẽ đi quốc hữu hóa những khu mỏ của bố em mất! -Đó là câu đùa từ lâu của chị, và anh mừng là cái viễn cảnh

đen tối đã làm chị chấn động trong bản, và có lẽ cả ở nước Đức nữa, đã nhẹ bớt đi.

Nhưng anh ngại không hỏi han gì chị trong khi ăn trưa, chỉ kể cho anh nghe đã đến chơi nhà Xven-sơn như thế nào, đã vui sướng thế nào vì sự quan tâm của chị trong lúc cô đơn. Sau bữa ăn, thu dọn bát đĩa xong, chị đã tự mình nói ra:

-Sao anh không hỏi em đã nhìn thấy những gì khi là đôi mắt của anh?

-Em là linh hồn của anh chứ!-Anh sửa lại.-Giờ em kể em đã qua hai tuần lễ ấy như thế nào đi?

-Ồ, họ tiếp hai bố con em như tiếp một gia đình vua chúa!-Chị nói giọng vô tư. Rồi chị lại bông đùa ngay!-Ồ đó có ông cháu của Xti-net trứ danh, bạn và người cạnh tranh của Crup. Ngay tối đầu tiên, y đã xin dâng em cả trái tim và bàn tay. Và sau đó không rời em một bước!

Tô-lu-be-ép ngạc nhiên là chút ít khoe khoang của chị đã làm anh bị thương. Và tất nhiên Vi-ta hiểu hoặc nhìn thấy sự hoang mang của anh-chị nói vẫn với một giọng bông đùa vô tư ấy:

-Anh biết không, hẳn thuộc hội những tên Đức đẹp giai, người miền Bắc, cao lớn, tóc sáng, dân miền Bắc thuần chủng!

-Không cần mô tả tỉ mỉ, anh cũng có thể hình dung được sự thành công của em trước các ngài quốc xã-Anh âm thầm nói.

-Nhưng em cứ nhất định muốn cho anh xem và đã chụp lại!-Chị khoe,-Đây, anh xem!

Chị lục tìm trong ví và ném ra một tấm ảnh.

Tô-lu-be-ép hoàn toàn không muốn nhìn mặt cháu của một trong những nhà tư bản thép của nước Đức. Nhưng một cái gì đó đã thu hút sự chú ý, anh cầm lấy tấm ảnh lên và không rời ra nữa. Ở bên phải bức ảnh, gần như ngoài tiêu cự, một tên ngu ngốc trẻ tuổi nào đó mặc quân phục đại tá SS, sau lưng hẳn một chiếc xe tăng rất rõ nét đang vận động trên bãi tập. Tô-lu-be-ép không sao rời cặp mắt ra khỏi nó được.

Đây chính là một chiếc xe tăng hạng nặng, thiết kế theo kiểu Tô-lu-be-ép chưa hề hay biết. Mặt trán dốc bằng thép của nó cứ trông trên ảnh cũng thấy là rất chắc. Sườn bên trái của nó cũng vậy. Và cả khẩu đại bác chĩa nòng ra phía trước xét về hiệu suất chiến đấu cũng hùng hậu hơn vũ khí trên xe tăng trước đây. Gì chứ những xe tăng cũ Tô-lu-be-ép đã xem nhiều nên anh có thể thấy ngay được điều đó.

-Em làm thế nào mà thu được bức ảnh này, Vi-ta?-Anh sững sốt hỏi.

-À, em cứ việc chụp ông cháu của ngài Xi-nét thôi!-Chị dường như không hiểu vì sao anh lo âu.-Mà hẳn ta thậm chí còn chưa biết là cái xe tăng mà bọn em được mời đến xem đã đi ra bãi thử rồi. Sau đó em không được dùng đến máy ảnh nữa.

-Có nghĩa là dù sao em cũng được dặn trước là không được chụp ảnh?

-Tất nhiên rồi! Bọn em được mời tới dự buổi thử nghiệm xe tăng mới. Nói chung, chỉ mời bố em thôi, nhưng em đã mỉm cười rất đáng yêu với ngài em vừa chụp ảnh này, khi ngài đang kiểm tra danh sách khách mời. Xin anh chớ quên em là một trong những cô dâu giàu có nhất nước Na Uy! Bố em chắc đã cho anh biết rõ điều này rồi!-Chị lại trêu anh.

-Thử nghiệm xe tăng có nghĩa là thế nào?-Anh hỏi và lấy câu hỏi để gạt bỏ tính chất bông đùa của câu chuyện.

-Ồi, sợ lắm!-Thậm chí mặt chị tái đi.-Chả lẽ bộ đội các anh lao vào gầm xe tăng với những chùm lựu đạn thật ư?

-Có khi thế đấy,-anh trả lời khắc khổ.-Đôi khi chỉ với mấy chai xăng thôi.

-Chúng mang đến bãi thử một khẩu đại bác, hay cái đó còn gọi là gì khác? Tóm lại, ba khẩu súng chống tăng của Liên Xô. Chiếc xe tăng được đặt trước các khẩu pháo chừng 80m. Đội lái ra khỏi xe...

-Như thế nghĩa là dù sao chúng cũng vẫn sợ!-Tô-lu-be-ép nhận xét.

-Không, chẳng qua là họ làm theo mệnh lệnh. Tên chỉ huy xe tăng dò lao thẳng vào khẩu đội và đè nát các khẩu pháo.

-Rồi chuyện gì xảy ra sau đó?

-Những tên lính bắt đầu nã bằng đạn xuyên thép của Liên Xô. Tất cả những điều đó, tên SS vô duyên ấy đều giải thích cho em, chúng bắn hai mươi một phát, và đạn đều bật khỏi thành xe tăng, hầu như nó có phép lạ...

-Chẳng qua nó có vỏ bọc thép thôi mà thôi!-Tô-lu-be-ép chau mày nói.

-sau đó, khi những khẩu pháo đã được mang đi, bọn em được mời đến gần xe tăng. Chúng chỉ có những chỗ lõm vào một tí, mà chỉ có hai ba chỗ thôi...

-Có thể chúng bắn đạn giả chăng?

-Không, không đâu! Những viên đạn này khi trúng vào xe tăng kêu lên rùng rợn. Bọn em thậm chí còn được yêu cầu xuống hầm nữa.

-Thế chúng bày trò ấy để làm gì?

-Nhưng ở đây đâu phải chỉ có mình bọn em. Ở đó còn có cả hai người Nhật, người Thổ Nhĩ Kỳ, đại diện của nhà vua Bun-ga-ri, đại diện của Phran-cô, đại sứ I-ta-li-a, nhóm các nhà công nghiệp, và mấy tên sỹ quan quốc xã nữa.

-Thế có nghĩa là chúng muốn cho bọn đồng minh thấy tính vô địch của vũ khí mới, và bắt chúng phải mở túi ra cho cuộc chiến tranh đã thua thiệt.

-Nhưng điều đó quả thật là khủng khiếp!-Chị thốt lên.

Anh im lặng hồi lâu, ngẫm nghĩ kỹ, bọn Đức có thể giáng một đòn mạnh đến thế nào. Và chúng sẽ giáng vào đâu? Vào Mat-xcơ-va chăng? Nhưng những chiếc tăng nặng này có thể sẽ chẳng làm gì nên chuyện trong vùng rừng rậm và đầm lầy ở Gdat-xkơ và Via-dơ-ma. Những đội quân khổng lồ muốn hoạt động được cần phải có địa bàn rộng rãi và những điều kiện chiến đấu. Mặt

trận Xta-lin-grat? Đánh vào Cuộc-xơ? Nếu chúng đã ổn định được việc sản xuất loại tăng này hai, ba tháng trước-chính việc nhập nguyên liệu mở của bọn Đức đã nói lên điều đó!-thì mùa hè tới chúng đã có thể có nhiều binh đoàn xe tăng mới với vài nghìn chiếc. Anh đã biết rõ tài tổ chức sản xuất của bọn Đức lắm!

Còn Vi-ta cứ nhìn anh với niềm hy vọng rụt rè dường như anh có thể làm được một cái gì đó, để cho điều chị đã nhìn thấy ở nước Đức chỉ là một cơn ác mộng!

-Em có được dẫn đi xem các nhà máy không?-Anh hỏi.

-Có ạ. Thậm chí xem cả việc đúc mẻ thép theo mác mới nữa. Đây, anh xem đây này!-Chị chìa bàn tay thanh mảnh hồng hồng, ngón giữa đeo một chiếc nhẫn màu đen.-Anh không nhận ra sao?-Chị trách.-Đây chính là chiếc nhẫn cưới mà tên SS tóc sáng tặng em đây! Hắn là tên toàn quyền ở nhà máy này. Tô-lu-be-ép nhìn cái nhẫn mà không cảm thấy sợ tò mò đặc biệt. Nhưng lại có một cái gì đó thúc đẩy anh tháo ra khỏi ngón tay Vi-ta món quà xa lạ. Chiếc nhẫn này không thể là vật trang sức, nó chỉ là quà kỷ niệm. Nhưng khi anh cầm chiếc nhẫn trong tay, mắt anh sáng rực lên. Không phải vì cảm giận một kẻ nào đó đã dám tặng quà kỷ niệm cho người yêu của mình, mà vì đây là một chiếc nhẫn thép!

-Nhưng, Vi-ta, em làm sao làm được điều đó?-Anh kinh ngạc hỏi.

-Em chỉ cần ngỏ ý với tên gốc si mê tặng em món quà kỷ niệm đúc bằng thép mẻ cuối cùng trong phòng thí nghiệm hỏa tốc thôi! Sao anh, thậm chí em không xứng đáng được nghe tiếng “Xpa-xi-bo” của người Nga à?-Chị hỏi với nét buồn bông đùa.

-Anh ôm lấy chị và quay tròn khắp gian phòng, kêu lên:

-Xứng đáng chứ! Đáng lắm!

Chị thoát ra khỏi tay anh, tháo chiếc nhẫn, lại đeo vào ngón tay.

-Em đưa ngay cho anh!

-Em không thể làm thế được đâu!-Chị ôn tồn phản đối.

-Sao thế em?

-Em làm sao biết chắc được ngài tóc sáng với đôi mắt trống rỗng, lại không cử một người nào đó hàng ngày đến nhìn chiếc nhẫn này? Và em làm sao mà biết được chuyện gì sẽ xảy ra với bạn bè của em, khi chúng thấy họ đeo chiếc nhẫn, mà em đánh mất? Vậy anh sẽ nhận được chiếc nhẫn với cả bàn tay em! Sẽ đến một lúc nào đó anh cưới em cơ mà, phải không Vô-lô-đi-a?-Chị hỏi giọng bông đùa, nhưng cũng có phần trách móc.

-Phải rồi, có chứ, có!-Anh vừa thề nguyện vừa hôn tay chị, bàn tay trái có đeo nhẫn thép đen đáng nguyên rủa,-Nhưng em không bao giờ làm mất chiếc nhẫn này nhé, bây giờ không phải vì tên quốc xã tóc sáng, mà là vì anh đấy! Và vào thời điểm cần đến nó, em sẽ trao cho anh.

-Ôi, Vô-lô-đi-a, anh đặt ra bao điều kiện! Mà em đâu có yêu cầu một điều gì!-Chị thở dài một mỏi và buồn bã, rồi gượng cười, nói thêm:-Em chỉ giữ gìn cho anh!

Phải, chị giữ gìn cho anh. Nhưng rất có thể chị còn giữ được cả sinh mạng của hàng nghìn, hàng nghìn người Nga khác nữa, nếu Tô-lu-be-ép kịp mang món quà vô giá này về Tổ quốc. Mà như vậy lại là một cuộc bỏ trốn nữa, một đòn nữa giáng vào trái tim xốn xang của chị, phải một đòn vào ngay cả trái tim mình.

Tin buổi tối:

“Cách Tu-lông (Pháp) không xa, một nhóm vũ trang đã tấn công vào quân đội Đức. Trong cuộc đụng độ, 29 tên lính Hít-le đã bỏ mạng. Ở Ô-cu-míc, những người lính Pháp yêu nước đã làm nổ tung một đoàn tàu quân sự Đức”

Tổng cục thông tin Liên Xô

26-3-1943

Ngày thứ tư, anh sốt ruột chờ điện thoại gọi từ “Phòng thanh tra hàng hải”. Giữa trưa vẫn cái giọng thô bạo anh đã có lần nghe thấy, hỏi:

-Cái thuyền của anh thế nào?

Tô-lu-be-ép trả lời có lẽ vội vã quá mức:

-Thuyền đã sửa xong! Tôi muốn được chạy thử càng sớm càng hay!-Sau giây lát im lặng, giọng nói cau có đáp.

-Được, tôi sẽ báo lên ngài Tổng thanh tra. Tôi, tôi sẽ gọi điện đến.

Trước lúc hết giờ làm việc, tự Ran-son đã gọi điện tới.

-Ngài Tô-lu-be-ép! Tôi đợi ngài ở bến cảng số tám.

Tô-lu-be-ép khóa phòng, giao chìa khóa cho cô Xin-ghe, chạy ra phố. Người lái xe tắc-xi luôn chiếc xe rất tài giữa các xe cộ, đưa anh tới bến số sáu. Tuy Tô-lu-be-ép còn ít kinh nghiệm tình báo, nhưng anh cũng hiểu không nên để người lái xe biết anh đang vội đi đâu. Đáng tiếc là bến số sáu vắng quí và người lái xe hỏi là có cần đợi không?

Tô-lu-be-ép để anh ta đi rồi mới đến bến số tám. Để Ran-son đang đau ốm phải đợi là điều rất không nên.

Vịnh Ô-xlô chậm rãi và nặng nề đổ những lớp sóng lên bến cảng lát bê-tông xám và các hàng rào ngăn. Trời lặn, gió mạnh và không ẩm cúng, nhưng vịnh biển vẫn biết thở tự do một cách lạ lùng, mặc dù Tô-lu-be-ép biết rằng cách đây không lâu, các tàu tuần tra Đức vẫn qua lại ở đó, còn trên vùng nước biên hải, các tàu xuống hải quan vẫn bơi lượn hau háu tìm kiếm, bắt bớ, bắn giết. Chúng đã học cái cách bắn không thềm hỏi của bọn Đức.

Ran-son ngồi trên một bệ đá ngoài cảng, chậm rãi hút thuốc. Chợt thấy Tô-lu-be-ép, bác đứng dậy, bỏ đi không ngoái cổ lại và Tô-lu-be-ép chỉ còn lại một mình bên chiếc xuống đánh cá nhỏ có hàng chữ vàng “Xi-grit”. Quỳ

thật, không hiểu sao những tàu, xuồng, ca-nô của những người đánh cá dạn dày và bọn buôn lậu bao giờ cũng mang những tên gọi dịu dàng của phụ nữ? Chẳng lẽ người dân chài, ngay cả khi kè bên cái chắt, vẫn nhớ tới vợ hay con gái, có tên được đặt cho con thuyền sóng gió của họ sao?

Anh vội rảo bước theo Ran-son. Tay trái vẫn đeo băng và dằng đi có phần hơi chuệch choạng, dường như bác bị chóng mặt. Nhưng rồi Ran-son đã rẽ vào một quán cà phê nhỏ, trên cửa sổ có vẽ những con gà và công. Tô-lu-be-ép dừng lại, châm thuốc hút, bước theo bác vào quán.

Ở đây, chắc Ran-son cảm thấy hoàn toàn yên ổn, vì bác đã giơ tay phải lên chào Tô-lu-be-ép.

Tô-lu-be-ép gọi rượu, chắc là rượu hóa học, và cà phê. Khi người chủ quán đã đặt các thứ lên bàn rồi, anh nói gấp:

-Tôi cần về nhà ngay, và càng sớm càng tốt.

-Anh có bè bạn đáng tin cậy không? Vd là ở chỗ với cánh tay bị thương, một mình tôi không kham nổi.

-Tôi sẽ nhờ những người đã đón tôi...

-A, bố con Xven-son phỏng? Được đấy, họ là những người tử tế và lại thạo đường biển nữa.

Tô-lu-be-ép ngạc nhiên, nhìn bác đánh cá.

-À, chúng tôi phải theo sát từng bước đi của anh. Tạm thời chưa có gì sai lầm. Sẽ là sai lầm lớn, nếu chúng ta rơi vào tay bọn hải quan hay bọn Đức.

-Thế có thể võ trang cho con thuyền được không?

-Sau cuộc chạm trán vừa rồi với bọn Đức, tôi đã nghĩ đến điều ấy. Có thể đặt khẩu súng máy hạng nặng “Bô-fo” ở mũi được. Dạn gây khói thì đã có sẵn rồi.

-Xven-son có bằng lòng như vậy không?

-Họ là những người tử tế, tôi đã nói rồi. Và như thế có nghĩa họ là những người dũng cảm. Mà cũng không nhất thiết sẽ gặp phải bọn đi lòng sục.

-Vậy bao giờ?

-Hôm nay hiệu thính viên của chúng ta sẽ yêu cầu cho đón, sẽ thông báo là cần gấp. Ngày mai, anh đừng đi đâu khỏi văn phòng. Có thể sẽ có người gọi điện cho anh đấy.

Họ uống rượu hóa học. Sau đó Ran-son đi. Tô-lu-be-ép còn nán lại ném thư nước trà Anh, có lẽ của bọn buôn lậu mang tới, rồi đi về chỗ bác An-đây-en. Lại thêm một nhiệm vụ bất ngờ nữa: làm thế nào ra đi đột ngột mà không làm bác thợ cả méch lòng? Anh quyết định viết thư để lại trọng va-ly. Bác An-đây-en sẽ chẳng đi báo với cảnh sát về sự mất tích của người khách trọ, trước hết bác còn phải xem trong cái va-ly trong có thư từ gì không đã. Và chỉ cần vài lời ám áp với bác là được rồi.

Sắp xếp đồ đạc, lo hết mọi việc xong, Tô-lu-be-ép cảm thấy yên tâm hơn.

Sáng sáng ngày hôm sau, một giọng nói thô bạo gọi điện thoại cho anh:
-Việc kiểm tra thuyền dự định vào thứ bảy. Thuyền trưởng đợi anh ở Vịnh Đen lúc tám giờ tối. Xven-son sẽ đi với anh và đưa anh tới nơi.

Nếu Tô-lu-be-ép nhìn thấy người có giọng nói thô bạo này thì anh đã ôm chầm lấy ông ta mà hôn.

Nhưng giọng nói đã biến mất và đành gác tình cảm lại với mình.

Có nghĩa là tàu ngầm đã xuất phát ngay khi nhận được tín hiệu. Lúc này, nó đang nằm đâu đó dưới đáy biển, và đêm đến lại nổi lên và tiếp tục di chuyển phía ngoài bờ biển Na Uy, vượt qua các hào rào Ra-đa, các tàu tuần tra, truy kích. Và tới đêm thứ bảy, nó sẽ nổi lên ở địa điểm định sẵn, thuộc vịnh Skagge-rac và đón lên bong tàu sq Liên Xô Tô-lu-be-ép. Như vậy, một lần nữa, Tô-lu-be-ép lại từ giã đất nước này và lần này sẽ là lâu dài.

Lúc này, anh nhớ tới Vi-ta, cảm giác thương xót và khổ tâm xâm chiếm lòng anh. Chị có lỗi gì? Tại sao số phận chị phải chịu đựng nhiều đau khổ đến thế!

Hồi ấy, vào năm ba tám, tình yêu đã đến với họ như một đám cháy, một cơn lốc, một phép lạ. Cả hai đều cố gắng chống lại, nhưng tất cả đều vượt qua lý trí họ, tất cả đã tạo thành cho tình yêu của họ.

Vi-ta vừa mới tốt nghiệp khoa Nga ngữ trường đại học Tổng hợp: bố chị đã hiểu từ lâu rằng tương lai của các nhà công nghiệp Na Uy ở trong việc buôn bán với nước Nga, và ông đã chuẩn bị một người phiên dịch riêng sẽ hết sức bảo vệ lợi ích cho mình.

Khi kỹ sư trẻ Liên Xô Tô-lu-be-ép xuất hiện trong Công ty cổ phần, Ac-vit Ma-son, một trong những giám đốc của Tổ hợp, không chỉ tiếp anh đầy nhã ý, mà còn hết sức hào hứng. Tô-lu-be-ép được mời đến biệt thự của ngài Ma-son ở khu biệt thự Tê-lê-mac-ca.

Mặc dù Tô-lu-be-ép nói được tiếng Na Uy, nhưng đầu tiên vốn từ của anh không hơn gì người Lap-lan. Ma-son còn giới thiệu con gái với viên kỹ sư và đề nghị cô làm phiên dịch trong các cuộc trò chuyện với anh. Trước mắt còn có bao cuộc thương lượng buôn bán, những chuyến đi về Nac-vich, Kich-ke-net, sau đó là sang Thụy Điển, đến Ki-ru-ma, vùng mỏ giàu có nhất của hãng “Tra-phích”, các cuộc gặp gỡ với các vị cổ đông, giám đốc các khu mỏ, nhà máy, chủ các tàu buôn...

Cô gái nhìn anh kỹ sư Liên Xô đầy lạ lùng, dường như vừa từ trên Sao Hỏa rơi xuống. Ai biết được, có thể cô đã từng nghĩ cô sẽ gặp một người rừng? Té ra anh là một người dũng cảm, khỏe khấn, tinh tường, loại người khó gặp trong giới của cô. Những thanh niên vây quanh cô thường là con cháu của các nhà triệu phú, cũng như cô là con cháu của những người giàu có nhất nước Na Uy. Nhưng cô đã tìm cho mình một nghề nghiệp lý thú, một nền văn học thông tuệ giàu tư tưởng của các nhà văn Nga vĩ đại. Cô có công

việc, còn những bạn bè cùng lứa lại coi sự ăn chơi là lẽ sống. Nói chung, Tô-lu-be-ép đã hiểu những điều đó muộn hơn, khi anh, như lời Vi-ta, làm “cuộc tuyên truyền phá hoại”, nghĩa là khi hai người đã trở thành bạn bè thực sự và-có thể trò chuyện với nhau hàng mấy giờ liền, ngày càng thâm thiết và cởi mở hơn.

Tháng tư năm bốn mươi, tình hình trong nước đột ngột thay đổi. Chỉ bằng một đòn, Hit-le kết thúc cuộc “chiến tranh lạ lùng” nhằm vào các nước nhỏ bé. Đan Mạch và Na Uy bị chiếm đóng. Trong những ngày lo âu ấy, Vi-ta đến với Tô-lu-be-ép.

Họ giữ kín hạnh phúc của mình khỏi mọi con mắt cả người ngoài. Nhưng Ac-vit Ma-son, vốn không ngăn cản con gái rượt một điều gì bao giờ, theo dõi chị, mà sau này họ mới thấy, với một lo ngại ngày một tăng. Mùa thu vừa qua, ông ta đã có cuộc chuyện trò với Vi-ta.

Ông ta đòi Vi-ta sang Đức để tiếp tục học tập. Vi-ta không nghe. Lúc đó, ông bèn hỏi thẳng:

-Có phải vì viên kỹ sư người Nga kia không?

Và Vi-ta cũng trả lời thẳng thắn:

-Vâng.

Ông ta không dám thực hiện những biện pháp quá nghiêm. Điều đó chỉ làm cho quan hệ với con gái rạn nứt, và mùa đông, Vi-ta và Tô-lu-be-ép gặp nhau tự do hơn. Nhưng đến tháng tư xảy ra cái “vụ việc” mà Tô-lu-be-ép đã nhắc lại với Krit-xchi-an. Lúc đó, anh định đầu là chính vì cô mà anh đã được lệnh phải rời bỏ nước Na Uy và về nước. Nhưng nói dối một người đang yêu là điều khó. Cô đã hiểu hết cả. Và chỉ có cuộc chiến tranh bất ngờ nổ ra mới giúp họ trải qua được sự thiếu tin cậy đầy xúc phạm đối với tình cảm của họ từ phía những người quyết định hạnh phúc của họ.

Vậy thì vì sao mà anh lại phải giáng cho chị thêm một đòn đáng sợ nữa? Máy lần, anh nhấp nhúm định gọi điện cho Vi-ta nhưng cứ quay tới số cuối cùng, anh lại nghĩ lại, vút ống nghe xuống. Trong lúc anh ngại ngần như vậy, thì tiếng chuông điện thoại reo lên gay gắt, và anh nghe thấy tiếng nói đầy kinh hãi của Vi-ta:

-Xven-son vừa mới báo cho em là...-Và những giọt nước mắt đã làm nhòa giọng nói đáng yêu.

-Vi-ta, nếu có thể, em đến biệt thự với anh đi. Anh không còn làm điều gì khác được cho em đâu...

-Em cũng vậy.-chị thú thực.-Anh tới công công viên, em sẽ tới đó ngay bây giờ.

Và lần này chị, người con gái mắt xanh mảnh mai ấy, đã tỏ ra dũng cảm. Chỉ có má chị tái đi, chỉ có vết nhăn hằn bên mép, chỉ có ít nói hơn mọi khi. Chị bước bình dề lên tay lái, phóng xe vun vút tường chừng sau những dãy núi

dốc đứng, sau khoảng rừng bạch dương thưa thớt kia có thể đuổi kịp hạnh phúc của mình.

Người làm công lại được cho nghỉ, chỉ có người đốt không thấy mặt đang ở đâu đó dưới tầng hầm, tiếng xẻng xúc than, gạt than xỉ trong lò sưởi kêu lạch cạch. Họ lại ăn trưa với nhau, chỉ có bữa ăn này lại buồn hơn bữa chia tay ba năm trước, khi mà chị cứ căn vặn mãi tại sao anh ra đi.

Buổi tối, bố con Xven-sơn bất ngờ đến. Hay có thể chính Vi-ta đã hẹn trước với họ? Cả giáo sư và con giai, cử nhân văn khoa, đều có vẻ lo ngại. Họ đã hiểu Tô-lu-be-ép không phải là người như anh đã nói, còn nói ra điều thất vọng chính thì họ ngại, có thể còn sợ nữa.

Mãi sau bữa ăn tối, lúc uống cà phê, Xvet Xven-sơn mới hỏi:

-Ngài muốn tới đâu?

-Tôi về nhà. Tôi còn phải chiến đấu nhiều...

Xvet Xven-sơn nói:

-Tôi cứ nghĩ người đã bị bắt làm tù binh thì ở ngoài trời chơi!

Xven-sơn bẽn lẽn trả lời:

-Hôm nay tôi nghe đài Đức: quân đội nước ông đã bỏ Ben-gô-rôt. Bọn Đức khoe đây là thành phố lớn ở trung tâm nước Nga, nằm trong vùng phì nhiêu của nước này.

-Phải, đó là một thành phố lớn.

-Bọn đức nói rằng vận đồ của chiến tranh lại đến với chúng. Theo tính toán của chúng, trong vòng tám tuần lễ, trong chiến dịch ở Khắc-cốp và Ben-gô-rôt, quân Nga đã mất một trăm sáu mươi sư và lữ đoàn.

-Giấy nó đâu biết cãi lại!

-Sao? Sao?-Xvet Xven-sơn không hiểu.

-Câu đặc ngữ Nga đấy, -Vi-ta giải thích, -anh Vô-lô-đi-a nói rằng có thể viết và in gì cũng được. Ông không tin tin tức của bọn Đức.

Bố con Xven-sơn ra về ngay sau bữa ăn tối. Chia tay bên công, họ hỏi lại:

-Đúng tới thứ bảy chứ?

-Vâng.

-Được, tôi và con tôi sẽ hoàn thành sự ủy nhiệm, dù rằng tôi vẫn không hiểu được ngài cần gì ở nước tôi.

-Chỉ có việc nhập khẩu khoáng sản của bọn Đức từ Na Uy.

-Ồ, các nhà công nghiệp của chúng tôi đã bán cả nước Na Uy cho bọn Đức!- Xven-sơn khổ tâm thú nhận.

-Nhưng họ đã không bán được những con người!- Tô-lu-be-ép đáp. -Và chúng tôi càng sớm tiêu diệt được quân Đức thì các bạn càng sớm thoát khỏi sự phụ thuộc nô lệ này.

-Tôi sợ sẽ là một cuộc chiến tranh ba mươi năm!- Xven-sơn thốt lên.

-Kết thúc đã được định đoạt rồi, bọn Đức khoe những thắng lợi của chúng

chi uống công.

-Mong rằng như vậy!-Xven-son bô long trọng chen vào và Xa-vet yên lặng cúi đầu như đồng ý với ông.

Tin buổi sáng:

“Trong thời gian qua, những người yêu nước Đan Mạch đã đẩy mạnh cuộc chiến đấu chống bọn chiếm đóng Đức. Đầu tháng ba, đã xảy ra vụ nổ tại ba nhà máy lớn ở Kê-pen-hao. Ngày 26-3, lại xảy ra vụ nổ tại một xưởng chế tạo máy chuyên sản xuất phục vụ quân đội Đức. Trong những ngày gần đây, một nhóm những người yêu nước đã đốt cháy một doanh trại của binh lính Đức đồn trú”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

Thứ sáu, họ về thành phố không lâu, Tô-lu-be-ép gọi điện cho bác thợ cả An-đrây-en, nói rằng anh sẽ đi Kte-ke-net một tuần vì công việc của Tổ hợp, rẽ vào nhà ông cụ lấy những thứ cần thiết nhất trong va ly và để lại đó một mẫu giấy chia tay, trong đó, anh “hẹn gặp lại vào sáu giờ sau chiến tranh”.

Vi-ta đi nhận thư của ông bố.

Khi ngồi vào xe ở gần công viên, anh thấy trên đệm chất đống những gói lớn, những hộp có đóng dấu của cửa hàng bách hóa. Về nhà Vi-ta đưa cho anh một gói hàng:

-Anh mặc cái này vào đi, em muốn xem anh trên bộ đồ này thế nào...

Anh không dám từ chối chị. Về phòng riêng, anh mở gói hàng ra và thấy một bộ quần áo của dân đánh cá may bằng thứ vải dày, trong có lót lông quạ, rồi áo khoác, quần và đôi ủng cao có dây buộc ở dưới đầu gối và ngang mắt cá-loại giày những người đánh cá rất hay dùng, đôi tất len đan dày. Khi anh đã mặc cả bộ trang phục ấy lên người và lại gần gương, tự anh cảm thấy mình là một “con sói biển” thực sự.

Trong bộ trang phục ấy, anh bước ra nhà ăn và đứng lại kinh ngạc. Vi-ta cũng mặc bộ quần áo hết như vậy nom thanh nhã hơn. Nhưng Vi-ta mặc gì cũng đều thanh nhã.

-Em mặc quần áo này làm gì?-Anh lạ lùng hỏi và bỗng nhiên thấy lạnh giá tới tận tim. Có lẽ chị định ra biển cùng với Xven-son.

-Em sẽ ở bên anh tới giây phút cuối cùng! Chị cương quyết nói.

Anh không thể tranh cãi.

Ngắm mình trong gương rồi chị đi về phòng riêng thay bộ đồ hội hóa trang sang chiếc áo dài thường. Anh cũng thay quần áo, nhưng không vì thế mà nhẹ nhõm hơn. Càng lưu luyến lắm, càng nhiều lệ rơi, cái ý nghĩa ấy ám ảnh anh.

Suốt hôm ấy và ngày thứ bảy, chị hết sức sảng, dễ bảo, chăm sóc anh như một người bệnh. Họ không ra khỏi nhà. Và Tô-lu-be-ép hết sức giữ gìn, thu mình, náu kín, để khỏi xảy ra chuyện gì bất trắc, khi đã chuẩn bị mọi chuyện

để trở về.

Vi-ta dường như hiểu rõ ý muốn của anh.

Anh ngồi ở trên phòng khách lạnh lẽo tầng trên, lật lại những trang báo, nghe ngóng những tiếng động của Vi-ta đang dọn bàn ăn ở dưới nhà: hôm nay chị không hát, không làm bát đĩa va chạm. Nhưng khi chị mời anh vào bàn, anh phải ngạc nhiên: bữa ăn thịnh soạn đúng như một bữa tiệc. Nhận ra vẻ ngạc nhiên của anh, chị nói đùa một cách không vui:

-Chúng ta chẳng có lễ ăn hỏi, chẳng có lễ cưới! Vậy thì phải có những buổi chia tay cho ra lễ!

Họ ngồi lâu bên bàn, uống cả một chai vang trắng Môn-đen, nhưng anh chẳng cảm thấy mùi vị gì. Tình cảm và cảm giác của anh dường như đã cháy trụi, chỉ còn lại lớp tro tàn.

Sáu giờ tối, Xven-sơn đến. Hai bố con mặc quần áo ngư dân bằng len thô. Họ khen bộ quân sự Tô-lu-be-ép mới mặc vào lúc sắp tối. Họ thử khuyên Vi-ta không nên ra biển, nhưng vô hiệu... Trong bộ quần áo đi biển của dân đánh cá, chị lạnh lùng như một vi-kinh thực sự... Xven-sơn bố cuối cùng nói:

-Kể từ thời A-đam, tôi chưa thấy một người đàn ông nào ngăn cản được người đàn bà đừng làm điều ngốc nghếch, nhưng thế giới không hề thiệt hại chút nào về điều đó. Thôi cứ để Vi-ta tùy ý!

Trong xe, chị ngồi bên Tô-lu-be-ép vẫn lặng lẽ và buồn rầu như vậy. Thỉnh thoảng, anh lại cảm thấy bàn tay và bờ vai của chị, và điều đó giống như cái hôn của cuộc chia ly.

Họ giấu chiếc ô-tô trong bóng tối hoàn toàn bên rìa một xóm nhỏ, nơi họ đã để xe lần trước. Lại có hai người mới xuất hiện, một người cao lớn, đầy đặn giống Xven-sơn bố, người kia gầy, nhỏ và cao. Thuyền của họ treo trên một chiếc cầu trên biển. Chiếc thuyền được hạ xuống, những người đánh cá lội xuống nước, bám vào mạn thuyền. Xven-sơn bố cấp lấy Tô-lu-be-ép mang qua mặt nước đặt vào thuyền. Xe-vet Xven-sơn dắt tay Vi-ta và để ngồi xuống bên cạnh Tô-lu-be-ép. Sau đó, tự họ ngồi vào, rồi đến những người đánh cá, và con thuyền lướt nhẹ trên mặt nước đen của vịnh biển.

Nhìn lại phía sau, Tô-lu-be-ép lại thấp một luồng sáng mỏng manh từ đâu đó, như từ một cửa sổ bị bịt kín dọi lại. Cứ nhìn theo luồng sáng di động về phía trước, anh nhận ra một chiếc ca nô đang đứng bập bênh. Đó là chiếc "Xi-grit" của Ran-sơn.

Họ chuyển chỗ sẽ sàng, chào nhau thăm thì. Vi-ta được đưa ngay đến căn phòng ở đầu mũi, chiếc thuyền đưa họ tới âm thầm rời ra. Ran-sơn giương cánh buồm đứng nghiêng và gió xuân, dù rét mướt, đẩy chiếc tàu ra xa bờ. Luồng sáng chỉ hướng lập tức biến mất, những tảng đá lớn ở vịnh như rẽ ra và chiếc tàu ra ngoài vịnh. Ran-sơn cho máy nổ.

Tiếng máy nổ gây lo lắng kích động. Tưởng như cả hai bờ vịnh đều nghe thấy. Vì thế Ran-son cho tàu chạy ngoặt vào các mỏm đá. Nhưng khi vừa thấy những đốm lửa ven bờ hiện ra, Ran-son cho tàu chạy thẳng ra khơi, có lẽ sợ những cuộc chạm trán ngẫu nhiên. Gần mười giờ đêm, chiếc tàu đi qua A-ren-dan chạy dài ở sâu trong đất liền. Giữa lúc đó Vi-ta nhô ra khỏi cửa phòng, nhìn ra vệt sáng mờ nhạt loăng dăn này và nói câu gì đó về phía thành phố. Tô-lu-be-ép ngạc nhiên nhìn chị, anh tưởng như câu chị nói giống như câu “Chào vĩnh biệt!”.

Họ vừa ra tới vịnh Ska-ge-rac, khi chiếc ca nô dài giống như một con cá-ác thú của đội tuần tra bờ biển vượt ra khỏi chỗ khuất gần bờ, chạy chắn ngang mặt họ. Nó có đèn hiệu và đèn pha cực mạnh gắn ở mũi. Chiếc ca nô lướt đi như không có tiếng động và Ran-son vừa phát hiện ra cái bóng ma sáng chói này, đã cho tàu chạy nhanh lên. Nhưng tốc độ không thể so sánh được, “Xi-grit” như đứng nguyên một chỗ, còn chiếc ca nô tuần tra vượt lên xé bóng đêm và không gian như một con dao phóng ra từ một bà tay mạnh mẽ.

Từ ca nô bắn ra một loạt liên thanh cảnh cáo, Ran-son kêu lên:

-Đốt pháo khói ngay trang!

Bố con Xven-son chạy lại mũi tàu, nơi đặt sẵn những quả pháo gây khói. Ông bố đốt dây cháy, người con tung những quả pháo này ra hai bên, hết quả này đến quả khác. Từ phía ca nô bắn ra loạt súng thứ hai, lần này nhằm thẳng vào mũi tàu. Vi-ta lao ra khi có tiếng súng, Tô-lu-be-ép ép chị nằm xuống giữa các mớ lưới xếp, còn tự anh gọi với Ran-son:

-Súng máy đâu?

-Dưới tấm bạt ở đầu mũi ấy!-bác kêu lên, tính toán bằng mấy khoảng cách giữa “Xi-grit” và chiếc ca nô hải quan. Cự ly đáng rút ngắn.

Tô-lu-be-ép rút con dao đánh cá ra khỏi bao, chạy lại mũi tàu. Anh cứa dây thừng và vải bạt, kéo khẩu súng máy ra. Đó là khẩu “Bô-pho” anh không quen biết, có bánh xe và ống ngắm. Nhưng không có thì giờ mà xem kỹ. Tô-lu-be-ép chĩa thẳng nòng súng vào những ngọn đèn pha ca nô lia một băng dài. Đèn phụt tắt, ngay lúc đó Ran-son tắt máy nổ. Chiếc tàu chìm vào đám khói.

Giây phút sáu, giữa tiếng chửi bới, quát tháo của bọn hải quan, chiếc ca nô cũng chìm vào khói. Và khi đó, từ boong ca nô của chúng bắn ra loạt súng chập đôi. Tô-lu-be-ép bị thúc mạnh vào vai, nhưng lại ngã gục ngay xuống. Vi-ta rú lên, nhưng Ran-son rít khế, đầy quyền lực: “Sẽ chứ”. Chị liền im bật. Hai chiếc tàu lạc nhau trong khói. Tiếng nói của bọn hải quan chỉ còn hơi nghe rõ. Lúc đó Ran-son khế ra lệnh:

-Cô băng ngay cho anh người Nga! Băng trong hốp y tế ở boong tàu.

Xa-vet Xven-son nâng người bị thương dậy, cố làm máu ngừng chảy. Vi-ta đã kịp chạy tới. Họ cởi áo khoác của Tô-lu-be-ép, xé rách áo sơ mi len và

bắt đầu bằng bó cái cơ thể mềm nhũn không còn biết nghe lời nữa. Chiếc tàu hải quan biển đầu mất trong bóng đêm và Ran-son lại nỗ máy.

Có lẽ những chuyến đi biển về đêm của Ran-son đã không vô ích. Không ai hiểu nổi làm cách nào bác đã đưa tàu tới điểm hẹn.

Trước mắt họ đã hiện ra mạn tàu của chiếc tàu ngầm nổi lên trong bóng tối, nghe tiếng gọi thận trọng.

-Các ông đưa giúp người Nga bị thương lên tàu ngay!-Vi-ta ra lệnh quả quyết.

Từ trên tàu ném xuống ca nô chiếc thang dây. Một thủy thủ trẻ tuổi nhảy xuống khoang ca nô, giúp Xa-vet Xven-son nâng thân người mềm nhũn lên. Vi-ta lên tàu theo sau Tô-lu-be-ép.

-Tôi cùng đi với các ông!-Chị nói dứt khoát, gạt bỏ mọi sự chông chéo...-Mọi số liệu đều do tôi nắm giữ! Còn tính mạng người sỹ quan của các ông đang nguy hiểm, tôi phải được ở bên anh ấy. Tôi là vợ anh ấy!

Những người trên tàu “Xi-grit” không hiểu tiếng Nga, lạ lùng nghe những lời nói nhiệt tình của cô gái. Nhưng chị đã quay lại phía họ, nói:

-Tôi đi với Tô-lu-be-ép. Nhờ nói với cha tôi, chúng tôi sẽ trở về vào ngày hòa bình trở lại, “vào lúc sáu giờ sau chiến tranh”, như anh Vô-lô-đi-a thường hay nói.

Các thủy thủ khiêng Tô-lu-be-ép vào trong tàu. Cô gái cũng cương quyết đi theo sau anh như vậy. Và người chịu trách nhiệm đi đón chỉ biết im lặng nhún vai.

Vòng cung lửa

Phần thứ hai

Chương 5

Người tình báo giỏi đáng giá cả một đạo quân

“31-3, Hồng quân đã kết thúc chiến dịch mùa đông chống quân phát xít Đức... Trong chiến dịch mùa đông, quân đội Xô Viết đã giáng cho kẻ thù những thất bại nặng nề. Hồng quân đã gây cho bọn phát xít Đức thất bại nặng nề nhất trong lịch sử các cuộc chiến tranh ở Xta-lin-grat, đập tan quân đội Đức ở Bắc Cap-ca-dơ và Cu-ban, gây thất bại nặng nề cho kẻ thù ở hàng loạt vùng giữa sông Đông và Vô-rô-nhe-dơ, tiêu diệt các bàn đạp của địch ở mặt trận Trung tâm (Rdep-Gdat-xơ-Viadoma) và ở khu vực Đe-men-xơ, chọc thủng vòng vây Lê-nin-grat”

Tổng kết chiến dịch mùa đông của Hồng quân

Tổng cục thông tin Liên Xô 2-4-1943

Anh không nghe thấy gì hết. Chiếc tàu ngầm chạy cả đêm, cả ngày, như một tàu tuần dương, vì người bị thương được đưa lên tàu rất trầm trọng. Người quân y sỹ đã cấp cứu cho anh, báo cáo với chỉ huy tàu là viên đạn bắn vào cạnh tim và mắc lại ở bên vai trái, nhưng anh không muốn mổ liều. Người phụ nữ ngoại quốc, anh nói là cũng bị choáng nặng, nhưng không chịu rời người bệnh.

Bức điện đánh đi đã được trả lời sau ba mươi phút. Chỉ huy tàu được lệnh phải mang người bị thương về càng sớm càng hay, “bất kể mọi nguy hiểm trên đường”; và con tàu chạy đều không ngừng như một chiếc tàu nổi, vì cả người bị thương và người phụ nữ cùng đi đều cần không khí trong lành.

Những pháo thủ thường trực bên cạnh các khẩu đội cao xạ cỡ lớn. Những nhân viên viễn tiêu và các sỹ quan, các chuyên gia thanh học đều sẵn sàng.

Còn con tàu “bất kể mọi nguy hiểm”, đã vượt qua hết bờ biển Na Uy.

Những người ở dưới tàu ngầm vẫn không hiểu được vì sao họ tốt số đến thế.

Có thể cảnh sát hàng hải Na Uy đã mất dấu vết của chiếc xuồng nhỏ mà chúng xả liên thanh từ ca nô vào, và cho rằng những kẻ chạy trốn hay những tay buôn lậu đã vượt sang Ai-len hay Băng Đảo, và không thông báo cho bọn Đức cộng tác với chúng biết về cuộc đụng độ ngẫu nhiên giữa biển này. Cũng có thể bọn hải quân Đức đang mải rượt theo một đoàn tàu nào đó từ nước Anh hay nước Mỹ đi tới vùng bờ biển Liên Xô. Nhưng Vi-ta biết rằng những lời cầu nguyện của chị, tình yêu của chị đã che chở cho chiếc tàu ngầm khỏi kẻ thù.

Con tàu đến cảng vào buổi sáng, và trên bến tàu đã có xe cứu thương, hai

bác sỹ và một sỹ quan cùng đi đến đợi. Sau cuộc nói chuyện ngắn gọn, các bác sỹ tiêm thuốc trợ sức cho người bị thương và đồng ý đi theo đến Mat-xơ-va. Người phụ nữ lặng lẽ không nói một câu, không nhỏ một giọt nước mắt, chỉ thỉnh thoảng lại cầm tay người bị thương hay mép cáng, ngồi xuống bên cạnh trên chiếc ghế lật trong xe cứu thương đi ra sân bay, và hàm răng thỉnh thoảng lại nghiến lại mỗi khi chiếc xe xóc lên trên mặt đường đóng băng và người bị thương khe khẽ rên.

May mắn là trong máy bay ấm áp, chị ngồi xuống bên cạnh chiếc cáng treo và chỉ có một lần nhìn ra cửa sổ tròn khi kính ngạc nhìn thấy mấy chiếc máy bay khác-mũi nhọn, cánh ngắn-bay kèm một chiếc ở đằng trước và hai chiếc ở hai bên. Mỗi lúc đó chị mới nhớ ra là máy bay của họ sẽ bay lâu, rất lâu, mà trên bầu trời máy bay địch có thể xuất hiện bất kỳ lúc nào, chị nhớ ra và lại quên đi.

Và chị không được nhìn thấy Mat-xơ-va khi ngồi trong chiếc xe cứu thương sơn màu trắng. Chị mong chờ bao giờ mới đến bệnh viện, bao giờ các bác sỹ mới mổ, mới nói cho chị biết cái con người nằm bên chị, mắt nhắm nghiền, không còn cảm giác, chưa chết, nhưng cũng không sống, có sống nổi hay không...

Chị lại ngạc nhiên một lần nữa. Chị thấy xe không chạy đến bệnh viện, mà đến một tòa nhà ở nào đó. Vừa đến người ta lại khiêng người bị thương đi đâu ngay, và chị lại nắm lấy mép cáng như sợ rằng chị buông tay ra là anh sẽ biến mất.

Nhưng dù sao, nơi cuối cùng họ đến-những người hộ lý khiêng cáng, chị tay nắm lấy mép cáng, các bác sỹ thấp tùng và viên sỹ quan-đã là một bệnh viện: bàn mổ, các giáo sư mặc đồ trắng, các y tá; ánh sáng trong vắt của những ngọn đèn không tỏa bóng. Không ai làm phiền chị, chỉ có cô y tá dẫn chị sang phòng bên giấy lát, nơi trong tủ có treo nhiều quần áo và bảo Phre-ken (tiểu thư) thay quần áo, vì trên người Phre-ken vẫn là bộ quần áo đánh cá, bốc lên mùi muối biển và xăng dầu, giúp chị mặc chiếc blu-dơ trắng, rồi lại đưa chị trở lại nơi người bị thương đã nằm trên bàn, dưới tấm vải che, và các giáo sư, bác sỹ, y tá đang làm gì đó với anh, còn bộ quần áo rách nát của anh được xếp ở một góc nhà.

Điều đó kéo dài chừng giờ rưỡi, hai giờ. Vi-ta thỉnh thoảng nhìn đồng hồ, nhưng chẳng nào cũng không nhớ được thời gian. Các cửa sổ đều bị kín bằng rèm đen nên không sao biết được đang là ngày hay đêm. Nhưng rồi vị giáo sư nhiều tuổi nhất lại gần Vi-ta, hỏi chị có hiểu tiếng Nga không và thấy chị gật đầu, nói:

-Tiểu thư quý mến, chồng chị là người may mắn. Anh ấy sẽ sống.

Và lúc đó, chị khóc lên lần đầu, nhưng đó là những giọt nước mắt giải thoát. Vị giáo sư gật đầu với cô y tá và cô này, vén tay áo khoác và áo trong của

Vi-ta lên, tiêm cho chị một mũi tiêm. Vi-ta bỗng thấy mình trôi ra khỏi phòng. Nhưng chị đang ở bên Vô-lô-di-a-họ lướt trên những thanh trượt bên bờ hồ phủ tuyết-nên chị thấy mọi chuyện đều tốt đẹp và đầy hạnh phúc. Chị không cảm giác được là cô y tá đã lật đi, lật lại người chị trên chiếc giường rộng, cởi quần áo cho chị, đặt chị nằm thật thoải mái. Chị vẫn đi bên cạnh Vô-lô-di-a, anh mạnh khỏe chứ không giống như chị mới thấy ở biệt thự, mà đúng như hồi chị thấy lần đầu đã yêu ngay và suốt cả cuộc đời...

Chị tỉnh dậy vì những tiếng nói lạ nhưng sự thức tỉnh vẫn tuyệt vời, vì chung quanh tất cả đều sáng sủa, những cửa sổ lớn tỏa vào phòng ánh sáng xanh biếc: chị hiểu ngay là đêm qua tuyết đã rơi và có lẽ đây là trận tuyết cuối cùng của mùa đông dài dặc và khó khăn này. Cánh cửa hé hé mở, cô y tá đã giúp chị thay quần áo ngày hôm qua đứng túc trực ở đó, trong phòng bốc lên mùi cà phê, mùi bánh mới nướng. Khi cô y tá nhìn thấy đôi mắt chị mở ra, bèn lại gần và nói rằng Phre-ken trước hết phải ăn sáng, phòng tắm đã sẵn sàng, đồng chí Tô-lu-be-ép cảm thấy dễ chịu, mặc dù không thể nói chuyện với anh được.

-Nhưng nhìn anh ấy, nhìn thôi, có được không?-Vi-ta kêu lên.

-Phre-ken nói gì?-Cô y tá hỏi.

Lúc đó Vi-ta mới hiểu rằng trong đêm chị đã chuyện trò với Tô-lu-be-ép bằng tiếng Na Uy và nói với cô y tá lúc này cũng bằng tiếng mẹ đẻ, mặc dù người ta nói với chị bằng tiếng Nga. Khó khăn lắm chị mới nhớ ra được tiếng cần nói và lại kêu lên:

-Nhìn thấy anh ấy!

-Phải ăn sáng và tắm rửa đã!-Cô y tá nghiêm khắc nói và đi ra, khép chặt cánh cửa lại sau lưng.

Ngoài cửa, lại nghe những tiếng nói lạ, nhưng ôn hòa và điềm tĩnh. Vi-ta thấy yên tâm. Chị chỉ hơi ngượng là mặc chiếc áo sơ mi dài, khác thường, không quen, chứ không phải bộ pi-da-ma: nhưng mùi cà phê kích thích chị nhớ ra rằng đã hai hay ba ngày đêm chị không ăn uống gì và giờ chị đang ở nước Nga giá lạnh, rằng Vô-lô-di-a đã khá hơn, có nghĩa là chị cũng phải khỏe hơn. Chị vội uống tách cà phê, hiểu rõ rằng việc cho phép gặp anh là tùy thuộc ở chị.

Không có chuông bấm ở bên giường hay trên bàn nhưng có máy điện thoại. Vi-ta nhắc ông nói lên. Một phụ nữ từ xa hỏi: “Cần ai”. Vi-ta rụt rè nói: “Y tá”. Cô y tá xuất hiện ngay trong phòng. Vi-ta ngồi dậy, nhưng chị bị chóng mặt, và cô y tá tự lựa chọn lấy cho chị quần áo lót, bít tất, váy áo, giày...

Nếu người ta chuẩn bị cho chị của hồi môn, thì đây quả là rất nhiều thứ. Sau đó, cô y tá đưa chị vào phòng tắm và giúp đỡ chị vì người chị vẫn chao đảo hết bên nọ sang bên kia, bảo chị rằng sau mười, mười lăm phút tình trạng đó sẽ qua khỏi.

Và quả thật, thời gian trôi khi nhanh khi chậm, với những bước nhảy lạ kỳ, đã bắt đầu chững lại, và Vi-ta được dắt tới chính cái gian phòng mà các giáo sư đã làm gì đó với Vô-lô-đi-a vào ngày họ mới tới đây, chỉ có không hiểu được là hôm qua hay mấy hôm rồi. Căn phòng vẫn nguyên như vậy, chỉ không còn bàn gỗ, những ngọn đèn không tỏa sáng, bây giờ sáng sủa có đặt nhiều đi văng và hoa. Vô-lô-đi-a đang nằm trên chiếc giường rộng nhìn chị vẻ ngạc nhiên, vui mừng đến nỗi chị không chịu nổi và lại bật khóc. Nhưng cô y tá đã đóng cửa, đưa chị sang phòng khác, nơi có hai người Nga đang ngồi uống cà phê.

Những người Nga đứng dậy, chào hỏi và giới thiệu tên mình, nhưng Vi-ta đang còn ở trạng thái kích động và chị không nhớ được tên họ. Tuy nhiên, chị đã cảm thấy mình là chủ nhân của căn nhà của chị và Vô-lô-đi-a, và các “đồng chí” tới đây để thăm chị. Chị ngồi xuống ghế và mời họ cùng ngồi. Chính cô y tá trực lại bước vào, mang theo ấm cà phê, cốc chén và bình sữa kem cho Vi-ta rồi lại đi ra. Vi-ta mời khách uống cà phê mới pha và tự rót cho mình.

Một vị khách, người cao gầy, mặt nhọn, lễ phép hỏi bằng thứ tiếng Na Uy tôi:

-Phre-ken có nói được tiếng Nga không?

-Ồ, có, có!-Chị trả lời.

Người kia thấy nhẹ nhõm, chuyển sang tiếng Nga.

-Phre-ken, chị có nói với chỉ huy tàu ngầm đi đón là mọi số liệu chị đều nắm giữ... Ý chị muốn nói gì?

-Tất cả những gì tôi và Vô-lô-đi-a đã nhận được ở đó,-chị vẫy tay về một phía nào đó. Chị không muốn nói đến tên nước mình và cả nước Đức.

-Vla-đi-mia A-lếch-xan-đrô-vích Tô-lu-be-ép còn lâu mới nói chuyện được với chúng tôi, nên chúng tôi muốn được xem những... số liệu của chị.

Ông ta có vẻ không tin ở những số liệu đó lắm. Vị khách thứ hai, người phục phịch, vẻ mặt mệt mỏi và luôn lo lắng, cũng yêu cầu:

-Vâng, chúng tôi muốn được xem.

Sự thiếu tin tưởng không nói ra miệng này, đã làm chị xốn xang. Chẳng lẽ họ đã đi dưới là mưa đạn chỉ vì một sự phô trương rỗng tuếch nào đó sao? Chẳng lẽ Vô-lô-đi-a đã suýt bỏ mạng vì một điều vô nghĩa ư? Chị kiêu hãnh ngồi thẳng lên và khô khan hỏi:

-Tại sao tôi lại phải đưa số liệu này cho các ngài? Các ngài là ai?

Hai người khách nhìn nhau. Người phục phịch vẻ mặt tư lự rút ra từ túi áo ngực một chiếc ví da, lấy từ ví tấm chứng minh thư bìa đỏ, đưa cho Vi-ta.

Chị mở ra và nhìn thấy ảnh của người to béo và hàng chữ: “Phó chính ủy nhân dân công nghiệp nặng” dưới có đóng dấu và chữ ký. Chị nhìn ông với vẻ kính trọng và nghĩ thầm: ở bên mình là thứ trưởng. Ở Na Uy đối với chị

các bộ trưởng cũng chỉ là bạn bè của bố. Nhưng nước Nga to hơn nước Na Uy đến sáu mươi lần-và ở đây, bộ trưởng có lẽ cũng quan trọng hơn tới sáu mươi lần. Tuy vậy chị cũng nhìn người bạn đường của ông ta với vẻ đòi hỏi tương tự.

Khi đó, người mặt nhọn cũng chìa ra giấy chứng minh, tuy không sang như cái kia, nhưng cũng bọc da và chị đọc thấy hàng chữ ngắn ngủi: “Đại tá Krit-xchi-an M.A”. Nhớ lại đại tá vừa mới hỏi chị bằng tiếng Na Uy, chị thầm nghĩ: “Có lẽ đây là cấp trên của Vô-lô-đi-a, nhưng không có quyền nói ra điều đó”. Nhìn người cau có này với vẻ tò mò một lần, chị ra khỏi phòng, chạy về chỗ ở riêng của mình.

Tất cả quần áo của chị treo ở mắc áo. Chị rạch cái túi bí mật, lấy ra chiếc túi cao su nhỏ, sờ nắn qua nó, rồi rần rỏi trở về với các vị khách và đặt nó lên bàn.

Đại tá Krit-xchi-an bắt đầu mở chiếc túi ra. Vi-ta thấy tay ông run run. “Lạy chúa, chả hóa ra điều đó quan trọng đến thế ư?”-Chị nghĩ, nhưng rồi đứng ngay lại: “Còn Vô-lô-đi-a? Anh đã vượt qua bao thử thách, lẽ nào không phải vì công việc có tính chất quan trọng đặc biệt?”. Trong khi đó, đại tá Krit-xchi-an đã rút ra và đặt lên bàn những ghi chép của Vô-lô-đi-a, chiếc phong bì đen trong có ảnh kỷ niệm ở Đức và chiếc nhân đen nhỏ.

-Cái gì thế này nữa?-Ông hỏi, nhắc nhắc chiếc nhẫn trên tay.

-Ồ, chiếc nhẫn cưới của tôi đây!-Chị hóm hỉnh trả lời.

Nhưng ông không nhận ra câu đùa của chị, bỏ chiếc nhẫn xuống và xé phong bì đựng ảnh.

Ông bỗng như ngừng thở, nom giống như một con nhím, mồm nhọn, khi dơ chiếc ảnh lên gần mặt và hít vào thật sâu, bảo:

-Thế mới là làm việc chứ! Quả là một chiến công!-Và trao tám ảnh heo thứ trưởng. Ông này cũng chăm chú nhìn ảnh, và sau đó kinh ngạc nhìn Vi-ta:

-Chính cái xe tăng này, hả? Ông vừa hỏi vừa nhìn Vi-ta đầy thán phục.

-Vâng!-Chị trả lời.

Sau đó, Krit-xchi-an mở phong bì đựng những ghi chép của Vô-lô-đi-a. Đó là những tờ giấy gấp tư, nét chữ nhỏ li ti, không mã hóa. Vi-ta đã từng viết giúp. Ông đọc hết trang này sang trang kia, rồi lại chuyển cho thứ trưởng, vị này đọc lại và cẩn thận xếp vào phong bì. Khi họ đã đọc xong hết, đại tá Krit-xchi-an hỏi:

-Chị còn có gì nói thêm nữa chẳng?

-Tôi còn có tài liệu bằng vật chất để bổ sung.-chị mạnh dạn nói.

-Cái gì thế?-Krit-xchi-an ngạc nhiên hỏi.

-Mẫu của loại thép mới làm vỏ bọc, đủ để phân tích. Ngài Tô-lu-be-ép, chồng tôi đã nói như vậy.

-Thế mấy ấy đâu?

-Thế cái này?-Chị đẩy chiếc nhẫn về phía họ.

Trời đất, nét mặt cả hai người đã thay đổi đến thế nào! Họ cúi xuống chiếc nhẫn, đầu sát nhau, chuyển chiếc nhẫn sang tay nhau. Sau đó, Krit-xchi-an cầm bỏ lại chiếc máy điện thoại và gọi điện cho ai đó, reo lên: “Nữ đồng chí Tô-lu-be-e-va đã mang được mẫu thép về để phân tích”. Ông yêu cầu gửi chiếc xe có bảo vệ tới. Từ tất cả những điều đó, chị hiểu ra điều chủ yếu nhất: chị đã được công nhận là người giúp đỡ xứng đáng của Vô-lô-đi-a và được công nhận là vợ anh.

Sau cửa sổ, có tiếng xe gầm rú và các vị khách vội vã cúi chào. Vi-ta vô cùng ngạc nhiên: cả hai người đàn ông đều hôn tay chị-thế mà chị đã tưởng là người Nga, khi chia tay, thường vỗ vỗ vào vai nhau. Ít ra, trong các cuốn phim chị xem ở nước mình, các thủy thủ Nga thường vẫn làm như vậy. Chị lại gần cửa sổ và thấy cả hai vị khách ngồi vào một chiếc xe bọc thép. Mỗi lúc này, chị mới hiểu rằng việc chị đã làm không phải là một trò chơi, dù nó có lôi cuốn đến thế nào, mà là một cái gì lớn lao hơn thế, mà rất có thể, số phận các dân tộc tùy thuộc vào đó...

Trần đầy xúc động, cảm thấy đôi chân như muốn khụy xuống, chị ghé ngồi vào thành cửa sổ rộng, nhìn từ tầng hai xuống thành phố xa lạ, nơi chị đã chọn làm Tổ quốc thứ hai. Thành phố lộng lẫy phủ tuyết. Tuyết trắng như ở biệt thự và ít người qua lại. Gần như mọi người đều mặc quần áo lính-cả đàn ông lẫn đàn bà-bước đi nhanh nhẹn, dường như trong thành phố này, trong đất nước này, có một nhịp sống khác; và chị càng cảm mạnh mẽ hơn: chị đang sống ở trong một cuộc chiến tranh, dù không ở tuyến đầu, nhưng cũng trong một thành phố chiến đấu.

Bác sỹ đến, cho phép chị nhìn Vô-lô-đi-a đang ngủ, sau đó nghiêm khắc bắt chị đi nằm. Và cũng vẫn cô y tá mặc áo blu trắng cho chị ăn trưa, uống một thứ thuốc gì đó. Rồi Vi-ta không kịp nghĩ đến những ý nghĩ của mình, chung quanh chị lại như chao đảo như ở dưới tàu ngầm khi chị đi theo người chồng bị thương-ở đó, dưới tàu ngầm, mọi người đều hiểu như vậy!-và chị thiếp đi.

“Ngày 7-4, trên các mặt trận, không có những biến đổi đáng kể.

Ở gần Pa-ri (Pháp), nhiều lính Đức đào ngũ, bỏ trốn khi biết phải điều sang mặt trận Xô-Đức. Các đội SS và hiến binh đặc biệt ngày đêm truy lùng những kẻ đào ngũ. Cuối tháng ba, riêng ở Pa-ri, đã có tới ba trăm lính đào ngũ bị bắt giữ. Theo lệnh của tướng Phôn Run-stet, 90 lính đào ngũ đã bị xử bắn”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

7-4-1943

Ngày hôm sau, đại tá Krit-xchi-an đến thăm Vi-ta. Ông nhiệt liệt cảm ơn chị đã giúp đỡ Tô-lu-be-ép, nhờ chuyển lời thăm anh nếu có thể được, và vui vẻ uống cà phê do cô y tá Li-đi-a pha. Bây giờ Vi-ta đã biết tên cô rồi, và

chuyện trò với cô để nói thạo tiếng Nga hơn. Chị chỉ được lại gần Tô-lu-be-ép khi anh đang ngủ, còn Krit-xchi-an không được vào.

Sau khi uống cà phê, Krit-xchi-an bảo:

-Phrê-ken Vi-ta, chắc chị đang buồn? Tôi đã hỏi bác sỹ, đồng chí ấy nói là chị chưa nên ra phố vì hầy còn quá yếu do những điều vừa trải qua. Nhưng tôi yêu cầu chị, chị hãy viết hồi ký về chuyến đi thăm nước Đức. Điều đó sẽ làm chị khuây khỏa, lại giúp được chúng tôi. Thậm chí tốt hơn là chị sẽ đọc cho người viết. Sáng mai, tôi sẽ gửi người ghi tốc ký đến chỗ chị.

-Hãy để chị ấy mang đến cho tôi ít sách đọc và sách giáo khoa tiếng Nga. Tôi nói tiếng Nga tồi quá!-Vi-ta than phiền. Chị nghĩ thầm là, nếu Vô-lô-đi-a ở Na Uy nói tiếng như dân Lap-lan, thì chị nói tiếng Nga còn kém hơn những người Lô pa-ki. Hình như dân Lap-lan gọi những người Nga trú ngụ trên lãnh thổ của họ như vậy.

Cô tốc ký viên đến, mang theo sách đọc và sách giáo khoa tiếng Nga. Đến cùng cô còn có một giáo viên Nga văn. Nhưng cả tốc ký viên, cả bà giáo đều không biết tiếng Na Uy, nên công việc ghi chép và học tiếng Nga rất chậm chạp.

Nói chung, Vi-ta không có gì phải phàn nàn, ít ra chị cũng có công việc để làm, còn Vô-lô-đi-a cứ mỗi ngày lại khá hơn chút ít. Anh tỉnh lại luôn, mỉm cười với chị, nhưng bác sỹ không cho anh nói chuyện.

Vi-ta chăm chú nghe đài, đọc tất cả các báo đại tá Krit-xchi-an gửi đến, trong đó có cả báo Na Uy. Về cuộc bỏ trốn tai tiếng của chị, báo chí không nhắc đến một lời. Ông bố, có lẽ vẫn còn ở bên Đức. Ở đó có thể ông sẽ dễ chịu đựng đòn đau này hơn.

Trong các bản tin quân sự, Vi-ta ngạc nhiên thấy chiến tranh như dừng chân tại chỗ. Ngày nào các tin tức cũng nói rằng không có những thay đổi đặc biệt trên các mặt trận. Chị quan tâm đến những tin tức của phong trào kháng chiến, bằng những con đường nào đó, vẫn vượt qua mặt trận, lọt sang nước Nga và đôi khi được đăng ở phần cuối bản tin của Tổng cục thông tin Liên Xô. Dù hiểu ít tiếng Nga, chị cũng thấy rõ được một điều: cuộc kháng chiến trong các nước quân Đức chiếm đóng ngày một mở rộng, những cuộc chiến đấu thực sự đã bắt đầu. Và chị cầu nguyện để quân Đức chóng bị đập tan để Vô-lô-đi-a khỏi phải liều mình một lần nữa, mặc dù chị hiểu rằng chiến tranh không phải được quyết định bởi các cuộc đụng độ nhỏ, không phải bởi các mặt trận của quân Anh và quân Đức ở châu Phi, mà tất yếu vẫn là ở đây, ở nước Nga.

Và chị kiên trì giải thích cho cô ghi tốc ký từng lời, từng chữ, vì mỗi lời, mỗi chữ của chị cũng phục vụ cho chiến thắng tương lai. Cuối cùng, sau một tuần, bản báo cáo đã làm xong, và cô tốc ký hứa sẽ chuyển cho đại tá Krit-xchi-an.

Cuối cùng, thời gian hạnh phúc cũng đã đến: chị được phép ở bên Vô-lô-đi-a, đọc sách báo cho anh nghe, chuyện trò, nhưng chỉ như nói với trẻ nhỏ: trả lời những câu hỏi, còn những lời lẽ khác như muốn bật ra khỏi trái tim họ phải nén lại.

Có lẽ các bác sỹ theo dõi Vô-lô-đi-a đã thông báo tình hình sức khỏe của anh hàng ngày cho Krit-xchi-an, nên ngày đầu tiên khi anh ngồi dậy được trên giường, lưng tựa vào đồng gối, đại tá đã đến ngay bệnh viện.

Ông chỉ rẽ vào giây lát, vẻ mặt cau có và dăm chiêu, nhưng chào Vô-lô-đi-a và Vi-ta đầy mừng vui, hỏi thăm sức khỏe và nói luôn:

-Ngày mai, anh có thể tiếp các đồng chí đã quyết định cho chuyến đi của anh không?

-Được, -Vô-lô-đi-a đáp.

Và Vi-ta hiểu là những người chị không quen biết đó cũng chờ đợi sự lành bệnh của anh với sự sốt ruột và lo lắng như chính chị.

Sáng hôm sau, Vi-ta giúp chồng thay chiếc áo sơ mi, còn cô y tá ldi không lúc nào xa rời căn phòng họ, cạo râu cho anh, dọn dẹp căn phòng, kê thêm mấy ghế dựa vào chiếc bàn con.

-Họ nhiều lắm à? -Vi-ta lo lắng hỏi.

-Không, chỉ năm người thôi. Một cuộc họp nhỏ mà.

-Nhưng Vô-lô-đi-a không chịu nổi.

-Anh ấy chỉ nghe thôi.

-Thế còn tôi?

-Điều đó phải hỏi đại tá Krit-xchi-an.

Krit-xchi-an đến đầu tiên, mang theo người ghi tốc ký. Ông tự nói với Vi-ta:

-Tôi mong muốn được chị tham gia vào cuộc nói chuyện của chúng tôi.

Lát sau, thứ trưởng Bộ công nghiệp nặng đã đến cùng với ba người nữa.

Vi-ta lại ngồi bên chồng. Anh cảm thấy dễ chịu và nóng ruột chờ khách đến. Chị mời mọi người vào.

Các vị khách kính cẩn chào hỏi Tô-lu-be-ép và Vi-ta thấy thích điều đó. Dù sao chị cũng có phần lo cuộc thăm viếng long trọng này.

Khi mọi người đã ngồi vào chỗ và cô tốc ký viên đã đặt bút chì và vở viết xuống bàn, đại tá Krit-xchi-an lên tiếng:

-Cuộc họp của chúng ta hôm nay không phải là chính thức. Chúng ta chỉ trao đổi ý kiến với nhau, nhân khi sức khỏe của trung trung tá Tô-lu-be-ép có phần khá hơn chút ít.

-Trung tá? -Tô-lu-be-ép ngạc nhiên.

-Cho phép tôi là người đầu tiên được chúc mừng anh nhân dịp phong quân hàm đặc cách và việc tặng thưởng huân chương Lê-nin vì sự hoàn thành nhiệm vụ đặc biệt của chính phủ. Vi-ta Ac-vi-dốp-na Tô-lu-be-e-va được thưởng huân chương Cờ đỏ chiến đấu vì sự giúp đỡ tận tụy anh trong việc

hoàn thành nhiệm vụ.

Vi-ta đỏ mặt lên vì thích thú. Thực ra, thậm chí không phải vì chị, mà vì Vô-lô-đi-a. Nhưng sự thừa nhận công lao của chị cũng rất lý thú. Đặc biệt thú vị là chị được xác nhận lần nữa, quyền làm vợ Tô-lu-be-ép. Chị đã hiểu được, đã hình dung và biết trước được là ở đất nước đang có chinh chiến, người phụ nữ nước ngoài không có giấy tờ, quyền lợi pháp lý sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Thế mà ở đây, quyền chị được yêu, được sống với người chồng Nga đã được thừa nhận.

Còn Vô-lô-đi-a khi thì tái đi, khi thì đỏ mặt lên. Cô y tá Li-đi-a hiện ra ở cửa và nghiêm khắc nói:

-Giáo sư yêu cầu không làm bệnh nhân xúc động.

-Chị y tá đáng mến, chưa có ai chết vì mừng vui bao giờ đâu!-Krit-xchi-an nói.

-Có thể!-cô y tá nói không khoan nhượng, nhưng đã khép cửa lại.

Và Vi-ta nghĩ thầm: Li-đi-a sẽ ngồi ngoài cửa như vậy trong cả thời gian này, để khi nào cần, sẽ giúp đỡ ngay được Vô-lô-đi-a hay yêu cầu các vị khách ra về. Và chị lại cảm thấy vui sướng! Chồng chị được giữ gìn!

-Chúng ta không thể chống lại các nhà y học,-Krit-xchi-an cười khẩy.-Vì vậy chúng ta cố gắng ngăn gọn. Xin mời đồng chí thứ trưởng công nghiệp nặng phát biểu trước.

-Vla-đi-mia Aléch-xan-đrô-vích! Chúng tôi đã phân tích “thép mẫu”.-Ông nhấn mạnh chữ cuối cùng và rút trừ trong cặp ra chiếc hộp nhỏ.-Loại thép “siêu cứng” đấy. Trong giờ phút này, tại một nhà máy ở Matxcova, đang đúc mẻ đầu tiên loại thép này. Một tuần sau, chúng ta sẽ chế tạo chiếc hộp thí nghiệm và bắn thử bằng đạn xuyên thép của chúng ta. Nhưng Vi-ta Ac-vi-dốp-na, trong ghi chép của mình, có nói là chúng đã bắn thử chiếc xe tăng trước mặt chị, bằng loại pháo 85 ly của chúng ta. Những viên đạn chỉ để lại những vết lõm. Tôi không nghi ngờ là đồng chí đã nghĩ đến điều đó. Đồng chí có đề nghị gì đặc biệt không?

-Có. Chế tạo loại pháo mới.

Trước mắt đồng chí đây là kỹ sư của một xưởng chế tạo pháo ở U-ran.-Ông chỉ người trẻ tuổi đang khiêm nhường ngồi ở góc phòng.-Họ đã tổ chức được việc sản xuất đại bác 122 ly. Tác dụng của loại pháo này chúng ta sẽ thử vào tuần sau, với “cái hộp”. Đồng chí còn đề nghị gì nữa không?

-Việc sử dụng chủ yếu của loại pháo này thế nào?

-Sẽ trang bị cho các trung đoàn.

Như thế sẽ không có hiệu quả cần thiết.-Tô-lu-be-ép chăm chú nhìn người kỹ sư trẻ và nói tiếp:-Bây giờ đã có thể nói chắc chắn rằng mùa hè tới, quân Đức sẽ có vài nghìn xe tăng mới này rồi. Vì loại xe này rất nặng nề, nên bọn Đức sẽ chọn mùa khô ráo nhất cho cuộc tấn công bằng xe tăng. Có khả năng

hơn cả là vùng đồng cỏ không có sông ngòi, rừng rậm và đầm lầy, sẽ được chọn làm bàn đạp. Tôi nghĩ rằng đó sẽ là vùng Cuốc-xơ hay dưới phía nam nữa-đồng cỏ Xan-xkai-a. Ít ra, những khẩu pháo mới này được trang bị cho các trung đoàn tiền tuyến, sẽ không thể đánh bật được cuộc tấn công xe tăng tập trung. Cần phải có lá chắn bằng hàng loạt pháo tự hành cỡ lớn, có thể chuyển nhanh tới bất cứ khu vực mặt trận nào bị đe dọa, và phải trang bị loại pháo này cho xe tăng hạng nặng “IX” của ta nữa.

-Pháo tự hành nòng 122 ly? Trang bị cho xe tăng? Nhưng chúng sẽ quá nặng-Thứ trưởng đảm chiêu nói.

-Sao lại thế ạ?-Người kỹ sư bỗng linh hoạt hẳn lên.-Nhiệm vụ sẽ đơn giản hơn nhiều. Vì rằng đa số các cuộc tấn công sẽ diễn ra trên những hướng tiếp giáp nhau, súng có thể làm nhẹ hơn. Trong bộ binh vẫn còn lại pháo loại cũ. Còn đối với xe tăng và pháo tự hành, ta sẽ cải tiến thêm.

Vị tướng lúc này dè dặt vẫn im lặng ngồi cạnh thứ trưởng cũng sôi nổi lên tiếng ủng hộ người kỹ sư.

-Nếu chúng ta chế tạo được hai, ba ngàn khẩu pháo tự hành và xe tăng, thì các xe tăng mới của Hít-le cũng sẽ bốc cháy như đã bốc cháy trước đây!

-Hai, ba ngàn...-Tô-lu-be-ép lấy lòng ban tay che mắt. Hoặc là anh đang tưởng tượng tưởng ra trận đánh quy mô chưa từng thấy này, hoặc anh không thể tin rằng đất nước đang chiến tranh có thể thực hiện được chiến công đó. Còn Vi-ta thấy lạnh người khi đột nhiên hiểu ra rằng những con người này đang thân nhiên đến thế, khi nói tới những cuộc chiến đấu tương lai, trong đó sẽ có hàng nghìn người chết.

-Ha, ba hoặc bốn. Cần bao nhiêu làm bấy nhiêu!-Vị tướng nóng nảy nói!-Chúng ta đặt vào ván bài này rất nhiều-cả vận mệnh của Tổ quốc! Đồng chí biết đấy, trung tá Tô-lu-be-ép, chúng tôi đã học được phép tin ở các chiến sĩ tình báo. Nếu đồng chí đã mang về những bằng chứng hiển nhiên như vậy về cuộc tấn công bằng xe tăng, thì chúng ta phải tính toán thế nào để người thắng trận này không phải là bọn Đức, mà là chúng ta!-Ông đột ngột đứng dậy và nói với mọi người:-Có lẽ chúng ta đã đi đến kết luận cần thiết. Tôi cho phép mình một lần nữa cảm ơn trung tá Tô-lu-be-ép và Vi-ta Ac-vi-dốp-na về sự giúp đỡ đối với quân đội và nhân dân. Giờ ta hãy để cho trung tá nghỉ ngơi. Hy vọng tuần sau anh sẽ có thể tham gia cuộc thử vũ khí mới. Mọi người bắt đầu chia tay. Thứ trưởng lại gần Vi-ta và đưa cho chị chiếc hộp ông đã lấy từ cặp ra lúc bắt đầu cuộc nói chuyện.

-Còn cái này, Vi-ta Ac-vi-dốp-na, là quà tặng thay cho chiếc nhẫn cưới của chị. Chiếc nhẫn ấy, đáng tiếc là đã phải nung chảy ra.

Ông mở chiếc hộp nhỏ và Vi-ta nhìn thấy hai chiếc nhẫn cưới. Cả hai đều bằng vàng, một chiếc của đàn ông, một chiếc của phụ nữ. Chị đeo thử chiếc nhẫn nhỏ vào ngón tay và thấy nó vừa khít. Chiếc kia chị đưa cho chồng, và

Tô-lu-be-ép tròn mắt kinh ngạc vì nó vừa in với tay anh.

-Nhưng các ngài lấy kích thước ở đâu cơ chứ?-Vi-ta thốt lên.

-Những tay tình báo kỳ cựu!-Vị tướng hiền hậu mỉm cười.

Giữa trưa, có hai người lính mang vòng dây và máy điện thoại tới. Y tá Li-đi-a và Vi-ta cùng phản đối việc xâm nhập này. Nhưng mấy anh lính cứ đứng trơ trơ ở hành lang và nhắc lại rằng theo lệnh của thiếu tướng, họ phải đặt máy điện thoại ở cạnh giường bệnh trung tá Tô-lu-be-ép. Cuối cùng, hai chị em đành chịu thua. Còn tốt một điều là người ta đặt máy ở chỗ Li-đi-a. Trước hết chuông reo lên trong buồng chị, sau đó chị xem sức khỏe bệnh nhân thế nào đã rồi mới nối dây liên lạc.

Vi-ta có lần đã thử nghe xem ai quấy rầy người chồng đang ốm của mình. Nhưng chiếc máy đó là loại máy gián đoạn, khép kín, giống như loại máy gọi là “thư ký giám đốc”. Khi máy Tô-lu-be-ép nói chuyện thì ống nghe của Li-đi-a lặng im.

Nhưng rõ ràng là các hồi chuông đã làm Vô-lô-đi-a xúc động. Anh trở dậy và đi lại, mặc dù tạm thời anh còn chưa đi được. Vi-ta phàn nàn với vị giáo sư hầu như ngày nào cũng đến thăm bệnh nhân. Giáo sư đều gặp Tô-lu-be-ép, ngồi với anh mấy phút, trở ra, và bảo:

-Chúng ta phải giúp anh ấy lấy lại sức, và càng mau càng hay. Sau đó, anh ấy sẽ khỏe dần lên thôi.

Vi-ta không thể tin rằng sự lao lực sẽ không làm hại mà còn giúp đỡ được người ốm.

Nhưng sang tuần sau, khi nghe một trong hai hồi chuông bất ngờ, Tô-lu-be-ép yêu cầu mặc quần áo cho anh. Cô y tá Li-đi-a đã có sẵn từ bao giờ bộ quần phục mới. Tô-lu-be-ép thích thú ngắm mình trong gương. Quần hàm trung tá, nét mặt hốc hác, tóc điểm bạc, nom anh rất có dáng: “Nom ra đáng quá!” Vi-ta phàn nàn với Li-đi-a.

Và chỉ mất phút sau, ô tô đã đến. “Còn may là họ gửi xe cứu thương đến!”-

Vi-ta nghĩ thầm. Chị lại phải đi theo anh. Tô-lu-be-ép được khiêng trên cáng, còn chị đi bên cạnh, bám vào mép cáng và lại sợ anh sẽ biến mất.

Cũng may là đoạn đường không xa, chiếc ô tô rẽ vào một cái sân có rào ngăn. Đội sẵn ở đó đã có đại tá Krit-xchi-an, thứ trưởng công nghiệp nặng, vị tướng đã đến chỗ anh chị một lần và người kỹ sư chị mới quen biết. Ngoài ra còn mấy người nữa đầy vẻ ngạc nhiên nhìn viên trung tá được khiêng ra khỏi xe cứu thương đặt ngồi ngay vào một chiếc ghế đan và người phục nữ mặc chiếc váy rất sang, đội mũ, đang cầm tay trung tá dường như sợ anh sẽ chạy khỏi chị ngay bây giờ. Đến lúc này, Vi-ta mới hiểu rằng chị đang ở bãi thử vũ khí.

Nhưng sao ở đây đơn sơ, bình thường và giản dị đến như vậy?

Các công nhân trong những bộ quần áo lao động lem luốc đầy từ đâu ngoài

cổng vào một khối thép đồ sộ giống như chiếc xe tăng, nhưng chưa lắp dây xích. Bên phía tường đối diện có đặt hai khẩu pháo-một khẩu Vi-ta đã biết rồi: giống khẩu pháo đã bắn vào chiếc xe tăng, khi thử con quái vật mới sáng chế bên Đức, còn khẩu kia chị không quen biết.

Khối kim loại được đặt vào chiếc hầm nổi trước sau có thành đất, phía sau nữa có một bức tường cát. Viên tướng gọi điện thoại, người sỹ quan chỉ huy pháo chạy lại chỗ ông. Họ nói gì đó với nhau, sau đó người sỹ quan trở về các khẩu pháo và viên tướng khẽ ra lệnh qua máy nói:

-Bắn!

Tiếng súng nổ vang, viên đạn rít lên, đập vào khối sắt kỳ quái và cắm vào thành cát. Viên tướng vẻ ngoài vẫn bình tĩnh, hạ lệnh tiếp:

-Bắn!

Lần này, khẩu pháo nổ ba phát liền, và tất cả những viên đạn bắn vào cái hộp sắt ngu ngốc, thậm chí làm nó rung lên trên những bánh xe trơn trượt của nó, chúng chỉ kêu rít lên, văng cắm vào vẫn cái thành cát ấy. Vi-ta bỗng cảm thấy kinh hoàng. Đến giờ thì chị hiểu ra rằng người ta đang thử chiếc xe tăng chị đã chụp ảnh trước đây và cái khối thép ấy vẫn chống lại những viên đạn như vậy...

Viên tướng lại nói điều gì đó và đột nhiên tất cả mọi người chạy lại cái hộp thép, hai chiến sỹ nhắc bổng chiếc ghế có Tô-lu-be-ép được đặt ngồi trên, khiêng đi như khiêng kiệu vị hoàng đế Trung Quốc. Vi-ta đi bên cạnh chiếc “kiệu”, cầm tay chồng và an ủi bằng những lời lẽ gì đó mà chính trị cũng không rõ nghĩa. Nhưng rồi mọi người đã dừng lại, các sỹ quan bắt đầu đo và mô tả những vết lõm, còn chiếc hộp vẫn nguyên như khi nó được kéo ra trường thử.

Trở về vị trí quan sát, nét mặt ai nấy đều ảm đạm và trầm lặng. Người sỹ quan chỉ huy pháo đã đợi họ. Anh báo cáo gì đó với viên tướng và ông vẫy tay cho phép. Viên sỹ quan vung tay. Một tiếng nổ không to vang lên, chiếc hộp rung rinh và bỗng nhiên một ngọn lửa xanh lan khắp mình nó. Mấy giây lặng thinh, rồi sau đó mọi người bỗng reo lên: “Hoan hô!” và Vi-ta cũng không nhận ra là chính mình cũng reo lên và đập đập vào tay Tô-lu-be-ép. Cả anh cũng kêu lên, nhưng khàn khàn yếu ớt. Chỉ lúc đó chị mới sự tỉnh, lấy tay bịt lấy miệng anh. Tô-lu-be-ép lên tiếng gọi, hai anh chiến sỹ nhắc bổng chiếc ghế lên và chạy thẳng, đến nỗi Vi-ta tuột khỏi tay chồng và chạy theo sau anh một mình.

Chiếc hình mẫu xe tăng với động cơ được lắp sẵn đã bị bắn thủng ở mạn sườn ngay từ phát đạn đầu tiên.

Vòng cung lửa

Phần thứ hai

Chương 6

Giải pháp kỹ thuật cho trận đánh

“Trong ngày 21-4, trên các mặt trận không có thay đổi đáng kể. ...Du kích Nam Tư đã chiếm được thành phố Ô-tô-cha-xe và Bri-nhe những người yêu nước đã thu được triệu rưỡi viên đạn và hai toa chở đạn đại bác, 13 nghìn lít xăng và nhiều vũ khí. Quân du kích đã đánh tan một đội quân lớn của địch tràn vào thành phố Nhe-vin-xơ. Thành phố đã được quét sạch khỏi bọn Hít-le. Hơn 100 tên lính và sỹ quan địch bị giết. Ở vùng ven biển Xto-ven-xki, du kích đã tấn công vào những đồn lũy của quân I-ta-lia, 80 tên lính bị chết, 60 tên bị bắt sống, thu được 14 khẩu súng máy, 100 súng trường và nhiều đạn dược”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

21-4-1943

Trong phòng bệnh đã hình thành một cái gì đó giống như một bộ tham mưu. Nhiều khi Vi-ta không được ở bên chồng tới năm phút trong một ngày.

Ở buồng bên có đặt máy điện tín, hai máy điện thoại thường xuyên có hai chiến sỹ thông tin thường trực, có những cán bộ dân sự nào đó chờ cuộc nói chuyện với Tô-lu-be-ép. Tất cả những điều đó làm cho nơi đây giống như một cơ quan, chứ không phải nhà ở. Nói chung, Tô-lu-be-ép thực sự lãnh đạo bộ tham mưu, mặc dù anh khó cất mình dậy trên giường bệnh. Đại tá Krit-xchi-an dường như xin lỗi Vi-ta vì sự phiền hà, đã giải thích:

-Vi-ta Ac-vi-dốp-na, chồng chị mới được giao chức vụ mới: anh ấy là đại diện quân sự trong Bộ công nghiệp nặng.

-Nhưng anh ấy còn ốm thế!-Vi-ta than vãn.

-Lúc này cứ thử bảo anh ấy bỏ dở công việc xem! Anh ấy sẽ không chịu được một tuần đâu!-Krit-xchi-an quả quyết nói.

-Nhưng ở mặt trận yên lặng lắm cơ mà?-Vi-ta vẫn giữ ý mình-Đây, ngài xem,-và chị chia cho đại tá tờ báo và trích đọc một câu đã trở nên quen thuộc, không chút ngắc ngứ: “Trong đêm rạng ngày 23-4, trên các mặt trận không có thay đổi đáng kể”.

Đại tá cầm tờ báo, đưa mắt tìm gì đó và hỏi:

-Thế còn câu này trong bản tin, chị đọc chưa?

Có, chị đã đọc. Và cố suy nghĩ điều đó có nghĩa gì. “Tên phi công tù binh thuộc tổ hai, phi đội ném bom số một của quân Đức, thiếu úy Hen-rích Ti-ten khai rằng: “Hai phi đội thuộc nhóm hai từ phi trường Bren-xơ và hai

phi đội thuộc nhóm ba từ phi trường Óc-lốp được lệnh ngày 11-4 ném bom Cuốc-xơ. Trên đường bay tới thành phố, chúng tôi đã bị các máy bay tiêm kích Xô Viết xua tan. Tôi cũng như đa số các phi công không tới được Cuốc-xơ. Máy bay bị cao xạ Nga bắn rơi, thậm chí tôi còn chưa kịp cất bom. Mới đây, tôi có về Đức, ở đó đang diễn ra cuộc tổng động viên rộng khắp. Hàng nghìn người mới được gọi vào quân đội. Họ phải lấp kín lỗ hổng trong hàng ngũ quân Đức bị thiệt hại trong mùa đông. Những điều mà các sư đoàn tinh nhuệ Đức không làm nổi, thì những tay dân sự mới vào lính sao có thể làm nên được? Đó là những người buôn bán có tuổi, các công chức, người hầu, bồi bàn, khoác vội chiếc áo lính lên người, không đáp ứng được những đòi hỏi gắt gao của cuộc chiến tranh ở phương Đông và sẽ bị nghiền nát ngay trong những cuộc giao chiến lớn đầu tiên”.

-Thế thì làm sao?-Chị hỏi.-Theo lời tên phi công Đức này, thì bọn Đức không có người để bổ sung cho quân đội!

-Không, tên thiếu úy không đến nỗi ngu ngốc đâu. Nó hiểu quá rõ là những tên hầu, những tên bồi bàn, những thương nhân và công chức cao tuổi được gọi vào quân đội không phải để vá vúi những lỗ hổng của cái bọn Đức gọi là mặt trận phía Đông. Những sư đoàn văt đi này thực ra sẽ bị ném sang mặt trận phía Tây, còn từ đó những sư đoàn, quân đoàn được bổ sung, được nghỉ ngơi, ăn đầy, sẽ bị ném sang phía Đông. Hen-rích Ti-ten đã nói hớ-thậm chí hẳn đã chỉ rõ những sư đoàn này sẽ bị ném vào cối xay thịt ở đâu-ở Cuốc-xơ! Chúng ta chỉ không biết có một điều: bao giờ xảy ra điều đó? Tháng năm? Tháng sáu? Hay muộn hơn? Nhưng chúng ta phải sẵn sàng đối phó trong bất kỳ thời điểm nào và đập tan chúng.

-Nhưng Vô-lô-đi-a liên quan gì tới điều đó?-Chị khỏ tâm hỏi.

-Vla-đi-mia A-lếch-xan-đrô-vích cùng với nhóm các nhà sản xuất làm việc bên anh được giao nhiệm vụ tìm một giải pháp kỹ thuật cho trận đánh sắp tới.-Krit-xchi-an nói hơi khô khan và vội cúi đầu chào.

“Đêm rạng ngày 1-5, trên các mặt trận, không có gì thay đổi đáng kể”

Tổng cục thông tin Liên Xô

1-5-1943

Nhưng bây giờ, Vi-ta đã học được cách đọc bản tin. Trong bản tin, sau đoạn mô tả các cuộc chiến đấu, chị lại chú ý vào lời khai của một tên tù binh.

“Tên tù binh của đại đội tham mưu 85, trung đoàn 5, sư đoàn xạ thủ sơn cước số 5 An-num Rây-mun nói rằng: “Cuộc tổng động viên là một mưu toan tuyệt vọng cuối cùng đẩy nhanh giờ thảm bại cuối cùng của quân đội Đức. Nước Đức đã vét tới dự trữ cuối cùng về nhân lực. Tuy nhiên nhiều người Đức cho rằng cuộc Tổng động viên không cứu vãn được thảm họa đang tới gần”.

Bên dưới còn công bố bức thư của một cô gái Nga bị bắt về Đức. Xét về

nhiều mặt, bọn Đức từ lâu đã cưỡng bức những người dân của các nước Âu châu bị bắt đem về Đức lao động khổ sai trong các ngành công nghiệp. Và lúc đó, cái khái niệm tổng động viên đối với Vi-ta còn có ý rộng hơn nữa. Nước Đức còn có thể một lần nữa điều động hàng triệu quân như ngày đầu chiến tranh...

Và đương đầu với nó trên khắp châu Âu chỉ có một mình quân đội Nga.

Vào những ngày ấy, Tô-lu-be-ép đã được phép đi lại.

Mùa xuân muộn màng, mà Vi-ta đã từng tưởng không còn hy vọng được thấy nó đã đến.

Ở Matxcova đang thời chiến gian khổ. Suốt tháng tư, tuyết chống cao thành núi. Xe điện, ô tô đi lại khó khăn giữa các đồng tuyết, nhưng rồi tuyết đã thấm nước, đem lại và đã biến hết trong một đêm. Trong các mảnh vườn nhỏ, cỏ xanh đã nhú lên trước các căn nhà không có ai xén tỉa, trên các luống đất đá nở những bông hoa vàng, không giống hoa vườn chút nào, nhưng dù sao cũng làm cho các công viên hoang vu đẹp thêm. Ngày 1-5, Tô-lu-be-ép tổ chức một bữa tiệc nhỏ với những người cộng sự. Thứ trưởng công nghiệp có đến vài phút, Krit-xchi-an cũng đến thăm với một bản dự báo thời tiết cho cả tháng. Không hiểu sao Vô-lô-đi-a rất quan tâm đến dự báo thời tiết. Đến tối Vô-lô-đi-a nói rằng sáng mai anh sẽ bay đi U-ran.

Vi-ta chộp lấy máy điện thoại, gọi đại tá Krit-xchi-an-ông ta lại đang ở nơi làm việc, -và tuyên bố rằng chị không cho chồng đi đâu một mình cả. Đáp lại, Krit-xchi-an cười vang và bảo rằng trung tá Tô-lu-be-ép sẽ không đi đâu một mình, mà còn có cả mấy kỹ sư, nữ y tá Li-đi-a và nếu Tô-lu-be-ép muốn, thì cả cô thư ký riêng Vi-ta Ac-vi-dốp-na Tô-lu-be-e-va cũng sẽ cùng đi. Ở nơi Tô-lu-be-ép đến làm việc vẫn cần sự giúp đỡ của Vi-ta Ac-vi-dốp-na...

Tô-lu-be-ép đứng bên, mỉm cười, nhưng Vi-ta thậm chí không giận: chị vẫn là người cần thiết cho chồng!

Vào tối ngày hôm sau, họ đã đến nhà máy nổi tiếng chế tạo pháo lớn, mà mỗi lần các kỹ sư đến họp bàn với Tô-lu-be-ép đều thấy nhắc đến.

Không gian của xứ sở này thật đáng kinh ngạc, họ bay suốt cả ngày mà mới tới tuyến giữa của nước Nga. Còn đáng ngạc nhiên hơn nữa, là thành phố to lớn này đầy ánh sáng, dường như ở đây không nhớ tới chiến tranh. Nhưng những người đi ngoài phố ăn mặc kém, giày dép tồi, nét mặt gầy gò, mệt mỏi, và cuộc sống tiêu điều đó gợi nhớ tới chiến tranh cay đắng hơn cả. Chỉ có trẻ em là vẫn tinh nhanh, dù có thể là bị đói ăn. Và mọi người đều mừng vì mùa xuân đã đến.

Nhóm Tô-lu-be-ép được giành một nhà tập thể nhỏ bên bờ sông, có phòng ăn, phòng nghỉ và nhiều phòng ngủ. Rõ là họ đã được chờ đợi ở đây. Quả thực giám đốc nhà máy, một người béo tốt, lông mày rậm, đã cố can Tô-lu-

be-ép không nên đến nhà máy ngay, nhưng trung tá cứ giữ ý của mình. Đêm trắng giống như ở Na Uy, ở Kic-ne-net, khi ánh hoàng hôn còn sáng lên ở phía tây thì đã thấy ánh sáng đầu tiên của mặt trời thấp trong xe. Và nhà máy vào lúc này, giữa ngày và đêm, nom càng hùng vĩ, to lớn hơn là nhìn nó giữa ban ngày. Những phân xưởng rực ánh lửa trên các ngọn đồi cách xa cổng vào hàng năm sáu cây số. Các kỹ sư không đi bộ thăm xưởng mà đi bằng ô tô vì có mất đến cả ngày cũng không đi vòng hết nhà máy được. Viên giám đốc đặt vợ chồng Tô-lu-be-ép ngồi vào xe, cả người kỹ sư trẻ đã đến dự cuộc họp đầu tiên bên giường bệnh Tô-lu-be-ép cũng ngồi vào đó, và chiếc xe đi qua cánh cổng sắt vào khu vực nhà máy.

Chiếc ô tô dừng lại bên một phân xưởng nằm trong tòa nhà xây bằng bê tông, lắp kính, dài đến nửa cây số. Người kỹ sư trẻ giúp Tô-lu-be-ép đi ra, chìa tay cho Vi-ta, những quân nhân và kỹ sư đi theo vây quanh họ và cùng đi vào xưởng.

Vi-ta nhìn thấy những vật giống như những cột điện thoại, nằm xếp thành từng đống, từng đống. Có thể đó là những thân cây, hay những súc gỗ? Nhưng rồi chị đã đoán ra: đó chính là nòng súng. Xa hơn chút nữa, những ống thép này buộc xích vào những cần cầu nối tiếp nhau, trôi lơ lửng: cần cầu hạ những ống thép này xuống những dàn sắt: một đội công nhân chạy lại kiểm tra, sửa sang thêm gì đó, rồi chúng lại trôi đi tiếp. Và khi Vi-ta theo sau Tô-lu-be-ép đến cuối phân xưởng, chị nhìn thấy các nòng súng này được lắp vào những xe bọc sắt chạy bằng xích, bốn người lính nhanh nhẹn khéo léo trèo lên xe, ngồi khuất sau những tấm thép chắn, máy nổ rộ lên và cả cái khối sắt đồ sộ này chuyển ra ngoài cánh cổng cao, chạy vào đêm trắng trong suốt. Rồi tiếp liền đó lại một cái nòng khác được nặng nề đặt xuống-và được thêm một khẩu pháo hoàn chỉnh, lại có bốn chiến sĩ hiện ra, động cơ rú lên, chiếc xe chạy ra cổng, dưới chân nó đất đai rung chuyển, sàn bê tông chao đảo như có động đất.

Bãi thử ở ngay bên bờ sông, bên kia hiện lên một khu rừng nham nhở, và ở trong rừng, những vật gì đó đang di động giống những chiếc xe tăng, nom rất rõ trong ánh đêm trong. Trên bãi thử đã đặt sẵn hai chục chiếc xe và khi nhóm thanh tra của Tô-lu-be-ép đi xe lại gần những khẩu súng đang bắn vào các vật di động. Tô-lu-be-ép đi vào một căn hầm nhỏ, và Vi-ta nghe thấy người điện thoại viên nhận tin từ bờ sông bên kia sau mỗi tiếng nổ, lại reo lên: “Trúng rồi”, thì anh lại làu bàu, bối rối. “Mục tiêu không bị phá hủy”. Nhưng chị đã đếm thử số lần reo vui nhiều hơn, và chị yên lòng về người chồng.

Viên giám đốc lại gần chị bảo đồng chí trung tá còn ở lại, và mời chị lên xe. Ông chở chị về nhà. Chỉ hiểu là Tô-lu-be-ép còn có cuộc họp bàn về công việc, chị không nên có mặt ở đó, và chị lên xe.

Nữ tá Li-đi-a đã chỉ huy mấy cô gái chuẩn bị bàn tiệc. Mặc dù thức ăn không nhiều, nhưng mặt bàn được bày nhiều hoa, các bộ đồ ăn lấp lánh, rượu và vớt-ca xếp đầy bàn đến nỗi Vi-ta phát hoảng, nhưng Li-đi-a đã làm yên lòng chị. Vla-đi-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích sẽ không uống gì khác, chỉ một cốc sấm-panh thôi. Còn Vi-ta Ac-vi-dốp-na tốt nhất nên đi tắm, vì bụi kim loại và dầu mỡ trong không khí có thể thấm qua thậm chí cả quần áo bằng vải bạt.

Tô-lu-be-ép cùng những người thanh tra, các kỹ sư và lãnh đạo nhà máy trở về vào đúng bữa điểm tâm, sáu giờ sáng. Vi-ta đã ngủ, nhưng nghe tiếng chân chồng, chị thức dậy. Anh có lẽ vừa mới tắm, đang trải mớ tóc ướt. Sau tường, nghe tiếng bát đĩa lanh canh khe khẽ và những giọng nói ôn tồn. Chị mặc quần áo và cùng chồng đi sang nhà ăn.

Trong căn phòng nhỏ bên cạnh nhà ăn, nữ tá Li-đi-a đang đọc cho người lính điện tín viên hàng loạt số dài. Vi-ta mỉm cười: Li-đi-a biết nhiều nghề quá, nên không thể chỉ là y tá được. Phải hỏi chị đã học khoa học mật mã ở đâu? Nói chung, có khi Li-đi-a đã từng công tác ở địch hậu rồi cũng nên? Trong những bản tin của Tổng cục thông tin, chị thường đọc chăm chú đặc biệt những tin tức từ phía bên kia trận tuyến...

Sau bàn, mọi người đều chúc mừng người kỹ sư trẻ. Anh đã lắp ráp khẩu pháo tự hành mới trong mười một ngày đêm. Viên giám đốc nói rằng nếu bọn Đức để họ, những người đúc súng, được yên chừng một tháng nữa, thì đơn đặt hàng của Bộ Quốc phòng sẽ được thực hiện vượt mức kế hoạch. Cả người kỹ sư trẻ, cả viên giám đốc được vỗ tay hồi lâu, nhưng trong lòng họ vẫn nhức nhối mối lo, và máy thu thanh ở trên cửa sổ vẫn không tắt đi. Khi nghe tín hiệu lúc bảy giờ sáng, mọi người đều lặng im. Sự im lặng làm cho Vi-ta thấy trái tim bứt rứt.

Lê-vi-tan (phát thanh viên nổi tiếng của Liên Xô) điềm tĩnh nói:

“Trong đêm rạng ngày 3 tháng 5, trên các mặt trận không có thay đổi đáng kể”.

Hai tuần lễ sau khi nhóm thanh tra của Tô-lu-be-ép đi xuống miền Nam U-ran, nơi nhà máy xe tăng mới chế tạo loại tăng hạng nặng “IX” với pháo 122 ly, thì đại tá Krit-xchi-an đã đuổi kịp họ.

Ông bay suốt đêm, đó là những đêm trời sáng, ngắn ngủi thật đẹp. Ông chào hỏi Vi-ta và Tô-lu-be-ép như là vừa từ phòng bên cạnh bước sang phòng họ trong khách sạn, nơi họ đã sống tới ngày thứ mười.

Vừa bước vào ông mỉm cười bảo:

-Vi-ta Ac-vi-dốp-na, tôi thấy là chị đã nghỉ ngơi tốt rồi! Còn giá tôi và Vla-đi-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích được uống một tách cà phê theo cách pha của chị...

-Ở đây không có cà phê!-Vi-ta than vãn.

-Tướng Kô-rô-bốp đã nghe thấy tiếng than của chị!-Đại tá nghiêm khắc nói và chỉ tay lên trần như chỉ lên đấng tối cao nhìn thấy, biết hết mọi sự.

-Đây!-Và ông rút từ cặp da ra một thứ hạt quý hiếm ấy với cả cái cối xay cà phê nhỏ bằng đồng của Thổ Nhĩ Kỳ với những xanh xay đá.

Li-đi-a vẫn mỉm cười quan sát cuộc gặp gỡ này, với ngay lấy cái bao và cái cối xay từ tay ông. Có lẽ chỉ mình chị mới hiểu được Vi-ta khó chịu thế nào khi thiếu chén cà phê quen thuộc này. Và cả Vla-đi-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích hóa ra cũng mê thứ đồ uống đó. Chiếm được món quà quý rồi, y tá Li-đi-a ra khỏi phòng. Lúc đó Krit-xchi-an bỗng trở nên nghiêm nghị, rút từ cặp ra một phong bì.

-Vi-ta Ac-vi-dốp-na hãy xem đây!-Ông nói, xé những dấu gấn xi và mở chiếc phong bì dày nặng ra.

Trên bàn, trước mặt Tô-lu-be-ép và Vi-ta có hai chục chiếc “Con Cọp”.

“Con Cọp” mới tinh, óng ánh nước sơn ngay cả trên giấy đen trắng, dường như nó được chụp trên bãi thử.

Nước sơn màu sáng, Krit-xchi-an nói rằng màu ô-liu thích hợp với vùng sa mạc, cho quân đoàn Phi châu của tướng Ru-men. Nó được chụp từ khắp các phía: hai bên, đằng trước, đằng sau, từ trên xuống-thấy rõ là người chụp những bức ảnh này đã không vội vã và yêu thích nghiệp vụ của mình. Cả Vi-ta và Tô-lu-be-ép kinh ngạc nhìn những bức ảnh, cay đắng nhớ tới bức ảnh nghiệp dư nhỏ bé của Vi-ta.

-Của tình báo Anh chẳng?-Tô-lu-be-ép ước hỏi.

-Anh xét theo màu sơn chứ?-Krit-xchi-an cười khẩy.-Hãy nhìn kỹ cái phong nền sau nó thế nào,-ông đề nghị.

Nền phong trên tất cả các bức ảnh bị nhòa, nhưng vẫn còn lại cái gì đó. Tô-lu-be-ép cầm một tấm ảnh lại xem ở bên cửa sổ. Trên một bức ảnh, hiện lên khá rõ viền rừng ở xa và những nét mờ hình ảnh những căn nhà gỗ của nông dân Nga.

-Đây là miền Bắc nước ta!-Tô-lu-be-ép thốt lên.

-Phải rồi, đây là ở Nga!-Vi-ta cùng hòa theo. Giờ đây chị đã biết vùng Bắc Nga, vùng U-ran và không bao giờ có thể lẫn những phong cảnh này với các nơi khác.

-Phải, đây là nước Nga!-Krit-xchi-an trịnh trọng nói-Nhưng như thế chưa phải là hết đâu. Các bạn hãy xem tiếp những tài liệu này nữa...

Ông rút từ cặp ra mấy trang giấy đánh máy. Tô-lu-be-ép đặt chúng ra trước mặt như chiếc quạt xòe. Đây là sự mô tả kỹ thuật chiếc tăng: những thông số của nó, chiều dày của vỏ thép, cấu tạo động cơ đi-ê-den, trang thiết bị điện, vũ khí những chỗ hiểm yếu, v.v... Đó là công việc của cả một tập thể kỹ sư, vì mỗi đặc điểm của chiếc tăng đều được mô tả bằng ngôn ngữ của nhà chuyên môn...

-Nhưng sao làm được điều đó?-Vi-ta hoang mang hỏi.

Li-đi-a mang cà phê ra và Krit-xchi-an im lặng.

Khi cô đi pha cà phê đợt hai bằng cái máy xay nhỏ, Krit-xchi-an khẽ nói:

-Vi-ta Ac-vi-dốp-na, sau khi nhận được bức ảnh của chị, tướng Kô-rô-bốp đã ra lệnh cho các tình báo viên ở bên kia trận tuyến chú ý tới sự xuất hiện của những xe tăng mới ở nơi họ hoạt động. Người ta đã phát hiện ra các tài liệu của Bộ chỉ huy Đức thu được trong các thời gian khác nhau, rằng bọn Đức không chỉ có tăng “Con Cọp” mà còn có cả “Con Báo” nữa, chúng đúng là những con quái vật. Thêm vào đó, chúng còn có loại pháo tự hành “Phéc-đi-năng”. Nhưng tất cả những của mới này bọn Đức đều giữ ở xa mặt trận, chắc là đề phòng chuyện bất trắc. Thế rồi cách đây vài ngày, các trinh sát viên đã phát hiện ở mặt trận Vôn-khốp, hai trung đoàn xe tăng mới thuộc đội quân dự bị của Tư lệnh quân đoàn trưởng Phôn Ban-xơ. Chúng định làm ở gì vùng đầm lầy này là một điều chưa hiểu được. Ở đó, vẫn còn ngập nước, liên tiếp là những bãi sông, lạch, đầm lầy, hồ ao, trên đó băng chưa tan hết. Nhưng thiếu tướng của chúng ta biết rõ Phôn Ban-xơ là con cưng của Quốc trưởng. Chắc rằng hắn muốn cho Quốc trưởng kính mến của hắn được thấy những đồ chơi này hoạt động như thế nào. Ngoài ra, Phôn Ban-xơ còn là một tên loạn óc-luôn bắt chước Hít-le trong mọi việc, thậm chí cả trong những cơn điên loạn...

Vi-ta không hiểu những thiếu sót của tướng Phôn Ban-xơ có ý nghĩa gì, nhưng Tô-lu-be-ép cười gằn vì lý do gì đó. Chị ngạc nhiên nhìn chồng.

-Phản tiếp theo có thể hiểu được, đơn giản thôi,-Vô-lô-đi-a nói.-Phôn Ban-xơ bị ép mạnh, từ các phía mặt trận và hắn phải tung “những đồ chơi” này vào cuộc chiến!

-Thế mà anh vẫn cứ tự nhận mình là một kỹ sư hơn là một nhà chỉ huy! Krit-xchi-an nhếch mép cười, nhưng đầy vẻ hài lòng, nói:-Mọi chuyện đã xảy ra đúng như vậy. Kô-rô-bốp và đại tá Koc-sma-rep đã báo lên Tổng hành dinh Bộ tư lệnh tối cao, nói rõ mọi tình tiết, và Bộ đã “duyet y”. Họ đã bay ra mặt trận nghiên cứu tình hình tại chỗ; và năm ngày trước “đã ép mạnh” Phôn Ban-xơ. Ở đó có con đường hiểm trở giữa các hồ được đắp thành đê cao. Ban đêm, quân ta đã chiếm được đường hầm, thọc sâu vào trận địa của quân Đức tới năm kilômét. Ngay trong đêm đó, các chiến sĩ công binh đã đào ở trên đê những cái hố bẫy thú trên có nguy trang. Đến khi Phôn Ban-xơ tung vào trận những “Con Cọp” của mình-quả thực chỉ có năm chiếc thôi,-quân ta đầu tiên đã rút lui, nhưng sau đó cắt đứt xe tăng với bộ binh. Ba chiếc xe tăng trườn thoát được về, một chiếc bị bắn cháy, còn chiếc thứ năm-chính ó đấy! Nó đã được kéo lên nguyên vẹn, chở về hậu phương, sau đó lại được khéo léo trả về vị trí cũ.

Tin buổi chiều:

*“Ngày 23-6, trên các mặt trận, không có thay đổi đáng kể.
... Ở phía tây Ben-gô-rôt, đơn vị thuộc đội X-tiến hành trình sát tuyến phòng
thủ của quân địch...”*

Tổng cục thông tin Liên Xô

23-6-1943

Tối hai mươi tư tháng sáu, họ trở về Matxcova. Nhóm của Tô-lu-be-ép còn ở lại, riêng anh được triệu về. Đại tá Krit-xchi-an không quên nhả ý ghi thêm trong giấy triệu tập “Cùng đi với thư ký riêng Vi-ta Ac-vi-dốp-na Tô-lu-be-e-va”. Tới thời gian này, Vi-ta đã biết là mọi cuộc đi lại trong đất nước có chiến tranh này đều nhất thiết phải có giấy phép, giấy triệu tập, giấy giới thiệu.

Trong vòng một tháng rưỡi, họ đã đi bằng máy bay và xe hơi khắp vùng U-ran, gần khắp miền Xi-bia. Vi-ta ngạc nhiên nhận thấy ở những nơi mà theo tưởng tượng của chị hay sự mô tả của báo chí trên các đường phố thường có những con gấu chính công đi lại, nhưng chị lại chỉ thấy từ các nhà máy những đoàn xe tăng nổi đuôi ra ga, những chiếc máy bay mới từ các sân bay ẩn kín trong rừng sâu cất cánh bay lên, bay về phía tây. Còn nếu họ đi bằng xe lửa, từ phía tây tới, ngược chiều là hàng trăm đoàn tàu dài dặc... Thực ra, đoàn tàu đặc biệt của họ thường được chạy liên tục, không phải kiểm soát, nhưng cũng có khi họ phải dừng lại hàng mấy tiếng đồng hồ ở chỗ tàu tránh nhau vì các đoàn tàu chạy ngược chiều nối tiếp vào nhau. Những lúc ấy Vi-ta cùng Li-đi-a ra khỏi toa, và ở những chỗ tránh hẻo lánh ấy, họ đi hái dâu tây hay những bông hoa hồng dại thơm ngát. Thường những lúc đó, Tô-lu-be-ép ngủ. Anh quá mệt mỏi trong các cuộc “thanh tra” này và nhiều khi trở về phòng khách sạn hay nhà tập thể đã phát ốm hoàn toàn. Lúc đó y tá Li-đi-a bắt anh đi nằm, tiêm hay cho uống thuốc ngủ và cả hai người phụ nữ ân cần chăm lo sự nghỉ ngơi của anh.

Trong những ngày ấy, y tá Li-đi-a trở nên khó tính: một viên giám đốc, một chánh kỹ sư nào đó có thể quát tháo, la mắng thế nào cũng được, chị nghe hết; không nhìn lên, trả lời giọng không hề to tiếng: “Trung tá ồm. Anh ắt sẽ tiếp chuyện đồng chí vào ngày mai, giờ này, giờ nọ!”-và chị nêu ra chính xác giờ mà Tô-lu-be-ép trở dậy khỏe khoắn và lành mạnh.

Chỉ có với một người Li-đi-a đặt ra ngay ngoại lệ-đó là đại tá Krit-xchi-an. Mỗi ngày đại tá Krit-xchi-an gửi đến cho Tô-lu-be-ép một bức điện bằng mật mã. Y tá Li-đi-a giải mã và đưa cho Tô-lu-be-ép khi anh tỉnh dậy, và trong suốt thời gian họ đi thăm các nhà máy quân sự, bức điện mã chỉ giản dị có mấy chữ “Sức khỏe bệnh nhân đáng hài lòng”.

Đã qua một tháng, thời hạn mà ông giám đốc nhà máy chế tạo pháo ao ước, một hôm Li-đi-a giải mã bức điện của Krit-xchi-an, chị bỗng kêu lên, nhìn Vi-ta bằng đôi mắt như nhòa đi chạy bổ sang phòng mà Tô-lu-be-ép vừa

ngắm thuốc ngủ mới thiếp đi và ra sức lay anh dậy. Tô-lu-be-ép khó khăn mở đôi mắt díp vào nhau, chị đưa cho anh bức điện, cương quyết và gay gắt kêu lên:

-Tỉnh dậy ngay đi, Vla-di-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích!

-“Bệnh nhân bắt đầu đi lại”.-Tô-lu-be-ép đọc qua và Vi-ta thấy anh vẫn chưa tỉnh hẳn.

-Vla-di-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích, Vla-di-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích!-Y tá Li-đi-a lắc mạnh người anh nhưng đầu anh lại ngã xuống gối, mắt nhắm lại.

-Ôi, lạy chúa, cà phê, mau lên!-Cô y tá ra lệnh, Vi-ta mang cà phê đến. Nhưng Tô-lu-be-ép đã tỉnh dậy, anh ngồi lên, mắt rực sáng, đọc lại bức điện. Anh bỗng kêu lên, uống chén cà phê nóng đến bỏng cả miệng, yêu cầu!

-Vi-ta, giúp anh mặc quần áo mau!-Rồi quay sang Li-đi-a:-Sao chị cứ đứng ngây ra thế! Gọi ngay tất cả mọi người lại đây!

Li-đi-a chạy lại máy điện thoại, còn Vi-ta giúp anh mặc quần áo. Vì thuốc ngủ còn ngấm, anh giống như một đứa trẻ phật ý và gần như không tự làm lấy được một việc gì. Khi chị cài khuy áo blu-dông và đi ủng vào chân cho anh, anh khẽ nói:

-Krit-xchi-an báo rằng quân Đức đã chọn khu vực để tấn công: từ Ben-gô-rốt tới Cuốc-xơ và từ Óc-lốp cũng tới Cuốc-xơ. Chúng định cắt mũi Cuốc-xơ ra... Nhưng đồng chí ấy giỏi thật! Chúng ta còn gần một tuần lễ nữa, đại pháo đã ở trên các sân ga gần mặt trận cả rồi.

Những người giúp việc của Tô-lu-be-ép đã đến cả phòng làm việc. Và Vi-ta thấy kinh ngạc: còn vừa là một người mệt lả, chồng chị bỗng trở nên cương quyết, dứt khoát. Những mệnh lệnh ngắn gọn của anh tuôn ra trôi chảy như chỉ gồm toàn những phụ âm cứng. Các sỹ quan theo nhau rời khỏi căn phòng. Ngoài cửa sổ, động cơ ô tô rú lên, chờ họ tới các nhà máy, sân bay, nhà ga. Chỉ nửa giờ sau, chung quanh đã không còn một ai.

Anh lính thông tin mang đến một bức điện mật mã nữa. Krit-xchi-an đề nghị trở về Mat-xơ-va.

Mat-xơ-va đang nóng bức, hoa bạch dương bay đầy. Trên các đường phố có trồng cây, các thiếu nữ mặc quần phục đang thả lên bầu trời tối dần những khinh khí cầu, hình thù như những điều xì gà dài. Kỳ này Mat-xơ-va và người Mat-xơ-va có vẻ bình tĩnh hơn: chắc họ đã quen đi với những bản tin luôn thuyết phục rằng mấy tháng nay trên các mặt trận đều yên tĩnh. Còn những trận thắng mùa đông đã đẩy lùi quân Đức xa đến mức không xuất hiện cả ở trên trời nữa...

Vợ chồng Tô-lu-be-ép được đưa đến căn nhà nơi học đã sống lần đầu tiên. Cô y tá Li-đi-a đi theo họ, gọi điện đi đâu đó và lát sau đã thấy xuất hiện vị giáo sư.

Giáo sư gõ vào người và nghe Tô-lu-be-ép khá lâu, kiểm tra huyết áp; y tá

Li-đi-a lấy máu và đem xét nghiệm ngay. Nhìn giắt ghi của chị, vị thầy thuốc ngạc nhiên nói:

-Nền y tế hiện đại đang phát hiện ra những điều kỳ lạ. Trong chiến tranh, bệnh nhân mất hẳn chứng đau dạ dày, những hiện tượng dị ứng nặng, viêm dạ dày, viêm kết ruột và hàng chục căn bệnh khác.

-Điều đó không có gì lạ cả-Tô-lu-be-ép cười nói.-Trong những thức ăn đơn giản không có những chất kích thích như trong các món ăn ngon. Giáo sư đã ăn trứng cá đen lần cuối cùng vào bao giờ?

-Phải, có lẽ là từ trước chiến tranh đây,-giáo sư trả lời.-Không tôi thấy lạ ở điều khác: theo phân tích thì anh đã mổ dạ dày ba lần cách đây không lâu, sau đó anh bị bắn xuyên qua phổi, xuyết trúng vào tim. Tôi đã bỏ dở việc theo dõi anh cả hai tháng chỉ vì sức ép hành chính. Tôi đã chờ đợi thấy gì? Sự suy sụp hoàn toàn của cơ thể, thiếu máu và nếu anh muốn, là sự toàn phế. Thế mà tôi đã thấy điều gì? Một con người hoàn toàn khỏe mạnh, tuy có mệt mỏi quá chút ít, nhưng không phải do bệnh tật, mà là do gánh nặng thể lực của công việc. Trung tá đã làm tôi rối trí, nhưng tôi hoàn toàn thanh thản ký giấy chứng nhận, đồng chí đã khỏe mạnh hoàn toàn và có thể trở về với nhiệm vụ chiến đấu.

Một lúc sau, Krit-xchi-an đến.

Tin buổi sáng:

“Trong đêm rạng ngày 25-6, trên các mặt trận không có những thay đổi đáng kể.

... Ở khu vực Ben-gô-rôt, thượng sỹ Mi-se-nhin bắn ba loạt liên thanh lên chiếc máy bay Đức bay trên trận địa của ta, chiếc máy bay xì khói và hạ xuống thấp. Thượng sỹ Mi-se-nhin xả thêm một loạt đạn nữa, chiếc máy bay rơi xuống gần vị trí tiên tiêu của quân ta”

Tổng cục thông tin Liên Xô

25-6-1943

Krit-xchi-an, mà Tô-lu-be-ép và Vi-ta trong mọi hoàn cảnh đều thấy là một người luôn thản nhiên, bình tĩnh, lần này nom giống như một dây đàn kéo căng. Không thận trọng mà động đến ông, chắc là ông sẽ nổ tung. Sợ cơn bùng nổ đó có thể trút lên chồng, Vi-ta ngồi pha cà phê, lấy từ chỗ Li-đi-a một ít cón cho mấy người đàn ông, rồi lặng lẽ ngồi vào góc phòng. Nhưng Krit-xchi-an, sau cốc cón không pha và tách cà phê còn bốc khói, đã bình tĩnh hơn.

-Vla-đi-mi-a A-léch-xan-đrô-vích!-ông nói không còn vẻ sang sảng và khá điềm đạm.-Đồng chí phải chỉ huy lữ đoàn tăng hạng nặng “IX”, thuộc lực lượng dự trữ của Bộ Tổng tư lệnh. Tôi vừa đọc bản báo cáo của bác sỹ về tình trạng sức khỏe của đồng chí và nói thực là tôi rất mừng. Sự bổ nhiệm mới của đồng chí đã bị nán lại chỉ vì lo đồng chí không được khỏe. Lữ đoàn

của đồng chí được đưa đến Cuốc-xơ. Ở đó có khả năng rộng rãi để cơ động: đường sắt sẽ cho phép chuyển lữ đoàn về phía Nam hay lên miền Bắc, tùy chỗ bọn Đức tiến hành mũi tiến công chính ở hướng nào. Mặc dù, nói thực, tôi lo rằng chúng sẽ đánh cả vào hai mặt. Nếu chúng cắt đôi vòng cung Cuốc-xơ và mưu toan đánh cho chúng ta một trận “Xta-lin-grat của Đức” ở Cuốc-xơ thì chúng sẽ tấn công cả từ hai phía. Cái câu “trận Xta-lin-grat của quân đội Đức” tình báo của ta đã ghi được...

-Sao ta biết được điều đó?-Tô-lu-be-ép hỏi.

-Chúng ta nhận được luôn mấy tin báo trước cùng một lúc: một, từ “Trung tâm”, nghĩa là trực tiếp từ những người của chúng ta hoạt động ở Béc-lin; hai từ Luân-đôn, ở đó người của ta có liên hệ với tình báo Anh; ba, từ các tình báo viên ở hậu cứ địch, báo cho biết về việc chuyển số lớn xe tăng mới về Óc-lốp và Cuốc-xơ. Ngoài ra, các chiến sĩ du kích đã làm nổ một đoàn tàu được bảo vệ đặc biệt, trong đó có loại xe tăng chưa từng thấy bao giờ. Ba ngày trước, máy bay đã mang những bức ảnh từ liên quân du kích về. Đây, anh xem!

Krit-xchi-an rút từ cặp ra và đặt lên bàn mấy tấm ảnh. Phim có nhiều hạt, khi phóng lên không được nét lắm, nhưng cả Vi-ta và Tô-lu-be-ép không thể rời mắt nhìn tấm ảnh. Phải, đây chính là chiếc tăng mà các chiến sĩ Nga đã bắt được ở Vôn-khốp, và chụp ảnh này là những người cầm vũ khí ẩn nấp ngay sau lưng bọn Đức, lật đổ các đoàn tàu, làm nổ tung các kho hàng. Vậy mà những người thảo bản tin viết về họ thật đơn giản!

“Đội du kích hoạt động tại một vùng trên lãnh thổ U-crai-na đã phục kích một đoàn xe ô tô Đức trên quốc lộ, 50 tên lính và sỹ quan địch đã bị tiêu diệt. Đội phá hoại ở khu Ba-ra-nô-vích mang tên Sa-pa-ép đã lật đổ một đoàn tàu Đức. Đầu tàu và 31 sàn toa chở xe tăng và ô tô đã bị phá hủy...!”

Bản tin này, Vi-ta đã đọc vào ngày kỷ niệm hai năm chiến tranh và chuyển tờ báo cho Li-đi-a. Chị nhận thấy mặt Li-đi-a bỗng đỏ hồng lên. Nhưng Li-đi-a không trả lời câu hỏi thăm rằng có biết đội du kích này không và nói lảng sang chuyện khác, dường như không nghe thấy gì.

Lúc này chị nhớ lại, bàn tay chị đã lạnh đi như thế nào khi chị mong muốn trở thành đôi mắt của Vô-lô-đi-a chụp ảnh trên bãi thử chiếc xe tăng này. Có thể bọn Đức sẽ không xử tử chị như chúng vẫn làm với những du kích Liên Xô hay các đồng bào của chị bị buộc tội phá hoại, nhưng có thể không có sự bênh vực nào của cha chị hay sự si mê của tên SS có thể cứu thoát chị được. Và trong người chị bùng lên một niềm tự hào về mình. Chị cũng đã giúp được Vô-lô-đi-a và đất nước của anh. Cái mức độ giúp đỡ đó chị đã thấu hiểu qua chiến công này nữa của những người du kích chiến đấu cho Tổ quốc với vũ khí trong tay ở sau lưng quân Đức, coi thường cái chết đau khổ và sức mạnh của kẻ thù hung hãn đổ lên những đội quân nhỏ của họ hàng sư

đoàn và trung đoàn.

Lúc này, ý nghĩ của chị lại liên tưởng đến những người mà đại tá Krit-xchi-an chỉ gọi bằng từ “Trung tâm”. Họ chẳng phải là những anh hùng sao? Họ ở đâu đó trên lãnh thổ Đức, rõ là ở ngay giữa Béc-lin, giữa vòng vây của lũ phát xít, bọn SS, có thể còn phải mang bộ mặt những tên phát xít và SS nữa. Theo những gì chưa biết, Vi-ta nhớ ra là rất khó đóng trò như vậy khi mình là một người nước ngoài, nhưng chị có phần nào dễ dàng hơn, vì chị là một cô dâu giàu có, gần như giàu có nhất nước mình, cha chị luôn được bọn trùm phát xít quý trọng, vì ông không bao giờ nói một lời về chính sách của chúng, đặc biệt những lời thiếu thận trọng, mà giả sử Vi-ta có nói điều gì vô ý tứ thì người ta chỉ nghe với tiếng cười khẩy, không hơn, hoặc có thể chỉ với một nụ cười: đòi hỏi gì ở phrê-ken xinh đẹp không hiểu biết chút gì về chính trị này!

Còn người Xô Viết ở bên đó khó khăn đến đâu, dù có được rèn dạy thế nào về sự kiềm chế!

Và chị ngập ngừng hỏi:

-Những người ở “Trung tâm” là ai thế?

-Những người Xô Viết bình thường.-Krit-xchi-an nhếch mép cười.-chị sẽ làm quen với họ vào sáu giờ sau chiến tranh...

-Nếu như họ còn sống...-Tô-lu-be-ép khô khan chêm vào.

Krit-xchi-an không tức giận, không nổi nóng. Ông buồn rầu khẽ nhắc lại lời của Tô-lu-be-ép:

-Phải, nếu họ còn sống...

Câu chuyện bỗng ngắt quãng, và Vi-ta phải cố gắng xua đi những ảo ảnh do chính chị gây ra. Chị rót rượu vào đầy cốc, thậm chí rót cả cho mình một ít, pha thêm nước vào, mời uống cà phê nóng, nhưng cả hai người đàn ông uể oải cảm ơn và cùng im lặng. Tưởng chừng những nỗi kinh hãi của chiến tranh, cuộc chiến tranh đặc biệt một người chống lại tất cả, đã vây bọc lấy họ và buộc lo nghĩ không phải đến mình, mà chỉ đến những người ở xa Tổ quốc đang thực hiện nhiệm vụ nặng nề.

Cuối cùng, chị như sực tỉnh, nhớ ra những suy nghĩ chính mà chị chưa kịp nói ra khi nghe nói đến sự đề bạt mới của chồng chị. Có thể nào anh để lại chị một mình trong một đất nước chưa hiểu biết lắm và ra đi tới nơi mỗi ngày hàng ngàn người bị giết? Tất nhiên Vô-lô-đi-a sẽ không bị giết, anh đã cho cuộc chiến tranh đáng nguyên rủa này quá nhiều rồi, Vi-ta sẽ còn cầu nguyện cho anh nữa chứ, nhưng sẽ ra sao, nếu?... Chỉ mới hình dung ra cái “nếu” này, chị đã muốn phát khóc, nhưng giọng chị lạnh lạnh khi chị nói:

-Tôi cùng đi với chồng tôi!

Krit-xchi-an nhìn chị bối rối còn chồng thì thán phục nhưng cả hai đều lắc đầu khước từ. Và chị nghĩ rằng không ai, không một ai sẽ giúp được chị, nếu

tự chị không giúp được mình. Chị cố nói rõ từng chữ để nói lên sự phản đối nóng nảy của mình.

-Tôi biết bắn như một người đi săn. Mặc được quần áo đàn ông. Từ sáu tuổi, tôi đã biết trượt tuyết, trượt băng, tôi thường xuyên theo chế độ luyện tập. Từ mười hai tuổi, tôi đã lái xe, biết tháo và lắp động cơ như một thợ máy thực thụ. Tôi cũng có thể lái xe tăng hạng nặng của các đồng chí được, còn bắn đại bác tôi có thể học trong một giờ. Cuối cùng tôi rất thành thạo tiếng Đức, có thể làm phiên dịch viên, các anh quyết giành chiến thắng cơ mà, như vậy tất sẽ phải có tù binh và các anh phải xét hỏi chúng? Thêm vào đó, tôi sẽ gọi điện ngay bây giờ cho tướng Kô-rô-bốp, đại tá Koc-sma-rep, thứ trưởng công nghiệp, tôi sẽ phàn nàn về sự nhần tâm của các anh, sự dửng dưng của các anh với số phận của tôi. Và điều cuối cùng: tôi không xin đi nghỉ mà xin được ra trận...

-Mà có lẽ cô ấy nói phải đây, Mi-khai-in An-đri-a-nô-vich!-Tô-lu-be-ép nói, giọng thỉnh cầu.

-Nhưng bọn mình còn kịp làm gì được!-đại tá đã có vẻ chịu nghe, trả lời.

-Cũng không cần phải làm gì đâu,-Tô-lu-be-ép giải thích một cách nhần nại đến ngạc nhiên.-Để cô ấy viết đơn xin tình nguyện xung vào lữ đoàn xe tăng dưới quyền chồng chỉ huy, kẻ vào đó vài ưu điểm mà cô ấy vừa khoe với anh, còn sau đó là tùy ý anh-anh làm thủ tục cho cô ấy làm phiên dịch hay lái xe cũng được. Một là cô ấy sẽ ở lữ đoàn bộ, hai là cô ấy sẽ lái chiếc xe của tôi.

-Và xin đồng chí Krit-xchi-an đừng quên,-chị nói thêm nôn nóng,-tôi tham gia vào cuộc chiến tranh này từ năm một nghìn chín trăm bốn mươi, trong các đội đầu tiên của phong trào kháng chiến Na Uy, đã từng là sỹ quan thông tin liên lạc, làm phiên dịch ở sở tham mưu khi đón các tù binh Liên Xô về chiến đấu bên phía các đồng chí.

-Phải, có lẽ đó là căn cứ chính.-Krit-xchi-an dăm chiêu nói. Ông yên lặng rồi nói thêm:-Thôi được, chị viết đơn đi và trình bày cả những điều vừa nói với chúng tôi ấy. Nói cho cùng, nếu được phép, chúng tôi đã thưởng huân huy chương cho tất cả các chiến hữu của chị vì họ liều mình trong cuộc chiến đấu với kẻ thù chung của chúng ta, như một người lính Xô Viết đang liều thân chiến đấu!

Chị viết xong đơn yêu cầu bằng những chữ Nga rõ ràng, đúng thể lệ!

Krit-xchi-an đọc lướt qua và bỏ vào cặp, ra đi.

Yên lặng một lát lâu, rồi chị hỏi chồng:

-Thế ông bạn đại tá Krit-xchi-an của chúng ta là ai vậy?

-Sỹ quan đặc nhiệm phòng tình báo chiến lược của Bộ Tổng tham mưu. Điều đó có nghĩa là đôi khi lời khuyên của anh ấy, các vị tướng cũng phải thực hiện...

-Từ giờ em sẽ sợ ông ấy!

-Em không nhất thiết phải như vậy!-người chồng mỉm cười.

“Trong ngày 27-6, trên mặt trận không có biến đổi đặc biệt.

Trong tuần qua, từ 20 đến 26 tháng 6, bộ đội các quân chủng và bộ đội cao xạ đã tiêu diệt 211 máy bay Đức. Ngoài ra, số lớn máy bay địch đã bị tiêu diệt hoặc phá hủy bởi các cuộc tấn công của không quân Liên Xô vào các phi trường của quân địch. Bên ta bị mất 74 máy bay”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

27-6-1943

Người chồng phải bay ra mặt trận ngày hai tám.

Chị sửa soạn cho anh lên đường, bỗng thút thít, lấy chiếc khăn tay khâu từ lúc nào lau mũi, làm nữ y tá Li-đi-a hết sức ngạc nhiên.

-Thế mà tôi không hề ngờ là phụ nữ trên đời này đều giống nhau hết!-Li-đi-a nói giọng phê phán.

-Phải, thế còn bảy mươi tư chiếc máy bay bị bọn Đức bắn rơi kia!-Vi-ta cãi lại.

-Nhưng Vla-đi-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích không đi đến chỗ chúng dội bom đâu...-Li-đi-a trả lời, nhưng Vi-ta nhìn thấy chị cũng ứa nước mắt. Ôi, tất cả chỉ vì những người phụ nữ phải quá thường xuyên tiễn chồng ra trận! Nhưng rồi chị lắc mạnh cái đầu cắt gọn và reo lên:-Không sao, chuyện này anh ấy không chạy khỏi chị đâu... ở bộ tham mưu, tôi được nghe nói là...-Rồi chị đột nhiên ngừng nói. Có lẽ những tin tức ở bộ tham mưu không được dành cho Vi-ta.

Sáu giờ chiều, khi họ đã sửa soạn xong xuôi cho lữ đoàn trưởng Tô-lu-be-ép anh xuất hiện cùng với Krit-xchi-an không lúc nào rời bên. Krit-xchi-an mang theo một gói to gì đó, còn Tô-lu-be-ép gói nhỏ. Từ trên ngưỡng cửa, Tô-lu-be-ép hô:

-Nghiêm!

Nữ y tá Li-đi-a vươn thẳng người như một người lính. Vi-ta ngạc nhiên nhìn chồng. Nhưng trong giọng nói âm sắc long trọng, mắt nhìn nghiêm nghị, và chị vừa chậm chạp đứng dậy, vừa nhìn anh vẻ hoang mang. Còn anh quay lại phía Krit-xchi-an và nói to:

-Đồng chí đại tá, các chiến sĩ thuộc đơn vị tôi đã tề chỉnh!

Krit-xchi-an bỏ cái gói của mình xuống ghế, cầm lấy cái gói của Tô-lu-be-ép nhỏ hơn, lấy ra khỏi đó một cặp giấy và từ cặp rút ra quân hàm, giấy chứng nhận sỹ quan, long trọng nói:

-Vi-ta Ac-vi-dốp-na, xin chúc mừng nhân dịp chị được phong quân hàm.-

Những lời nói của ông thân mật nhưng trang trọng.

Vi-ta nhận từ tay ông chiếc quân hàm với vạch chỉ vàng mỏng và ngôi sao nhỏ, và mãi lúc đó chị mới hiểu: chị là sỹ quan quân đội Liên Xô! Dù chúc

vụ còn thấp nhưng chị sẽ luôn ở bên chồng. Chị không cảm lòng được, ông chăm lấy cổ đại tá, ông hôn chị rồi đẩy về phía chồng.

Y tá Li-đi-a vụng về chớp chớp giọt nước mắt trên mi, mở gói thứ hai.

Trong đó có áo blu-dông và váy của nữ quân nhân. Lúc này thì Li-đi-a đã phải gọi Vi-ta lại đo bộ quần áo mới, khâu lại cổ áo, cắt sửa cho vừa cỡ người, đính quân hàm. Đã thế đại tá Krit-xchi-an lại cứ giục vội-chỉ một giờ sau Vi-ta sẽ phải cùng chồng tới trình diện tướng Kô-rô-bốp.

Vi-ta áp chứng minh thư quân nhân vào ngực, chạy theo y tá Li-đi-a. Những người đàn ông mỉm cười, nhưng khi hai người phụ nữ ra khỏi phòng, họ trở nên khắc khổ ngay. Họ đã hiểu quá rõ chiến tranh là thế nào.

Tiếng kéo tí tách phía sau tường, nghe thấy tiếng xuýt xoa trầm trở và bốn mươi phút sau, khi Vi-ta bước ra trong bộ quần áo mới của mình, những người đàn ông cho rằng trong toàn quân có lẽ không có thiếu úy nào xinh đẹp hơn. Thậm chí cái mũ ca-lô cũng rất đẹp trên mái đầu bướng bỉnh lòa xòa mớ tóc vàng.

Chiếc xe đưa họ chạy chậm trên đường phố tới Mat-xcơ-va rất yên tĩnh.

Hiếm hoi, rất hiếm hoi nghe thấy tiếng trẻ con. Trẻ em và các bà mẹ đi tản cư từ mùa thu gian khổ năm bốn mươi một vẫn chưa trở về, mặc dù dân số không ngừng tăng lên. Có vài cơ quan bộ, một số nhà máy, tòa soạn báo chí và nhà xuất bản trở về... Nhưng đây là thành phố khắc khổ của những người lớn, những người đang chiến đấu.

Những khí cầu lơ lửng trên không. Những trung đội, đại đội phòng không diễu đi trên đường phố, hầu như gồm toàn những cô bé. Các cô gái chăm chú nhìn Vi-ta ngồi bên cạnh người lái xe và những cái nhìn đó làm cho mặt Vi-ta nóng ran lên. Đây chính là những bạn gái của bao năm tháng tương lai mà họ sẽ sống chung, và họ sẽ hiểu nhau như thế nào?

Ở phòng kiểm soát giấy tờ, chị giơ tay chào người thường trực vụng về đến nỗi anh ta bất giác cầm lấy ống điện thoại: có phải kẻ thù đã lọt vào doanh trại chăng? Nhưng rõ là đại tá Krit-xchi-an đã làm anh ta yên lòng.

Ở phòng khách, chị cảm thấy hồi hộp. Các sỹ quan đứng thẳng, “ng nghiêm” người, và chị không hiểu vì họ lạ lùng về chị hay vì sự kính cẩn đối với chồng chị và đại tá. Thật may là viên sỹ quan trực nhật báo là thiếu tướng đang đợi họ, và họ đi vào căn phòng làm việc, nơi chị đã có lần tới cùng với đại tá Krit-xchi-an khi thảo luận bản báo cáo về chuyến đi Đức của chị.

Thiếu tướng lần này không chỉ có một mình: còn có thứ trưởng Bộ công nghiệp nặng mà chị đã toan khiếu nại nếu không chị đi theo chồng, một vị tướng nữa và mấy sỹ quan. Kô-rô-bốp tiến ra phía họ, nắm chặt tay Vi-ta và nói không cần mào đầu dài dòng:

-Vi-ta Ac-vi-dốp-na, tôi xin thay mặt chính phủ trao tặng huân chương chiến đấu Cờ đỏ, phần thưởng về sự giúp đỡ của chị trong việc hoàn thành nhiệm

vụ quan trọng của chính phủ...

Mọi người đứng dậy vỗ tay, còn vị tướng nhận từ tay người sỹ quan trực nhật chiếc hộp nhỏ màu đỏ, mở ra và lúng túng đánh huân chương vào ngực áo chị. Sau đó, ông nhận từ tay viên sỹ quan khẩu súng lục, rút ra khỏi bao và chỉ mảnh vàng trên có khắc tên và họ mới của Vi-ta.

-Tôi được biết qua bản báo cáo của chị là chị bắn giỏi. Hãy để khẩu súng này phục vụ chị, bảo vệ công bằng và sự thật,-Ông nói giọng cảm động.

Vị tướng cầm tay chị và dắt sang phòng bên, ở đó không hiểu vì sao đã có mặt Li-đi-a và mấy cô gái Nga mặc quân phục, còn trên bàn đặt sẵn ấm trà Xa-mô-va Nga và bánh ga tô.

-Đây là tiệc mừng chị đấy, Vi-ta Ac-vi-dốp-na!-Viên tướng nói.-Tha lỗi cho chúng tôi, chúng tôi phải giữ Vla-đi-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích lại một lát... Ông đi ra và các cô gái vây lấy Vi-ta, ríu rít khen bộ quân phục đẹp, khen cả tám huân chương chị đeo rất nổi, khiến Vi-ta phải cùng y tá Li-đi-a lại gần gương. Không thể nói gì được: bộ quân phục và tám huân chương hết sức hợp với chị. Điều đó tự chị cũng nhìn thấy.

Vòng cung lửa

Phần thứ hai

Chương 7

Bắt kẻ địch theo ý mình

Tin buổi chiều:

“Ngày 4 tháng 7, trên các mặt trận, không có gì thay đổi đáng kể”

Tổng cục thông tin Liên Xô

Tin buổi chiều 4-7-1943

Tin buổi sáng:

“Trong đêm rạng ngày 5-7, trên các mặt trận, không có thay đổi đáng kể.

... Ở gần Ben-gô-rôt các chiến sĩ trinh sát xác nhận bộ binh địch đang tập trung để tấn công. Ban đêm, đơn vị sơn pháo cận vệ đã nã pháo chính xác vào chỗ bọn Hít-le tập trung. Bọn địch đã bị tiêu diệt nặng nề. Cuộc tấn công bị tàn phá”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

5-7-1943

Lữ đoàn tăng nặng “IX” được trang bị pháo tầm xa 122 ly do trung tá Tô-lu-be-ép chỉ huy, đóng ở hai làng bị phá hủy gần hết ở phía đông Prô-khô-rôp-ka. Các xe tăng được giấu kín trong các kho lúa của nông trường, các trang trại, trong các hầm đất được đào trên bờ vực ngoằn ngoèo, dưới có con suối nhỏ chảy, trong các sàn nhà dân chúng đã bỏ lại. Tất cả mọi sự di động đều bị ngăn cấm trên trời luôn luôn có máy bay trinh sát Đức, mà nhất định chúng không thể được biết ở bãi chiến trường hoang vu này có giấu kín một đơn vị xe tăng lớn. Cả trên không cũng lặng thinh. Đường dây điện thoại trực tiếp chỉ liên lạc với bộ tham mưu mặt trận...

Tô-lu-be-ép chỉ có thể đoán ra rằng, những đơn vị riêng biệt như thế, những quân đoàn, lữ đoàn, sư đoàn, trung đoàn xe tăng, pháo tự hành, bộ binh cơ giới, “Ka-chiu-sa” thuộc quyền trực tiếp Tổng hành dinh đang ẩn náu trong vùng đông cỏ này rất nhiều... Ngay chính lữ đoàn của anh cũng không ai nghe thấy, nhìn thấy. Những sự thâm lặng và tĩnh mịch này giống như những luồng điện nguy hiểm vẫn thường bao trùm lên thiên nhiên và con người trước cơn dông sắp đến...

Ngày hai tháng bảy, tư lệnh các mặt trận được tin báo trước từ Tổng hành dinh của Bộ Tổng tư lệnh là quân Đức sẽ chuyển sang tấn công, dự đoán vào khoảng giữa mùng ba và mùng sáu tháng bảy... Các mặt trận đều co mình lại, căng hết gân cốt lên như một chiếc lò xo thép.

Ngày mùng ba tháng bảy, bọn Đức im lặng.

Ngày mùng bốn, không có thay đổi gì xảy ra.

Buổi tối, Tô-lu-be-ép được triệu đến bộ tham mưu mặt trận.

Đã mấy ngày liền, anh nghiên cứu các vị trí tiền tiêu, nơi có thể chờ đòn đánh vào của quân Đức. Tất nhiên lợi hại hơn cả là chúng đánh vào vùng giữa của vòng cung Cuộc-xơ từ phía Nam, từ Ben-gô-rôt hay từ phía Bắc, từ Óc-lốp đánh xuống. Trên cả hai hướng này, chúng có đường xe lửa đã được phục hồi, quốc lộ và những vị trí xuất phát được chuẩn bị tốt... Phải, cả đồng cỏ khô nữa cũng sẽ trở thành bàn đạp lý tưởng cho các đơn vị xe tăng hạng nặng này.

Nhưng Tô-lu-be-ép còn thấy điều khác nữa: chưa bao giờ có nhiều pháo đến như thế trong tất cả các tuyến phòng thủ liên hoàn, cơ man nào súng phóng lựu cận vệ, vô số khẩu đội chống tăng, và cuối cùng số bộ binh đông đến thế, đang sẵn sàng đón đánh quân địch bằng cả hỏa lực và lưỡi lê. Vậy mà bên ngoài đồng cỏ nom hoang vu, vắng ngắt; chỉ có những hầm hào nguy trang, những hố đón lõng xe tăng và cạm bẫy, những bãi mìn, những khẩu đội chống tăng đơn lẻ là cho thấy đồng cỏ đông đúc thế nào. Mọi người đang sống trong sự căng thẳng kinh khủng và cuộc giao chiến sắp tới sẽ hết sức tàn khốc.

Ban đêm, người lái xe dừng xe bên thanh chắn và cho xe chạy xuống hố trũng. Ở đó, dưới mái che phủ đất, đã có khá nhiều ô tô. Ở trong làng, nơi bộ tham mưu đóng, ô tô không qua lại để các máy bay do thám Đức khỏi chú ý tới.

Tô-lu-be-ép đến gặp trưởng ban trinh sát. Dưới ánh ngọn đèn nhỏ, sáng, ánh lửa lung linh, bập bùng sống động, đại tá Krit-xchi-an đang ngồi.

Ông chia bàn tay khô khan, lạnh lùng nói về chán nản:

-Nếu đêm nay, các trinh sát không bắt được “lưỡi” thì đến phải tự mình đi trinh sát thôi! Ngồi đây như bị bịt mắt, mù tịt tình hình.

Rõ ràng Krit-xchi-an đến để ở lại đây lâu. Trong phòng trưởng ban trinh sát có đặt một cái giường thứ hai, trên chiếc bàn nhỏ-hai cái cốc, hai hộp dao cạo, dưới gầm giường-chiếc va ly. Krit-xchi-an bắt gặp cái nhìn của Tô-lu-be-ép hướng về chỗ ngủ, nói:

-Mình sẽ ở đây cho đến lúc kết thúc chiến dịch. Trưởng ban đi gặp tư lệnh có dặn là nếu anh đến khi đồng chí ấy vắng mặt, xin đợi ở đây.

Ông bước lại gần giường, mở chiếc va ly, lấy ra thanh sô-cô-la và bao thuốc lá “Ka-dơ-béch” Mat-xơ-va rồi quay lại bàn:

-Đây là quà của đồng chí và Vi-ta Ac-vi-dốp-na. Không phải, không phải của tôi đâu, của thiếu tướng đấy!

Tô-lu-be-ép cất vào xác cốt.

Trưởng ban đã trở về, chào hỏi cau có.

Tô-lu-be-ép hiểu rằng ở ban tham mưu mọi người đang bồn chồn chờ đợi.

Mọi người đều có cái cảm giác như đang sống dưới đầu dây treo quả tạ, sợi dây mỗi lúc một dần ra, một phân, hai phân, ba phân. Nhưng bao giờ quả tạ ấy sẽ rơi xuống?

Chuông điện thoại reo gắt lên. Trưởng ban vội cầm ống nói.

-Bắt được rồi à? Bao giờ? Ở đâu? Hãy nói lại lời khai của nó. Sau đó đưa tên tù binh đến chỗ tôi. Sao?-ông nghe một lát, đặt ống nói xuống, lại nhắc lên, yêu cầu:

-Cho nói chuyện với tư lệnh,-ông chờ một phút, rồi nói:-Số bảy báo cáo.

Vừa bắt được tên công binh gài mìn của địch. Trong các đơn vị đã được đọc mệnh lệnh của Hit-le về việc chuyển sang tấn công vào ba giờ đêm ngày mùng năm tháng bảy, thứ hai. Nhiệm vụ: chia cắt, bao vây và tiêu diệt quân đội Liên Xô ở vòng cung Cuốc-xơ. Tóm lại, một trận Xta-lin-grat của Đức. Tên tù binh sắp được giải tới. Binh nhất Phéc-men-lô cùng với trung đội của mình được phái đi vạch đường qua bãi mìn bảo vệ trận địa quân Đức...

Vâng, điều đó chắc chắn lắm. Các trinh sát của ta đã kiểm tra lời khai của tên binh nhất-bọn Đức đang gỡ mìn trên địa phận của chúng...

Ông thở phào, nhẹ nhõm, tưởng chừng như cái việc cần phải bắt đầu vào lúc này sẽ dễ chịu hơn sự chờ đợi. Mà phải, đó sẽ là một trong những cuộc giao chiến vĩ đại nhất, trong đó hàng nghìn, hàng nghìn người sẽ chết, và cũng chưa biết được cán cân sẽ nghiêng lệch về phía nào...

-Thế là hết phải chờ đợi!-Ông vừa nói vui vẻ lạ lùng như vậy, vừa mỉm cười nhìn Tô-lu-be-ép và Krit-xchi-an.-À, mà này Vla-đi-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích, nơi bố trí trận địa của anh đây.-Ông lấy từ trong két sắt ra tám bản đồ và đưa cho Tô-lu-be-ép-Còn bây giờ, chúng ta hãy làm đảo lộn các con bài của các ngài tướng Đức. Mời theo tôi. Bắt đầu cuộc họp ở chỗ Tư lệnh.

Bản tin buổi chiều:

“Từ sáng 5 tháng 7, trên hướng Óc-lốp-Cuốc-xơ và Ben-gô-rốt, quân ta đã chiến đấu ngoan cường với lực lượng lớn bộ binh và xe tăng địch, có nhiều máy bay yểm trợ. Các cuộc tấn công của quân địch đều bị đẩy lùi và chịu những tổn thất lớn. Chỉ tại vài nơi, những đơn vị nhỏ của bọn Đức lọt được vào phòng tuyến của ta.

Theo những số liệu đầu tiên, trong một ngày chiến đấu, quân ta trên chiến tuyến Óc-lốp-Cuốc-xơ và Ben-gô-rốt đã phá hủy và tiêu diệt 580 xe tăng Đức, không quân và cao xạ pháo đã bắn rơi 203 máy bay địch”

Tổng cục thông tin Liên Xô

5-7-1943

Cuộc họp ở chỗ Tư lệnh mặt trận kết thúc vào lúc 1 giờ 30. Các chỉ huy đơn vị vội vã đáp xe về sở tham mưu của mình. Đêm mùng năm tháng bảy một trời trôi qua.

Trung tá Tô-lu-be-ép xin phép Tư lệnh mặt trận được ra vị trí tiền tiêu của

quân đội, tới trận địa được giao cho lữ đoàn của anh. Có thể chính anh sẽ phải chiến đấu ở địa phận này...

Chiếc xe bọc thép nhanh nhẹn, quà tặng của nhà máy Goóc-ki, đưa nh tới địa điểm được giao phó. Trời vừa hửng sáng khi Tô-lu-be-ép để chiếc xe lại cho các chiến sĩ xe tăng trông nom, đi theo người sỹ quan liên lạc vào sở chỉ huy sư đoàn, và anh thầm nghĩ rằng, chỉ không đầy một giờ nữa, bầu trời sẽ rung lên vì tiếng gầm của pháo; chim chóc sẽ ngừng hót, các hạt sương sẽ ngừng rơi xuống mặt đất, và vào cái ngày nóng nực này, ai cũng thêm uống nước, những đồng cỏ sẽ ngập ngụa trong khói lửa và sẽ không kiếm đâu ra một giọt nước...

Hạ sỹ đưa đường nhảy xuống đường hào và Tô-lu-be-ép đi theo, cũng với những bước đi rón rén, như sợ làm thức dậy bọn Đức đang ngủ say, hay đúng hơn, đang chuẩn bị cho cuộc chiến đấu sắp tới ở cách không xa trận địa Nga, cũng trong những đường hầm như thế này.

Đám bộ binh Nga cũng đang chuẩn bị chiến đấu, lắng tai nhạy bén nghe ngóng cái yên tĩnh đầy dữ dội này. Đặc biệt ở đây có nhiều chiến sĩ bắn đạn xuyên thép với những khẩu súng nòng dài. Họ được biết là Hit-le đã đưa tới Cuộc-xơ loại xe tăng mới “Con Cọp”, đã được đọc tài liệu hướng dẫn cách chống tăng từ mấy ngày trước. Trong các tài liệu này thậm chí có cả ảnh xe tăng, còn trên thực tế họ còn chưa thấy chúng bao giờ. Nhưng họ đã chiến đấu với xe tăng Đức ở Xta-lin-grat và biết rằng bất kỳ khối sắt thép nào, dù bọn Đức có đặt tên cho chúng là gì, đều phải chững lại vì phát súng bắn có hiệu quả, nổ tung lên và bốc cháy, và giờ đây họ nhẫn nại chờ đợi cuộc giáp mặt với chúng, ẩn mình sâu trong lòng đất, cái mái che ngàn đời của con nhà lính...

Tô-lu-be-ép tính nhẩm trong óc tuyến phòng thủ bậc thang chạy sâu đến đâu trên mặt tấn công nguy hiểm này của xe tăng, và anh kinh ngạc: theo tính toán phỏng chừng của anh, những phương tiện phòng thủ chống tăng chạy dài vào chiều sâu tới mười kilômét, và sau đó đã có những đội quân xe tăng đứng trực, những cỗ pháo tự hành hùng hậu, những trung đoàn tiêm kích, những lữ đoàn pháo hạng nặng, những đơn vị dự bị của cả mặt trận Thảo nguyên; và tất cả sức mạnh quân sự ấy đang sẵn sàng chiến đấu ngay trong những giờ đầu, nếu quân Đức chọc thủng được tuyến phòng thủ đầu tiên của mặt trận.

Ở sở chỉ huy sư đoàn không có ai ngoài mấy sỹ quan liên lạc. Trong các đơn vị đã được đọc mệnh lệnh của Tổng tư lệnh, đã tiến hành các cuộc họp Đảng, Đoàn thanh niên, hướng dẫn nốt cách đánh xe tăng mới của bọn Hit-le. Người trực ban mời Tô-lu-be-ép uống trà và gợi ý là anh có thể chợp mắt chừng nửa giờ nhưng Tô-lu-be-ép không muốn gì cả...

Các sỹ quan bắt đầu trở về. Họ không vội vào hầm trú ẩn, mà đứng trong các

chiến hào, chỗ ẩn nấp, nhìn lên bầu trời giờ đây đã sáng bừng trên đầu. Ở nơi đụng đầu của hai đội quân khổng lồ còn đang dấu mình ấy vẫn tĩnh mịch như hồi đêm. Rồi đột nhiên, trên đầu người, lướt qua hơi thở đầu tiên của cuộc chiến đấu, mỗi lúc một mạnh thêm và lan tới tận tuyến đầu của phòng tuyến Nga...

Đó là đòn “phủ đầu” đã được nói tới ở phòng làm việc của Tư lệnh. Toàn bộ pháo binh của quân đội Nga dội lửa dữ dội lên trận địa quân Đức, nơi vào phút đó các xe tăng đang được khởi động, các tiểu đoàn xe tăng đang tập hợp để chiến đấu, lính súng máy đang ngồi lên các xe thiết giáp để sẵn sàng tràn vào trận địa Nga sau xe tăng. Và cũng trong giây ấy, trên đầu các binh lính và sỹ quan Nga, những máy bay ném bom, máy bay tiêm kích, máy bay hạng nặng lướt qua trước giờ chúng mở cuộc tấn công được định sẵn, dội lên tiếng bom nổ hòa vào với tiếng gầm của trọng pháo, tiếng rít của “Ka-chiu-sa”, tiếng ầm vang của súng phóng lựu nhẹ và nặng.

-Bắt đầu rồi!-Vị tướng người thấp và chắc chỉ huy sư đoàn nói.-Bắt đầu thật tuyệt diệu!-Ông nhắc lại và nói thêm:-Cái chính là trời đã sáng và bọn Đức thấy rõ điều gì đang đến với chúng. Sẽ có những tên không còn hứng thú gì với việc đánh nhau nữa...-Và ông ra lệnh:-Các đồng chí sỹ quan về vị trí!-Ông quay về phía Tô-lu-be-ép:-Mời đồng chí trung tá lên đài chỉ huy của tôi, ở đó quan sát hết sức rõ ràng...

Đài quan sát ở trên một gò thấp, có lẽ là mồ của tù trưởng dân Xkip đắp nên. Ở đây có mấy cái gò như vậy và tất nhiên bọn Đức đã bắn vào nhiều lần, nhưng các chiến sỹ công binh sư đoàn đã khôn ngoan đào vào sườn gò và đào ngược lên hầm mộ đá, nơi chôn cất thủ lĩnh người Xkip với vợ và những người hầu của ông ta. Trong những lỗ châu mai có đặt các kính lập thể, trên những chiếc đinh đóng trên tường treo vài cái ống nhòm, trên bàn có đặt máy điện thoại liên lạc đã chiến, cạnh đó các điện thoại viên luôn túc trực. Đòn hỏa pháo của quân đội Liên Xô vẫn tiếp tục nhưng bọn Đức kiên trì chờ đợi tín hiệu tấn công đúng điều lệnh. Chính Hit-le đã bảo chúng rằng, đúng ba giờ sẽ bắt đầu cuộc chiến đấu quyết định cuối cùng để chiếm không gian Nga mệnh mông, nó sẽ kết thúc bằng chiến thắng oanh liệt của chúng, còn bọn Nga sẽ phải chạy tít về bên kia U-ran, sẽ chết dần, chết mòn đời đời kiếp kiếp ở đó...

Những kỳ hạn Hit-le định ra đã qua khá lâu khi Tô-lu-be-ép nhìn thấy qua ống kính lập thể những cuộn khói xa như từ đường chân trời đang cuộn tới các chiến hào Nga, thấy rõ những vệt lửa trong những đám khói đó, và anh nói, giọng có vẻ bình thản:

-Xe tăng!

Đó chính là sự bình tĩnh sau quá trình chờ đợi căng thẳng cân não kéo dài. Tư lệnh sư đoàn ra liền mấy mệnh lệnh. Nói chung, đội quân sắt thép tấn

công đã được nhìn thấy từ tất cả các đài quan sát của sư đoàn. Trong các chiến hào, các khẩu đội chống tăng, những đội chống tăng đều đã ở vị trí xung kích.

-À, lũ “Cọp” đây rồi,-Tô-lu-be-ép nhìn về phí trước qua lớp khói bụi nói. Những chiếc xe tăng nhẹ của địch vượt lên trước tiên bỗng ngoặt sang hai bên, ở hàng đầu mũi nhọn tấn công xông tới những chiếc xe tăng đồ sộ, sơn màu ô liu của sa mạc-những “Con Cọp”.

Khó hiểu tại sao chúng không được sơn màu xanh hòa lẫn với địa hình? Có thể những tên lái tăng đến giờ phút cuối cùng vẫn không biết là chúng sẽ không được gửi tới vùng sa mạc của tướng Phôn Smit. Hay cũng có thể, Hitler mãi tới giờ phút cuối cùng mới quyết định ném lên mặt bàn con chủ bài này của mình?

Những chiếc xe này dài hơn và rộng hơn những chiếc tăng tầm trung và nhẹ. Súng của chúng dài hơn, nòng to hơn. Nhưng điều đáng sợ nhất đối với người lính là cái vẻ ngoài có vẻ không gì phá nổi của “Cọp”. Đã hàng trăm khẩu súng bắn vào chúng, mà chúng cứ tiến dần đều với vẻ điềm tĩnh khác thường, những viên đạn bật khỏi mình chúng như đá ném vào tường sắt. Tô-lu-be-ép biết rằng vỏ bọc thép ở đầu xe tăng dày tới 400 mm và những viên đạn của súng chống tăng vẫn quen dùng thực không thể nào bắn thủng chúng được; nhưng anh còn biết một điều khác: đạn khoan và đạn xuyên thép của vũ khí mới sẽ bắn thủng con quái vật này khi nó dơ mặt sườn bọc thép về phía trận địa pháo... Nhưng tạm thời những chiếc xe tăng vẫn tiến thẳng, nã đạn vào các trận địa pháo của quân Nga.

Ở phía bên phải đài quan sát có đặt khẩu đội pháo chống tăng được nguy trang kín của trung úy Ka-li-nin. Trong những ngày chuẩn bị vừa qua, Tô-lu-be-ép đã mấy lần đến chỗ Ka-li-nin. Anh biết rằng lúc này Ka-li-nin với những khẩu pháo nguy trang kỹ càng đang sẵn sàng đón đánh “Cọp”. Họ đã dặn nhau là Ka-li-nin sẽ không tháo nguy trang khi xe tăng “Cọp” chưa xuất hiện. Chống lại loại xe tăng nhẹ của Đức đã có hai khẩu đội khác đặt ở bên phải và bên trái khẩu đội Ka-li-nin. Và Tô-lu-be-ép chờ đợi xem Ka-li-nin có chịu đựng được những phút chiến đấu đầu tiên này không?

Những “Con Cọp” tiến lại gần. Sau chúng là những xe thiết giáp chạy xích, chở lính xếp đầy như cá hộp. Đằng sau, chậm hơn chút ít là những tên lính bắn tiểu liên đang bám theo. Khẩu đội Ka-li-nin yên lặng.

-Bắn!-Thiếu tướng khẽ ra lệnh.

Nhưng trước khi khẩu đội pháo chống tăng mới xung trận, những chiếc xe tăng đã bị các chiến sĩ bắn đạn xuyên thép đón đánh. Đó là những con người đầy dũng cảm, đứng ngấp trong đất, hai người một, với những khẩu súng nòng dài, giống như những khẩu súng trường cổ của cha ông đời xưa, chờ cho đến lúc những chiếc xe tăng tiến ngang qua hầm của họ là nổ súng vào

sườn bọc thép của “Cọc”. Những chiến sĩ bắn súng máy trườn lên trước, nã súng vào các xe bọc thép và bọn lính mang tiểu liên. Trong khoảnh khắc đó, các khẩu pháo của khẩu đội Ka-li-nin lên tiếng.

Tô-lu-be-ép nhìn thấy lửa bùng lên trên vỏ ngoài của “Con Cọc” đi đầu.

Chiếc tăng vẫn tiến, tiến đều, còn viên đạn như xoáy vào mình nó, sau đó một cái gì réo sôi, rồi một tiếng nổ vang lên, chiếc tăng chững lại. Không ai trèo ra khỏi tháp xe. “Con Cọc” thứ hai ở một khoảng cách nhìn thấy rõ bốc cháy vì một viên đạn xuyên thép. Chiếc thứ ba cũng bốc cháy như vậy.

Nhưng những chiếc xe tăng vẫn tiếp tục tiến, ngày càng dày đặc hơn. Đoạn đê xe lửa cao mà khẩu đội Ka-li-nin dựa lưng vào đó đã khiến cho bọn Đức không thể tiến thẳng theo hướng trực diện được. Chúng đi vòng.

Lúc đầu có tới mười sáu chiếc xe tăng và hai chục xe thiết giáp lao vào khẩu đội. Ka-li-nin sử dụng khẩu pháo thứ ba. Trước trận địa của anh, đã có sáu chiếc xe tăng bốc cháy, nhưng những tên lính bắn tiểu liên từ các xe thiết giáp chồm tới ào lên xung phong. Ka-li-nin chuyển hỏa lực sang hõm sâu, nơi chúng đang chụm lại, và làm tan tác cả tiểu đoàn. Bọn Đức liền tung về phía Ka-li-nin mười lăm xe tăng nữa. Mỗi lúc đó, khẩu đội Ka-li-nin mới lên tiếng hết sức mình. Trước trận địa, có tới mười bốn chiếc xe tăng cháy...

Bọn lính tiểu liên Đức nằm bẹp xuống chỗ đất lồi.

Tô-lu-be-ép lau mồ hôi trán, nhìn đồng hồ: vừa mười lăm phút trôi qua.

Anh đếm những chiếc xe tăng khẩu đội Ka-li-nin đã hạ được và nói:

-Thưa đồng chí thiếu tướng, khẩu đội của Ka-li-nin đáng được đề nghị thưởng huân chương.

-Nếu chúng ta còn sống được!-Thiếu tướng nói giọng ưu tư.

“Nếu chúng ta còn sống được!”-Tô-lu-be-ép nhìn sang bên trái và hiểu vị tướng vừa nghĩ gì: bên trái gò mộ, bỏ lại sau mình những chiếc xe tăng và xe thiết giáp cháy, một đại đội xe tăng Đức đã tiến sâu vào tuyến phòng thủ Liên Xô.

Khi những “Con Cọc” vừa khuất sau những khóm rừng non trên khu vực trận địa bị chọc thủng, tiếng súng máy, tiếng súng tiểu liên và súng trường liền rộ lên, hòa thêm tiếng nổ trầm của súng phóng lựu. Tô-lu-be-ép nhẹ nhõm nhận thấy bọn bộ binh Đức đi theo xe tăng đã nằm rạp cả xuống. Chỉ có các xe thiết giáp vượt được qua tuyến phòng thủ bám theo xe tăng.

-Chúng ta sẽ còn sống!-Anh vui vẻ kêu lên, chỉ cho thiếu tướng về phía bên phải tuyến phòng thủ.

Thiếu tướng dán mắt vào ống kính lập thể.

Ngay lúc đó, trên chiến trường xuất hiện những máy bay cánh quạt.

Ở phía dưới, như có thể phân biệt được, các máy bay ném bom Đức do bọn xe tăng gọi đến chi viện, đang lượn vòng. Trên cao hơn chúng, những máy bay tiêm kích của cả Liên Xô, của cả Đức đang bay nhanh thành vài tầng.

Chiếc nọ sau chiếc kia chúm mũi đâm xuống đất. Những chiếc máy bay ném bom chưa kịp ném ra. Những máy bay tiêm kích bị bắn rơi, xoay tròn quanh trục của mình, lao xuống như những con chim bị đạn. Tô-lu-be-ép còn nhận thấy một điều: máy bay có chữ thập đen rơi xuống trước mặt anh nhiều hơn. Nhưng một số máy bay Đức đã lọt được vào trận địa Liên Xô, và gò mố chao đảo như trong một trận động đất mà Tô-lu-be-ép đã trải qua một lần hồi còn bé ở Crum. Anh còn kịp nghĩ rằng “không bao giờ đạn đại bác rơi vào hố lần thứ hai, bom cũng không rơi xuống cạnh bom”, thì một tiếng nổ khủng khiếp trút xuống đỉnh gò, nền mố như bị dựng ngược lên, và anh ngất đi.

Anh tỉnh dậy vì cái lắc mạnh ở vai và giọng nói run run, van vãn của anh chiến sĩ liên lạc trẻ măng:

-Tỉnh dậy đi, đồng chí trung tá! Tỉnh dậy đi! Thiếu tướng bị giết rồi!

Tô-lu-be-ép đứng dậy, dựa lưng vào tường, vì sàn hầm vẫn rung đưa như sàn tàu gặp bão. Thiếu tướng nằm bên cạnh lỗ châu mai, nét mặt điềm tĩnh lạ lùng. Ở ngực trái áo blu-dông, một vệt đen sẫm cứ từ từ loang mãi ra. Có thể ông điềm tĩnh như vậy vì không nhìn thấy đàn máy bay đông như ruồi và những chiếc xe tăng đang lao tới. Nếu quả như vậy thì Tô-lu-be-ép chỉ có thể ghen tị với người đã chết.

Cuối cùng ý nghĩa những câu kể lể của người liên lạc mới lọt vào óc anh.

Anh ta tiếp tục, giọng run run:

-Mất liên lạc với sở chỉ huy. Điện đài bị phá hủy. Quân y không trả lời. Các trung đoàn xin chỉ thị. Tôi chưa nói với ai rằng thiếu tướng đã hy sinh...

Ngay cả lúc này, anh chiến sĩ vẫn tràn đầy niềm kính trọng với vị thủ trưởng bị giết. Tô-lu-be-ép vịn vào tường, lần đến máy điện thoại.

-Tôi thay mặt cho Tư lệnh. Hãy báo cáo tình hình.

Trung đoàn bên cánh phải trả lời. Trong trận tấn công đầu tiên của xe tăng, trung đoàn đã bị ép mạnh, nhưng sau đó đã khôi phục lại vị trí. Những chiếc xe tăng lọt qua giao điểm giữa trung đoàn hai và trung đoàn ba có lẽ đã lao đúng vào ban tham mưu. Hiện nay những chiếc xe tăng lọt vào sâu đã bị tiêu diệt, nhưng các chiến sĩ liên lạc đến ban tham mưu không thấy trở về. Trong làng, nơi đóng Bộ chỉ huy đang vang rền tiếng súng. Đã cử hai tiểu đoàn dự bị và hai đại đội pháo tự hành đi tăng viện.

Trung đoàn thuộc cánh trái chịu nhiều tổn thất, rút về tuyến phòng ngự thứ hai. Cuộc chiến đấu đang tiếp tục trên các đường phố ở một điểm cư dân. Xe tăng Đức và bọn lính tiêu liên định cắt đứt làng này, nhưng pháo binh đã hành động có hiệu quả: nhiều xe tăng và xe bọc thép của địch bị thiêu cháy. Trong lỗ cửa của chiếc hầm gạch, xuất hiện người người lính liên lạc lấm lem. Anh ta chào người sỹ quan không quen biết, nhìn thiếu tướng đã hy sinh, nói:

-Liên lạc với ban tham mưu sư đoàn đã được phục hồi. Ban tham mưu đã chuyển về Ia-blô-nhe-va. Ở đó đang đánh nhau. Có nhiều người bị chết và bị thương

Tiến gần đến cái bàn có đặt máy điện thoại, cầm ống nói, thổi vào đó, anh ta nói:

-“Hoa cúc” đâu, tôi “Uất kim cương”. Cần nói chuyện với các đồng chí đây!-Và chìa ống nói cho Tô-lu-be-ép.

Tô-lu-be-ép nghe thấy giọng nói quen thuộc của tham mưu trưởng sư đoàn và thở dài nhẹ nhõm.

-Tô-lu-be-ép đang nghe đây. Thiếu tướng đã bị giết-Anh nói rời từng tiếng. Tham mưu trưởng yên lặng, nói gì đó với những người ở bên cạnh, rồi lại nói vào máy:

-Tôi đảm nhận quyền chỉ huy. Va-xi-lép đang cần gặp đồng chí! Đồng chí được lệnh trở về đơn vị mình phụ trách. Xe bọc thép của đồng chí ở trong đội xe tăng dự bị. Người liên lạc sẽ dẫn đường. Hãy báo cáo qua về tình hình ở đài chỉ huy.

-Hai quả bom rơi trúng đài, nhưng còn làm việc được.

-Tạm biệt, đồng chí trung tá! Nếu may mắn ta còn gặp nhau!

“Phải, nếu may mắn!”. Mới nửa giờ trước đây thiếu tướng cũng đã nói vậy, mà bây giờ ông đã nằm trên sàn rồi đó...

Tô-lu-be-ép gọi người liên lạc, đi ra theo đường hào hẹp dẫn về phía hậu tuyến.

Bản tin đột xuất thứ nhất

“Ngày 6-7, trên hướng Óc-lốp-Cuốc-xơ-Ben-gô-rôt, quân ta tiếp tục ngoan cường chiến đấu với một lực lượng lớn xe tăng và bộ binh địch. Cuộc tấn công của quân địch được lực lượng hùng mạnh của không quân hỗ trợ. Ở hướng Óc-lốp-Cuốc-xơ, mọi cuộc tấn công của địch đều bị đánh lui với những tổn thất nặng nề cho chúng.

Ở Ben-gô-rôt, sau những thiệt hại lớn, quân địch đã lọt vào một vài điểm không sâu lắm.

Theo những số liệu chưa đầy đủ, trong một ngày chiến đấu ở Óc-lốp-Cuốc-xơ-Ben-gô-rôt, quân ta đã phá hủy, tiêu diệt 433 xe tăng địch. Không quân và binh chủng cao xạ đã bắn rơi 111 máy bay Đức, 22 phi công Đức bị bắt sống”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

6-7-1943

Tô-lu-be-ép chăm chú đọc các bản tin quân sự và các cuộc chiến đấu được nói tới trong đó. Chưa thấy nói gì đến sự xuất hiện của xe tăng “Cọp” và “Báo”. Nếu chính mắt anh không được nhìn thấy các pháo thủ của Ka-li-nin bắn vào “cái kỳ diệu của kỹ thuật Đức này” sáng hôm qua, thì anh có thể

nghĩ rằng cả bọn Đức, cả bên ta đều chưa đưa vào cuộc chiến đấu dai dẳng loại vũ khí mới nào. Hay có thể đây là để đánh lạc hướng bọn Đức? Các ngài đã thả một đàn chiến sĩ thú ra mặt trận, mà chúng tôi cũng chẳng hề hay biết gì, chúng tôi đánh những con “Cọp”, con “Báo” như những con thỏ. Nhưng chúng ta đã báo cho cả thế giới biết rằng bọn Đức dù sao cũng lần được chúng ta ở hướng Ben-gô-rôt cơ mà? Tuy nhiên, cả phía Đức cũng không nói gì đến cuộc tấn công bắt đầu của chúng. Bản tin quân sự của Bộ chỉ huy Đức cũng nằm trên bàn của anh (Krit-xchi-an đã quan tâm đến điều này nhưng trong đó cũng không có một lời nào về cuộc chiến đấu ở hướng Bren-xơ, (chúng gọi phần mặt trận này như vậy).

Đêm đến, toàn lữ đoàn được lệnh “Sẵn sàng số một”. Điều đó có nghĩa là quân Đức đã tăng cường lực lượng. Có khả năng ngay trong những ngày đánh nhau đầu tiên chúng đã phải huy động nhiều đơn vị dự bị không phải định dùng để đột phá mà để tiếp tục mở rộng cuộc tấn công. Bản tin nội bộ mặt trận đã kể tên những sư đoàn và binh đoàn xe tăng mới mà ta biết được trong các trận chiến đấu đêm rạng ngày mùng sáu.

Mà thành tích của quân Đức tạm thời thật ít ỏi: chúng chỉ mới tiến quá Tô-ma-rốp-ka khoảng sáu đến tám kilômét và mới chọc vào tuyến phòng ngự thứ hai của ta. Quân đội Đức ở Óc-lốp mưu toán chiếm Pô-nur-ri đã không thành công.

Trong hai ngày đêm ấy, Tô-lu-be-ép cùng lắm chỉ ngủ độ ba tiếng, nhưng điều lạ lùng là anh thấy người khỏe khấn và sáng khoái. Cú đập thương ngày hôm qua chưa thấy ảnh hưởng gì. Tất nhiên, anh biết là sau này, khi cuộc chiến đấu giằng co này kết thúc, anh sẽ gây nhiều phiền hà cho các bác sỹ quân y. Lúc này anh đang sống một cuộc sống tinh thần căng thẳng, như mọi người lính trong chiến đấu.

Anh ra khỏi hầm trú ẩn đã chiến nằm giữa một bụi cây. Các xe tăng được ngụy trang chu đáo, vẫn chờ đợi đến giờ của mình. Máy bay Đức tạm thời bỏ qua khu vực bán sa mạc này, chúng có nhiều việc ở tuyến đầu. Chỉ thỉnh thoảng mới thấy một chiếc “Un-ke” hay “Phô-ke” bị máy bay tiêm kích Liên Xô đuổi, bay tới là là sát mặt đất hay rơi xuống, để lại sau một dải khói đen. Không những chỉ không được bắn vào máy bay, mà cả việc xuất hiện trên đường, trên ruộng, trên bờ vực đều bị nghiêm cấm.

Tô-lu-be-ép nghe ngóng: tiếng ì ầm nặng nề của các cuộc giao tranh vọng tới đều đều, đây đó thỉnh thoảng bốc lên một cột khói đen ở phía chân trời.

Trong những ngày đầu chiến tranh, nghe thấy ở đâu có tiếng súng chiến đấu nổ rền là anh đã muốn lao tới đó với sự nôn nóng của tuổi trẻ. Anh tưởng là anh có nghĩa vụ phải có mặt ở nơi những đồng chí của anh đang hy sinh. Giờ đây thì anh lại lạnh lùng chờ đợi lúc nào sẽ đến thời điểm anh và các chiến xa của anh phát huy tác dụng. Và nếu âm vang của các cuộc chiến đấu

không chuyển từ phía Nam lên phía Bắc, thì điều đó có nghĩa là anh phải bình tĩnh chờ đợi, dạy cho các chiến sĩ cái nghệ thuật chủ yếu của chiến tranh-sự bình tĩnh, đơn vị anh có nhiều người mới tham gia chiến đấu lần đầu.

Anh thông thả đi qua khoảnh rừng mới trồng, soi mới nhìn nguy trang của xe tăng, nhìn mặt những người lính cũng như anh đang lắng nghe tiếng gầm của trận giao chiến ở gần, chào hỏi họ và lại đi tiếp. Tất cả mọi thứ có vẻ như bình thường. Mọi người thay nhau nghỉ ngơi và chuẩn bị chiến đấu. Trên đường về, qua các cành cây anh lại được thấy một trận không chiến. Và mặc dù mọi người đang ẩn nấp trong rừng đều mong muốn được xem tường tận trận không chiến, nhưng không ai nhảy ra khỏi bụi cây, không làm lộ nguy trang, còn chiếc máy bay Đức (đó là chiếc Mec-xe-mit) cấm cở chạy khỏi chiếc tiêm kích của ta về phía Tây, phía Ben-gô-rốt.

Trong hầm tham mưu, điện thoại reo, tiếng người trả lời bình tĩnh, và Tô-lu-be-ép lại nghĩ: “Mọi người đã học được nhiều trong chiến đấu. Không ai quá tháo, rối trí, dọa nạt, mắng mỏ. Và mặc dù ai nấy thần kinh đều căng thẳng tốt độ, nhưng xử thế thật tuyệt vời. Nào, ngài Hit-le, bây giờ thì ngài hãy coi chừng! Ngài chẳng tài nào tiêu diệt cũng như dọa dẫm nổi chúng tôi”.

Anh bước vào cổng hầm mở ngỏ. Sĩ quan tham mưu trưởng đứng dậy, mọi người vui vẻ hồn nhiên chào lễ đoàn trưởng và quay lại với công việc của mình. Họ biết rằng Tô-lu-be-ép không ưa thích sự lảng xảng vô tích sự.

Tham mưu trưởng báo cáo:

-Vi-ta Ac-vi-dốp-na yêu cầu đồng chí gọi điện. Có nhiều tù binh được đưa đến.

Người điện thoại viên nói bằng tín hiệu: “Ong mật”, “Ong mật”, “Tổ đàn” đang đợi đây,-và chuyển ông nói cho trung tá. Và ngay lập tức, nghe thấy giọng nói thân yêu của Vi-ta làm dào dạt lòng anh một đợt sóng yêu thương. Nhưng chị nói về công việc, muốn khoe sự phục tùng của mình.

-Đồng chí trung tá! Ta bắt được mấy tù binh lái xe tăng “Cọp” và một tên phi công. Đại tá Krit-xchi-an yêu cầu anh tìm hiểu lời khai của chúng...

“Còn lâu, có lẽ suốt đời, Vi-ta vẫn nói cái giọng trọ trẹ như vậy-anh nghĩ.

Những tiếng “đồng chí” của em giờ đây vang lên cũng tự nhiên như tiếng “đồng chí” của mỗi chúng ta. Và em sẽ quen với Tổ quốc mới, sẽ chia sẻ với nó một niềm vui, nỗi buồn...” Và đột nhiên, anh bắt gặp được mình trong cái ý muốn nói to lên: “Nếu chúng ta còn sống...”.

Đó là một sự yếu đuối, không được phép và nguy hiểm, vì bằng cách đó, anh dường như đổ dồn tất cả mọi tai họa của chiến tranh lên con người Vi-ta xiết bao mãnh mạnh và yếu đuối, những tai họa mà chưa bao giờ anh, các chiến sĩ và sĩ quan của anh cảm thấy to lớn và khó chịu đựng đến thế! Và một lần

nữa, không biết là lần thứ bao nhiêu, anh trách mình: sao không để Vi-ta ở lại Mat-xơ-va? Như thế có phải lúc này anh đã dễ dàng hơn không?... Địa điểm hỏi cung những tù binh được giải đến ban tham mưu sư đoàn, theo lệnh của Krit-xchi-an “đề tìm hiểu tâm trạng đối phương”, được đặt cách khoảng rừng mới trồng chừng một cây số rưỡi, trong một nhà nghỉ đã bị phá hủy gần hết. Người ta chỉ được phép đi xe đến đây từ phía quốc lộ để nơi bố trí trung đoàn xe tăng khỏi lọt vào những cặp mắt ngẫu nhiên. Nhưng trung tá thích một cuộc đi bộ theo bờ vực, nơi những rặng cây trần và các bụi mận gai sẽ che khuất không những người đi bộ, mà cả những người cưỡi ngựa nữa. Và Tô-lu-be-ép ngụp vào màu xanh mát mẻ.

Trong phòng ăn của nhà nghỉ, một căn nhà thấp lè tè, dưới sự giám sát của bảo vệ, mấy chục tù binh nằm trên các đụn cỏ hay ngồi trên những chiếc ghế dài. Chúng không còn phải đánh nhau nữa và cảm thấy mình được tương đối an toàn. Thực tình chúng cảm thấy khiếp sợ nghe thấy tiếng gầm rú của máy bay. Ngoài sân, dưới một cây sồi xum xuê, là nhà bếp đã chiến yên lành, bọn chúng nhìn ra đấy qua khe cửa với niềm hy vọng và tò mò. Nhiều tên bị bắt đã hai ba ngày và biết rằng người Nga không đánh đập tù binh, không xử bắn mà còn cho ăn uống; những tên mới đến còn chưa tin lắm vào những lời đồn này, đang chờ đợi cái gì sẽ đến với chúng sắp tới: cuộc xử bắn hay... bữa ăn trưa?

Trung tá bước vào căn nhà gỗ nhỏ, nơi Vi-ta đang hỏi cung tù binh. Bên cạnh Vi-ta, Li-đi-a đang ngồi ghi chép những lời khai của một tên Đức cao kều, quân phục thùng lố chỗ. Vi-ta dịch từng câu một. Anh hạ sỹ canh gác tù binh nghiêng đầu sang một bên nghe những câu dịch lại. Tô-lu-be-ép nghĩ thầm: “Thư trạm của con nhà lính!”. Cậu hạ sỹ này đi trực về sẽ kể khối chuyện cho đồng đội. Mà tên lính Hit-le này quá sợ đến nỗi, hạ sỹ sẽ có khối chuyện để kể.

Nhìn thấy người sỹ quan cấp cao, tên lính Hit-le đứng phắt dậy, nhanh đến nỗi anh hạ sỹ phải vội giật tiểu liên ra khỏi cổ. Vi-ta và Li-đi-a mỉm cười, một người đầy tin cậy và vui sướng, còn người kia vẻ độ lượng, dường như xác nhận rằng: tôi đã bảo mọi chuyện sẽ ổn cả mà!

-Các đồng chí tiếp tục đi!-Anh ra lệnh.

Vi-ta báo cáo rằng Cuộc Blu-me là hạ sỹ quan trung đoàn xe tăng số ba năm, bị bắt sáng hôm nay tại Tô-ma-rốp-ka.

-Ngồi xuống!-Vi-ta ra lệnh cho tên tù binh và khi tên này vừa sợ hãi nhìn người sỹ quan, ngồi xuống, chị nói tiếp:

-Tôi nghe đây.

Tên Đức nói nhanh và sôi nổi. Rõ ràng nó rất muốn tỏ rõ cho người nữ chính ủy mặc quần áo sỹ quan đeo quân hàm thiếu úy này và tất cả những người khác về sự thành thật của mình.

Vi-ta khô khan dịch:

-Nó khai rằng sư đoàn xe tăng số 4 của nó đóng cách mặt trận năm mươi kilômét. Các sỹ quan nói rằng những xe tăng mới “Con Cọp” sẽ xông lên khi quân Nga tháo chạy và sẽ truy kích đội quân rút lui cho tới khi sát nhập với mũi xe tăng tấn công từ phía Óc-lốp tới. Khi đó chúng sẽ quặt sang phía Tây để chia cắt các đơn vị bị bao vây và sẽ dồn bọn Nga vào một cái “Kotel” (Tiếng Nga: cái chảo, đồng thời có nghĩa là vòng vây)...-Chị hơi ngập ngừng và hỏi Li-đi-a:-“Kotel” là gì? Đó có phải là từ Nga không?

-Là vòng vây.-Tô-lu-be-ép cười khẩy.

-À, em biết rồi. “Xta-lin-grat”!-Vi-ta gật đầu.

Tên tù binh lại nói, Vi-ta dịch đúng từng câu, từng chữ:

-Tên hạ sỹ nói rằng đã nhìn thấy bản đồ tấn công ở chỗ trung đoàn trưởng Xtrô-mec, trên đó có vẽ những mũi tiến công. Nơi họp điểm của các binh đoàn xe tăng là Cuốc-xơ. Sau đó, một mũi sẽ triển khai theo hướng Đông Bắc nhằm về Matxcova, còn sư đoàn số bốn sẽ thủ tiêu “Kotel”.

-Hắn đã bị bắt như thế nào?-Tô-lu-be-ép hỏi.

Vi-ta dịch câu hỏi, tên tù binh hơi ngắc ngứ. Vi-ta nhắc lại câu hỏi. Lúc đó tên tù binh mới nổi xung lên.

Tô-lu-be-ép hiểu là hắn chửi bọn chỉ huy. Vi-ta khẽ cười và dịch:

-Tên hạ sỹ đang căm tức. Đáng ra chúng sẽ phải đi truy kích, hóa ra lại phải đi đột phá-câu ấy nói vậy phải không?-Chị quay về phía Li-đi-a.-Hắn cho rằng hắn đã bị đánh lừa. Việc đột phá lẽ ra phải diễn ra từ hôm qua thì hôm nay chúng bị ném về Tô-ma-rốp-ka, ở đó đã chồng chất-cái đó gọi là gì nhỉ? Phải rồi, hàng trăm nghìn tấn sắt vụn. Không, sắt cháy thành tro bụi. Bọn chỉ huy nói rằng chiếc xe tăng Đức vĩ đại không thể bị đạn chống tăng Liên Xô bắn hỏng, vậy mà xe của trung đoàn trưởng Xtrô-mec trúng đạn, tháp xe lập tức bị bay đi. Viên chỉ huy ra lệnh cho tên hạ sỹ này chĩa phần mũi xe tăng về phía quân Nga để che chắn chiếc xe của nó, cho bọn tùy tùng của đại tá sửa chữa lại chỗ hư hại. Tên hạ sỹ vừa quay chiếc xe tăng thì sườn bọc thép trúng ngay một viên đạn trái phá. Đạn gì?-Chị hỏi tên Đức.-Dạ, đạn cháy! Một cú đánh mạnh như hai phát nổ cùng một lúc, và nó xoáy vào thép như có phép quỷ... Quỷ nó xoáy vào à?-Chị bỡ ngỡ hỏi Tô-lu-be-ép.

Anh trả lời:

-Đạn khoan, em đã được xem bắn rồi!

-Ồ, em, em! Con quỷ xoáy tròn ốc! Trong xe tăng bốc lửa và chúng nhảy xuống các đường hào. Lúc đó xe tăng của tên chỉ huy cũng bốc cháy. Tên hạ sỹ không biết điều đó xảy ra như thế nào, một tiếng nổ dậy trời và đối với bọn trong xe là hết đời. Khi đó chúng bò vào một chiếc hầm quân Nga bỏ lại và đi theo mãi, hai tay giơ lên cao, cho đến khi gặp những người Nga bắt chúng làm tù binh.

Tên tù binh nín lặng, nhìn đôi tay bị bỏng bằng bó qua quýt của mình, Tô-lu-be-ép bảo:

-Dẫn nó đến quân y dã chiến. Báo cho nó biết, không nó lại tưởng bị đem đi bắn.

Vi-ta dịch. Tên tù binh ngạc nhiên nhìn chị, rồi bỗng nhiên tin tưởng nhìn Tô-lu-be-ép đầy biết ơn nhưng anh đã hỏi sang tên khác.

Tên tù binh này là phi công, Tô-lu-be-ép nghĩ rằng Krit-xchi-an đã gửi nó đến cho đa dạng. Quả thực lời khai của những tên lính tăng giống nhau đến lạ lùng. Bọn chỉ huy Đức coi xe tăng “Cọc” là “tinh hoa” của chúng. Kể cả bọn SS, những tên lái xe đã nổi tiếng trong các trận đánh trước đây và những tên chỉ huy các xe tăng khác của Đức. Bị bắt làm tù binh, chúng đều khiếp sợ như nhau, thái độ quy lụy, không có gì giống với những tên đã bị bắt làm tù binh hồi đầu chiến tranh. Và điều chúng khiếp sợ hơn cả là mọi tính toán của bọn chỉ huy, mọi điều khẳng định của Hit-le và mệnh lệnh nổi tiếng của hắn về “cuộc tấn công quyết định”-tất cả đều như bọt xà phòng, như một làn sóng mỏng manh bị vỡ tan khi đập vào bức thành phòng ngự không gì phá vỡ nổi của người Nga. Chúng không còn tin, hay khẳng định rõ là không còn tin, vào Hit-le nữa...

Tên phi công cũng sợ sệt như những tên lái xe tăng, những lời khai của hắn lý thú hơn.

Thiếu úy Hốp-man được lệnh trinh sát vùng trời ở gần hậu phương quân Nga. Ngày hai, có khi ba lần, hắn bay từ mặt trận Ben-gô-rôt tới Ốc-lốp, tới đó hắn nghỉ ngơi tại sân bay của chúng rồi bay trở lại. Bọn chỉ huy ra lệnh cho hắn đặc biệt theo dõi các chỗ ùn tắc trên các tuyến đường hậu phương, bám sát các đơn vị quân đội Xô Viết rút lui. Sáng ngày tám tháng bảy, hắn bị phi công tiêm kích Xô Viết bắn rơi. Tên thiếu úy nhảy dù và bị bắt.

Nó khai rằng chiều ngày bảy tháng bảy, tức là ngày thứ ba của cuộc tấn công của bọn Đức, nó đã báo cáo với tên chỉ huy tình báo là không có chỗ ùn tắc nào trên các tuyến đường hậu phương của bên Nga cả, rằng giao thông trên đường không hướng về hậu phương, mà đổ ra mặt trận, thì tên đại tá nhận báo cáo đã dậm chân như phát rồ lên, và mắng hắn là đồ hèn nhát: “Mày không bay trên các con đường mà chỉ bay trên đồng cỏ, để khỏi bị cao xạ Nga bắn rơi!”, và ra lệnh phải cất cánh vào lúc sáng sớm ngày hôm sau. “Có thể bọn Nga rút quân bí mật vào ban đêm? Nếu vậy lúc sáng sớm, mày sẽ còn kịp nhận ra sự vận chuyển của chúng...”. Chuyến bay sớm mùng tám hóa ra là chuyến bay cuối cùng của tên phi công.

Tới giờ ăn trưa, Tô-lu-be-ép còn hỏi cung hàng chục tù binh, nhưng tất cả chỉ là điều nhắc lại, cái đã biết: nỗi kinh hoàng pháo binh Nga, đạn trái phá bắn xoáy, sự hư hại của xe tăng “Cọc” và pháo tự hành “Phéc-đi-năng” mà đã từng được nói là không gì xâm phạm được.

Vào hai giờ, Krit-xchi-an đến. Họ đi xuống một khe hẻm có bụi cây mọc bên mặt sông. Krit-xchi-an lấy nước lạnh vỗ lên mặt, bỗng nhiên nói:

-Vla-đi-mi-a A-lếch-xan-đrô-vích, đồng chí chắc biết tôi đến vì việc gì chứ?

-Đúng vậy, thưa đại tá! Bao giờ?

-Vào ngày 11, 12. Bọn Đức đã tiến được ba mươi kilômét. Có lẽ trận đánh quyết định sẽ diễn ra ở Prô-khô-rôp-ka. Lệnh của cấp trên-cầm chân quân địch cho tới ngày đó, sau đấy chuyển sang tấn công. Trong bộ tham mưu mặt trận đang bố trí lại lực lượng. Tham mưu trưởng nhờ truyền đạt là: lữ đoàn xe tăng nặng của đồng chí sẽ đặt ở hướng quyết định của trận đấu tăng...

Tô-lu-be-ép chờ xem Krit-xchi-an nói gì thêm nữa không nhưng ông đã cởi áo blu-dông và sơ mi, đắp nước mạnh lên tấm thân mình khô và nóng bức.

Vòng cung lửa

Chương 8

Chiến thắng chuẩn bị trong bóng tối

Cuộc tấn công của quân Đức ở vùng Cuốc-xơ và những tên bip ở Bộ chỉ huy Hit-le.

“Bộ chỉ huy Hit-le im lặng về kết quả ngày đầu tiên cuộc tấn công lớn của quân đội Đức trên hướng Óc-lốp-Cuốc-xơ-Ben-gô-rốt. Ngày 6 và 7 tháng 7, Bộ chỉ huy Đức quyết định chơi trò đánh lộn con đen: “biến” bên tấn công thành bên phòng ngự, tuyên bố rằng Hồng quân đang mở cuộc tấn công, chứ không phải quân Đức.

Tại sao Tổng hành dinh Đức phải dùng đến ngón bip này?

Cuộc tấn công mới của quân Đức đã không làm quân ta bất ngờ. Trên cả hai hướng, các cuộc chiến đấu quyết liệt đã diễn ra, tới ngày thứ ba, kết quả là quân ta đã tiêu diệt 30.000 tên lính và sỹ quan, phá hỏng hoặc thiêu hủy 1.539 xe tăng và bắn rơi 649 máy bay của quân địch. Quân ta giữ vững ranh giới trận địa. Chỉ có trên tuyến Ben-gô-rốt sau khi chịu đựng những thiệt hại to lớn, quân địch lấn chiếm không đáng kể một vài khu vực phòng ngự của ta”

Tổng cục thông tin Liên Xô

7-7-1943

-Chưa bao giờ trên báo chí có những phát biểu công khai đến như vậy. Một khẩu hiệu được nêu bật: “Chúng ta sẽ chiến thắng”. Và hôm nay toàn thế giới đã được thông báo rằng đây là ý đồ cuối cùng của Hit-le giành chiến thắng, nhưng nó đã sụp đổ ngay trong ngày đầu tiên.

-Ồ, đây có nói cả về chúng ta này!-Vi-ta đọc bản tin qua vai chồng, nói.-Anh xem đây!

Anh rời mắt khỏi bản tin của Bộ Tổng chỉ huy và nhìn vào phần đầu của bản tin. Trong đó nói:

“Trên tuyến Óc-lốp-Cuốc-xơ, suốt ngày quân ta đã kiên cường chiến đấu với đội quân tấn công. Trên điểm phòng ngự của đơn vị, những tốp xe tăng, mỗi tốp từ 80 đến 100 chiếc, không ngừng công kích vị trí của quân đội Liên Xô, âm mưu chọc thủng trận tuyến. Sau xe tăng là những đơn vị bộ binh cơ giới lớn của Đức. Quân ta đã đập tan các đợt tấn công của quân địch, bảo vệ vững chắc trận địa. Ở vài điểm, riêng lẻ, vài tốp xe tăng Đức, khoảng 15-30 chiếc, đã đột phá đội hình quân ta, thọc sâu vào tuyến phòng ngự. Đến cuối ngày, tất cả số xe tăng này đã bị tiêu diệt. Trong số xe tăng Đức bị diệt có

hơn 40 chiếc tăng “Cọp”.

-Sao em lại nghĩ là đây nói về chúng ta?

-Vô-lô-đi-a yêu quý, đây là lần đầu tiên mới nói đến tăng “Cọp” mà.

Phải, tăng “Cọp” được nhắc đến lần đầu tiên. Và điều đó gợi ta nhiều suy nghĩ. Chắc loại vũ khí mới chống lại những khối thép vận động gây kinh hoàng, bắn phá và nghiền nát mọi vật sống này đã tỏ rõ hiệu quả mãnh liệt đến nỗi có thể lớn tiếng tuyên bố về nó, tất nhiên còn chưa nêu tên. Nếu đúng như vậy thì mọi sự khoe khoang về các loại vũ khí “bí mật”, “dữ dội”, “khủng khiếp” của Đức sẽ chẳng còn làm ai lo sợ, và có thể thậm chí quân đồng minh sẽ hiểu rằng đã đến lúc họ tham chiến. Sau thất bại dường như cố tình để xảy ra ở De-pơ để báo cáo cho bọn Đức và cả thế giới biết về sự yếu kém của mình, họ đâu có hề động đây một ngón tay để giúp đỡ chúng ta.

-Dù sao chúng ta cũng khá đấy chứ!-Vi-ta đọc xong bản tin, kết luận.

-Không phải chúng ta, mà là Liên bang Xô Viết,-Người chồng chữa lại.

-Nhưng tất cả chúng ta nữa chứ!-Chị không chịu rút cái phần tham gia nhỏ bé của mình.

Và anh đồng tình với chị.

Tiếng gầm của các trận đánh dồn về phía Prô-khô-rốp-ka. Tuy nhiên trong các đơn vị dự bị của Bộ chỉ huy vẫn yên tĩnh, mặc dù vài nhóm lẻ xe tăng Đức đã đột nhập vào hậu tuyến Liên Xô. Nhưng ở khu vực này được trang bị đầy đủ các phương tiện chống tăng, đã nuốt sống những chiếc xe tăng luôn sâu và đám biệt kích đeo tiểu lên một cách ngon lành.

Ngày 8, 9, 10 tháng bảy, bản tin của Tổng cục thông tin Liên Xô hàng ngày nêu lên hàng trăm xe tăng và máy bay Đức bị tiêu diệt. Trong bản tin mật của Krit-xchi-an có kể tên những đơn vị xe tăng, bộ binh cơ giới mới và mới nữa, thậm chí cả những trung đoàn, sư đoàn xa thủ thường của quân địch, được đưa vào cuộc chiến. Đôi khi có cảm tưởng là Hit-le đã ném vào cái cối xay thịt này tất cả mọi dự trữ của mình. Tuy nhiên quân địch cũng đã lần át được quân ta. Từ Tô-ma-rốp-ka tới Prô-khô-rốp-ka, quân Đức chọc được một mũi vào trận địa quân ta từ phía Ben-gô-rôt; còn từ phía Óc-lốp, chúng đã đột phá Ma-la-ac-khan-gen-xơ tới sát Pô-nu-ri. Và mặc dù những “bàn đạp” mới này nằm trong chiều sâu-từ phía Nam lên 20 đến 40 kilômét, còn từ phía Bắc xuống-10 đến 20 kilômét, là điều vô cùng nhỏ bé so với những thắng lợi trước đây của chúng, chúng vẫn có thể làm âm lên về thành công của chúng, như trước đây chúng vẫn thường làm. Nhưng chúng lặng thinh. Cái sự yên lặng kéo dài này chứng tỏ rằng chính bản thân chúng cũng chẳng tin vào sự thành tựu của cuộc tấn công mùa hè mà chúng đã đặt vào bao hy vọng.

Theo sự phát triển của trận đánh, của những sấm sét do bàn tay con người tạo nên, mà sức mạnh còn lớn hơn cả những trận đông mùa hè ở vùng này,

theo mức độ tích tụ của những đám mây bụi trong khí quyển, khói các đám cháy, bản thân thiên nhiên dường như cũng thay hình đổi dạng.

Chiều tối trên bãi chiến trường xuất hiện những ánh chớp màu tím, còn ngay từ sáng sớm mây đen đã dày đặc che khuất cả mặt trời, chim muông ngừng hót, sương ngừng rơi, cỏ khô héo, lúa mì không được gặt rơi rụng, những quả táo vàng rơi xuống mặt cỏ khô bụi bặm, nát bét thảm hại dưới những gót ủng lính, nước trong các giếng cạn mau đến nỗi những gàu buộc xích không xuống tới và anh em chiến sĩ phải nổi thêm dây lưng, dây cương và các dây thừng vương vãi khắp được trong các căn nhà. Nhưng nước đục và đắng, dường như mặt đất rung chuyển thường xuyên đã làm xáo trộn cả thiên nhiên, khuấy đục lên tất cả lớp bùn đọng dưới giếng sâu. Những suối lạch ở nơi hai bên quân đội đánh nhau cạn khô, như là những con quái vật bằng sắt đã uống hết nước. Gió không mang lại sự tươi mát mà mùi lò lợ ngọt ngào của thuốc súng, mùi thây người, hơi xăng, muối và kim loại cháy, -và tất cả cái đó là mùi chiến tranh.

Đến ngày thứ bảy của sự căng thẳng không ngừng này, Vi-ta biến thành một cái bóng. Đôi mắt hờn sâu như chìm trong hai hõm hốc đen. Chị gần như không thể ăn được gì, và nếu như Tô-lu-be-ép không có ở bên thì chị không ăn, mà chỉ ừng ực uống cái thứ nước đục, đắng đắng đã bắt đầu trở nên mặn như thường xảy ra vào lúc hạn hán. Nhưng nếu có Tô-lu-be-ép ở bên cạnh, chị ngoan ngoãn nhai những thứ mà chẳng cảm thấy mùi vị ngon lành gì. Và Tô-lu-be-ép hiểu rằng: chị chỉ ăn vì sợ sẽ bị coi là ốm và gửi về Mat-xcơ-va. Ngày 11, tiếng gầm của chiến tranh dội đến gần tới mức tưởng như xe tăng Đức sắp lao tới từ sau những mỏm đồi bên cạnh. Nhưng Bộ chỉ huy vẫn im lặng. Đại tá Krit-xchi-an đến-Tô-lu-be-ép cho là ông đến để kiểm tra sự sẵn sàng hoặc có thể chỉ để làm anh yên tâm yên chí, mọi chuyện đều theo đúng kế hoạch... Nhưng có thể đặt kế hoạch cho mức độ thất bại được không? Vì lẽ nhiều khi cuộc tấn công được hoạch định có thể biến thành cuộc tháo chạy hỗn loạn.

Rõ là Krit-xchi-an hiểu được những ý nghĩ không nói ra của anh:

-Bọn Đức đang tăng thêm sức ép, nhưng ở bộ tham mưu của chúng đang hết sức rối ren. Liên lạc giữa các đội quân, các sư đoàn, trung đoàn bị gián đoạn. Những tay “bắt tin” của ta nhận được luôn những tín hiệu mở ngoặc cầu xin cứu viện. Ở Tổng hành dinh của Hit-le, tình hình cũng giống như vậy: tên thượng tướng Phôn Smit vừa bị cách chức chỉ huy quân đoàn xe tăng số 2. Giữa chừng cuộc chiến, Hit-le toan tính thay đổi các tướng lĩnh giống như hời ở Xta-lin-grat. Và đây là một tin vô tuyến bắt được nữa... Ông rút ra tờ giấy đánh máy và đưa cho Tô-lu-be-ép-Đây là sự đánh giá trận đánh đang diễn ra của chúng.

Tô-lu-be-ép đọc:

“Đất rung chuyển và ầm vang, không thể nghĩ đến giấc ngủ được. Những vòi nước bắn phụt lên trời, không nhìn được mặt nhau. Tai hoàn toàn điếc đặc, không thể nghe được tiếng đạn bắn lẻ tẻ hay tiếng nổ riêng biệt. Trong một ngày đã dùng mất số đạn được bằng số đã dùng cho cả chiến dịch đánh Ba Lan, ngày hôm sau đã bắn cả một số đạn pháo bằng cả chiến dịch chiếm nước Pháp”.

Krit-xchi-an cẩn thận gấp tờ giấy lại, cất đi, rồi hỏi:

-Thế còn tự đồng chí đánh giá cuộc tấn công của chúng như thế nào?

-Nhưng đằng nào chúng cũng vẫn tiếp tục tấn công!-Tô-lu-be-ép thốt lên.

-Đúng.-Krit-xchi-an thản nhiên nói:-Rất giống trò chơi cái nhạc cụ yêu thích của bọn chúng-cái đàn ác-coóc-đê-ông ấy mà; đầu tiên kéo đàn ra, sau ép lại. Nhưng thứ âm nhạc chúng chơi là do ta đặt!

-Thế còn những con người? Những con người!-Tô-lu-be-ép khô cả cổ.

-Làm sao được. Trong những trận chiến đấu như thế này, bên tấn công tổn thất nhiều hơn. Chiến sĩ ta được Đất Mẹ giữ gìn, còn bọn lính Đức cứ lộ ra. Nhưng nếu chúng ta không chặn lại và đập tan chúng ra vào lúc này, thì còn phải đánh nhau thêm hàng năm nữa.

Tô-lu-be-ép nín lặng. Anh đã nhận thấy từ trước đại tá dường như giáo dục anh, dạy anh suy nghĩ bằng những quy mô và khái niệm khác. Hầu như ông được cử làm chính ủy bên người chỉ huy trẻ tuổi này. Và anh nghĩ thầm:

“Mình đúng là một cán bộ chỉ huy trẻ. Tất cả kiến thức của mình chỉ đủ cho một đại đội, và cái tầm nhìn của mình cũng ở mức ấy thôi”. Và anh quyết định luôn: “Nếu thắng trận này, anh sẽ xin một tiểu đoàn, còn lũ đoàn nên để cho một cán bộ nhiều kinh nghiệm, khỏe khoắn và ý chí mạnh hơn chỉ huy”.

Tô-lu-be-ép bao giờ cũng nghĩ đến mỗi chiến sĩ riêng biệt như từng con người. Còn người chỉ huy một đơn vị lớn bao giờ cũng phải nghĩ bằng những số lượng.

Nhưng Krit-xchi-an cũng nín lặng. Có thể ông đang hình dung ra số mệnh riêng biệt của những con người đang lao vào trận đánh. Và bao nhiêu người đã kết thúc cuộc đời trong cái khoảnh khắc đó, quần quai trong đau đớn hay ngã ngay xuống mặt đất đầy bụi, chuyển tiếp trong nháy mắt từ cuộc sống sang cõi chết. Đã thế thì cứ để nó diễn ra bất thần và không có cảm giác gì là hơn.

Sự yên lặng của họ bị cắt ngang bởi người điện mật mã: đêm đến, lũ đoàn phải chiếm lĩnh trận địa.

Bản tin đột xuất:

“Ngày 12-7, quân ta tiếp tục chiến đấu với quân địch trên các hướng Óc-lốp-Cuốc-xơ-Ben-gô-rốt. Cuộc chiến đấu đặc biệt gay gắt ở hướng Ben-gô-rốt.”

Trên các hướng Óc-lốp-Cuốc-xơ-Ben-gô-rốt, trong một ngày chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt 122 xe tăng, không quân và bộ đội cao xạ đã bắn rơi 18 máy bay Đức.

Theo các tài liệu chính xác ngày 11-7, trên các hướng Óc-lốp-Cuốc-xơ-Ben-gô-rốt, không quân và pháo cao xạ đã bắn rơi không phải 31 máy bay Đức, mà là 71 chiếc”.

Tổng cục thông tin Liên Xô

12-7-1943

Tô-lu-be-ép đón buổi sáng ngày 12 tháng bảy tại đài chỉ huy sư đoàn xạ thủ bảo vệ Prô-khô-rốp-ka từ phía Nam.

Chiếc xe tăng hạng nặng của lữ đoàn trưởng và chiếc tăng liên lạc “T34” được ngụy trang dưới ngọn đồi trong một rừng sồi nhỏ. Cùng với Tô-lu-be-ép, bước lên đài chỉ huy có hiệu trưởng viên của anh, Krit-xchi-an và Vi-ta. Vi-ta hy vọng là sẽ phải hỏi cung tù binh, và mặc dù cái cơ đồ không vững chắc lắm, Krit-xchi-an đã tán thành chị. Tô-lu-be-ép hiểu rằng ông ngại đề chị ở lại một mình không có người chăm lo, và ở đây chắc Krit-xchi-an hy vọng rằng bên cạnh những người khác, chị sẽ vững lòng hơn.

Ngày 11 tháng bảy quân Đức từ hai phía tiến về Prô-khô-rốp-ka. Chúng tìm đủ cách để lấn sang phía tây, tiến gần đến Tô-ma-rốp-ka nhưng không làm được, và bây giờ chúng đổi hướng đánh, cố vượt ra “khoảng không chiến đấu” ở phía đông Prô-khô-rốp-ka để giáng đòn tiếp theo vào thành phố Ô-bôi-a-dơ. Chỉ huy sư đoàn cho xem bản đồ với những thay đổi mới nhất trong khu vực chiến đấu và Tô-lu-be-ép hiệu đính lại bản đồ của mình.

Cả chiến trường mênh mông bao phủ bởi sương mù thì ít mà vì khói cháy và bụi nhiều hơn. Tạm thời tất cả còn lặng lẽ, chỉ thỉnh thoảng ùng oàng tiếng lựu pháo, mà nhiệm vụ duy nhất của nó là không để cho kẻ địch được yên. Không hiểu vì sao Tô-lu-be-ép bỗng nhớ tới “Chuyện kể về trung đoàn I-gô-rep”. Khi các chiến sĩ bị bóng tối nhạt thực che lấp, các chim chóc, muông thú huyền bí đã xôn xao trên các ngọn cây để báo cho Vôn-ga, Duyên hải, Cooc-xun và Tu-ta-ra-kan biết về sự tiến quân của quân Nga.

Chỉ huy trung đoàn mệt nhọc và vất vả đón nhận đài quan sát sư đoàn trong vị trí của mình, dù sao vẫn nhận ra Vi-ta và nhã nhặn nhường chỗ cho của mình bên kính lập thể cho chị. Và lần đầu tiên chị trông thấy cảnh chiến trường.

Không một phía nào dám liều thu hồi những chiếc xe tăng đã bốc cháy trong mấy ngày hôm ấy. Chúng vẫn trơ ra đấy như những tượng đài màu xám bằng sắt. Nói chung, giờ này chúng là một chướng ngại vật tuyệt vời cho bộ binh. Sau chiếc xe này, có thể đang ẩn nấp những tên Đức mới tiến lên lúc ban đêm, sau xe khác đang phục sẵn những anh chiến sĩ Nga đang sẵn sàng đẩy lùi những đợt công kích mới. Trung đoàn trưởng giải thích tất cả những

cái đó cho Vi-ta, rồi anh ngồi lên một vỏ hộp đạn rỗng không, tựa vào tường, và ngủ thiếp đi ngay.

Nhưng Vi-ta đã không nhìn thấy gì nữa ngoài cái gọi là “chiến trường”.

Trong lúc ấy, trên chiến trường bắt đầu một sự chuyển động nào đó không rõ ràng. Chỉ huy sư đoàn bỗng tiến đến máy điện thoại và ra lệnh cho ai đó:

“Bắn”.

Vi-ta hiểu ra rằng bọn bộ binh Đức đang tụ lại trong một miệng phễu thoải thoải để xung phong và những quả mìn loạc choạc ùng oàng phóng về phía lòng phễu đó không rơi tới chúng.

Sư trưởng quay về ống kính lập thể, kêu lên mấy tiếng, và chỉ huy trung đoàn lập tức thúc dậy sau tiếng mìn nổ, nắm lấy ống nghe và nói vào đó một câu “Khá lắm” hay “ác quá”-lập tức từ sau rừng sồi thưa, vụt lên sát trên bề mặt chiến trường những tia chớp đuôi dài, kéo theo luồng lửa xanh và khói đen, rồi trên lòng phễu lập tức bùng lên một đám cháy nổ ran, trùm lên tất cả không gian đằng trước một biển lửa. Và Vi-ta hiểu rằng đó là “Ka-chiu-sa” Xô Viết.

Pháo Đức bắn điên cuồng về phía rừng sồi, và Vi-ta đã nghĩ thầm: ở đó không còn ai sống nữa. Nhưng trong lòng phễu không còn ai cả. Ở đó khói còn mù mịt mặt đất, nhưng không có ai bỏ chạy, không ai nhảy ra khỏi đám lửa khói này. Anh hiệu thính viên ngồi với đài thu phát của mình trong góc hầm nghe thấy câu gì đó trong làn sóng điện, báo cáo với sư đoàn trưởng:

“Tiểu đoàn lựu pháo đã chiếm trận địa số hai”, trong giọng anh có một vẻ gì thật long trọng, và Vi-ta hiểu rằng: các chiến sĩ phóng mìn cận vệ sau khi nã pháo đã đổi trận địa ngay, và bây giờ cay cú về loại Ka-chiu-sa, bọn Đức đang đánh vào chỗ trống.

Đúng lúc đó xe tăng nặng của địch xuất hiện.

Những xe tăng vượt đường xa, những trái núi phát ra sấm sét”-Vi-ta nhớ đến một câu thơ Nga nào đó.

Thậm chí ở trong công sự an toàn cũng phải thấy lạ lùng và khiếp sợ khi quan sát sự chuyển động long trời lở đất này của hàng trăm, có thể hàng hai trăm chiếc xe tăng chạy thành một mũi dài, càng ngày càng phình rộng theo mức độ chúng lao ra khỏi những hố sâu và từ giữa các mồm đồi, nơi chúng ẩn núp trước giờ tấn công.

Chúng tiến, không bắn phá, dường như những tên ngồi trong đó coi mình là bất khả xâm phạm và coi khinh những rãnh hào thảm hại của quân Nga cùng hầm hố và súng ống của họ. Chúng đi như một mũi tên sắt, giống như các hiệp sỹ cưỡi ngựa Đức ngày xưa mặc áo giáp nặng bằng sắt tấn công quân Nga. Nhưng người Nga khi đó, vẫn chặn những bày thú mặc áo sắt ở lại hồ Chut-xki cơ mà. Vậy chẳng lẽ “con lợn” hình mũi tên, như chính bọn Đức đặt cho đội hình này của chúng, sẽ vượt qua những công sự, hầm hào, những

khẩu đội này, và đè bẹp mọi người và tất cả?

Chị quay lại nhìn chồng, nhưng anh đã rời khỏi lỗ châu mai, nhìn Krit-xchi-an, nhìn sư đoàn trưởng, tiến đến gần Vi-ta, ôm chặt chị và hôn. Mặt tái đi một cách kỳ lạ, nhưng điềm tĩnh, ánh mắt vui vẻ, anh nhảy xuống đường hầm, người điện báo viên nhảy xuống theo và họ biến mất.

Những chiếc xe tăng Đức chạy tốc độ chậm, chúng diễn trò “chiến tranh tâm lý”, chúng định đè bẹp ý chí của những người lính Nga bằng sự hùng hậu, sức nặng và sự bất khả xâm phạm của mình. Nhưng những hàng sau bắt đầu đổ tới nhanh và bây giờ đã hình thành hai, ba mũi, còn cái đầu nhọn của đội hình đầu tiên tưởng chừng như đã treo trên nắp những đường hầm tiền tiêu, trên những công sự, hầm hố nhỏ đào xới vội vã để tự vệ: và lúc đó bọn xe tăng mở hỏa lực trút lên trận địa Nga những sấm sét của đạn đại bác, những lưỡi lửa lem lem hùng hục và những tiếng nổ long trời.

Và đúng lúc ấy, pháo binh Nga lên tiếng. Những pháo thủ quả cảm này tay cầm những súng chống tăng bắn thẳng, biết rất rõ công việc của mình. Ngay trước mặt, dưới chân đồi, Vi-ta nhìn thấy một khẩu súng nhỏ luôn chồm lên, ba hay bốn chiến sĩ chuyển động chung quanh nó, và chiếc xe tăng Đức đi đầu bốc cháy, tiếp tục chạy được vài mét nữa thì dừng lại, ngọn lửa tím đen mỗi lúc một to. Vào ngay giây đó, chiếc xe tăng khác lao vào khẩu súng và những con người. Khi nó quay ngang theo đường hầm thì ở chỗ đó không còn gì nữa, khẩu súng đã bị bẹp dúm, một vài mảnh ướat át đen thẫm trên mặt đất.

Nhưng chiếc xe tăng này cũng không đắc chí với thắng lợi này được lâu: từ dưới lòng đất, một người nhảy vọt lên, quăng vào nó một vật gì sáng lóe dưới ánh mặt trời, chiếc xe bánh quay tít, như một con chó bị đập dây dựa tại chỗ. Nhưng cả con người kia cũng ngã xuống và không đứng dậy nữa.

Bọn Đức hình như xác định được trên đồi là đài quan sát hay sở chỉ huy, nên đạn pháo nã xuống quanh chân đồi như mưa, tầm bắn của chúng mỗi lúc một nâng cao lên, và từ trên trần đã thấy đất rơi xuống, những mảnh đạn văng vào các phiến bê tông. Krit-xchi-an cầm tay Vi-ta kéo sang chiếc hầm dự bị, còn các sỹ quan chỉ huy ở lại trong chiếc hầm gần như bị phá hủy. Chung quanh, con bão lửa đang gầm thét.

Họ chạy theo đường hào sâu chừng năm mươi mét và Krit-xchi-an đưa Vi-ta vào một căn hầm khác. Ở đây đơn giản hơn, chật chội hơn, không có kính ngắm lập thể, nhưng lỗ châu mai cho phép nhìn thấy cảnh chiến trường. Bên lỗ châu mai, một thiếu tá đang đứng, anh là chỉ huy một trung đoàn xạ thủ khác. Ở đây cũng có điện thoại viên và hiệu thính viên. Ai đó đưa cho Vi-ta chiếc ống nhòm và chị lại dán mình vào lỗ châu mai. Sau lưng, Krit-xchi-an nói khẽ với thiếu tá, và Vi-ta lạnh toát đi vì sợ hãi khi nghe nói:

-Đúng, lũ xe tăng đã chọc thủng, mười lăm hay hai mươi chiếc. Nhưng họ nói chuyện bình thản, tự nhiên, dường như nói về một vị khách tới bất ngờ, nhưng cũng phải đón tiếp cho xứng đáng; và bất giác chị lại thấy bình tĩnh ngay: đại tá Krit-xchi-an là người có kinh nghiệm, ông sẽ làm tất cả những gì cần thiết. Lòng chị ở ngoài chiến trường, bên chồng, và lúc này chị nhìn thấy anh.

Tất nhiên, không phải chị nhìn thấy anh, mà là thấy những chiếc tăng nặng. Chúng lao ra từ phía mặt trời còn chưa lên cao, từ phía đông, và không chạy thành mũi dài, mà dàn hàng ngang như những lớp sóng, để, như Vi-ta hiểu, bắn thuận lợi hơn vào các xe tăng địch. Các xe tăng của Tô-lu-be-ép chạy ở cánh phải mũi xe tăng Đức và bọn Đức còn chưa nhìn thấy chúng.

Những chiếc tăng nặng của Tô-lu-be-ép xông nhanh đến gần những “Con Cọp” Đức, và Vi-ta tưởng rằng hai bên đã đâm vào nhau. Nhưng lúc đó xe tăng Đức đã dẫn ra theo lệnh của ai đó để chống lại kẻ thù mới phát hiện và hóa ra chúng còn cách xe tăng Nga chừng ba hay năm trăm mét. Nhưng các xe tăng Liên Xô được trang bị pháo nặng vẫn lao vào tiếp cận, bắn ra không ngớt. Một, hai, ba chiếc xe tăng Đức đã bốc cháy... Chúng cháy như những ngọn đuốc xám dưới ánh mặt trời buổi sớm còn nhợt nhạt và không có tên nào nhảy ra, chạy trên ruộng trống. Nhưng cả bên trung đoàn Tô-lu-be-ép cũng có mấy chiếc tăng bốc cháy, dừng lại, chết đứng như những khối đá nặng nề.

Nhưng những chiếc tăng khác tiếp tục lao lên, cắt xé đội hình quân Đức, phía rừng sỏi vang lên tiếng pháo tự hành và pháo chống tăng. Từ bên trái vọt ra những chiếc T.34 hàng ngũ không đều, nhanh vun vút, từ đâu đó sau những ngọn đồi xuất hiện hai thiết đội xe tăng nặng “IX” nữa, và Vi-ta kinh hoàng nhìn thấy lúc này đã có hai hay ba trăm chiếc tăng cùng bắn một lúc, lao vào nhau, rồi lại tản ra trên khoảng không mắt nhìn thấy rõ, và chị tưởng chừng như đất dưới chân đang đung đưa, tiếng pháo nổ, tiếng xe máy gầm vang lên đến tận trời cao.

Chị cố tìm, nhưng không sao tìm ra được chiếc xe tăng chỉ huy của chồng với con số “10” to đậm sơn trắng trên sườn, bởi vì những chiếc “IX” tiếp tục lao vào trận đấu tăng đông đặc cắt ngang đội hình “Cọp” đang bị các xe khác của địch và màn khói mù của cuộc chiến đấu che khuất mắt Vi-ta.

Nhưng đây, các xe tăng IX đã chặt “Con lợn” thành từng khúc rồi lập tức rẽ làm hai cánh, và Vi-ta nhận ra xe của chồng. Tô-lu-be-ép lúc này ở ngay cánh trái của đội tăng nặng đang từ hậu tuyến lao về phía những chiếc xe tăng Đức tấn công, ép chúng tới gần trận địa pháo của quân Nga, còn đội kia truy kích những chiếc tăng “Cọp” tháo chạy, đây đó luôn luôn lại phụt lên một vòi lửa và đất, đây đó những chiếc xe tăng của Nga hay của Đức lại dừng lại bốc cháy. Những con quái vật sắt của Đức bị chặt rời không còn nổi

liền lại với nhau được nữa, và khoảng cách của những chiếc tăng tháo lui với những chiếc bị ép vào trận địa pháo vững chắc của quân Nga ngày càng xa. Một tên lái tăng Đức nào đó hiểu rõ nguy cơ của cái chết mau chóng, bỗng quật ngang, chạy lui trở lại; nhưng khi đó một, hai, thậm chí ba xe tăng của ta xông đến phía nó, và nó hoặc lại quật ngang tiến sát đến trận địa Nga hơn nữa, hay tiếp tục cắm cổ chạy lùi nhưng nó chững lại ngay rồi bốc cháy, lửa vọt lên như một loạt pháo thăng thiên.

Chị mất hút dấu vết chiếc tăng của chồng, và khi lại tìm ra nó trên vạch chéo của ống nhòm, toàn thân Vi-ta run bắn lên, co rúm lại. Nòng pháo trên xe tăng gãy gục sang một bên, có lẽ bị trúng đạn trái phá, và một chiếc tăng “Cọc” đang lao lại gần. Chiếc “Cọc” bắn liên tục, xe tăng của Tô-lu-be-ép với nòng pháo gãy gục không bắn được, xông thẳng vào chiếc “Cọc”. Vi-ta không thể hiểu được gì, môi chị thắm kêu lên: “Chạy đi, chạy đi!-nhưng chiếc tăng của anh vẫn lao vào chiếc “Cọc”, rồi bất thần dướn lên phía trước, đâm vào sườn bên phải chiếc xe tăng Đức với tất cả sức mạnh của mình.

Vi-ta kêu lên, dường như sức mạnh của cú đòn hàng mấy tấn này giáng vào trái tim lo lắng, mệt mỏi của chị, hoặc chính chị đã giáng đòn ấy và giờ đây đang hấp hối vì đã dốc cạn hết mọi sức lực. Đại tá Krit-xchi-an nhảy lại phía Vi-ta, giật ống nhòm ra khỏi tay chị, nhìn vào lỗ châu mai. Khi tỉnh lại và đứng dậy được bên cạnh đại tá, thì không cần ống nhòm, chị cũng thấy chiếc “Cọc” bị đứt xích, nhưng cả chiếc tăng của ta cũng đứng chết dí. Và không có ai chui ra khỏi xe tăng “Cọc” cũng như của ta, dường như họ đã cùng chết cả một lúc.

Chung quanh hai chiếc xe đụng đầu vào nhau hình thành một khoảng trống giống như bên quan tài đựng người chết. Những chiếc còn sống tiếp tục chiến đấu, thay đổi vị trí, còn những chiếc đã chết rồi-rải rác đây đó cả của Nga, cả của Đức-đứng sừng sững trên đồng cỏ như những khối sắt chết, nhưng từ chiếc này hay chiếc kia bỗng nhiên có người nhảy ra, người thì quần áo bốc cháy, kẻ thì cử động cứng nhắc đần đờ, nhưng họ vẫn sống, lăn lộn trên mặt đất để dập tắt lửa hay đi về phía chiến hào ngang, hai tay dơ cao hay chạy. Còn hai chiếc xe tăng húc vào nhau trong cuộc đụng độ chí mạng vẫn đứng lạng. Lúc đó Vi-ta giận dữ kêu lên với đại tá Krit-xchi-an:

-Sao chúng ta cứ đứng mãi thế? Ngay đây có xe tăng liên lạc mà!

Ông định túm lấy tay chị, nhưng chị đã ngoắt đi, biến vào đường hào quen thuộc, vừa chạy vừa nghe tiếng đế giày sắt đuổi theo nhưng không quay lại, sợ đại tá túm được, giữ lại, không cho chị thực hiện cái sự nghiệp chính yếu của đời mình.

Chị vẫn chạy trước đại tá. Chị khá khỏe, được luyện tập, còn ông đã cao

tuổi,-có lẽ đã ngoài bốn mươi-và chị biết rằng không thể để ông giữ lại được. Và đây, trước mặt chị là khu rừng non, lúc này lá đã xác xơ, cây đổ, cành gãy. Và ngay đó Vi-ta nhìn thấy chiếc T.34 mà chị đã đi cùng nó tới đài quan sát, theo sau xe của chồng, chị đập mạnh vào nắp xe bằng một hòn đá nhặt được. Người lái mở nắp xe và chị nghe thấy tiếng gọi tuyệt vọng của Krit-xchi-an:

-Vi-ta, tôi đi với chị! Mình chị không làm gì được đâu!

Thoáng ngoái lại và đang tụt vào trong xe, chị thấy Krit-xchi-an vẫy chị bằng khẩu tiêu liên.

-Đồng chí ấy sẽ không bán mình đâu. Hoặc là ông sẽ đi với mình, hoặc mình sẽ đi không có ông ấy.

Chị đập vào vai người lái, ra lệnh cho xe đi, nhưng Krit-xchi-an, bằng một bước nhảy lạ lùng nào đó, đã ở ngay bên chị. Máy nổ gầm rú và chị không nghe thấy gì, không muốn nghe thấy gì nữa. Lúc này Krit-xchi-an đặt trước mặt người lái tấm bản đồ địa hình mở rộng, và Vi-ta nhìn thấy những ghi chú: “Cây riêng biệt”, “Cối xay gió”, “Đồi”. Đỉnh đồi có đánh dấu chữ thập, sau đó là một đường gãy khúc vạch bằng bút chì đậm. Lúc đó chị mới biết là đại tá chỉ cho người lái xe lối đi trên bãi mìn. Chị đã không nghĩ ra vì sốt ruột, suýt nữa bắt người lái xe phóng hết tốc độ qua bãi mìn, và bây giờ thì gật đầu cảm ơn đại tá. Còn người lái xe lúc này đã nắm vững địa hình, tìm ra cái cây đứng riêng một mình, chiếc cối xay gió mà đến nay chỉ còn nền và vài tấm gỗ lát.

Nhưng sự sốt ruột của chị, lời cầu khẩn thiết tha của chị đã giúp chị nhận ra những dấu hiệu không rõ này, mà chỉ ở dưới đất và phải là linh bộ binh hay những người công binh đã đặt mìn và bây giờ dẫn những người khác đi lần từng bước theo dấu chân quan những chỗ trống này mới nhận ra. Và người lái xe tuân theo chỉ dẫn của chị, ngoặt mạnh cổ xe vào phía chân đồi. Ngay lúc đó Vi-ta đã lại nhìn thấy chiến trường, nhưng giờ đây còn chiến trường của chính chị nữa, vì đại tá Krit-xchi-an bỗng từ người vào súng máy và chị nhìn thấy trước mặt một luồng khói đạn, sau luồng khói đó một nhóm bộ binh Đức nhảy xuống từ chiếc xe thiết giáp bị phá hỏng đang đổ về phía họ xung phong, vì chúng đã bị cắt rời với xe tăng và chẳng còn biết chạy đâu ngoài việc xông lên phía trước. Biết đâu chúng sẽ thắng? Và chiếc T.34, chúng thấy không đáng sợ vì chúng vừa mới nhìn thấy cuộc giao tranh của xe tăng nặng và pháo tự hành, và chúng cứ lao về phía chiếc xe tăng. Chỉ có làn bụi do đạn tỏa ra không phải trước mặt mà ngay giữa đám chúng, bắt chúng phải chạy dạt sang bên phải, để năm, sáu tên mặc quân phục xám xanh nắm xoắn tay trên đường đi của chiếc T.34.

Và lúc đó, Vi-ta nhìn thấy chiếc tăng ấy và chiếc tăng của chồng. Chị nhìn

thấy chúng từ phía trên, trên mặt ruộng, và cảm thấy chiếc “Cọp” nom đồ sộ đến quái gở, còn chiếc xe bất động, chết lặng, thâm thấp của chồng lại nhỏ bé. Nhưng cái làm chị kinh hãi hơn cả là con “Cọp” bắt đầu sống lại: ngay trước mắt chị, tháp xe được mở ra và trên miệng cửa xe nhô lên một tên mặc quân phục sỹ quan. Nó nhìn cánh đồng, nhìn thấy chiếc T.34 lao về phía mình, lại tụt xuống. Và lúc đó chung quanh chiếc T.34 đất và thép rơi rào rào-bọn Đức định bắn nó.

-Sang phải! Sang phải!-Krit-xchi-an gay gắt và giận dữ ra lệnh, người lái xe tuân lệnh, và Vi-ta hiểu rằng họ đã ra ngoài tầm bắn của bọn lính xe tăng, còn Krit-xchi-an lại tì vai vào khẩu liên thanh và lần này, nhưng viên đạn của nó lia vào thành xe, nơi nắp xe vừa bật ra.

Người lái xe dừng phắt xe bên cạnh chiếc “IX” nhưng Krit-xchi-an ra lệnh cho anh lùi lại: ông phải nhìn thấy miệng cửa trên tháp xe và cửa dưới đề phòng bất trắc, và người lái xe cho xe chạy ngược trở lại, còn Vi-ta nhảy ra, lao tới chiếc tăng của chồng. Chị chẳng có gì trong tay và dùng nắm tay đập vào thành xe, cho tới khi Krit-xchi-an ném cho chị chiếc túi đựng những dụng cụ gì đó. Vi-ta lấy ra một chiếc clê nặng chịch và cố gõ thành tiếng các tín hiệu vô tuyến “Vi-ta!”, “Vi-ta!”, “Vi-ta!” vào thành xe. Ngoài ra, chị không biết một tín hiệu vô tuyến nào khác, nhưng chính anh, chính Vô-lô-đi-a đã bày cho chị cách đánh tín hiệu này, và anh phải hiểu rằng bên cạnh anh không phải là kẻ thù, mà là chị, Vi-ta.

Một loạt súng máy của Krit-xchi-an lại nổ ròn-đó là chiếc tăng địch lại bắt đầu sống lại, và Vi-ta lại đập mạnh hơn nữa lên thành kim loại cứng trơn trượt: “Vi-ta!”, “Vi-ta!”, “Vi-ta!”. Vừa lúc đó, cánh cửa nắp xe bật mở, và từ trong đó nhìn ra đôi mắt đầy đau đớn của Vô-lô-đi-a dưới mớ tóc bê bết máu. Anh nhìn bằng đôi mắt ngơ ngác. Người lái chiếc xe tăng bị thương nặng cố hạ anh xuống đất.

Krit-xchi-an nhảy xuống khỏi chiếc T.34 giúp Vi-ta kéo Tô-lu-be-ép và anh lập tức ngã vật ngay xuống đất. Krit-xchi-an chìa hai tay đỡ Tô-lu-be-ép lên. Tô-lu-be-ép đã bất tỉnh.

Anh nhẹ và gầy như cái ngày kỳ lạ họ gặp nhau ở biệt thự của nàng bên hồ Tre-u-gen, và Vi-ta tưởng chừng mình chị cũng đủ sức đưa anh lên xe tăng. Nhưng Krit-xchi-an không tin ở sức chị, ông đặt anh lên ghế ngồi. Sau đó, họ kéo người lái xe ra. Anh này tuy không cao, nhưng người mập và nặng. Vi-ta tưởng rằng họ không bao giờ xoay sở nổi với anh ta, nhưng rồi cũng đã đặt được anh vào xe. Sau đó, Krit-xchi-an lại gần chiếc xe tăng Đức, gõ vào nó.

Ông gõ lâu, và Vi-ta hiểu rằng đó cũng là hiệu lệnh vô tuyến. Chị ngồi vào khẩu súng máy, sợ cửa xe phía dưới bất ngờ mở ra và chị không bắn trúng được kẻ thù. Nhưng cửa miệng nắp xe mở ra, và thoát đầu từ trên xe ném

xuống ba khẩu tiểu liên, hai khẩu súng ngắn rồi một túi tài liệu, và lúc đó mới thấy hai bàn tay dơ lên. Những tên Đức khó nhọc chui ra với hai bàn tay dơ lên cao và nó kêu lên van vơ.

-Chúng tôi xin hàng! Chúng tôi xin hàng!

Krit-xchi-an gạt đầu và chúng leo ra, đưa nọ sau đưa kia. Chúng còn ba tên sống sót trong cái hộp sắt đó và giờ đứng cạnh nhau. Krit-xchi-an gạt mấy khẩu tiểu liên, súng ngắn sang một bên, sờ nắn người chúng xem có còn giữ vũ khí gì không. Sau đó ông ra lệnh cho chúng đứng ghé vào mép xe, quăng vũ khí xuống chân Vi-ta và chiếc T.34 đi ngoằn ngoèo giữa các xác xe tăng và pháo tự hành. Krit-xchi-an lại gạt đầu ra hiệu chỉ vào bản đồ những chỗ an toàn trên bãi mìn, và nóng nảy nói:

-Cẩn thận! Mìn nó giết cả người lạ lẫn người mình đây!

Chính ông đứng ở nắp xe mở, theo dõi những tên Đức lác lư bên thành xe. Nhưng chúng đã tỏ ra cam chịu với số phận của mình và hoàn toàn không muốn đánh nhau nữa.

Chiếc xe dừng lại ngay trước chiến hào đầu tiên. Thiếu tá chỉ huy trung đoàn chạy lại với họ. Theo đường hầm từ đài chỉ huy bị phá hủy gần hết, sư đoàn trưởng chạy tới cùng với mấy người nữa đeo túi trên vai, và Vi-ta hiểu rằng đó là những nhân viên y tế.

Còn ở ngay bên cạnh, cuộc đánh tăng vẫn tiếp diễn. Ở phía sâu trong phòng tuyến Liên Xô vẫn dội lên những tiếng nổ: ở đó đang diệt nốt những xe tăng Đức lọt vào. Những cột bụi dựng lên ngút trời, khắp nơi khói lửa mù mịt. Và cũng trong lúc đó, khắp chung quanh là cuộc sống, tuy nhiên thống khổ, nhọc nhằn, đầy cái chết rình mò. Nhưng không phải ai cũng chết, thậm chí cả trong cuộc chiến đấu khủng khiếp này.

“Ngày 12-7, quân ta mở cuộc phản công mạnh mẽ vào tập đoàn quân địch ở khu vực Prô-khô-rốp-ka. Ở đây đã xảy ra cuộc đấu tăng chưa từng thấy về quy mô và mức độ. Cả hai bên tham chiến cùng một lúc 1.500 xe tăng, hàng trăm pháo tự hành và một lực lượng không quân đáng kể. Sau cuộc chiến đấu, chiến trường rải rác đầy sắt thép. Chỉ trong một ngày địch đã bị diệt 400 xe tăng. Trong cuộc chiến đấu này, binh đoàn cơ giới và chiến xa do tướng P.A.Rốt-mi-xơ-rốp chỉ huy đã nổi lên đặc biệt”.

“Lịch sử chiến tranh vệ quốc vĩ đại”

1941-1945

Điều này, mãi nhiều năm sau đó, họ mới đọc tới.

Nhưng khi Tô-lu-be-ép tỉnh lại hẳn, vừa mới tám giờ sáng, cuộc chiến đấu đang tiếp tục và chính tướng Rốt-mi-xơ-rốp đã đi tìm anh, viên tướng mà người ta sẽ đọc tên trong lịch sử cuộc chiến đấu này. Hai lữ đoàn tăng nặng “IX” trang bị bằng đại bác 122mm đã chọc thủng trận địa địch, và vị tướng muốn Tô-lu-be-ép bảo đảm cho cuộc đột phá mới bắt đầu. Và Tô-lu-be-ép

đã tỉnh hẳn, gọi người hiệu thính viên, ngồi xuống bên cạnh sỹ quan quân y, bắt đầu chỉ huy cuộc chiến đấu của lữ đoàn anh. Vi-ta ngồi ghé lên một khúc gỗ, bắt đầu hỏi cung tên chỉ huy trung đoàn xe tăng thuộc sư đoàn “A-đôn Hit-le” mà chị cùng Krit-xchi-an đã bắt được. Tất nhiên, Krit-xchi-an đã bắt được hắn nhưng trong báo cáo lại nêu cả tên chị.

Bắt đầu bước ngoặt của một trong những cuộc giao tranh bằng xe tăng vĩ đại nhất của thế kỷ...

-----HẾT-----